

LUẬN NGŨ

(Nguyễn Hiến Lê chú dịch và giới thiệu)

Ebook miễn phí tại: Webtietkiem.com

Vài lời thưa trước (của người đăng)

Trong bài Lời nói đầu cuốn Không tử, cụ Nguyễn Hiến Lê cho đôi điều về việc dịch lại cuốn Luận ngữ như sau:

“Tôi đã bỏ ra hơn hai tháng đọc lại những sách về Không tử mà tôi có hoặc mượn được (như của Lữ Chấn Vũ: Lịch sử tư tưởng chính trị Trung Quốc; Hầu ngoại Lư: Tư tưởng cổ đại Trung Quốc; Quan Phong và Lâm Duật Thời: Bàn về Không Tử - đều do ngoài Bắc dịch); đọc lại các bản dịch và chú giải Luận ngữ của mình, và của Trung Hoa (như Luận ngữ độc bản của Thẩm Tri Phương và Tưởng Bá Tiềm, Luận ngữ dịch chú của Triệu Thông; lại bỏ ra hơn hai tháng nữa để dịch lại bộ Luận ngữ, vừa dịch vừa phân loại theo đề tài lập bảng tra tên người, tên đất”.

Về việc “dịch lại”, trong chú thích bài XVI.1, cụ Nguyễn Hiến Lê bảo: “Bài này chúng tôi dịch trong cuốn Nhà giáo họ Không (Cảo Thơm, 1972), nay dịch lại”. Dưới đây tôi xin nêu thêm vài ví dụ nữa:

- Bài II.2: Trong bộ Đại cương văn học sử Trung Quốc, câu “Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tể chi, viết: Tư vô tà”, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch là: “Cả 300 thiên trong Kinh Thi, chỉ một câu có thể trùm được, là: không nghĩ bậy”. Trong cuốn Luận ngữ, cụ dịch lại, đặc biệt là ba chữ “tư vô tà”, như sau: “Kinh Thi có ba trăm thiên, một lời đủ bao quát tất cả, là tư tưởng thuần chính”.

- Bài VI.8: Trong bộ Mặc học, câu “Vô chi, mệnh hĩ phù? Tư nhân dã nhi hữu tư tật dã!”, cụ dịch là: “Con [tức Bá Ngưu] sắp mất. Số mệnh đó thôi. Người như vậy mà bệnh như vậy!”; Trong cuốn Luận ngữ, cụ hiểu chữ “vô” theo một nghĩa khác, và cả câu đó được lại thành: “Vô lí! Do mệnh trời chăng? Con người như vậy mà bị bệnh đó!”.

- Bài VIII.3: Trong bộ Trang tử – Nam hoa kinh, câu “Nhi kim nhi hậu, ngô tri miễn phù, tiểu tử” (lời của Tăng tử), cụ dịch là: “Từ đây về sau ta mới biết chắc rằng ta giữ được (thân ta) khỏi các điều hư hỏng, tàn tật đó các trò”. Trong cuốn Luận ngữ, cụ dịch lại là: “Từ nay về sau, ta mới biết thoát khỏi hình lục, đó các trò” (cụ đã hiểu hai chữ “miễn phù” theo một nghĩa khác).

- Bài XVIII.6: Trong bộ Đại cương triết học Trung Quốc, câu “Thao thao giả thiên hạ giai thị dã, nhi thủy dĩ dịch chi”, hai cụ Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê dịch là: “Ừ ừ như nước chảy một chiều, thiên hạ đều thế cả, ai mà theo mình để sửa đổi việc loạn ra trị”. Trong cuốn Luận ngữ, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch lại (đặc biệt là hai chữ “thao thao”): “Khắp thiên hạ đâu đâu cũng là dòng nước (đục) cuồn cuộn, ông Không Khâu sẽ cùng với ai mà sửa thiên hạ?”.

Lý do khác biệt trong hai lần dịch bài VI.8 là do chữ 亡 trong nguyên văn. Trong bộ Mặc học, cụ Nguyễn Hiến Lê đọc chữ đó là “vong” và dịch theo nghĩa của chữ 亡 là “chết mất”; còn trong cuốn Luận ngữ cụ đọc là “vô” và dịch theo nghĩa của chữ “vô” 無 là “không”. Cũng có trường hợp đọc khác nhưng ý nghĩa cũng vậy như chữ 晒 trong bài XI.25, trong cuốn Cổ văn Trung

Quốc, cụ đọc là “sản” (Thiền Chử cũng đọc là “sản”); còn trong cuốn Luận ngữ, cụ đọc là “thần”, nhưng nghĩa cũng vẫn là “mim cười”. Nhân vật Nhụ Bi trong bài XVII.20 cuốn Luận ngữ, chữ Hán là 孺悲, trong cuốn Nhà giáo họ Khổng (bài Dương Hoá – 19) gọi là Nhữ Bi.

Cũng trong cuốn Cổ văn Trung Quốc, cụ Nguyễn Hiến Lê tỏ ý ngờ rằng thiên Hương đẳng (thiên X) là do người sau chép thêm; cụ bảo: “(...) hình như cũng có vài chỗ do người đời sau viết thêm, chẳng hạn như thiên Hương Đẳng”. Nhưng trong cuốn Luận ngữ chúng ta không thấy cụ không nhắc lại ý nghi ngờ đó nữa, trong cuốn Khổng tử cũng vậy.

Cuốn Luận ngữ mà tôi chép lại ở đây là theo ebook do một bạn trẻ, bạn PNT, gửi tặng. Ebook đó, về sau gọi là “ebook nguồn”, không ghi tên nhà xuất bản và năm xuất bản. Theo ảnh bìa đăng trên trang thì nhà xuất bản là nhà Văn học (tôi tạm dùng ảnh đó, sửa lại đôi chút để làm ảnh bìa cho ebook mới này).

Trong ebook nguồn cũng không thấy chép chữ Hán, các chữ Hán trong ebook mới này là do tôi ghi thêm dựa theo các bản Luận ngữ đang lưu hành trên mạng, đặc biệt là bản Khổng tử Luận ngữ do Nguyễn Thiên Thụ chú dịch hiện đang phổ biến trên website website Sơn Trung Thư Trang. Bản của Nguyễn Thiên Thụ và bản của cụ Nguyễn Hiến Lê có vài chỗ không giống nhau. Sau đây là vài ví dụ về chữ Hán khác nhau:

- Trong bài I.6, Nguyễn Thiên Thụ chép là: 凡愛眾，而親仁 “phàm ái chúng nhi thân nhân” và dịch là: “Thương mọi người, mà gần gũi người nhân đức”; tương ứng với chữ “phàm” 泛, cụ Nguyễn Hiến Lê chép là “phiếm” [泛] và dịch là: “yêu khắp mọi người mà gần gũi người nhân đức”.

- Trong bài IX.3, Nguyễn Thiên Thụ chép là: 雖遠衆 “tuy viễn chúng”, dịch là: “trái với đại chúng”; cụ Nguyễn Hiến Lê chép là: “tuy vi [違] chúng”, dịch là: “tuy trái với số đông”.

- Trong bài II.16, Nguyễn Thiên Thụ chép là: 攻乎異端，斯害也已 “Công hồ dị đoan tư hại dã kì” và dịch là “Nghiên cứu việc hoang đường thì có hại cho mình”; chữ cuối, cụ Nguyễn Hiến Lê chép là “dĩ” [已] và dịch là: “Chuyên tâm nghiên cứu những cực đoan thì có hại”.

Ngoài việc ghi thêm chữ Hán và các chú thích, trong phần Phụ lục tôi còn chép trọn tiết Luận ngữ trong cuốn Cổ văn Trung Quốc. Trong tiết đó cụ Nguyễn Hiến Lê giới thiệu tác phẩm Luận ngữ và ba bài: I.1, VII.14 và XI.25.

Xin chân thành cảm ơn bạn PNT và xin trân trọng giới thiệu cùng các bạn.

Goldfish

Tháng 7 năm 2011

Trong bài III. 5, bài VI.12... chữ “vong” cũng được đọc và hiểu là “vô”. Tương tự, trong bài I.1, V.5... chữ “thuyết” 說 đọc là “duyet” 悅; bài II.17, III.6... chữ “nữ” 女 đọc là “nhữ” 汝; bài III.15, III.23... chữ “đại” 大 đọc là “thái” 太.

Các bạn có thể xem bài Tựa của cuốn Cổ văn Trung Quốc này trong ebook 8 bài tựa đặc ý.

GIỚI THIỆU

NGUỒN GỐC VÀ CÁC BẢN

Bộ *Luận ngữ* đứng đầu trong Tứ thư. Tôi nghĩ nếu bỏ ra bốn năm chục bài chép ngôn hành của các môn sinh như Tăng Tử, Tử Hạ, Hữu Nhược, Tử Du, Tử Trương mà trong tập *Khổng tử* (thiên IV) tôi đã giới thiệu sơ lược, chỉ giữ lại hết những bài chép ngôn hành của Khổng tử - khoảng 500 bài, toàn bộ gồm khoảng năm trăm rưỡi bài – thì *Luận ngữ* đáng gọi là “Kinh”. Tất cả các học giả từ xưa tới nay đều coi nó là kinh của Khổng giáo, cũng như *Đạo Đức kinh* là kinh của Lão giáo. Nó còn chép trung thực tư tưởng của Khổng tử, đáng tin hơn *Đạo Đức kinh* nữa, vì bộ này gồm nhiều bài do người sau thêm vào, (coi bộ *Lão tử* chúng tôi soạn mà chưa xuất bản được). Do đó, muốn tìm hiểu học thuyết của Khổng tử thì phải căn cứ trước hết vào *Luận ngữ*, vì chín phần mười *Kinh Thư, Kinh Lễ, Trung dung, Mạnh tử*, tư tưởng không còn đúng của Khổng tử (mặc dầu cũng có điểm giống); *Đại học* có hệ thống quá (có nhà còn ngờ không phải của Tăng tử viết); *Trung dung* có một phần siêu hình mà Khổng tử tránh siêu hình; còn *Mạnh tử* phóng đại phần duy tâm của Khổng tử.

Vì những lẽ đó, trong cuốn *Nhà giáo họ Khổng* và cuốn *Khổng tử* chúng tôi ráng chỉ dùng *Luận ngữ* để trình bày tư tưởng của Khổng.

NGUỒN GỐC

Luận ngữ có bài do môn sinh của Khổng tử chép, như bài XIV.1:

Hiên vấn sĩ. Tử viết: “Bang hữu đạo, cóc; bang vô đạo, cóc, sĩ dã”.

Nguyên Hiên tự xưng tên như vậy, thì chính là ông ta chép.

Có trường hợp như trong khi học, môn sinh nghe giảng điều gì thì chép ngay lại cho khỏi quên, như Tử Trương trong bài XV.5, chép lời của Khổng tử vào đây đại, rồi sau truyền lại cho môn sinh.

Có nhiều bài do hạng môn sinh tái truyền (tức môn sinh của môn sinh) chép, như thiên I, bài 2 bắt đầu bằng: “Hữu tử viết”, bài 4 bắt đầu bằng “Tăng tử viết” v.v... đều là học trò của Hữu Nhược, và của Tăng Sâm chép, vì theo lệ trong *Luận ngữ*, trừ Khổng tử, mà bất kỳ môn sinh nào dù trực truyền hay tái truyền, cũng gọi là “tử” hoặc “phu tử” (hoặc Khổng tử như các bài XV.12-11); còn các môn sinh của Khổng tử thì có ba trường hợp như sau:

Tôi lấy ví dụ. A và B đều học Khổng tử, họ là đồng môn với nhau. B dạy học có một học trò tên C.

Trường hợp thứ nhất: A hay B khi chép hay nói về mình, thì xưng tên tục, chẳng hạn Đaoan Mộc Tử tự xưng là Tử, Nhan Hồi tự xưng là Hồi.

Trường hợp thứ hai: B nói về A (nói về bạn), hoặc C nói về A (tức nói về bạn của thầy mình) thì có thể gọi A:

- bằng tên tự (như Tử Công là tên tự của Đao Mộc Tử, Tử Uyên là tên tự của Nhan Hồi).
- hoặc bằng cả họ và tên tự (như Đao Mộc Tử, Nhan Hồi).
- hoặc bằng tên họ và tên tự (như Nhan Uyên – Nhan là họ, Uyên là tự).

A nói về B cũng theo những cách gọi tên đó.

Trường hợp ba: C nói về B, tức nói về thầy học của mình, thì gọi là “tử”, “tử” đặt sau họ của thầy mình (học trò của Hữu Nhược gọi Hữu Nhược là Hữu tử, học trò của Tăng Sâm gọi Tăng Sâm là Tăng tử, chứ không gọi là Tăng Sâm, hoặc Tử Dư – tên tự của Tăng Sâm). Vậy những bài bắt đầu bằng Hữu tử viết hoặc Tăng tử viết, đều là của hạng môn sinh tái truyền lại.

Có thể rằng sau khi Khổng tử mất, các môn sinh thu thập lời dạy của thầy, truyền cho nhau, một số người chép lại dùng để dạy học, khi chết, thì học trò của họ lại cả lời của Khổng tử lẫn lời của họ.

Người cuối cùng chép lại là ai? Theo Liễu Tôn Nguyên đời Đường thì có lẽ là một học trò của Tăng Sâm.

Có thuyết bảo rằng Tăng Sâm kém Khổng tử 46 tuổi, sinh vào khoảng 505, chết năm 428. Có sách lại nói Tăng Sâm chết năm Lỗ Nguyên công nguyên niên, tức Chu Khảo vương ngũ niên: 436. Sai nhau tám năm, là ít đấy. Vậy *Luận ngữ* không thể xuất hiện trước 436 được.

Có thể còn sau khá lâu nữa, vì thiên VIII chép Tăng Sâm trước khi mất có khuyên Mạnh Kính tử về cách cư xử của người cầm quyền (VIII.4). Mạnh Kính tử tên là Trọng. Kính tử là tên thụy, chết sau Tăng Sâm; mà bài đó ghi tên thụy - tên đặt cho người chết, theo hành vi hồi sinh tiền – tức là chép sau khi Mạnh Kính tử chết.

Bài đó do một môn sinh của Tăng Sâm chép, cho nên gọi Tăng Sâm là Tăng tử, mà trong *Luận ngữ*, số bài chép ngôn hành của Tăng Sâm nhiều hơn số bài về các môn sinh khác của Khổng tử. Cho nên thuyết của Liễu Tôn Nguyên tin được.

Và chúng ta có thể tạm kết luận rằng bộ *Luận ngữ* do nhiều người ghi và xuất hiện sớm cũng vào khoảng bảy tám chục năm sau Khổng tử mất.

CÁC BẢN

Luận ngữ đã được phổ biến từ thời Tiên Tần.

Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc rồi, ra lệnh “đốt sách, chôn nho”, nhưng thời đó giao thông còn kém, sự kiểm soát không thể chặt chẽ lắm, mà Tần giữ ngôi không được lâu, nên lệnh chỉ thi hành triệt để ở những nơi gần kinh đô và chung quanh các thị trấn, còn trong dân gian các miền xa xôi, vẫn còn người lên lúc giữ được, có kẻ học thuộc lòng được *Luận ngữ* và lục kinh.

Nhà Hán diệt Tần rồi, bỏ lệnh đó đi thì người ta thu thập được ba bản *Luận ngữ*: Bản *Lỗ Luận* của người nước Lỗ; bản *Tề Luận* của người nước Tề (hai bản này được chép bằng thứ chữ đã được Tần sửa đổi và thống nhất, gọi là kim văn – tức kim tự); và bản *Cổ Luận* (chép bằng cổ văn, tức cổ tự, thứ chữ dùng thời trước). Bản *Cổ Luận* này do Lỗ Cung công (cuối đời Hán Vũ đế) sai phá nhà Khổng tử mà tìm được trong tường, cùng với các bộ *Thượng Thư*, *Lễ Kí*, *Hiếu Kinh*.

Lỗ Luận có 20 thiên, Tề Luận cũng có đủ 20 thiên đó, thêm hai thiên nữa: *Vấn vương* và *Tri đạo*, như vậy là 22 thiên cả thảy. Cổ Luận cũng chỉ có 20 thiên như Lỗ Luận, nhưng thiên cuối: “*Nghiêu vấn*” chia làm hai từ câu: “Tử Trương vấn ư Khổng tử: Hà như tư khả dĩ tòng chính hĩ” trở đi (tức bài XX.2 trong bản dịch của chúng tôi, gọi là *Tòng thiên*). Vậy là Cổ Luận chỉ làm 21 thiên, hai thiên cuối rất ngắn.

Theo Hà Án đời Ngụy, trong số 20 thiên Lỗ và Tề đều có thì chương cú trong Tề Luận nhiều hơn trong Lỗ Luận; mà thứ tự các thiên trong Cổ Luận cũng khác trong Tề và Lỗ Luận.

Đầu đời Hán, hai bản Lỗ và Tề đều được truyền (Ông thầy nào muốn dùng bản nào thì dùng); bản Cổ Luận không được truyền, không hiểu tại sao.

Từ đời Hán Thành đế (32-7 trước Công nguyên), hai bản Tề và Lỗ được hợp nhất; rồi cuối đời Đông Hán, Trịnh Huyền bỏ hai thiên *Vấn vương* và *Tri đạo* trong Tề Luận đi, hợp nhất cả ba bản.

Hà Án đời Ngụy có lẽ là người đầu tiên giải thích *Luận ngữ*, bản *Luận ngữ tập giải* của ông còn truyền đến ngày nay. Đời Tống, Chu Hi cũng chú thích và bản *Luận ngữ tập chú* của ông không khác bản của Hà Án bao nhiêu. Hai bản đó là chính, còn nhiều bản khác nữa. Ở nước ta từ xưa chỉ dùng bản của Chu Hi và các nhà dịch *Luận ngữ* trong già nửa thế kỉ nay cũng chỉ theo chú thích của Chu Hi.

NỘI DUNG VÀ CÁCH TRÌNH BÀY

Đọc các cổ thư đời Tiên Tần, như *Mặc tử*, *Đạo Đức kinh*, *Trang tử*... chúng ta gặp rất nhiều chữ rất tối nghĩa vì chép lầm, thiếu sót và nhiều chỗ do người sau ngụy tác, thêm vào.

Luận ngữ không tránh khỏi tình trạng đó.

Có một hai chỗ thoát lậu, như bài X.18, không ai hiểu ý nghĩa ra sao, mỗi người đoán một khác, và người ta ngờ rằng mất một vài câu ở đầu hoặc ở cuối.

Bài **XIII.11** kì cục, chép tám kẻ sĩ đời Chu chẳng có tiếng tăm gì mà có vẻ bốn cặp sinh đôi của một hay nhiều gia đình nào đó, để làm gì vậy? chẳng học giả nào giảng nổi.

Có ít câu người ta ngờ đặt lộn chữ, đáng lẽ ở bài khác, như:

- cuối bài XII.10 có 2 câu: “Thành bất dĩ phú, diệc chi dĩ dĩ” ở trong *Kinh Thi*, dẫn lầm vào đó nên các sách đều bỏ;

- cuối bài XVI.12 có câu: “Kì tư chi vị dư?” cũng ở đâu đặt lầm vào, hoặc thiếu một vài chữ gì ở trên câu đó, nên không ai hiểu nổi.

Hai bài XVII.5 và 7, Tử Lộ can Khổng tử đừng nhận lời mời của Công Sơn Phát Nhiêu và của Bật Hật, bị Lương Khải Siêu trong “*Cổ thư chân nguy cập kì niên đại*” ngờ là không đúng, nhưng Lương chưa đưa được cứ xác đáng.

Có bốn năm bài trùng xuất, như:

- IX.24 – I.8,

- **XV.23 – XII.2,**

- XIV.26 – VIII.14,

- **XVII.17 – I.3.**

Lỗi đó không đáng kể.

Năm thiên cuối (XVI-XX) có nhiều điều khả nghi:

- Thông lệ thì *Luận ngữ* gọi Khổng tử là *Tử* mà thiên XVI lại gọi là *Khổng tử*, và 4 bài 22, 23, 24, 25 thiên XIX lại gọi là *Trọng Ni*.

- Việc chép trong bài XVI.1 không chắc đã đúng vì theo Tiền Mục, Nhiễm Hữu và Quí Lộ không hề đồng thời giúp việc cho Quí thị; hai việc trong bài **XVI.5 và 7**, Lương Khải Siêu cũng không tin.

- Thiên XVII toàn chép dật sự của người trước và người đương thời với Khổng tử, không liên quan gì đến thầy trò họ Khổng.

- Thiên XIX toàn chép lời bàn về đạo của môn đệ Khổng tử: Tử Trương, Tử Hạ, Tử Du, Tăng tử..., không có một lời nào của Khổng tử.

Do những lẽ kể trên, một số học giả cho rằng năm thiên cuối được thêm vào sau và không đáng tin như những thiên trên.

Điều bất tiện cho chúng ta nhất là môn sinh ghi chép vắn tắt lời của Khổng tử, không cho biết những lời đó nói vào lúc nào, trong hoàn cảnh nào, thành thử, có nhiều bài chúng ta không biết chắc được tư tưởng, hành vi của Khổng tử ra sao.

Thí dụ bài II.6, Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo hiếu, Khổng tử đáp: “Phụ mẫu duy kì tật chi ưu”.

Lời rất dễ dàng như vậy có ba cách hiểu:

1. Cha mẹ chỉ lo cho con bệnh tật. (Khổng tử muốn khuyên Mạnh Vũ Bá nên giữ gìn sức khỏe để cho cha mẹ khỏi lo).

2. Người con có hiếu thì thận trọng mọi việc, không làm gì cho cha mẹ phải lo, duy có bệnh tật là không dễ phòng được. Cách hiếu này cũng giống như cách hiếu trên: làm con phải chăm sóc sức khỏe của mình; chỉ hiếu như cách trên thì là lời trách một người chơi bời quá độ, hiếu theo cách dưới thì không có ý trách, mà nhận rằng Mạnh Vũ Bá rất đúng đắn.

3. Cách hiếu thứ ba trái hẳn, (cho chữ *kì* chỉ cha mẹ, hai cách trên chữ *kì* chỉ con) và câu của Khổng tử phải dịch là: Người con mà lo cho cha mẹ bệnh tật (hết sức săn sóc sức khỏe của cha mẹ) là người con có hiếu.

Giá mà người chép cho ta biết Mạnh Vũ Bá là người ra sao (có giữ gìn sức khỏe của mình không, hoặc có thường lo về sức khỏe của cha mẹ không) thì chúng ta không còn thắc mắc nữa.

Nhất là bài **V.21**, Khổng tử chán nản cảnh bốn ba, muốn về Lỗ dạy học; người chép không cho ta biết việc đó xảy ra hồi nào, trước khi ông bị nạn ở Bò năm 494, hay Quý Khang tử mời Nhiễm Cầu về Lỗ giúp mình, năm 492, hay là vào cả hai lần như Tư Mã Thiên chép?

Bài XV.1, Vệ Linh Công hỏi ông về chiến trận (ông đáp không biết). Ông tới Vệ lần nào, vì trước sau ông tới Vệ năm lần, bốn lần đầu Linh Công còn sống?

Còn nhiều bài khác, không sao kể hết. Do đó mà nhiều khi người ta không biết chắc tư tưởng cùng đời sống của ông. Niên biểu nào lập về đời ông cũng chỉ là phỏng chừng, mười điều trúng được năm là may.

Chúng tôi chỉ nhận xét như vậy thôi, không có ý trách cổ nhân: các môn sinh của Khổng tử không có những phương tiện dễ dàng để ghi chép như chúng ta ngày nay, ngôn ngữ của họ dùng cách nay đã hai ngàn rưỡi năm; mà họ không có ý viết sách cho đời sau, chỉ muốn ghi lại lời thầy để nhớ rồi truyền cho con cháu, học trò thôi, cho nên không thể chép thật minh bạch như chúng ta muốn được. Chúng ta còn nên khen bộ *Luận ngữ* so với bộ *Đạo Đức kinh*, bộ *Trang tử*, xuất hiện sau còn sáng sủa hơn nhiều, nhất là ghi một cách trung thực, tỉ mỉ ngôn hành của Khổng tử, thành một tác phẩm đáng tin cậy nhất về học thuyết Khổng tử.

Một điểm chung nữa các sách thời đầu Chiến Quốc là sự trình bày rất lộn xộn.

Luận ngữ tuy chia làm 20 thiên, nhưng ngoài thiên X (*Hương đảng* - chép về lối sống, cách cư xử hằng ngày của Khổng tử ở triều đình, làng xóm và ở nhà) là tương đối nhất trí, còn 19 thiên kia thì không có chủ đề gì cả, gặp đâu chép nấy, về nhân, hiếu, lễ, về chính trị, về văn học, về hành vi của Khổng tử, tâm sự của ông, ý chí của môn sinh v.v..., có vài thiên lại xen vào dăm ba bài về ngôn hành của môn sinh nữa. Vì vậy mà người xưa đã phải lấy vài chữ ở đầu mỗi thiên làm nhan đề cho thiên, như *Học nhi*, *Ung dã*, *Tử hãn*...

Đó là đại khái về nội dung và sự trình bày.

Về giá trị nghệ thuật, thì chúng ta phải nhận rằng rất cao: lời cô đọng; ý nghĩa sâu sắc, mà chép

tự sự, miêu tả tính tình hành động của nhân vật nhiều khi linh động. Trong cuốn *Cổ văn Trung Quốc* (Tao Đàn -1966), chúng tôi đã giới thiệu ba bài:

I.1 Học nhi thời tập chi...

VII.14 Phu tử vị Vệ quân hồ?

XI.25 Không tử hỏi về chí hướng của một số môn sinh.

Còn nhiều bài nữa như:

XVI.1 Không tử mắng Nhiễm Cầu không biết can Quí thị đừng đánh Chuyên Du.

IX.11 Không tử mắng Tử Lộ muốn táng mình như một đại phu.

V.25 Không tử hỏi chí hướng môn sinh và tỏ chí hướng của mình. Cũng đều là những tiểu phẩm bất hủ trong văn học Trung Quốc.

Ấy là chưa kể mấy chục câu của Không tử rất gọn mà thâm thúy đáng gọi là châm ngôn hoặc đã được coi là thành ngữ như: “dục tốc bất đạt”, “hoà nhi bất đồng”, “ôn cố tri tân”, “dĩ trực báo oán”, “quân tử cố cùng”, “phú quý như phù vân”, “hủ mộc bất khả điêu”, “danh chính ngôn thuận” v.v...

BẢN DỊCH CỦA CHÚNG TÔI

Chúng ta đã có được ba bốn bản *Luận ngữ*. Bản đầu tiên tôi được biết là bản của cụ Lương Văn Can, mỏng khoảng trăm trang trở lại, chỉ lựa một số bài để dạy học trò; bản này không kiếm được, ngay cả trong thư viện cũng không chắc còn; hai bản gần đây nhất, nhiều gia đình còn giữ là bản của Đoàn Trung Còn in lần đầu ở Sài Gòn năm 1954, và bản của Lê Phục Thiện, gồm ba tập, xuất bản ở Sài Gòn từ năm 1962 đến năm 1967.

Mấy bản đó đều công phu cả, có nguyên văn chữ Hán, phiên âm và chú thích, nhưng đều theo cách hiểu của Chu Hi và đều không phân loại các bài, không có bảng tên người và tên đất, bất tiện cho việc tra cứu.

Chúng tôi tham khảo thêm một số bản chú giải và bản dịch khác, đặc biệt là bản *Luận ngữ độc bản* của Thẩm Tri Phương và Tưởng Bá Tiềm, nhà Khai Minh xuất bản ở Hương Cảng gồm hai tập, bản *Luận ngữ chú dịch* của Triệu Thông, nhà Hữu Liên xuất bản cũng ở Hương Cảng năm 1967 và bản *Luận ngữ nhị thập giảng* của Vương Hướng Minh – Trung Hoa Thư cục – Đài Loan – 1958, để biết thêm cách hiểu một số học giả Trung Hoa xưa và nay.

Bài nào có nhiều cách hiểu thì chúng tôi lựa lấy một và ở phần chú thích ghi thêm vài kiến giải khác. Sự lựa chọn đó chỉ là ý kiến riêng của tôi thôi, không có giá trị gì hơn những lựa chọn khác. Làm như vậy chúng tôi chỉ mong thoát ra khỏi lối hiểu chính thống của Tống nho, rằng tìm hiểu tư tưởng Không tử theo một tinh thần khách quan và giúp độc giả thấy được nhiều lối hiểu để phán đoán.

Tôi cũng tham khảo thêm lời dịch của Lâm Ngữ Đường, học giả này thỉnh thoảng có những ý mới mẻ, khác người; sau cùng cuốn *Confucius* của Etiemble (Gallimard 1966) cũng giúp tôi được ít nhiều.

Mỗi bản đánh số theo một cách, phần nhiều theo lối của Chu Hi. Chúng tôi theo lối của Triệu Thông (sách đã dẫn).

Thí dụ bài đầu thiên V (Công Dã Trảng) chép việc Khổng tử gả con gái của anh cho Nam Dung. Chu Hi chia làm hai bài: bài V.1 nói về Công Dã Trảng, V.2 nói về Nam Dung. Triệu Thông gom lại thành một.

Do đó số thứ tự của bài trong bản dịch của Triệu Thông và của chúng tôi khác với nhiều bản lưu hành. Nếu theo số của chúng tôi mà tìm không ra trong các bản của độc giả có, thì tìm ngược lên hay tìm xuôi xuống một vài bài sẽ thấy.

CÁC BẢNG PHÂN LOẠI

Cuối bản dịch, chúng tôi thêm nhiều bảng phân loại và hai bảng nhân danh.

Việc phân loại phức tạp và tốn công lắm. Bộ *Luận ngữ* gồm 20 thiên, trên năm trăm năm chục bài. Có bài chỉ gồm tám chữ như bài IX.1: *Tử hãn ngôn lợi dữ mệnh dữ nhân*, muốn phân loại cho kĩ thì phải sắp vào 4 loại: lợi, mệnh, nhân và cách dạy của Khổng tử.

Một bài dài hơn có tên nhiều người, thêm tên đất nữa, thì có khi phải sắp vào chín mươi chỗ.

Rất ít bài chỉ cần sắp vào một hai chỗ. Đa số sách phải sắp vào bốn năm chỗ. Như vậy, năm trăm rưỡi bài phải sắp vào khoảng hai ngàn chỗ là ít, bất tiện cho việc tra cứu. Muốn dễ tra thì phải rút bớt đi cho giản tiện hơn; tìm ý chính của mỗi bài mà sắp thôi. Như bài IX.1, theo tôi, ý chính (tạm gọi như vậy) ở chữ lợi; và lại sắp vào mục “lợi” (nghĩa, lợi) để kiếm hơn là sắp vào mục “nhân” vì trong *Luận ngữ* có rất ít bài nói về “lợi” và rất nhiều bài nói về “nhân”; cho nên tôi chỉ sắp vào mục “nghĩa, lợi” rồi ghi: IX.1 (Tử hãn ngôn lợi), mà khỏi sắp vào các mục “mệnh”, “nhân”, “cách dạy của Khổng tử”.

Sắp theo cách đó thì giảm đi được nhiều, mục đích chính là để những người quen với *Luận ngữ* dùng. Độc giả nào chưa quen với *Luận ngữ* tất khó tra hơn chúng tôi, chúng tôi đành xin lỗi những vị đó.

Về tên người, chúng tôi lập hai bảng, một bảng cho các người không phải là môn sinh Khổng tử, một bảng riêng cho các môn sinh.

Chúng tôi phải phân biệt bốn loại về môn sinh:

- 1- bài Khổng tử xét môn sinh;
- 2- bài môn sinh xét Khổng;
- 3- bài chép ngôn hành một số môn sinh có tiếng;

4- những bài khác chỉ nhắc tới tên môn sinh thôi (loại này nhiều nhất).

Nhưng vậy cũng là để chúng tôi dễ kiểm.

Sau cùng, cuối sách, chúng tôi thêm một bảng nữa: “những câu thường dẫn”; gồm có một số bài có châm ngôn của Khổng tử hoặc những câu thành ngữ... Nhiều lần muốn kiểm những thành ngữ như “ôn cố tri tân”, “quá do bất cập”, “dĩ trực báo oán”, “nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân” v.v... ở đâu mà ngại phải lật coi từng thiên một, tốn cả giờ chưa chắc tìm được, vì vậy tôi gom góp những câu đó cho vào một bảng riêng. Bảng này chỉ có vài trang giúp tôi rất nhiều.

Những bảng phân loại kể trên phải dùng lâu rồi mới thấy khuyết điểm, cần phải sửa đổi, sắp lại, bổ túc. Nếu sau này còn thì giờ, tôi sẽ làm công việc đó.

NXB Văn Hoá in năm 1994. (BT).

NXB Văn Hoá in năm 1993 (in lần thứ tư). (BT).

Hiển (Ebook nguồn chép sai thành “Hiếu”): một môn sinh của Khổng tử, họ Nguyên (原), tên Hiến (憲), tự là Tử Tư (子思). (Goldfish).

Nguyên văn: 憲問恥。子曰：“邦有道，谷；邦無~~？？~~，谷，恥也。 (Goldfish).

Đoan Mộc Tứ (端木賜): chữ “Tứ” này và ba chữ “Tứ” ở sau, ebook nguồn đều chép là “tử”. Về sau, những chỗ in sai, nếu biết, tôi cũng sửa lại, nhưng để khỏi rườm, tôi chỉ ghi chú thích nếu thấy cần. (Goldfish).

Ý nói năm 436 trước Tây lịch. (Goldfish).

Những chữ màu đỏ, in đậm như “XIII.11” này là những chữ tôi ngờ sai, sẽ kiểm tra sau. (Goldfish).

Thơ *Tiểu nhã*, thiên *Ngã hành kì dã*. (Goldfish).

Nguyên văn: 其斯之謂與？. Chữ “du”, ebook nguồn chép sai thành “du”. (Goldfish).

Hai bài này trùng mấy chữ sau đây: “Chủ trung tín, vô hữu bất như kỷ giả, quá tắc vật đạn cải” (主忠信,毋友不如己者,過則勿憚改). (Goldfish).

Hai bài này trùng câu: “Tử viết: Bất tại kỳ vị, bất mưu kỳ chánh” (子曰：不在其位，不謀其政). (Goldfish).

Ebook nguồn chép là “thiên XIV”, tôi sửa lại thành “thiên XIX” (tức thiên *Tử Trưong*).

(Goldfish).

Nguyên văn: 孟武伯問孝，子曰：父母唯其疾之憂. Chữ "tật", ebook nguồn chép là “bệnh”. Goldfish).

Ebook nguồn chép là: “cho chữ kì chỉ cha mẹ hai cách trên, chữ kì chỉ con). (Goldfish).

Nhiễm Cầu: tức Nhiễm Hữu nói ở trên. Ông họ Nhiễm, tên Cầu, tự Hữu. (Goldfish).

Thời Chiến Quốc (403-221) trước Công nguyên.

Thiên *Học nhi*, tức thiên I, bắt đầu bằng mấy chữ “Tử viết: Học nhi thời tập chi” (子曰：學而時習之); thiên *Ung dã*, tức thiên VI, bắt đầu bằng mấy chữ “Tử viết: Ung dã khả sử nam diện” (子曰：雍也可使南面); thiên *Tử hân*, tức thiên IX, bắt đầu bằng mấy chữ “Tử hân ngôn lợi dữ mệnh dữ nhân” (子罕言利與命與仁). (Goldfish).

Nguyên văn chữ Hán: 夫子爲衛君乎？. (Goldfish).

Nguyễn Thiên Thụ, trong sách đã dẫn, cũng gom hai bài làm một. (Goldfish).

Chữ “nhân” này do tôi ghi thêm, trong ebook nguồn chỉ có một dấu ngoặc kép! (Goldfish).

DỊCH VÀ CHÚ THÍCH

THIÊN I

HỌC NHI

I.1

Tử viết: “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ, nhân bất tri nhi bất uân, bất diệc quân tử hồ?”

Dịch. - Không tử nói: “Học mà mỗi buổi tập, chẳng cũng thích ư? (Khi học đã tấn tới rồi) có bạn (cùng chí hướng) ở xa nghe tiếng mà tìm lại (để bàn về đạo lý với nhau) chẳng cũng vui ư? Nhưng nếu không ai biết tới mình mà mình không hờn giận thì chẳng cũng quân tử ư?”

I.2

Hữu tử viết: “Kì vi nhân đã hiểu để hiếu phạm thượng giả tiền hĩ. Bất hiếu phạm thượng nhi hiếu tác loạn giả, vị chi hữu dã. Quân tử vụ bản, bản lập nhi đạo sinh. Hiếu để đã giả, kì vi nhân chi bản dư”.

Dịch. – Hữu tử nói: “Làm người, có nét hiếu, để thì ai dám xúc phạm bề trên. Không thích xúc phạm bề trên mà thích làm loạn thì chưa từng có. Người quân tử chăm chú vào việc gốc, gốc mà vững thì đạo đức sinh ra. Hiếu, để là cái gốc của đức nhân đấy chẳng?”

Chú thích. – Hữu tử, họ Hữu, tên Nhược, người nước Lỗ, học trò Khổng tử, được bạn học kính mến.

Chữ *quân tử* ở đây nên hiểu làm người cầm quyền, như vậy bài này là lời khuyên hạng người trị dân; nhưng cũng có thể hiểu là người có đạo đức.

I.3

Tử viết: “Xảo ngôn, lệnh sắc, tiền hĩ nhân”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Nói năng khéo léo, nét mặt giả bộ niềm nở, hạng người đó ít có lòng nhân”.

I.4

Tăng tử viết: “Ngô nhật tam tỉnh ngô thân: Vị nhân mưu nhi bất trung hồ? Dữ bằng hữu giao nhi bất tín hồ? Truyền bất cập hồ?”

Dịch. – Tăng tử nói: “Mỗi ngày tôi tự xét ba việc: Làm việc gì cho ai, có hết lòng không? Giao thiệp với bạn bè, có thành tín không? Thầy dạy cho điều gì, có học tập (cho nhuần) không?”

I.5

Tử viết: “Đạo thiên thặng chi quốc, kính sự nhi tín, tiết dụng nhi ái nhân, sử dân dĩ thời”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Trị một nước (chư hầu không lớn không nhỏ) có ngàn cỗ xe thì phải thận trọng trong việc mà thành thật với dân, không lãng phí là yêu dân, khiến dân làm việc, phải hợp thời (khi dân rảnh việc nông)”.

I.6

Tử viết: “Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc để, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân; hành hữu dư lực tắc dĩ học văn”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Con em (thanh niên) ở trong nhà thì hiếu, thảo với cha mẹ, ra ngoài thì kính nhường bậc huynh trưởng, thận trọng lời nói mà thành thực, yêu khắp mọi người mà gần gũi người nhân đức; làm được thế vậy rồi mà còn dư sức thì sẽ học văn (tức học Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch...).

I.7

Tử Hạ viết: “Hiền hiền dĩ sắc, sự phụ mẫu năng kiệt kì lực, sự quân năng trí kì thân, dữ bằng hữu giao, ngôn nhi hữu tín, tuy viết vị học, ngô tất vị chi học hĩ”.

I.8

Tử viết: “Quân tử bất trọng tắc bất uy, học tắc bất cố; chủ trung tín, vô hữu bất như kĩ giả, quá

tắc vật đạn cải”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử không trang trọng thì không uy nghi, học tất không vững (không đạt lý); chuyên chú vào sự trung tín, không kết bạn với người không (trung tín) như mình; có lỗi thì chớ ngại sửa đổi”.

I.9

Tăng Tử viết: “Thận chung truy viễn, dân đức qui hậu hĩ”.

Dịch. – Tăng tử nói: “Thận trọng trong tang lễ cha mẹ, truy niệm và tế tự tổ tiên xa, thì đức của dân sẽ thuần hậu”.

I.10

Tử Cầm vấn ư Tử Cống viết: “Phu tử chí ư thị bang dã, tất văn kì chính, cầu chi dư, ức dữ chi dư”.

Tử Cống viết: “Phu tử ôn, lương, cung, kiệm, nhượng dĩ đắc chi. Phu tử chi cầu chi dã, kì chư dị hồ nhân chi cầu chi dư?”

Dịch. – Tử Cầm hỏi Tử Cống: “Thầy mình (đây trỏ Khổng tử) tới nước nào cũng được nghe chính sự nước đó, như vậy là thầy cầu nghe hay là nhà cầm quyền tự ý báo cho biết?”

Tử Cống đáp: “Thầy mình có thái độ ôn hoà, lương thiện, cung thuận, tiết kiệm, khiêm tốn, nhờ vậy mà người ta báo cho biết. Vậy cách cầu nghe của thầy mình hoặc giả có chỗ không giống cách cầu nghe của người khác chăng?”

I.11

Tử viết: “Phụ tại, quan kì chí; phụ một, quan kì hành; tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Cha còn thì xét chí hướng của người, cha mất rồi thì xét hành vi của người, ba năm sau mà không thay đổi khuôn phép (tốt đẹp) của cha thì có thể gọi là có hiếu”.

Chú thích. – Nguyên văn chỉ dùng chữ đạo. Chúng tôi nghĩ đã gọi đạo thì phải tốt đẹp, có tốt đẹp thì con mới nên giữ đúng; hễ ba năm hết tang mà còn giữ được thì tất sẽ giữ được hoài. Còn điều không thiện của cha thì không thể gọi là đạo được, có thể sửa đổi liền.

Cổ nhân có người hiếu khác: dù cha sinh tiền có làm gì trái đạo thì người con có hiếu cũng không nỡ sửa đổi ngay, mà đợi hết tang cha đã.

I.12

Hữu tử viết: “Lễ chi dụng, hòa vi quý. Tiên vương chi đạo tư vi mỹ, tiểu đại do chi. Hữu sở bất hành, tri hòa nhi hòa, bất dĩ lễ tiết chi, diệc bất khả hành dã”.

Dịch. – Hữu tử nói: “Công dụng của lễ nghi, quý nhất là điều hoà (cho thích hợp, cho hoà hợp). Phép trị nước của tiên vương nhờ đó mà hoàn mỹ, việc lớn việc nhỏ đều theo lễ cả. Tuy nhiên, có điều này (tiên vương) không làm: biết công dụng của lễ là hoà, mà chỉ trọng hoà (khí), không dùng lễ để tiết chế (thì sẽ phóng đảng). Đó là việc không nên làm.

Chú thích. – Ý bài này cũng như ý câu “hoà nhi bất lưu” (hoà mà không phóng túng) trong Trung dung.

I.13

Hữu tử viết: “Tín cận ư nghĩa, ngôn khả phục dã. Cung cận ư lễ, viễn si nhục dã. Nhân bất thất kì thân, diệc khả tôn dã”.

Dịch. – Hữu tử nói: “Lời ước hẹn phải hợp nghĩa thì mới giữ được. Cung kính phải hợp lễ thì mới tránh được nhục. Thân cận với người đáng cho mình thân cận (tức người có đức nhân) thì người đó mình có thể tôn kính được (hoặc nương nhờ người đáng cho mình thân cận – người có đức nhân – thì người đó có thể làm chủ mình được).

Chú thích. – Chữ nhân ở đây có thể hiểu là thân cận hay nương nhờ. Chữ tôn có thể hiểu là kính mà coi là chủ mình.

I.14

Tử viết: “Quân tử, thực vô cầu báo, cư vô cầu an, mẫn ư sự nhi thận ư ngôn, tựu hữu đạo nhi chính yên, khả vị hiếu học dã dĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử ăn không cầu được đầy đủ, ở không cầu được yên vui, làm việc siêng năng mà thận trọng lời nói, tìm người đạo đức để (thụ giáo) sửa mình; như vậy có thể gọi là người ham học”.

Chú thích. – Thực vô cầu báo, cư vô cầu an: không hiểu theo nghĩa từng chữ. Khổng tử muốn nói: nên thận trọng đến sự sửa mình hơn cái ăn cái ở.

I.15

Tử Cống viết: “Bần nhi vô siểm, phú nhi vô kiêu, hà như?”

Tử viết: “Khả dã; vị nhược bần nhi lạc, phú nhi hiếu lễ giả dã”.

Tử Cống viết: “Thi vân: “Như thiết như tha, như trắc như ma” - Kì tư chi vị dư?”.

Tử viết: “Tứ dã, thủy khả dĩ ngôn Thi dĩ hĩ, cáo chư vãng nhi tri lai giả”.

Dịch. – Tử Cống hỏi: “Nghèo mà không nịnh, giàu mà không kiêu, hạng người đó ra sao?”

Khổng tử đáp: “Khá đấy; nhưng chưa bằng nghèo mà vui, giàu mà thích giữ lễ”.

Tử Công thưa: “Kinh Thi có câu: Như cắt sừng bò, như giữa ngà voi, như đẽo ngọc đẹp, như mài đá quý”. Ý nghĩa như vậy chăng?”

Khổng tử khen: “Tử, như anh mới đáng cho ta giảng Kinh Thi cho. Vì bảo cho điều trước mà anh hiểu được điều sau”.

I.16

Tử viết: “Bất hoạn nhân chi bất kì tri, hoạn bất tri nhân dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Đừng lo người không biết mình, chỉ lo mình không biết người”.

Chú thích. – Lo mình không biết người là lo không biết người nào hiền để theo, người xấu để tránh. Nên so sánh “bất hoạn nhân chi bất kì tri” trong bài này với “nhân bất tri nhi bất uân” trong bài đầu.

I.1: Trong ebook nguồn chỉ “1” (số Ả Rập - chỉ số thứ tự của bài), để tiện việc tìm kiếm, tôi ghi thêm “I.” (số La Mã - chỉ số thứ tự của chương); các bài sau cũng vậy. (Goldfish).

Bảng: có sách hiểu là “học trò” ở xa lại xin học, và câu này nghĩa như lời Mạnh tử: “Được kẻ anh tài trong thiên hạ để dạy dỗ, đó là một trong ba cái vui của người quân tử”.
Như vậy câu đầu: Học nhi thời tập... trở thái độ “học bất yếm” (học không chán); câu sau trở thái độ “giáo nhân bất quỵện” (dạy người không mỏi) của Khổng tử.
Cả ba giai đoạn học trong bài này là: học để thành kĩ (câu đầu), rồi tới thành nhân (câu nhì), sau cùng thành đức (câu cuối).
Chúng tôi cho hiểu như vậy là hơi gò ép. Nên hiểu theo Chu Hi như chúng tôi dịch ở trên.

Quân tử: mới đầu trở hạng quý tộc cầm quyền, trị dân. Tiểu nhân là dân thường. (coi cuốn *Khổng tử* chương VII). Khổng tử cho rằng người cầm quyền phải có đức, do đó mà quân tử còn có nghĩa là người có đức dù cầm quyền, hay không (như trong bài này). Chữ tiểu nhân cũng vậy, có hai nghĩa: dân thường, hoặc người cầm quyền thiếu đức. Đọc *Luận ngữ*, chúng ta phải tùy chỗ mà hiểu theo nghĩa này hay nghĩa khác.

Tăng tử, họ Tăng, tên Sâm, tự là Tử Dư, người nước Lỗ, học trò nhỏ tuổi nhất của Khổng tử, kém Khổng tử 46 tuổi, sau dạy cháu nội của Khổng tử là Khổng Cấp (Tử Tư), ông rất có hiểu; thân phụ là Tăng Tích cũng là học trò của Khổng tử.

Phiếm: Trên mạng có bản chép là “phiếm” (𠂔), có bản chép là “phàm” (凡). (Goldfish).

Tử Hạ họ Bốc, tên Thương, học trò của Khổng tử, nhỏ hơn thầy 44 tuổi, không rõ quê quán ở đâu, về già làm thầy Ngụy Văn Hầu.

Chữ [易], đa số học giả đọc là *dịch*, nghĩa là đổi, và giảng là: tôn trọng người hiền mà đổi lòng hiếu sắc đi (Chu Hi), hoặc: đem lòng hiếu sắc đổi làm tôn trọng người hiền (Khổng An Quốc). Nham Sư Cổ đọc là *dị*, giảng là coi thường. Hai cách đều được cả. Chúng tôi theo họ Nham vì như vậy là hai ý (tôn trọng người hiền và coi thường sắc đẹp) đối nhau.

Nhưng có điều thắc mắc: khuyên coi thường sắc đẹp, điều đó có liên quan gì tới đạo thờ cha mẹ, thờ vua, và giao thiệp với bạn bè? Trần Tổ Phạm và Tống Tường Phụng giảng: Hiền hiền dĩ sắc là nói về đạo vợ chồng (chồng đối với vợ, nên trọng đức của vợ mà coi thường sắc đẹp); đạo vợ chồng đứng đầu nhân luân nên Tử Hạ đưa lên trước, rồi mới nói đến đạo cha con, vua tôi, bạn bè. Giảng như vậy cũng có lí. Nhưng chúng tôi vẫn tồn nghi. [Chữ 易 đặt trong dấu ngoặc đứng là do tôi ghi thêm, về sau, nếu cần, tôi cũng ghi như vậy nhưng sẽ không chú thích. (Goldfish)].

Bài 7 này, trong ebook nguồn không có phần dịch. (Goldfish).

Tử Cầm, họ Trần, tên Cang, cũng là học trò của Khổng tử, coi bài XVI.13.

Tử Công, họ Đoan Mộc, tên Tứ, người nước Vệ, là học trò của Khổng tử

THIÊN II

VI CHÍNH

II.1

Tử viết: “Vi chính dĩ đức, thí như bắc thần, cư kì sở nhi chúng tinh cùng chi”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Làm chính trị (trị dân) mà dùng đức (để cảm hoá dân) thì như sao bắc đẩu ở một nơi mà các ngôi sao khác hướng về cả (tức: thiên hạ theo về).”

Chú thích. – Đây là chủ trương vô vi của Khổng: không phải dùng hình pháp, tránh được mọi phiền phức, chống được mọi biến động.

II.2

Tử viết: “Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tế chi, viết: Tư vô tà”.

Dịch. – Khổng tử nói: Kinh Thi có ba trăm thiên, một lời đủ bao quát tất cả, là tư tưởng thuần chính”.

Chú thích. – Kinh Thi có 311 thiên nhưng sáu thiên chỉ có tên mà mất lời, còn lại là 305 thiên; nói là 300 là số chẵn.

Trình tử cho rằng chữ *tà* không có nghĩa là trái với *chính*, mà có nghĩa trái với thành thực: lời nào trong *Kinh Thi* cũng tả đúng sự thực, có thành thực mới cảm được người. Nhiều nhà theo cách hiểu của Trình tử vì trong *Kinh Thi* có nhiều bài tả tình duyên ái của trai gái, sao có thể bảo là “vô tà” là thuần chính được.

Có người nghĩ: những bài ca dao tả tình trai gái yêu nhau, bất kì dân tộc nào cũng rất nhiều.

Khổng tử đã “san định” *Kinh Thi*, tất đã bỏ đi một số; và những bài giữ lại, có thể ông cho là vô hại: tình trong đó tự nhiên, chính đáng.

Ông không quá nghiêm khắc như các nhà nho thời sau chăng? Thuyết này có người cho là sai: Khổng tử không hề san *Kinh Thi*, ông giữ đủ; và “tư vô tà” là thái độ của ta nên có khi đọc *Kinh Thi*. Nhưng theo nguyên văn thì Khổng tử xét về *Kinh Thi* chứ không xét về cách đọc *Kinh Thi*.

II.3

Tử viết: “Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô si. Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu si thả cách”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Dùng chính lệnh để dắt dẫn dân, dùng hình phạt để bắt dân vào khuôn phép, dân tránh khỏi tội nhưng không biết hổ thẹn. Dùng đạo đức để dắt dẫn dân, dùng lễ giáo để đặt dân vào khuôn phép, dân biết hổ thẹn mà lại theo đường chính”.

Chú thích. - Chữ *tề* có thể hiểu là tề chỉnh, hoặc nhất luật như nhau. “Vào khuôn phép” diễn đủ được hai ý đó. Chữ *cách*, có người giảng là *chí*, đến (đạt được mức thien). Lại có bài giảng là “thuần phục”.

Bài này bổ túc bài 1 ở trên.

II.4

Tử viết: “Ngô thập hữu ngũ nhi chí ư học; tam thập nhi lập; tứ thập nhi bất hoặc; ngũ thập nhi tri thiên mệnh; lục thập nhi nhĩ thuận; thất thập nhi tông tâm sở dục, bất du cử”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ta mười lăm tuổi để chí vào việc học (đạo); ba mươi tuổi biết tự lập (tức khắc kỉ phục lễ, cứ theo điều lễ mà làm); bốn mươi tuổi không nghi hoặc nữa (tức có trí đức, nên hiểu rõ ba đức nhân, lễ, nghĩa); năm mươi tuổi biết mệnh trời (biết được việc nào sức người làm được, việc nào không làm được); sáu mươi tuổi biết theo mệnh trời (chữ nhĩ ở đây không có nghĩa là tai, mà có nghĩa là dĩ = đã); bảy mươi tuổi theo lòng muốn của mình mà không vượt ra ngoài khuôn khổ đạo lí (không phải suy nghĩ, gắng sức mà hành động tự nhiên, hợp đạo lí).

Chú thích. - Có người hiểu *lập* là tự mình biết theo chính đạo; chúng tôi theo những câu “lập ư lễ” (Thiên Thái Bá, bài 8), “bất tri lễ vô dĩ lập” (Thiên Nghiêu viết, bài 3) mà dịch như trên. – *Tri thiên mệnh* có người hiểu là luật trời, sự biến hoá, diễn tiến trong vũ trụ. – *Nhĩ thuận*, hầu hết các sách đều giảng là: tai thuận, tức nghe ai nói thì hiểu được ngay người đó nghĩ gì, muốn nói gì, có ý gì.

II.5

Mạnh Ý tử vấn hiếu. Tử viết: “vô vi”.

Phàn Trì ngự, tử cáo chi viết: “Mạnh tôn vấn hiếu ư ngã, ngã đối viết: “vô vi”. Phàn Trì viết: “Hà vị dã?” Tử viết: “Sinh, sự chi dĩ lễ; tử, táng chi dĩ lễ, tề chi dĩ lễ”.

Dịch. – Mạnh Ý tử hỏi về đạo hiếu. Khổng tử đáp: “Không trái”.

(Một hôm) Phàn Trì đánh xe (cho Khổng tử). Khổng tử bảo: “Mạnh Tôn hỏi ta về đạo hiếu, ta đáp: “không trái”. Phàn Trì hỏi: “Thầy đáp như vậy nghĩa là gì?” Khổng tử đáp: “Cha mẹ sống thì phụng sự cho hợp lễ, mất rồi thì tống táng cho hợp lễ, cúng tế cho hợp lễ”.

*Chú thích. – Mạnh Ý tử, họ Trọng Tôn, tên Hà Kị, là một đại phu nước Lỗ. Theo *Tả truyện* thì Mạnh Hi tử, cha Mạnh Ý tử, trước khi chết, dặn Ý tử phải lại Khổng tử xin học lễ. Mạnh Tôn cũng là Mạnh Ý tử. – Phàn Trì, họ Phàn, tên Tu, tự Tử Trì, học trò Khổng tử.*

II.6

Mạnh Vũ Bá vấn hiếu. Tử viết: “Phụ mẫu duy kì tật chi ưu”.

Dịch. – Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo hiếu. Khổng tử đáp: “Cha mẹ chỉ lo cho con bị bệnh tật”.

Chú thích. – Bài này có nhiều cách hiểu. Hiểu như chúng tôi dịch thì chữ kì chỉ con cái. Có thể Mạnh Vũ Bá, tên là Trệ, con Mạnh Ý tử, chơi bởi quá độ, không giữ gìn sức khỏe, khiến cha mẹ lo, nên Khổng tử khuyên vậy. Ai làm cha mẹ cũng lo nhất cho con khi chúng đau ốm.

Có người giảng hơi khác: người con có hiếu thì thận trọng trong mọi việc, không làm gì cho cha mẹ phải lo; duy có bệnh tật là không đề phòng được, cho nên chỉ lo mình có bệnh tật, khiến cha mẹ buồn.

Lại có thuyết cho chữ kì chỉ cha mẹ. Người con mà lo cha mẹ bệnh tật (hết sức săn sóc sức khỏe của cha mẹ) là người con có hiếu.

II.7

Tử Du vấn hiếu. Tử viết: “Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng. Chí ư khuyến mã giai năng hữu dưỡng, bất kính hà dĩ biệt hồ?”.

Dịch. – Tử Du hỏi về đạo hiếu. Khổng tử đáp: “Ngày nay người ta hiếu là có thể nuôi cha mẹ, nhưng đến chó, ngựa kia, người ta cũng nuôi, nếu không kính cha mẹ thì có khác gì?”

Chú thích. – Tử Du, họ Ngôn, tên Yển, học trò Khổng tử.

Có người cho hiểu như trên thì lời Khổng tử gay gắt quá, so sánh việc nuôi cha mẹ (của hạng con có hiếu) với việc nuôi chó ngựa; cho nên bảo hai chữ khuyến mã chỉ bọn con bất hiếu không kính cha mẹ. Tôi nghĩ Khổng tử tính tình ôn hoà, có mắng bọn đó thì chỉ gọi là bất nhân, chứ không tàn nhẫn đến bảo họ là chó ngựa.

Lại có thuyết hiểu là: loài vật như chó ngựa cũng biết nuôi cha mẹ chúng. Điều đó không đúng: chó, ngựa khi lớn rồi, không nhận ra cha mẹ nữa, hoặc nhận được thì cũng không hề nuôi cha mẹ.

Một thuyết nữa: chó giữ nhà, ngựa chở nặng, như vậy là chó, ngựa cũng nuôi người, nhưng

chúng không biết cung kính; người nuôi cha mẹ mà không cung kính thì khác gì chó ngựa nuôi chủ. Cũng ép nữa.

II.8

Tử Hạ vấn hiếu. Tử viết: “Sắc nan. Hữu sự, đệ tử phục kì lao, hữu tửu thực, tiên sinh soạn, tăng thị dĩ vi hiếu hồ?”

Dịch. – Tử Hạ hỏi về đạo hiếu. Khổng tử đáp: “Khó ở chỗ giữ được nét mặt vui vẻ. Khi cha có việc, con phải khó nhọc (để giúp cha), hoặc khi có cơm rượu, mời cha ăn uống, như vậy là hiếu chăng?”

Chú thích. – Chữ sắc trong bài trở nét mặt của con. Tử Hạ cương trực, nên Khổng tử khuyên như vậy. Nhưng có người cho là nét mặt của cha mẹ: con phải làm sao cho cha mẹ lúc nào cũng vui vẻ.

II.9

Tử viết: “Ngô dũ Hôi ngôn chung nhật, bất vi như ngu. Thoái nhi tỉnh kì tư, diệc túc dĩ phát. Hôi, đã bất ngu”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ta với (Nhan) Hôi nói (về đạo) suốt ngày, anh ấy không hỏi vặn ta điều gì cả, có vẻ như ngu đần. Nhưng khi anh ấy lui về, ta xét kĩ đời tư của anh ấy thì thấy cũng phát huy được lời ta giảng. Anh Hôi không phải là ngu”.

Chú thích. – Nhan Hôi, tự Tử Uyên, người nước Lỗ, học trò của Khổng tử, chết trước thầy, năm 32 tuổi.

II.10

Tử viết: Thị kì sở dĩ, quan kì sở do, sát kì sở an, nhân yên suu tai? Nhân yên suu tai?”

Dịch. – Khổng tử nói: “Xem việc làm của một người, tìm hiểu vì lẽ gì họ làm việc ấy, xét xem họ (làm việc đó) có an tâm (hay vui vẻ) không, như vậy người ta còn giấu mình sao được?”

II.11

Tử viết: “Ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sư hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ôn lại những điều cũ mà biết được điều mới (hoặc: ôn lại điều mình đã biết mà thêm điều mới) như vậy có thể làm thầy được”.

II.12

Tử viết: “Quân tử bất khí”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử không phải là một đồ dùng” (nghĩa là chỉ dùng vào được một việc, mà phải hiểu rộng, biết nhiều, làm được nhiều việc).

II.13

Tử Công vấn quân tử. Tử viết: “Tiên hành kì ngôn, nhi hậu tòng chi”.

Dịch. – Tử Công hỏi thế nào là quân tử. Khổng tử đáp: “Làm trước điều mình muốn nói rồi hãy nói sau”.

II.14

Tử viết: “Quân tử chu nhi bất tị, tiểu nhân tị nhi bất chu”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử thân với mọi người mà không kết đảng vì tư lợi; tiểu nhân kết đảng vì tư lợi mà không thân với mọi người”.

II.15

Tử viết: “Học nhi bất tư tắc vãng, tư nhi bất học tắc đãi”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Học mà không suy nghĩ thì mờ tối (không hiểu được gì, quá tin sách), suy nghĩ mà không học thì nguy hại (hao tâm lực)”.

Chú thích. – Có người hiểu là: suy nghĩ mà không học thì nghi hoặc, không biết thế nào là phải trái.

II.16

Tử viết: “Công hồ dị đoan, tư hại dã dĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Chuyên tâm nghiên cứu những cực đoan thì có hại”.

Chú thích. – Có người hiểu khác: công là công kích, dĩ nghĩa là [止] (chỉ): công kích những cái cực đoan thì ngăn được hại.

Lại có người cho *dị đoan* trở tà thuyết. Có thể như vậy, nhưng chắc chắn là Khổng tử không ám chỉ học thuyết Dương Chu, Mặc Dịch, vì thời ông học thuyết đó chưa xuất hiện.

Có người bảo *dị đoan* cũng như *lưỡng đoan* trong bài IX.7 là hai mặt của vấn đề. Xét cả hai mặt, rồi chiết trung thì ngăn được hại.

Chúng tôi hiểu *dị đoan* là không trung chính, nên dịch như trên.

II.17

Tử viết: “Do, hỡi nhữ tri chi hồ! Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Anh Do, ta dạy cho anh thế nào là “biết” này. Biết điều gì thì nhận là biết, không biết thì nhận không biết, như vậy là biết”.

Chú thích. – Do là tên, họ là Trọng. Trọng Do tự là Tử Lộ, người nước Lỗ, học trò Khổng tử, có sức mạnh, giỏi chính trị, kém Khổng tử mười tuổi.

II.18

Tử Trương học can lộc. Tử viết: “Đa văn, khuyết nghi, thận ngôn kì dư, tắc quả vuu. Đa kiến, khuyết đãi, thận hành kì dư, tắc quả hối. Ngôn quả vuu, hành quả hối, lộc tại kì trung hĩ”.

Dịch. – Tử Trương muốn học làm quan, được bổng lộc. Khổng tử bảo: “Nghe nhiều, điều gì còn nghi thì để đó, đừng nói, những điều còn lại (tin được) thì khi nói, phải thận trọng, như vậy sẽ ít lỗi. Thấy nhiều, điều gì chưa yên lòng (hoặc còn nghi ngờ) thì khi làm phải thận trọng, như vậy ít phải ăn năn. Lời nói ít lỗi lầm, việc làm ít ăn năn; bổng lộc tự nhiên trong đó (nghĩa là tự nhiên sẽ có).

Chú thích. – Tử Trương, họ Chuyên Tôn, tên Sư, học trò Khổng tử.

II.19

Ai công văn viết: “Hà vi tắc dân phục? Khổng tử đối viết: “Cử trực, thố chư ủng, tắc dân phục. Cử ủng thố chư trực, tắc dân bất phục”.

Dịch. – Vua Ai công hỏi: “Làm thế nào thì dân phục tòng?”

Khổng tử đáp: “Đề cử người ngay thẳng lên trên hạng người cong queo thì dân phục tòng, đề cử người cong queo lên trên người ngay thẳng thì dân không phục tòng”.

*Chú thích. – Ai công là vua nước Lỗ, con Định công, lên ngôi năm -494. Bài này có thể hiểu hai cách: chữ *thố* là bỏ, chữ *chư* là hết thảy, như vậy “cử trực thố chư ủng” nghĩa là: Dừng người ngay thẳng, bỏ hết những người cong queo.*

Chúng tôi hiểu theo Triệu Thông (*Luận ngữ dịch chú* – Hữu Liên xuất bản): *thố* là đặt lên, *chư* là hai chữ *chi* *ư* hợp lại (như từ *ảnh* = anh ấy của ta, hoặc từ *Smog* = *Smoke* + *fog* của Anh) mà dịch như trên. Triệu Thông cho rằng hiểu như vậy mới hợp với câu “cử trực thố chư ủng, năng sử ủng giả trực” trong bài 20 thiên XII (*Nhan Uyên*): cử đề cử người ngay thẳng lên trên người cong queo thì người cong queo cũng tự ý rút đi, nếu không tự sửa mình, không cần phải đuổi hết bọn họ đi.

II.20

Quý Khang tử vấn: “Sử dân kính, trung dĩ khuyến, như chi hà?

Tử viết: “Lâm chi dĩ trang tắc kính, hiếu từ tắc trung, cử thiện nhi giáo bất năng tắc khuyến”.

Dịch. – Quý Khang tử hỏi: “Muốn cho dân cung kính, trung thành và khuyên nhau làm điều thiện, thì làm cách nào?”

Khổng tử đáp: “Xử với dân mà nghiêm trang thì dân cung kính. Hiếu thuận (với cha mẹ), từ ái (với người dưới) thì dân trung thành. Cắt nhắc người tốt, dạy dỗ người không tốt thì dân khuyên nhau làm điều thiện”.

Chú thích. – Quý Khang tử, họ Quý Tôn, tên Phi, là một đại phu của Lỗ.

II.21

Hoặc vị Khổng tử viết: “Tử hê bất vi chính”.

Tử viết: “Thư vân: “Hiếu hồ duy hiếu, hữu vu huynh đệ”. Thi ư hữu chính, thị diệc vi chính, hê kì vi vi chính?”

Dịch. – Có người hỏi Khổng tử: “Tại sao ông không tòng chính (ra làm quan).”

Khổng tử đáp: “Kinh Thư có câu: “Hiếu thuận a, hiếu thuận với cha mẹ, thân ái a, thân ái với anh em”. Thi hành câu nói đó mà cảm hoá được hạng người cảm quyền, thì cũng là tòng chính, sao cứ tham gia chính sự mới là tòng chính?”

*Chú thích. – Chúng tôi dịch như trên theo cách chấm câu của một số học giả ngày nay: Triệu Thông trong sách đã dẫn, và Thẩm Tri Phương trong *Luận ngữ độc bản* – Khải Minh thư cục xuất bản. Hai nhà đó cho “Hiếu hồ duy hiếu” là chữ trong *Kinh Thư* ca tụng đức hiếu, cũng như mấy chữ “lễ hồ lễ” trong *Lễ Kí* là lời ca tụng lễ. Còn bốn chữ “Thi ư hữu chính” là lời của Khổng tử, nếu là lời của *Kinh Thư* thì không dùng chữ *ư* mà dùng chữ *vu* như câu trên.*

Các học giả thời trước chấm câu khác: Tử viết: “Thư vân hiếu hồ?” Duy hiếu, hữu vu huynh đệ, thi ư hữu chính”. Thị diệc vi chính... Họ cho “Thư vân hiếu hồ” là lời Khổng tử, mà “thi ư hữu chính” là lời trong *Kinh Thư*, và dịch là:

“Khổng tử đáp: “Có biết *Kinh Thư* nói về đạo hiếu chăng? Cho có hiếu với cha mẹ, hoà thuận với anh em, thì hành cho có chính sách. Ấy cũng là làm việc chính trị; tại sao cứ phải tòng chính mới là làm việc chính trị?”

Chấm câu cách nào thì ý nghĩa cũng không thay đổi. Khổng tử muốn nói: “ông không ra làm quan nhưng dạy người ta hiếu để, và người ta nghe ông, khi cảm quyền mà thi hành hành hiếu để, thì nước sẽ trị, như vậy cũng là ông giúp vào việc chính sự, giúp nước rồi.

II.22

Tử viết: “Nhân nhi vô tín, bất tri kì khả dã. Đại xa vô nghệ, tiểu xa vô ngột, kì hà dĩ hành chi tai?”

Dịch. – Khổng tử nói: “Người mà không đức tín thì không hiểu sao thành người được (hoặc làm

nên việc được). Cũng như xe lớn không có đòn nghê (đòn gỗ ngang để buộc trâu); xe nhỏ không có đòn ngột (đòn gỗ cong để buộc ngựa) làm sao mà đi được?”.

II.23

Tử Trương vấn: “Thập thế, khả tri dã?”.

Tử viết: “Ân nhân ư Hạ lễ, sở tồn ích khả tri dã. Chu nhân ư Ân lễ, sở tồn ích khả tri dã. Kì hoặc kế Chu giả, tuy bách thế, khả tri dã”.

Dịch. – Tử Trương hỏi: “Mười đời (sau này) có thể biết được không?”

Không tử đáp: “Nhà Ân theo “lễ” của nhà Hạ, thêm bớt cái gì, ta có thể biết được. Nhà Chu theo “lễ” của nhà Ân, thêm bớt cái gì, ta có thể biết được. Sau này hoặc có nhà nào nối nhà Chu, dù có trăm đời cũng có thể biết được”.

Chú thích. – Chữ thế (đời) ở đây nên hiểu là triều đại, chứ không phải là đời người. Chữ lễ có nghĩa rộng: điển chương, chế độ, nghi thức, tập tục. Không tử muốn nói sự diễn hoá của lịch sử theo luật nhân quả, do đó mà xét việc đời trước có thể biết được việc đời sau. – Nhà Hạ (2205-1767); nhà Thương sau đổi tên là Ân (1766-1122); nhà Chu (1122-274), ba triều đại đó nối nhau, gọi là tam đại.

II.24

Tử viết: “Phi kì quĩ, nhi tế chi, siểm dã. Kiến nghĩa bất vi, vô dũng dã”.

Dịch. – Không tử nói: “Không phải tổ tiên mình đã khuất mà mình tế thì là nịnh bợ; thấy việc nghĩa mà không làm là không có dũng”.

Trình tử: tức Trình Điều, là một danh Nho thời nhà Tống. (Goldfish).

Trên trang , có người bảo Phùng Hữu Lan, trong *Tân Nguyên Đạo*, cũng cho rằng chữ “nhĩ” (耳) nghĩa là “dĩ” (已), và câu “lục thập nhi nhĩ thuận” (六十而耳順) nên hiểu là “lục thập nhi dĩ thuận” (六十而已順). (Goldfish).

Tật: Trong phần Giới thiệu, chữ tương ứng chép là “bệnh” (chắc chép lầm). (Goldfish).

Dĩ: Trên mạng có bản chép là “dĩ” (已), có bản chép là “kĩ” (己). (Goldfish).

Nhữ: Nguyên văn chữ Hán là 女, ở đây đọc là “nhữ” và có nghĩa như chữ 汝 (nhữ). (Goldfish).

Ý nói: “chư” (諸) = “chi” (之) + “ư” (於). (Goldfish).

Khuyến: có bản chép là “khuyến” (勸), có bản chép là “cần” (勤). (Goldfish).

Kinh Thư có nhiều bản, chưa rõ bản nào.

Câu “Nhà Chu theo “lễ” của nhà Ân, thêm bớt cái gì, ta có thể biết được” là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

Quý là người đã chết.

THIÊN III

BÁT DẬT

III.1

Khổng tử vị Quý thị bát dật vũ ư đình: “Thị khả nhẫn dã, thực bát khả nhẫn dã”.

Dịch. – Khổng tử bàn về việc Quý Thị dùng vũ “bát dật” (của thiên tử) ở đại sảnh (họ Quý), bảo: “Việc đó nhẫn tâm làm được thì việc gì mà không nhẫn tâm làm được?”.

Chú thích. – Bài này nhiều bản cũ chấm câu như sau: “Khổng tử vị Quý thị: “Bát dật vũ ư đình, thị khả nhẫn dã...”, nghĩa là Khổng tử bảo Quý thị: “Vũ bát dật ở đại sảnh (nhà ông), việc đó ông nhẫn tâm làm được...”. Thời đó đã qui định: thiên tử mới dùng vũ bát dật: tám hàng người, mỗi hàng tám người; chư hầu thì lục dật: 6 hàng, mỗi hàng 6 người; khanh, đại phu thì tứ dật: 4 hàng, mỗi hàng 4 người; sĩ thì nhị dật: 2 hàng, mỗi hàng 2 người. Quý thị đây có lẽ là Quý Tôn Hoàn tử, chỉ là một đại phu nước Lỗ, không dùng vũ tứ dật, mà dùng vũ bát dật là dùng càng lễ thiên tử, trái phép.

III.2

Tam gia giả dĩ Ung triệt. Tử viết: “Tướng duy tịch công, thiên tử mục mục”, hề thủ ư tam gia chi đường?”.

Dịch. – Ba nhà đại phu (nước Lỗ: Mạnh Tôn, Thúc Tôn, Quý Tôn) cho hát Ung (một thiên trong Chu tụng – Kinh Thi) khi dẹp đồ tế lễ đi. Khổng tử nói: “(Hai câu trong thơ Ung đó:) “trợ tế là vua các chư hầu, thiên tử (làm chủ tế) thì rất nghiêm túc”, hát trong ba đại sảnh ba nhà đó thì còn ý nghĩa gì nữa?”.

Chú thích. – Theo lễ, khi thiên tử tế ở tôn miếu, thì các chư hầu trợ tế, và cho hát thơ Ung mà dẹp tế lễ. Khổng tử chê ba nhà đó, đã tiếm lễ của thiên tử, thơ Ung hát trong những trường hợp đó hoá vô nghĩa.

III.3

Tử viết: “Nhân nhi bất nhân, như lễ hà? Nhân nhi bất nhân, như nhạc hà?”.

Dịch. – Không tử nói: “Người không có đức nhân thì lễ mà làm gì? Người không có đức nhân thì nhạc mà làm gì?”.

Chú thích. – Không tử cho đức nhân là gốc của lễ nhạc.

III.4

Lâm Phong vẫn lễ chi bản. Tử viết: “Đại tai vắn! Lễ, dữ kì xa dã, ninh kiệm; tang dữ kì dị dã, ninh thích”.

Dịch. – Lâm Phong hỏi về gốc của lễ. Không tử đáp: “Câu hỏi đó quan trọng đấy! Lễ mà quá xa xỉ thì kiệm ước còn hơn; tang mà quá chú trọng nghi tiết thì thương sót còn hơn”.

Chú thích. – Không rõ Lâm Phong là ai.

III.5

Tử viết: “Di Địch chi hữu quân, bất như chư Hạ chi vô dã”.

Dịch. – Không tử nói: “Các nước Di, Địch (ở chung quanh Trung Quốc, lạc hậu) dù có vua cũng không bằng các nước Hoa Hạ (Trung Quốc) không có vua (vì Hoa Hạ có lễ nghi)”.

Chú thích. – Chu Hi cho hai chữ “bất như” là không giống; và nghĩa khác hẳn: Không tử có ý than thở các nước chư hầu hồi đó không cho thiên tử nhà Chu không ra gì, thành thử Trung Quốc cũng như không có vua. Hai theo hai cách đều được cả. Phải biết trong hoàn cảnh nào, Không tử nói câu đó thì mới rõ ông muốn nói gì.

III.6

Quý thị lữ ư Thái Sơn. Tử vị Nhiễm Hữu viết: “Nhữ phát năng cứu dư?” Đới viết: “Bất năng”. Tử viết: “Ô hô! Tăng vị Thái Sơn bất như Lâm Phong hồ?”.

Dịch. – Họ Quý tế lữ ở núi Thái Sơn. Không tử hỏi Nhiễm Hữu (làm quan tế của họ Quý): “Anh không ngăn được sao?” Nhiễm Hữu đáp: “Không ngăn được”. Không tử nói: “Than ôi! Vậy là cho rằng núi Thái Sơn không bằng Lâm Phong sao?”.

Chú thích. – Núi Thái Sơn ở nước Lỗ. Theo lễ thì chỉ vua Lỗ mới tế thần núi đó, Quý thị một đại phu, lại đó tế là tiếm lễ.

Thần núi Thái Sơn tất không hưởng tế lễ của Quý thị, vì nếu hưởng thì chẳng hoá ra thần không bằng Lâm Phong sao? (Lâm Phong là người hiếu lễ - coi bài 4 ở trên).

Nhiễm Hữu, họ Nhiễm, tên Cầu, học trò Không tử.

III.7

Tử viết: “Quân tử vô sở tranh, tất dã xạ hồ? Ấp nhượng nhi thắng, há nhi ảm, kì tranh dã quân

tử”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử không ganh đua với ai, nếu có thì chỉ trong lúc bán chẳng? Vải nhùng rồi mới bước lên, khi lui xuống thì mời người kia uống rượu. Ganh đua nhau như vậy mới là quân tử”.

III.8

Tử Hạ vẫn viết: “Xảo tiểu thiên hề, mỹ mục phán hề, tổ dĩ vi huyền hề” hà vị dã?” Tử viết: “Hội sự hậu tổ”. Viết: “Lễ hậu hò?” - Viết: “Khởi dư giả Thương dã! Thủy khả dữ ngôn Thi dĩ hĩ”.

Dịch. – Tử Hạ nói: “(Kinh Thi nói:) miệng xinh chúm chím cười, mắt đẹp long lanh sáng, trên nền trắng vẽ màu sắc sỡ” nghĩa là thế nào?”. Khổng tử đáp: “Có sẵn nền trắng rồi sau mới vẽ”. – Tử Hạ (lại hỏi): “(Nghĩa là) lễ phải ở sau (nhân) chẳng?” Khổng tử nói: “Anh Thương phát khởi được ý ta, như anh mới có thể giảng Kinh Thi cho được”.

Chú thích. – Khổng tử khen Tử Hạ nghe một biết hai.

III.9

Tử viết: “Hạ lễ, ngô năng ngôn chi, Kỉ bất túc trung dã; Ân lễ, ngô năng ngôn chi, Tống bất túc trung dã; văn hiến bất túc, cổ dã. Túc, tắc ngô năng trung chi hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Lễ chế nhà Hạ, ta có thể nói được, nhưng nước Kỉ không đủ làm chứng; lễ chế nhà Ân, ta có thể nói được, nhưng nước Tống không đủ làm chứng, vì văn kiện và người hiến hai nước đó không đủ. Nếu đủ thì ta có thể chứng minh lời ta nói được”.

Chú thích. – Nước Kỉ là hậu duệ của nhà Hạ, nước Tống là hậu duệ nhà Ân. Văn hiến: Văn là văn kiện, hiến là hiến tài.

Nên coi lại bài 23 thiên II. Khổng tử trong bài đó bảo nhà Ân theo lễ của nhà Hạ, thêm bớt gì ông biết được. Trong bài này ông bảo ông biết nhưng ông thể dẫn chứng được vì không đủ văn kiện và hiến tài.

III.10

Tử viết: “Đế (có sách đọc là duệ), tự kí quán nhi vãng giả, ngô bất dục quan chi hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Tế đế, từ lúc rót rượu xuống đất trở đi, ta không muốn xem nữa”.

Chú thích. – Tế đế là một tế lớn đời xưa, năm năm một lần, làm ở tôn miếu nhà vua. Có sách nói rót rượu xuống đất là để dâng thần, rồi mới bày bài vị tổ tiên để tế. Khổng tử không muốn xem việc bày bài vị đó vì vua Lỗ Văn công bày bài vị sai, không hợp lễ, đặt bài vị Hi công ở trên bài vị Mẫn công. Hi công là anh của Mẫn công, giết Mẫn công để cướp ngôi. Văn công là con Hi công cho nên đặt cha trên Mẫn công. Khổng tử cho Mẫn công mới thực là vua, Hi công thì quân để tiềm vị, phải đặt bài vị của Mẫn công lên trên.

III.11

Hoặc vấn đề chi thuyết. Tử viết: “Bất tri dã. Tri kì thuyết chi ư thiên hạ dã, kì như thị chư ư hồ?” Chi kì chương.

Dịch. – Có người hỏi về thuyết tế đế. Khổng tử đáp: “Không biết. Nếu biết thuyết ấy, thì việc trị thiên hạ cũng như ở trong cái này chẳng?” Ngài vừa nói vừa chỉ vào bàn tay.

Chú thích. – Khổng tử chủ trương dùng lễ để trị thiên hạ. Tế đế là một tế quan trọng, nếu hiểu được nó (biết được lễ) thì trị thiên hạ rất dễ. Ông nói không hiểu thuyết tế đế, có thể vì không muốn vạch lỗi của vua Lỗ khi làm tế đó chẳng?

III.12

Tế như tại, tế thần như thần tại.

Tử viết: “Ngô bất dữ tế, như bất tế”.

Dịch. – Tế tổ tiên như tổ tiên ở trước mặt, tế thần như thần ở trước mặt.

Khổng tử nói: “Khi ta (vì lễ gì) không đích thân đứng tế (mà mượn người thay) tuy có tế đấy, vẫn (ân hận) như chưa tế”.

III.13

Vương Tôn Giả vẫn viết: “Dữ kì mị ư Áo, ninh mị ư Táo”; hà vị dã?”. Tử viết: “Bất nhiên - Hoạch tội ư thiên, vô sở đảo dã”.

Dịch. – Vương Tôn Giả (một đại phu cầm quyền ở Vệ) hỏi: “Tục ngữ có câu: “Ninh thần Áo, thà ninh thần Táo còn hơn”, câu ấy có nghĩa gì? Khổng tử đáp: “Không phải vậy. Mắc tội với trời thì cầu đảo đâu cũng vô ích”.

Chú thích. – Thần Áo là thần trong nhà, thần Táo là thần trong bếp. Thần Táo thấp hơn thần Áo nhưng coi việc bếp nước, ăn uống, nên quan trọng hơn.

Có người cho rằng Vương Tôn Giả nói bóng bẩy: Thần Áo chỉ Vệ Linh công, thần Táo chỉ nàng Nam Tử và Di Tử Hà, những người Vệ Linh công yêu. Khổng tử như muốn được dùng ở Vệ thì lấy lòng Vệ Linh công không bằng lấy lòng Nam Tử và Di Tử Hà. Khổng cự tuyệt một cách khéo léo. Ông cứ theo đạo trời, ngay thẳng, chẳng cần lấy lòng ai cả.

III.14

Tử viết: “Chu giám ư nhị đại, úc úc hồ văn tai! Ngô tông Chu”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Nhà Chu châm chước lễ chế của hai triều đại trước (Hạ, Ân) nên văn vẻ rực rỡ biết bao! Ta theo Chu”.

III.15

Tử nhập thái miếu, mỗi sự vấn. Hoặc viết: “Thục vị Trâu nhân chi tử tri lễ hồ, nhập thái miếu, mỗi sự vấn”. Tử văn chi, viết: “Thị lễ dã”.

Dịch. – Không tử vào thái miếu, thấy việc gì cũng hỏi. Có kẻ bảo: “Ai bảo con người đất Trâu (quê hương của Không tử ở Lô) ấy biết lễ. (Nếu biết thì sao) vào thái miếu, thấy gì cũng hỏi”.

Không tử hay được bảo: “Như vậy là lễ đấy”.

Chú thích. – Vô thái miếu thờ Chu công ở Lô, mà hỏi từng chút cho biết kĩ, đó là thái độ kính cẩn, là lễ. Không xấu hổ hỏi người, cũng là lễ (khiêm tốn) nữa.

III.16

Tử viết: “Xạ bất chủ bì, vị lực bất đồng khoa, cổ chi đạo dã”.

Dịch. – Không tử nói: “Bắn (cốt trúng chứ) không cốt xuyên qua tấm da, vì sức không đều nhau (nghĩa là không phải để độ sức), đạo xưa như vậy”.

III.17

Tử Cống dực khứ Cáo (thời xưa đọc là cốc) sóc chi khái (có người đọc là hí) dương. Tử viết: “Tứ dã, nhĩ ái kì dương, ngã ái kì lễ”.

Dịch. – Tử Cống muốn bỏ việc dâng cừu trong lễ Cáo sóc. Không tử bảo: “Tứ, anh tiếc con cừu, ta tiếc cuộc lễ”.

Chú thích. – Đời Chu, vào thu hay đông mỗi năm, thiên tử ban lịch năm sau cho chư hầu, vua chư hầu cắt vào trong tổ miếu, năm sau mới mở ra coi; cứ ngày sóc (mùng một) mỗi tháng giết một con cừu để cúng tổ tiên. Lễ đó là lễ Cáo sóc.

Lễ xong rồi, vua mới họp triều. Vua Lô đã bỏ lễ đó từ lâu, không tới tổ miếu làm lễ mà có khi ngày mùng một cũng không họp triều nữa; nhưng người ta vẫn giết một con cừu để dâng ở tổ miếu. Tử Cống muốn bỏ hình thức đó đi, Không tử muốn giữ lại để người ta đừng quên lễ.

III.18

Tử viết: “Sự quân tận lễ, nhân dĩ vi siểm dã”.

Dịch. – Không tử nói: “Thờ vua hết lễ thì người ta cho là nịnh”.

Chú thích. – Không tử than về thói đời thời đó coi vua không ra gì.

III.19

Định công vấn: “Quân sử thần, thần sự quân, như chi hà? Không tử đối viết: “Quân sử thần dĩ lễ,

thần sự quân dĩ trung”.

Dịch. – (Vua Lỗ là) Định công hỏi: “Vua khiến bề tôi, bề tôi thờ vua, phải như thế nào?”. Không tử đáp: “Vua khiến bề tôi phải giữ lễ, bề tôi thờ vua phải trung (hết lòng)”.

III.20

Tử viết: “*Thư cưu lạc nhi bất dâm, ai nhi bất thương*”.

Dịch. – Không tử nói: “Thiên Thư cưu trong Kinh Thi, vui mà không quá mức, buồn mà không thương tổn” (Nghĩa là vui buồn đều trúng tiết, vừa phải).

Chú thích. – Chữ dâm ở đây có người hiểu là dâm đảng như ngày nay; thời xưa, hễ quá mức thì đều gọi là dâm.

Thiên *Thư cưu* ở đầu *Kinh Thi* vinh một người quân tử tìm một người thực nữ để cưới, tìm chưa được thì ước mong, không ngủ được; tìm được rồi thì hưởng cảnh cầm sắt hoà hợp.

III.21

Ai công vấn xã ư Tể Ngã. Tể Ngã đối viết: “Hạ hậu thị dĩ tòng, Ân nhân dĩ bá, Chu nhân dĩ lật, viết: sử dân chiến lật”.

Tử văn chi, viết: “Thành sự bất thuyết, toại sự bất gián, kí vãng bất cửu”.

Dịch. – (Vua Lỗ) Ai công hỏi Tể Ngã về việc lập đàn xã. Tể Ngã đáp: “Nhà Hạ trồng cây tòng ở đàn xã, nhà Ân trồng cây bá, nhà Chu trồng cây lật, là có ý khiến dân phải sợ hãi.

Chú thích. – Tể Ngã, tên Dư, học trò Không tử.

III.22

Tử viết: “Quản Trọng chi khí tiểu tai!”

Hoặc viết: “Quản Trọng kiệm hò?” - Viết: “Quản thị hữu tam qui, quan sự bất nhiếp, yên đắc kiệm?”

- “Nhiên tắc Quản Trọng tri lễ hò?” - Viết: “Bang quân thụ tắc môn, Quản thị diệt thụ tắc môn. Bang quân vi lương quân chi hiếu hữu phản điểm; Quản thị diệt hữu phản điểm. Quản thị nhi tri lễ, thực bất tri lễ?”

Dịch. – Không tử nói: “Khí lương của Quản Trọng nhỏ nhen thay! Có người hỏi: “Quản Trọng tiết kiệm không?” Không tử đáp: “Họ Quản thu thuế “tam qui” không cho gia thân nào kiêm nhiếp nhiều việc, sao gọi là tiết kiệm được?”

- “Thế Quản Trọng có biết lễ không?” – Đáp: “Vua Tề dựng bình phong che cửa, Quản Trọng

cũng dựng bình phong che cửa: vua Tề khi khoản đãi hai vua nước ngoài, dùng cái phản điểm. Quân Trọng mà biết lễ thì ai mà không biết lễ?”.

III.23

Tử ngữ Lỗ thái sư nhạc viết: “Nhạc kì khả tri dã: thủy tác, hấp như dã, tưng chi, thuần như dã, kiều như dã, dịch như dã, dĩ thành”.

Dịch. – Khổng tử nói về nhạc lí với nhạc quan nước Lỗ: “Có thể biết được phép tấu nhạc: mới đầu, các âm thanh phân khởi nhiệt liệt; rồi tới khúc phóng thì các âm thanh thuần nhiên điều hoà, rõ ràng, lại liên tục nhau, như vậy là thành khúc nhạc”.

III.24

Nghi phong nhân thỉnh kiến, viết: “Quân tử chí chí ư tư dã, ngô vị thường bất đắc kiến dã”. Tòng giả kiến chi.

Xuất viết: “Nhị tam tử hà hoạn ư táng hồ? Thiên hạ chi vô đạo dã cửu hĩ, thiên tương dĩ phu tử vi mộ đặc”.

Dịch. – Viên quan phong nhân (giữ biên cương) ở ấp Nghi (của Vệ) xin được yết kiến Khổng tử, bảo: “Bậc quân tử (tức có đạo đức) nào tới đây, không có ai mà tôi không được yết kiến”. Học trò theo hầu Khổng tử thông báo với thầy rồi dắt vào.

Viên quan đó, (yết kiến rồi) ra bảo: “Mấy thầy đừng lo phu tử mất chức. Thiên hạ vô đạo (tức loạn) đã lâu rồi, Trời sẽ dùng phu tử làm cái mồi gỗ (để tuyên dương giáo hoá)”.

III.25

Tử vị Thiệu: “Tận mỹ hĩ, hựu tận thiện dã”, vị Võ: “Tận mỹ hĩ, vị tận thiện dã”.

Dịch. – Khổng tử khen nhạc Thiệu: “Cực hay lại cực tốt lành”, khen nhạc Võ: “Cực hay, nhưng chưa cực tốt lành”.

Chú thích. – Thiệu là nhạc của vua Thuấn, Võ là nhạc của Võ vương nhà Chu. Thuấn nối vua Nghiêu, làm cho thiên hạ thịnh trị; Võ vương diệt Trụ để cứu dân, công hai ông đó ngang nhau; nhưng Thuấn được Nghiêu truyền ngôi, Võ phải đánh dẹp thiên hạ mới được ngôi. Khổng tử cho như vậy là đức của Võ không bằng của Thuấn. Mỹ là hay về thanh điệu; thiện là xét về nội dung. Bài này tỏ rằng Khổng tử không ưa dùng võ lực, không ưa cách mạng, dù là chính đáng. Ông thích truyền ngôi cho người hiền hơn là cho con.

III.26

Tử viết: “Cư thượng bất khoan, vi lễ bất kính, lâm tang bất ai, ngô hà dĩ quan chi tai”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ở bậc trên mà không khoan hồng, làm lễ mà không nghiêm túc, gặp việc tang mà không bi thương, hạng người như vậy còn có gì cho ta xét nữa?”.

Lâm Phỏng: Theo lời chú giải trên trang thì Lâm Phỏng (林放) là người nước Lỗ thời Xuân Thu, học trò của Khổng tử. (Goldfish).

Vô: Nguyên văn chữ Hán là 亡, ở đây đọc là “vô” và có nghĩa như chữ 無 (vô). (Goldfish).

Nhữ: Nguyên văn chữ Hán là 女 (xem chú thích trong bài II.19 ở trên). (Goldfish).

Thương: Thương là tên của Tử Hạ, Khổng tử gọi học trò bằng tên (tương tự như trong bài I.15: Khổng tử gọi Tử Cống là Tứ; trong bài II.17: gọi Tử Lộ là Do). (Goldfish).

Hai câu này trong thiên *Thạc nhân, Vệ phong*.

Câu cuối cùng này không biết ở đâu.

Chúng tôi thêm chữ “nhân” là theo ý trong bài III.3.

Câu này là lời môn sinh chép thái độ của Khổng tử khi tế, chứ không phải là lời của Khổng tử.

Lâm Ngữ Đường hiểu là “nếu ta không chú ý hết vào”.

Đoạn sau đây là do tôi chép thêm: *Tử nhập thái miếu, mỗi sự vấn. Hoặc viết: “Thực vị Trâu nhân chi tử tri lễ hồ, nhập thái miếu, mỗi sự vấn”*. Nguyên văn chữ Hán:

子入大廟，每事問。或曰：“孰謂鄒之弟子知禮乎？入大廟，每事問。” (Chữ 大 ở đây đọc là “thái” và có nghĩa như chữ 泰. (Goldfish).

Thư cưu: Nhiều bản trên mạng chép là “Quan thư” (關雎). Có người gọi thiên bắt đầu bằng câu: “*Quan quan thư cưu*” (關關雎鳩) là thiên *Quan thư*. (Goldfish).

Đoạn này, ebook nguồn không có lời dịch. (Goldfish).

Đàn xã để thờ thần đất, bên đàn trồng một thứ cây nào đó hợp với khí hậu, địa chất, vì vậy mỗi thời trồng một loại cây. (Cũng có thuyết cho rằng bài vị thờ thần mỗi thời làm bằng một thứ gỗ đặc biệt: gỗ tùng, bách hay lật).

Nhà Chu trồng cây “lật”, chữ lật này với chữ lật là run sợ đọc như nhau, dùng thay nhau được. Tề Ngã nhân đó, giảng bậy như trên, khiến Ai công hoá ra hiểu sát. Khổng tử chê Tề Ngã nói bậy, nhưng việc đã qua rồi, không trách nữa, và có ý khuyên Tề Ngã lần sau phải thận trọng trong lời nói.

Quản Trọng, tên Di Ngô, làm tướng quốc Tề Hoàn công thời Xuân Thu, có tài, làm cho Tề thành một nước giàu mạnh, bá chủ chư hầu. Khổng tử chê Quản Trọng không có hoài bão viễn đại, chỉ thực hành được bá đạo thôi.

Tam qui: có rất nhiều thuyết, đều khó tin. Các sách thường giảng là đài tam qui, cất đài được tức là giàu lắm, xa xỉ lắm. Triệu Thống cho tam qui là thuế chợ. Thuế chợ từ trước đều nộp vô kho nhà nước. Tề Hoàn công từ khi làm bá, thường công Quản Trọng, cho thu thuế chợ, cho nên Quản Trọng giàu lắm, hoá xa xỉ. Chúng tôi tạm theo thuyết ấy.

Phản điểm: cái kiếp bằng đất, để khi các chư hầu uống rượu xong, đặt chén lên đó. Thời đó chỉ có vua chư hầu mới dùng “tắc môn” (bình phong che cửa) và “phản điểm”. Quản Trọng dùng hai cái đó là tiếm vị, trái lễ, vì vậy mà Khổng tử chê là không biết lễ, khí lượng nhỏ nhen.

Thái: nguyên văn: chữ Hán là 大. (xem chú thích trong bài III.16 ở trên).

THIÊN IV

LÍ NHÂN

IV.1

Tử viết: “Lí nhân vi mỹ. Trạch bất xử nhân, yên đắc trí?”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Làng nào có đức nhân, là nơi ấy tốt. Chọn chỗ ở mà không lựa chọn nơi có đức nhân, thì sao gọi là sáng suốt được”.

IV.2

Tử viết: “Bất nhân giả, bất khả dĩ cửu xứ ước, bất khả dĩ trường xứ lạc. Nhân giả an nhân, trí giả lợi nhân”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người không có đức nhân thì không thể ở lâu trong cảnh khó khăn, cũng không thể ở lâu trong cảnh hoan lạc. Người có đức nhân vui lòng làm điều nhân, người thông minh sáng suốt biết rằng đức nhân có lợi cho mình và cho người nên làm điều nhân”.

Chú thích. – Chữ *an nhân* và chữ *lợi nhân* ở đây, nghĩa cũng như “an nhi hành chi, lợi nhi hành chi” trong sách *Trung dung*.

IV.3

Tử viết: “Duy nhân giả năng hiếu nhân, năng ố nhân”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Chỉ có người đức nhân mới biết yêu người, ghét người (một cách công tâm, chính đáng)”.

IV.4

Tử viết: “Cầu chí ư nhân hĩ, vô ác dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Nếu quyết chí thực hành đức nhân thì không làm điều ác”.

IV.5

Tử viết: “Phú dữ quý, thị nhân chi sở dục dã, bất dĩ kì đạo đắc chi, bất xử dã. Bần dữ tiện, thị nhân chi sở ố dã, bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất khứ dã. Quân tử khứ nhân, ố hô thành danh? Quân tử, vô chung thực chi gian vi nhân, thảo thứ tất ư thị, điền bái tất ư thị”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Giàu và sang, người ta ai cũng muốn, nhưng chẳng phải đạo mà được giàu sang thì người quân tử chẳng thèm. Nghèo và hèn, người ta ai cũng ghét, nhưng chẳng lỗi đạo mà phải nghèo thì người quân tử chẳng bỏ”.

- Người quân tử mà bỏ đức nhân thì làm sao được gọi là quân tử?

- Người quân tử dù trong bữa ăn (một thời gian ngắn) cũng không làm trái điều nhân, dù trong lúc vô vàng cũng theo điều nhân”.

IV.6

Tử viết: “Ngã vị kiến hiếu nhân giả, ố bất nhân giả. Hiếu nhân giả, vô dĩ thượng chi; ố bất nhân giả, kì vi nhân hĩ, bất sử bất nhân giả gia hồ kì thân. Hữu năng nhất nhật dụng kì lực ư nhân hồ? Ngã vị kiến lực bất túc giả. Cái hữu chi hĩ, ngã vị chi kiến dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ta chưa thấy ai thật ham điều nhân và ai thật ghét điều bất nhân, Người thật ham điều nhân thì không cho điều gì hơn điều nhân; người thật ghét điều bất nhân thì khi làm điều nhân không để cho điều bất nhân vướng vào mình. Có ai trọn ngày tận lực làm điều nhân chẳng? Ta chưa thấy ai không đủ sức làm điều nhân cả. Hoặc có chẳng mà ta chưa thấy”.

IV.7

Tử viết: “Nhân chi quá dã, các ư kì đẳng. Quan quá, tư tri nhân hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Lỗi của một người thuộc về từng loại. Xét một người phạm những lỗi nào, có thể biết người đó có đức nhân hay không”.

Chú thích. – Thí dụ: người có đức nhân, thường mắc lỗi quá hậu, quá thương người; người thiếu đức nhân thường ngược lại, quá bạc, quá tàn nhẫn.

Có người cho rằng chữ nhân [仁] trong “tư tri nhân hĩ” nên sửa là [人] (người) và giảng là: “biết được hạng người nào”, như vậy dễ hiểu hơn, nhưng ý nghĩa tầm thường.

IV.8

Tử viết: “Triêu văn đạo, tịch tử khả hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Sáng được nghe đạo lí, tối chết cũng được (không hận)”.

IV.9

Tử viết: “Sĩ chí ư đạo nhi sĩ ác y ác thực giả, vị túc dữ nghị dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người nào để chí vào đạo mà thẹn vì cái ăn cái mặc thì chưa thể đem đạo bàn được”.

IV.10

Tử viết: “Quân tử chi ư thiên hạ dã, vô thích (có sách đọc là dịch) dã, vô mặc dã, nghĩa chi dữ ti”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Cách xử sự của người quân tử không nhất định phải như vậy mới được, không nhất định như kia là không được, cứ hợp nghĩa thì làm”.

Chú thích. – Thái độ đó là vô khả, vô bất khả.

IV.11

Tử viết: “Quân tử hoài đức, tiểu nhân hoài thổ, quân tử hoài hình, tiểu nhân hoài huệ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử nghĩ làm sao cho đạo đức tăng tiến, kẻ tiểu nhân nghĩ làm sao cho đời sống được yên ổn; người quân tử nghĩ làm sao khỏi trái với phép nước, kẻ tiểu nhân nghĩ làm sao được ân huệ người khác”.

IV.12

Tử viết: “Phóng ư lợi nhi hành, đa oán”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Hàng động mà theo lợi thì gây nhiều oán” (Người oán mình mà mình cũng oán người).

IV.13

Tử viết: “Năng dĩ lễ nhượng vi quốc hò hà hữu? Bất năng dĩ lễ nhượng vi quốc, như lễ hà?”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Biết dùng lễ nhượng trị nước thì có khó gì đâu? Nếu không dùng lễ nhượng trị nước thì dù có lễ chế tốt cũng như không?”.

IV.14

Tử viết: “Bất hoạn vô vị, hoạn sở dĩ lập. Bất hoạn mặc kỉ tri, cầu vi khả tri dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Đừng lo không có chức vị, chỉ lo không đủ tài đức để nhận chức vị. Đừng lo không ai biết mình, chỉ mong sao mình có tài đức để cho người ta biết đến”.

IV.15

Tử viết: “Sâm hồ! Ngô đạo nhất dĩ quán chi”. Tăng tử viết: “Duy”. Tử xuất, môn nhân vẫn viết: “Hà vị dã?” Tăng tử viết: “Phu tử chi đạo, trung thứ nhi dĩ hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Sâm này! Đạo của ta chỉ có một lẽ mà thông suốt cả”. Tăng tử thưa: “Dạ”.

Khổng tử ra rồi, các môn sinh khác hỏi Tăng tử: “Thầy muốn nói gì vậy?” Tăng tử đáp: “Đạo của thầy chỉ có trung, thứ mà thôi”.

IV.16

Tử viết: “Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử hiểu rõ về nghĩa, kẻ tiểu nhân hiểu rõ về lợi”.

Chú thích. – Hiểu rõ nghĩa là thích nghĩa. Hiểu rõ lợi nên thích lợi. Có sách bàn thêm: Vì tiểu nhân hiểu rõ về lợi, thích lợi, cho nên người quân tử (trị dân) riêng về mình thì không nên nói về lợi, nhưng phải xét cái lợi của tiểu nhân (dân) mà làm lợi cho họ.

IV.17

Tử viết: “Kiến hiền, tư tề yên; kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Thấy người hiền thì mong làm sao bằng người; thấy người bất hiền thì phải tự xét mình (có mắc tật của người đó không)”.

IV.18

Tử viết: “Sự phụ mẫu ki gián, kiến chí bất tòng, hựu kính bất vi; lao nhi bất oán”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Thờ cha mẹ, nên nhỏ nhẹ khuyên can, nếu thấy cha mẹ không theo ý mình thì vẫn cung kính mà không xúc phạm cha mẹ; tuy khó nhọc, lo buồn, nhưng không được oán hận”.

IV.19

Tử viết: “Phụ mẫu tại, bất viễn du. Du tất hữu phương”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Cha mẹ còn thì con không nên đi chơi xa. Nếu đi thì phải có nơi nhất định”.

IV.20

Tử viết: “Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hĩ”. (Bài này trùng với nửa dưới bài I.11, nên không dịch lại).

IV.21

Tử viết: “Phụ mẫu chi niên, bất khả bất tri dã: nhất tắc dĩ hĩ, nhất tắc dĩ cụ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Tuổi của cha mẹ, không thể không biết: một là để mừng (vì cha mẹ sống lâu), một là để lo (vì cha mẹ già yếu).”

IV.22

Tử viết: “Cổ giả ngôn chi bất xuất, sĩ cung chi bất đãi dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người xưa thận trọng lời nói, sợ sẽ xấu hổ nếu nói mà làm không được”.

IV.23

Tử viết: “Dĩ ước thất chi giả tiền hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ít có người biết tự tiết chế mà phạm lỗi”.

Chú thích. – Có thể hiểu là: Người nào biết tự chế (không phóng túng) thì ít khi phạm tội.

IV.24

Tử viết: “Quân tử nột ư ngôn, nhi mẫn ư hành”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử chậm chạp (thận trọng) về lời nói, mà mau mắn về việc làm”.

IV.25

Tử viết: “Đức bất cô, tất hữu lân”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người có đức thì không cô độc, tất có người đồng đạo kết bạn với mình như ở đâu thì có láng giềng ở đó”.

IV.26

Tử Du viết: “Sự quân sắc, tư nhục hĩ; bằng hữu sắc, tư sơ hĩ”.

Dịch. – Tử Du nói: “Thờ vua mà can gián nhiều lần quá thì sẽ bị nhục, chơi bạn mà can gián nhiều lần quá thì bạn sẽ xa mình”.

Chú thích. – Có người hiểu “sắc” là thân mất quá; và ý bài này như ý trong câu: “Quân tử chi giao đạm như thủy”: người quân tử lạnh nhạt như nước lã trong sự giao thiệp, không vô vập quá.

Lại có người hiểu “sắc” là khoe công lao (!)

“Bất dĩ kì đạo đắc chí” có thể hiểu là không đáng được mà được, không đáng bị mà bị.
Có sách châm câu: “...bất dĩ kì đạo, đắc chí bất xử dã... bất dĩ kì đạo, đắc chí bất xử dã”,
nghĩa đại khái cũng như vậy.

Tiểu nhân hoài thổ (小人懷土): Có lẽ cụ Nguyễn Hiến Lê cho chữ “thổ”, tương tự với cách
giải thích trên trang, có nghĩa là “an đặt chi xứ” 安逸之處. Có người hiểu “thổ” là “địa lợi”,
cũng có người hiểu “thổ” là “hương thổ”. (Goldfish).

Trung là làm hết sức mình; *thứ* là suy lòng mình mà biết lòng người, mình không muốn điều
gì thì người cũng không muốn điều đó.
[Trong cuốn *Khổng tử*, cụ Nguyễn Hiến Lê bảo: “...*nhân* [tức đức nhân] có hai phần: tích cực
và tiêu cực. Tích cực là “kỉ dục lập nhi nhập nhân, kỉ dục đạt nhi đạt nhân (đó là đức *trung*, yêu
người, hết lòng với người); tiêu cực là “kỉ sở bất dục vật thi ư nhân” (đây là đức *thứ*. Chữ thứ
gồm chữ *như* ở trên, chữ *tâm* ở dưới [tức 恕], nghĩa là suy lòng mình mà biết được lòng người,
mình muốn cái gì thì người cũng muốn cái đó, vậy nên làm cho người những cái mà mình muốn
và đừng làm cho người những cái mà mình không muốn). Nhân là trung, thứ, tức là đạo đối với
người, nhưng đồng thời cũng là đạo đối với mình nữa: kỉ dục lập, kỉ dục đạt; mình phải muốn
lập thân, thành công thì mới có thể giúp người lập thân, thành công được. Nhân vừa là tu thân
vừa là ái nhân, vừa là xử kỉ vừa là tiếp vật”. (Goldfish)].

THIÊN V

CÔNG DÃ TRÀNG

V.1

Tử vị Công Dã Trảng: “Khả thế dã. Tuy tại luy tiết chi trung, phi kì tội dã”. Dĩ kì tử thế chi.

Tử vị Nam Dung: “Bang hữu đạo bất phế; bang vô đạo miễn ư hình lục”. Dĩ kì huynh chi tử
thế chi”.

*Dịch. – Khổng tử khen Công Dã Trảng: “Có thể gả con gái cho trò ấy. Tuy bị tù, nhưng
không phải tội của nó”. Rồi đem con gái gả cho.*

*Khổng tử khen Nam Dung: “Nước có đạo (chính trị tốt) trò ấy tất được dùng; nước mà vô
đạo (chính trị xấu, hôn ám) thì không bị hình phạt”. Rồi đem con gái của anh gả cho.*

V.2

Tử vị Tử Tiễn: “Quân tử tại nhược nhân; Lỗ vô quân tử giả, tư yên thủ tư?”.

*Dịch. – Khổng tử khen Tử Tiễn: “Quân tử thay Tử Tiễn! Nước Lỗ mà không có người quân tử thì
trò ấy làm sao có được phẩm cách như vậy”.*

V.3

Tử Cống vẫn viết: “Tứ đã hà như?” Tử viết: “Nhữ, khí đã”. Viết: “Hà khí đã?” Viết: “Hò liên đã”.

Dịch. – Tử Cống hỏi: “Còn Tứ (tên Tử Cống) con như thế nào?”

Khổng tử đáp: “Anh như một đồ dùng”.

Lại hỏi: “Thứ đồ dùng nào?”

Đáp: “Như cái hồ liên” (Một thứ liên đẹp, quý dùng đựng xôi để cúng).

Chú thích. – Thấy Khổng tử khen Tử Tiễn, Tử Cống cũng muốn được thầy khen nên hỏi như vậy, Khổng tử đáp: “Như một đồ dùng”, ý nói Tử Cống chỉ dùng vào được một việc, chưa được vào hạng đa tài. (khí – coi II.12). Tử Cống chắc hơi thất vọng lại hỏi nữa. Khổng tử an ủi: Tuy là một đồ dùng nhưng là một đồ dùng quý.

V.4

Hoặc viết: “Ung đã nhân nhi bất nịnh”. Tử viết: “Yên dụng nịnh? Ngũ nhân dĩ khẩu cấp, lữ tăng ư nhân. Bất tri kì nhân, yên dụng nịnh?”

Dịch. – Có người báo với Khổng tử: “Thầy Ung là người nhân nhưng không có tài ăn nói”. Khổng tử đáp: “Cần gì phải dùng tài ăn nói? Ung đối với người, mà khéo biện luận, thường bị người ta biết thôi. Ta không biết anh ấy có đức nhân không, nhưng cần gì phải dùng tài ăn nói”.

V.5

Tử sử Tất Điều Khai sĩ. Đối viết: “Ngô tư chi vị năng tín”. Tử duyệt.

Dịch. – Khổng tử bảo Tất Điều Khai ra làm quan. Tất Điều Khai đáp: “Con chưa tin mình có thể làm quan được”. Khổng tử vui lòng.

V.6

Tử viết: “Đạo bất hành, thừa phu phù ư hải, tòng ngã giả, kì Do dư? Tử Lộ vẫn chi hi. Tử viết: “Do đã, hiểu dũng quá ngã, vô sở thủ tài”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Đạo của ta không thi hành được, ta sẽ cưỡi bè vượt biển (đi nước ngoài, có thể trở Triều Tiên) người theo ta có lẽ là anh Do chăng? Tử Lộ nghe vậy mừng. Khổng tử nói tiếp: “Anh Do hiểu Dũng hơn ta, nhưng ta chưa có tài liệu (gỗ) để làm bè”.

Chú thích. – Chữ tài (là tài liệu), có nhà nghĩ chữ tài nghĩa là tiết chế, chọn lựa, (chê Tử Lộ hiểu dũng nhưng không sáng suốt) hoặc là: không biết xét đoán, không hiểu rằng Khổng tử chỉ muốn nói đùa, chứ đâu có ý bỏ Trung Quốc mà đi.

Lại có nhà bảo chữ *tai* đó chính là *tai* và Khổng tử chê Tử Lộ là hiểu đúng, nhưng vô dụng. Cách hiểu đó sai. Tử Lộ là một học trò giỏi, (coi bài dưới đây), không lí gì Khổng tử chê như vậy.

V.7

Mạnh Võ Bá vấn: “Tử Lộ nhân hồ?”. Tử viết: “Bất tri dã”. Hựu vấn. Tử viết: “Do dã, thiên thặng chi quốc khả sử tri kì phú; bất tri kỳ nhân dã”.

- “Cầu dã hà như?”. Tử viết: “Cầu dã, thiên thặng chi ấp, bách thặng chi gia, khả sử vi chi tể dã; bất tri kì nhân dã?”

- “Xích dã hà như?” Tử viết: “Xích dã, thục đãi lập ư triều, khả sử dữ tân khách ngôn dã; bất tri kì nhân dã”.

Dịch. – Mạnh Võ Bá hỏi: “Thầy Tử Lộ phải là người nhân không”. Khổng tử đáp: “Không biết”. Lại hỏi nữa, Khổng tử bảo: “Anh Do có thể điều khiển quân đội một nước có ngàn binh xa; còn nhân hay không thì không biết”.

- “Thầy Cầu là người thế nào?” Khổng tử đáp: “Anh Cầu có thể làm quan tể cai trị một ấp có ngàn nhà hoặc một thái ấp (của một quý tộc) có trăm binh xa; còn nhân hay không thì không biết”.

- “Thầy Xích là người thế nào?” Khổng tử đáp: “Anh Xích có thể thắt đai (bận lễ phục) đứng ở triều đình để tiếp đãi tân khách; còn nhân hay không thì không biết”.

V.8

Tử vị Tử Cống viết: “Nhữ dữ Hôi dã, thục dữ?”. Đới viết: “Tứ dã hà cảm vọng Hôi, Hôi dã, văn nhất dĩ tri thập, Tứ dã, văn nhất dĩ tri nhị”.

Tử viết: “Phát như dã. Ngô dữ nhữ phát như dã”.

Dịch. – Khổng tử hỏi Tử Cống: “Anh với anh Hôi, ai hơn?” Tử Cống đáp: “Tứ con đâu dám được như anh Hôi. Anh ấy nghe một biết mười, con nghe một chỉ biết hai”. Khổng tử bảo: “Phải, anh không bằng. Ta đồng ý với anh rằng anh không bằng anh Hôi”.

*Chú thích. – Câu cuối Hán nho hiểu là: ta với anh đều không bằng anh Hôi và bảo Khổng tử muốn an ủi Tử Cống đừng buồn. Như vậy thì chữ *dữ* là liên từ chứ không phải động từ. Không biết được thuyết nào là đúng.*

V.9

Tể Dư trú tằm. Tử viết: “Hủ mộc bất khả điều dã, phần thổ chi tường bất khả ô dã. Ư dư dư hà tru?”

Tử viết: “Thủy ngô ư nhân dã, thính kì ngôn nhi tín kì hành; kim ngô ư nhân dã, thính kì ngôn

nhi quan kì hành. Ư Dư dữ cải thị”.

Dịch. – Tể Dư ngủ ngày, Khổng tử bảo: “Gỗ mục không thể chạm khắc được, vách bằng đất dơ không thể trát được? Đòi với trò Dư, còn trách làm gì?”

Rồi Khổng tử lại nói: “Mới đầu, đối với người, ta nghe lời nói mà tin việc làm, nay đối với người ta nghe lời nói mà còn phải xem việc làm nữa. Vì trò Dư mà ta thay đổi như vậy”.

Chú thích. – Khổng tử đã chê Tử Dư (Tể Ngã) trong bài III.21.

V.10

Tử viết: “Ngô vị kiến cương giả”. Hoặc đổi viết: “Thân Trành”. Tử viết: “Trành đã dục, yên đắc cương”.

Dịch. – Khổng tử bảo: “Ta chưa thấy người nào cương cường”. Có người nói: “Có Thân Trành”. Khổng tử đáp: “Thân Trành nhiều thị dục sao gọi là cương cường được”.

Chú thích. – Người cương cường thì tự chủ được mà bất khuất. Người thị dục nhiều quá khó tự chủ và bất khuất được.

Thân Trành là học trò Khổng tử.

V.11

Tử Công viết: “Ngã bất dục nhân chi gia chư ngã dã. Ngô diệc dục vô gia chư nhân”. Tử viết: “Tứ dã, Phi nhĩ sở cập dã”.

Dịch. – Tử Công nói: “Điều gì (xấu) tôi không muốn người ta làm cho tôi thì tôi cũng không muốn làm cho mình”.

Khổng tử bảo: “Tứ, anh không được như vậy đâu”.

Chú thích. – Câu của Tử Công nghĩa y như câu: “Kỉ sở bất dục, vật thi ư nhân”. Theo được câu ấy là có đức nhân.

V.12

Tử Công viết: “Phu tử chi văn chương, khả đắc nhi văn dã, phu tử chi ngôn tính dữ thiên đạo, bất khả đắc nhi văn dã”.

Dịch. – Tử Công nói: “Công trình nghiên cứu về văn hóa (như Thi, Thư, Lễ, Nhạc) của thầy (tức Khổng tử) thì chúng ta được nghe, còn quan niệm về thiên tính và đạo trời của thầy thì chúng ta không được nghe”.

Chú thích. – Danh từ “văn chương” thời đó khác với thời nay, mà trở những điển tịch cổ. – Có người hiểu: “văn chương” là đạo đức, văn từ.

V.13

Tử Lộ hữu văn, vị chi năng hành, duy khùng hữu văn”.

Dịch. – Tử Lộ nghe được điều gì mà chưa kịp thi hành được thì sợ được nghe thêm điều khác.

Chú thích. – Câu này chắc của môn sinh nhận định về Tử Lộ.

V.14

Tử Công vấn viết: “Khổng Văn Tử hà dĩ vị chi Văn dã?”

Tử viết: “Mẫn nhi hiếu học, bất sỉ hạ vấn, thị dĩ vị chi Văn dã”.

Dịch. – Tử Công hỏi: “Ông Khổng Văn tử sao được đặt cho tên thụy là Văn?” Khổng tử đáp: “Thông minh mà lại hiếu học không thẹn hỏi người kém mình, vì vậy được đặt tên thụy là Văn”.

V.15

Tử vị Tử Sản: “Hữu quân tử chi đạo tứ yên, kì hành kỉ dã cung, kì sự thượng dã kính, kì dưỡng dân dã huệ, kì sử dân dã nghĩa”.

Dịch. – Khổng tử khen Tử Sản: “Ông ấy có bốn điều hợp với đạo người quân tử: giữ mình thì khiêm cung, thờ vua thì kính cẩn, nuôi dân thì có ân huệ, sai dân thì hợp tình lí (hợp nghĩa).

V.16

Tử viết: “Án Bình Trọng thiện dữ nhân giao, cửu nhi kính chi”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Án Bình Trọng khéo cư xử với bạn, lâu ngày mà vẫn tôn kính bạn”.

V.17

Tử viết: “Tang Văn Trọng cư thái, sơn tiết tảo chuyết, hà như kì trí dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Tang Văn Trọng làm nhà cho con “thái” ở (một con rùa lớn dùng để bói), đầu cột khắc hình núi, xà nhà vẽ rồng rêu, sao được gọi là người trí (sáng suốt).

Chú thích. – Chỉ thiên tử mới cất nhà và dùng những trang sức như vậy ở trong thái miếu để nuôi rùa “thái”, Tang Văn Trọng là một đại phu mà hành động như thiên tử là trái lễ. Còn một lễ nữa: Tang xa hoa quá, lại mê tín, tường trọng con “thái” như vậy thì nó sẽ phù hộ cho mình, quả là bất trí.

Tang Văn Tử, họ Tang Tôn, tên Thìn, là một đại phu nước Lỗ.

V.18

Tử Trương vẫn viết: “Lệnh doãn Tử Văn, tam sĩ vi lệnh doãn, vô hỉ sắc; tam dĩ chi, vô uẩn sắc. Cự lệnh doãn chi chính, tất dĩ cáo tân lệnh doãn. Hà như?”

Tử viết: “Trung hĩ”. Viết: “Nhân hĩ hồ?” Viết: “Vị tri. Yên đắc nhân?”

- Thôi Tử thí Tề quân, Trần Văn tử hữu mã thập thặng, khí nhi vi chi. Chí ư tha bang, tắc viết: “Do ngô đại phu Thôi tử dã” - Vi chi. Chi nhất bang, tắc hựu viết: “Do ngô đại phu Thôi tử dã” – Vi chi - hà như”.

Tử viết: “Thanh hĩ”. Viết: “Nhân hĩ hồ?”. Viết: “Vị tri. Yên đắc nhân?”.

Dịch. – Tử Trương hỏi: “Quan lệnh doãn (tể tướng nước Sở) Tử Văn ba lần làm lệnh doãn mà không mừng, ba lần bị bãi chức mà không oán hận, lại đem việc cũ bàn giao cho quan lệnh doãn mới. Người như thế ra sao?”

Khổng tử đáp: “Trung thực đấy”. Lại hỏi: “Có phải là người nhân không?” Đáp: “Chưa biết. Có gì chắc để gọi là người nhân”.

- (Tử Trương hỏi thêm): “Thôi tử giết vua Tề. Trần Văn tử có mười cỗ xe (mỗi cỗ xe có bốn ngựa) bỏ mà đi. Đến một nước khác bảo: “Quan đại phu chấp chính ở đây cũng không hơn quan đại phu Thôi tử nước ta”, rồi lại bỏ đi. Tới một nước khác, lại bảo: “Quan đại phu chấp chính ở đây cũng không hơn quan đại phu Thôi tử nước ta”, rồi lại bỏ đi. Người như thế ra sao?”

Khổng tử đáp: “Trong sạch đấy”. Lại hỏi: “Có phải là người nhân không?” Đáp: “Chưa biết. Có gì chắc để gọi được là người nhân”.

V.19

Quý Văn tử tam tư nhi hậu hành. Tử văn chi viết: “Tái tư khả hĩ”.

Dịch. – (Quan đại phu nước Lỗ là) Quý Văn tử (gặp việc gì cũng) suy nghĩ ba lần rồi mới hành động. Khổng tử nghe được bảo: “Hai lần thôi cũng đủ rồi”.

V.20

Tử viết: “Ninh Vũ tử, bang hữu đạo tắc trí, bang vô đạo tắc ngu. Kì trí khả cập dã, kì ngu bất khả cập dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ông Ninh Vũ tử (đại phu nước Vệ), khi nước có đạo (chính trị tốt) thì tỏ ra là người trí; khi nước vô đạo (chính trị xấu) thì làm ra vẻ ngu. Cái trí của ông, ta theo kịp, cái ngu của ông, ta không theo kịp”.

V.21

Tử tại Trần viết: Quy dư, qui dư? Ngô đảng chi tiểu tử cuồng giản, phi nhiên thành chương, bất tri sở dĩ tài chi”.

Dịch. – Khổng tử ở nước Trần bảo: “Về thôi, về thôi! Môn sinh ở quê hương ta có trí lớn nhưng không thận trọng (nóng nảy) có văn thái rõ ràng, nhưng không không biết tự chế tài mình”.

Chú thích. – Lúc này Khổng tử chán ngán vì không thi hành được đạo trong thiên hạ, mà lại gặp nhiều điều chẳng may, nên muốn trở về Lỗ, để chỉ bảo, hướng dẫn thanh niên theo đạo trung chính, sửa lỗi “cuồng giản” của họ.

V.22

Tử viết: “Bá Di, Thúc Tề bất niệm cựu ác, oán thị dụng hi”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Bá Di và Thúc Tề không nhớ điều xấu của người, nên ít oán ai”.

Chú thích. – Bá Di và Thúc Tề đều là con vua Cô Trúc, không chịu nhận ngôi vua, bỏ đi ở ẩn; sau giúp vua Văn vương làm người có đức. Nhưng khi Võ vương (con Văn vương) đem quân đánh Trụ nhà Thương, hai ông không can được, vào ở ẩn trong núi Thù Dương, chịu chết đói. Coi truyện trong bộ *Sử Ký* của Tư Mã Thiên.

“Oán thị dụng hi” các người hiểu là: ít người oán hai ông ấy. Nhưng bài VII.14 Khổng tử có nói: “... *cầu nhân đắc nhân, hựu hà oán?*” (hai ông ấy) cầu nhân thì được nhân, còn oán cái gì?” Vì vậy chúng tôi dịch là “nên ít oán ai”, chứ không dịch là ít bị người ta oán.

V.23

Tử viết: “Thục vị Vi Sinh Cao trực? Hoặc khát ê yên, khát chư kì lân nhi dữ chi”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ai bảo Vi Sinh Cao là ngay thẳng? Có người đến xin dấm, ông xin của hàng xóm mà cho”

V.24

Tử viết: “Xảo ngôn, lệnh sắc, túc cung, Tả Khâu Minh sĩ chi, Khâu diệc sĩ chi. Nặc oán nhi hữu kì nhân, Tả Khâu Minh sĩ chi, Khâu diệc sĩ chi”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Nói năng khéo léo, nét mặt giả bộ niềm nở, thái độ quá cung kính, ông Tả Khâu Minh lấy vậy làm xấu hổ, Khâu này cũng lâu vậy làm xấu hổ. Giấu lòng oán mà bề ngoài làm bộ thân thiện với người, ông Tả Khâu Minh lấy vậy làm xấu hổ, Khâu này cũng lâu vậy làm xấu hổ”.

V.25

Nhan Uyên, Quý Lộ thị. Tử viết: “Hạp các ngôn nhĩ chí?”

Tử Lộ viết: “Nguyên xa mã, y khinh cừ, dữ bằng hữu cộng, tế chi nhi vô hám”.

Nhan Uyên viết: “Nguyên vô phạt thiện, vô thi lao”.

Tử Lộ viết: “Nguyên văn tử chi chí”.

Tử viết: “Lão giả an chi, bằng hữu tín chi, thiếu giả hoài chi”.

Dịch. – Nhan Uyên và Quí Lộ theo hầu. Khổng tử bảo: “Sao không kể chí hướng của các anh cho ta nghe?”

Tử Lộ thưa: “Con mong có xe, ngựa, áo lông cừu nhẹ để các bạn cùng hưởng, dù có hư nát, con cũng không hận”.

Nhan Uyên thưa: “Con không muốn khoe điều hay, kể công lao của con”.

Tử Lộ thưa: “Xin thầy cho chúng con biết chí thầy”.

Khổng tử đáp: “Ta muốn các người già được an vui, các bạn bè tin lẫn nhau, các trẻ em được săn sóc vỗ về (như vậy là muốn truyền đạo, cải tạo xã hội).

Hoặc: “Ta muốn các người già yên lòng nơi ta, các bạn bè tin cậy nơi ta, các người trẻ được an ủi nơi ta (như vậy là muốn mình giữ được đạo hiếu thuận với người già, đạo thành tín với bạn, thi ân với người trẻ).

V.26

Tử viết: “Dĩ hĩ hồ, ngô vị kiến năng, kiến kì quá nhi nội tự tưng giả dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Hết rồi (hoặc quá rồi), ta chưa thấy người nào thấy lỗi của mình mà tự trách mình cả”.

V.27

Tử viết: “Thập thất chi ấp, tất hữu trung tín như Khâu giả yên, bất như Khâu chi hiếu học dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Trong một ấp mười nhà, tất có người trung tín như Khâu, nhưng không có ai ham học như Khâu này.

Nam Dung (Sử kí của Tư Mã Thiên chép là Nam Cung Quát, họ Nam Cung, tự là Tử Dung) là học trò Khổng tử. Xem thêm bài XI.5.

Công Dã Tràng, họ Công Dã, tên Tràng, tự là Tử Tràng, người Tề, học trò Khổng tử.

Tử Tiện, họ Mật, tên là Bất Tề, tự là Tử Tiện, học trò Không tử.

Ung là tên, Nhiễm là họ, tự là Trọng Cung, học trò Không tử.

Bốn Hán tương ứng với bốn chữ “tài”, “tài”, “tài” và “tai” ở trên có lẽ là: 材, 裁, 材 và 哉 (theo). (Goldfish).

Phú chính nghĩa là thuê ruộng để nuôi binh, rồi sau dùng để chi binh lính.

Mạnh Võ Bá chính là Mạnh Vũ Bá trong bài II.6. (Goldfish).

Xích là tên, Công Tây là họ, Tử Hoa là tự; cũng gọi là Công Tây Hoa, người Lỗ, học trò Không tử có vẻ uy nghi.

Câu này trong bài XII.2 ở sau. (Goldfish).

Không Văn tử là một đại phu nước Vệ, tên Ngũ, Văn là tên thụy, tức tên đặt cho người chết, theo hình vi của người đó lúc còn sống.

Tử Sản tên là Công Tôn Kiêu, một đại phu có tài đức của nước Trịnh (sinh trước Không tử ít năm), cầm quyền nước Trịnh 22 năm.

Án Bình Trọng, họ Án, tên Anh, tự là Trọng, tên thụy là Bình, làm một đại phu có tài đức của nước Tề.

Có người bảo chữ *chi* [之] ở cuối bài trở Án Bình Trọng: lâu ngày mà vẫn được bạn kính nể. Thuyết đó ít người theo.

Thôi tử tên là Trữ, đại phu nước Tề, giết Tề Trang công. Trần Văn tử tên là Tu Vô cũng làm đại phu nước Tề.

Phùng Hữu Lan trong *Trung Quốc triết học sử* đọc chữ *tri* [知] là *trí* và giảng Trần Văn tử, chưa là người trí (sao được là người nhân).

Vi Sinh Cao là người nước Lỗ. Dấm là vật thường dùng, có thì cho, không có thì thôi, hà tất phải xin của người khác để cho, như vậy không tự nhiên, cầu được tiếng tốt, nên Không tử chê. Có người cho rằng chính là Vi Sinh Cao, con người trọng chữ tín đến nỗi hẹn với một người con gái ở dưới cầu, người đó không tới, nước thủy triều dâng lên, Vi cứ ôm chặt cột cầu mà chịu chết! Thuyết đó e không đúng.

Tả Khâu Minh làm quan Thái sử (chép sử) nước Lỗ. *Sử kí* của Tư Mã Thiên cho ông là tác giả bộ *Tả truyện* và *Quốc ngữ*, thuyết đó chưa đáng tin, vì theo nay thì Tả Khâu Minh hoặc sinh trước hoặc đồng thời với Không tử, mà *Tả truyện* viết thời Chiến Quốc, sau khi Không tử mất.

Lâm Ngữ Đường hiểu là: ta muốn người trẻ yêu người lớn (?).

THIÊN VI

UNG DÃ

VI.1

Tử viết : “Ung dã khả sử nam diện”.

Trọng Cung vấn Tử Tang Bá tử. Tử viết: “Khả dã, giản”.

Trọng Cung viết: “Cư kính nhi hành giản, dĩ lâm kỳ dân, bất diệc khả hồ? Cư giản nhi hành giản, vô nãi đại giản hồ”. Tử viết: “Ung chi ngôn nhiên”.

Dịch. – Không tử nói: “Anh Cung có thể làm vua được”.

Trọng Cung (tức Nhiễm Ung) hỏi Tử Tang Bá tử ra sao. Không tử đáp: “Cũng được (hoặc cũng khá), giản dị”. Trọng Cung bảo: “Tự mình thì cung kính, mà giản dị trong việc trị dân, chẳng phải là giản dị trong việc trị dân, chẳng là tốt ư? Nếu tự mình thì giản dị (xuề xoà) mà giản dị trong việc trị dân, chẳng phải là giản dị thái quá sao?” Không tử bảo: “Anh Ung nói phải đó”.

VI.2

Ai Công vấn: “Đệ tử thực vi hiếu học?” Không tử đối viết: “Hữu Nhan Hồi giả hiếu học, bất thiên nộ, bất nhị quá; bất hạnh đoản mệnh tử hĩ, kim dã tắc vô, vị văn hiếu học giả dã”.

Dịch. – Vua Lỗ Ai công hỏi: “Học trò của thầy, ai là người hiếu học?” Không tử đáp: “Có Nhan Hồi là người hiếu học, không giận lây, không phạm một lỗi nào tới hai lần; chẳng may đã mất sớm rồi, nay không có người nào như vậy nữa, tôi không nghe nói có ai hiếu học cả”.

Chú thích. – Chúng ta để ý: hiếu học theo Không tử là ham sửa mình, học đạo.

VI.3

Tử Hoa sứ ư Tề, Nhiễm tử vi kì mẫu thỉnh túc.

Tử viết: “Dữ chi phủ”. Thỉnh ích. Viết: “Dữ chi dữu”. Nhiễm tử dữ chi túc ngũ bình. Tử viết: “Xích chi thích Tề dã, thừa phì mã, y khinh cừ. Ngô văn chi dã: “Quân tử chu cấp bất kế phú”.

Nguyên Tư vi chi tể. Dữ chi túc cửu bách. Tử. Tử viết: “Vô! Dĩ dữ nhĩ lân lí, hương đẳng hồ?”

Dịch. – Tử Hoa đi sứ nước Tề, Nhiễm Hữu xin cấp lúa cho mẹ Tử Hoa. Không tử bảo: “Cấp cho một phủ (6 đấu 4 thăng). Nhiễm Hữu xin thêm, Không tử bảo: “Cho một dữu (16 đấu)”. Nhiễm tử cấp cho một bình (16 hộc, mỗi hộc là 10 đấu). Không tử bảo: “Anh Xích đi sang Tề, cười ngựa mập, mặc áo cừu nhẹ (ý nói giàu sang). Ta nghe nói: Người quân tử chu cấp cho kẻ nghèo chứ không làm giàu thêm cho người giàu”.

Nguyên Tư làm quan Tề. Không tử phát cho chín trăm (hộc hay đấu, không rõ). Nguyên Tư từ

chối. Khổng tử nói: “Đừng! Sao không đem lúa cấp cho những người nghèo trong làng xóm, láng giềng?”.

VI.4

Tử vị Trọng Cung viết: “Lê ngư chi tử, tuynh (hoặc tinh) thả giác, tuy dục vật dụng, sơn xuyên kì xá chư?”

Dịch. – Khổng tử nói về Trọng Cung: “Con của con bò lang lông đỏ mà sừng ngay ngắn; dù người ta không muốn dùng nó làm vật cúng tế (vì ché nó là con của bò lang) nhưng thần núi sông đâu có bỏ nó (mà không hưởng)”.

VI.5

Tử viết: “Hồi dã, kì tâm tam nguyệt bất vi nhân, kì dư tắc nhật nguyệt chí yên nhi dĩ hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Anh Hồi (Nhan Uyên), lòng ba tháng không lìa đạo nhân, còn các anh khác, một ngày, một tháng là cùng”.

VI.6

Quý Khang tử vấn: “Trọng Do khả sử tòng chính dã dư?” Tử viết: “Do dã quả, ư tòng chính hồ hà hữu?” Viết: “Tứ dã, khả sử tòng chính dã dư?” Viết: “Tứ dã đạt, ư tòng chính hồ hà hữu?” Viết: “Cầu dã, khả sử tòng chính dã dư?”. Viết: “Cầu dã nghệ, ư tòng chính hồ hà hữu?”.

Dịch. – Quý Khang tử hỏi: “Thầy Trọng Do (Tử Lộ) có thể tòng sự chính trị (tức làm quan đại phu) được không?” Khổng tử đáp: “Trọng Do là người quyết đoán, tòng sự chính trị có gì mà không được?”. Hỏi: “Thầy Tứ (Tử Cống) có thể tòng sự chính trị được không?”. Khổng tử đáp: “Tứ thông hiểu sự lý, tòng sự chính trị có gì mà không được?”. Hỏi: “Thầy Cầu (Nhiễm Hữu) có thể tòng sự chính trị được không?”. Đáp: “Cầu tài nghệ, tòng sự chính trị có gì mà không được?”.

VI.7

Quý Thị sử Mẫn Tử Khiên vi Phí (hoặc Bí) tể. Mẫn Tử Khiên viết: “Thiện vi ngã từ yên. Như hữu phục ngã giả, tắc ngô tất tại Ván thượng hĩ”.

Dịch. – Họ Quý sai Mẫn Tử Khiên làm quan tể đất Phí. Mẫn Tử Khiên nói với sứ giả: “Ông khéo từ chối dùm cho tôi. Nếu triệu tôi lần nữa thì tôi sẽ lên ở bờ phái Bắc sông Ván (tức trốn qua Tề).”

VI.8

Bá Ngư hữu tật, Tử vấn chi, tự dĩ chấp kì thủ, viết: “Vô chi, mệnh hĩ phù? Tư nhân dã nhi hữu tư tật dã!”.

Dịch. – Bá Nguru đau, Khổng tử lại thăm, đứng ngoài cửa sổ, nắm tay Bá Nguru, bảo: “Vô lí! Do mệnh trời chăng? Con người như vậy mà bị bệnh đó!”.

VI.9

Tử viết: “Hiền tai, Hôi dã! Nhất đan tự, nhất biểu ẩm, tại lậu hạng, nhân bất kham kì ưu. Hôi dã bất cải kì lạc. Hiền tai, Hôi dã!”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Hiền thay, anh Hôi. Một giỏ cơm, một bầu nước, ở trong ngõ hẻm, người khác ưu sầu không chịu nổi cảnh khó khăn đó. Anh Hôi thì không đổi niềm vui. Hiền thay, anh Hôi!”.

VI.10

Nhiễm Cầu viết: “Phi bất duyệt tử chi đạo, lục bất túc dã”. Tử viết: “Lục bất túc giả, trung đạo nhi phế, kim nhữ hoạch”.

Dịch. – Nhiễm Cầu thưa: “Không phải con không thích đạo của thầy, chỉ tại sức con không đủ (không theo kịp). Khổng tử bảo: “Nếu sức không đủ thì nửa đường bỏ dở; còn anh thì tự vạch giới hạn để không tiến nữa”.

VI.11

Tử vị Tử Hạ viết: “Nhữ vi quân tử nho, vô vi tiểu nhân nho”.

Dịch. – Khổng tử bảo Tử Hạ: “Anh nên làm nhà nho quân tử, không nên làm nhà nho tiểu nhân”.

Chú thích. – Theo sách Thuyết văn thì “nho” đã có trước Khổng tử từ lâu và mới đầu trở các thuật sĩ, tới thời Khổng tử trở đi, mới trở những người trí thức chuẩn bị ra làm quan; từ sau Khổng tử trở đi, mới trở những người theo đạo Khổng. Khổng tử khuyên Tử Hạ đừng nên làm một nhà nho (người trí thức) chỉ có tài nghệ mà thôi, mà nên làm một nhà nho quân tử, có đạo đức: Tử Hạ giỏi về văn học, Khổng tử muốn cho Tử Hạ có cả đạo đức cao nữa.

VI.12

Tử Du vi Võ Thành tể. Tử viết: “Nhữ đắc nhân yên nhĩ hồ?” Viết: “Hữu Đàm Đài Diệt Minh giả, hành bất do kính, phi công sự, vị thường chí ư Yển chi thất dã”.

Dịch. – Tử Du làm chức tể ấp Võ Thành. (tể cũng như trưởng, cầm đầu một cơ quan hay cai trị một nơi). Khổng tử hỏi: “Anh đã tìm được người nào tốt chưa”. Tử Du đáp: “Có Đàm Đài Diệt Minh; người ấy không theo đường tắt, không vì việc công thì không đến nhà Yển con”.

VI.13

Tử viết: “Mạnh Chi Phán bất phạt. Bôn nhi điển, tương nhập môn, sách kì mã, viết: “Phi cảm

hậu dã, mã bất tiến dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ông Mạnh Chí Phán không khoe công. Khi thua chạy, ông ở lại sau quân. Lúc sắp vào thành, ông quát con ngựa, bảo: “Không phải tôi dám ở lại sau, chỉ vì con ngựa không chạy mau được”.

VI.14

Tử viết: “Bất hữu Chúc Đà chi nịnh nhi hữu Tống triều chi mĩ, nan hồ miễn ư kim chi thế hĩ”

Dịch. – Khổng tử nói: “Không có tài khéo nói (nịnh nọt) của Chúc Đà mà có dung nhan đẹp đẽ của công tử Triều nước Tống thì khó tránh được họa ở thời này”.

VI.15

Tử viết: “Thùy năng xuất bất do hộ? Hà mạc do tư đạo dã?”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ai ra khỏi nhà mà không qua cửa? Thế thì tại sao không theo chính đạo?”.

Chú thích. – Ai ra khỏi nhà cũng do cửa, nghĩa là do đường chính, (chứ không trèo tường chẳng hạn), vậy mà trong việc cư xử lập thân thì người ta lại không theo chính đạo, mà theo lối tắt.

VI.16

Tử viết: “Chất thắng văn tắc dã; văn thắng chất tắc sử; văn chất bản bản, nhiên hậu quân tử”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Chất phác thắng văn nhã thì là người nhà quê mùa, văn nhã thắng chất phác thì là người chép sử (giữ việc văn thư), văn và chất đều nhau mới là người quân tử”.

VI.17

Tử viết: “Nhân chi sinh dã trực, võng chi sinh dã hạnh nhi miễn”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Lẽ sống là phải ngay thẳng, chẳng ngay thẳng mà sống thì may mắn khỏi chết đấy thôi”.

Chú thích. – Có người hiểu: “Bản tính con người là ngay thẳng...”

VI.18

Tử viết: “Tri chi giả bất như hiếu chi giả; hiếu chi giả bất như lạc chi giả”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Biết (đạo lý) không bằng thích nó; thích nó không bằng vui làm theo nó (hoặc coi nó là một thú vui)”.

VI.19

Tử viết: “Trung nhân dĩ thượng khả dĩ ngữ thượng dã; trung nhân dĩ hạ bất khả dĩ ngữ thượng dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người có tư chất từ bậc trung trở lên thì có thể giảng đạo lý cao xa cho được, từ bậc trung trở xuống, không thể giảng đạo lý cao xa cho được”

VI.20

Phản Trì vấn trí. Tử viết: “Vụ nhân chi nghĩa, kính quý thân nhi viễn chi, khả vị trí hĩ”. Vấn nhân. Viết: “Nhân giả tiên nan nhi hậu hoạch, khả vị nhân hĩ”.

Dịch. – Phản Trì hỏi thế nào là trí (sáng suốt). Khổng tử đáp: “Chuyên tâm làm việc nghĩa giúp người, kính trọng quý thân nhưng tránh xa, như vậy có thể gọi là trí”. Lại hỏi thế nào là nhân. Đáp: “Người có đức nhân phải chịu khó nhọc làm lụng để rồi sau mới lượm được kết quả, như vậy có thể gọi là đức nhân”.

VI.21

Tử viết: “Trí giả nhạo thủy, nhân giả nhạo sơn. Trí giả động, nhân giả tĩnh. Trí giả lạc, nhân giả thọ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người trí thích nước, người nhân thích núi. Người trí thì hoạt động, người nhân thì trầm tĩnh, người trí vui sống, người nhân sống lâu”.

VI.22

Tử viết: “Tề nhất biến, chí ư Lỗ, Lỗ nhất biến chí ư đạo”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Nước Tề mà thay đổi (chính trị và giáo hoá) một bậc thì đến trình độ nước Lỗ; nước Lỗ thay đổi một bậc thì đạt được đạo (của tiên vương đạt được vương đạo).”

Chú thích. – Tề theo bá đạo, từ thời Tề Hoàn công, gấp về mưu lợi, tuy cường nhưng giáo hoá kém rồi; Lỗ tuy nhược, nhưng còn trọng lễ giáo, trọng tín nghĩa; nếu thay đổi một bậc thì sẽ thật tốt.

VI.23

Tử viết: “Cô bất cô, cô tai! Cô tai”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Cái cô mà không có cạnh góc thì sao gọi là cái cô! Sao gọi là cái cô!”.

VI.24

Tề Ngã vấn viết: “Nhân giả, tuy cáo chi viết: “Tình hữu nhân yên”, kì tòng chi dã?” Tử viết: “Hà

vi kì nhiên dã? Quân tử khả thệ dã, bất khả hãm dã, khả thi dã, bất khả vãng dã”.

Dịch. – Tể Ngã hỏi: “Người có đức nhân nghe bảo: “Có người té xuống giếng” thì có nhảy xuống vớt mà chết theo không?” Khổng tử đáp: “Sao lại làm như vậy? Người quân tử có thể lại giếng xem (rồi tìm cách cứu) chứ không thể để cho người ta hãm hại mình (hoặc: chứ không tự hãm hại mình); có thể bị gạt một cách hợp lí, chứ không thể bị gạt một cách vô lí”.

VI.25

Tử viết: “Quân tử bác học ư văn, ước chi dĩ lễ, diệc khả dĩ phát bạn hĩ phù!” .

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử học rộng về Thi Thu, tự ước thúc bằng lễ (qui tắc, nghi thức, kỉ luật tinh thần) như vậy có thể không trái với đạo lí”.

VI.26

Tử kiến Nam tử, Tử Lộ bắt duyệt. Phu tử thử chi viết: “Dư sở phủ giả, thiên yểm chi, thiên yểm chi!”.

Dịch. – Khổng tử vô chào nàng Nam tử, Tử Lộ không bằng lòng. Khổng tử thề: “Ta có làm gì trái thì trời bỏ ta, trời bỏ ta!”.

Chú thích. – Khổng tử hồi đó đến nước Vệ - Vợ vua Vệ Linh công là Nam tử có tiếng dâm đảng, mời ông tới để gặp mặt, ông theo lễ, không thể từ chối. Tử Lộ lấy làm xấu hổ. Việc này chép trong Sử kí của Tư Mã Thiên. Nhưng nhiều học giả không hiểu tại sao Khổng tử phải thề độc như vậy, và đưa ra vài ba cách hiểu khác nhau đều gượng cả. (Coi Luận ngữ nhị thập giảng).

VI.27

Tử viết: “Trung dung chi vi đức dã, kì chí hĩ hồ! Dân tiên cửu hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Trung dung là đức cực đẹp vậy. Từ lâu rồi, người ta ít có đức đó”.

Chú thích. – Có người dịch câu sau là ít người giữ được đức đó lâu.

VI.28

Tử Cống viết: “Nhu hữu bác thí ư dân nhi năng tế chúng, hà như? Khả vị nhân hồ?” Tử viết: “Hà sự ư nhân! Tất dã thánh hồ! Nghiêu, Thuấn kì do bệnh chư! Phù nhân giả, kỉ dục lập nhi lập nhân, kỉ dục đạt nhi đạt nhân. Năng cận thủ thí, khả vị nhân chi phương dã dĩ”.

Dịch. – Tử Cống hỏi: “Nếu có người thi ân cho nhân dân và cứu đại chúng, thì người ấy thế nào. Có thể gọi là người nhân không?” Khổng tử đáp: “Sao chỉ gọi là người nhân thôi? Phải gọi là bậc thánh chứ! Vua Nghiêu, Thuấn cũng chưa làm được như vậy thay. Người nhân, mình muốn tự lập thì cũng muốn giúp người thành công. Biết từ bụng ta suy ra bụng người (mình muốn gì thì giúp người được cái đó) đó là phương pháp thực hành của người nhân”.

Câu “Tử viết: “Ung chi ngôn nhiên” là do tôi chép thêm. Nguyên văn chữ Hán:
子曰：雍之言然。 (Goldfish).

Thời đó, vua chúa quay mặt về hướng Nam mỗi khi họp triều nên “nam diện” có nghĩa là vua.

Giản ở đây có nghĩa là không dùng chính lệnh phiên hà, từ ngữ đó còn có nghĩa là khoan dung nữa. Tử Tang Bá tử giản dị thái quá, có khi sờ sảng, không mặc áo, không đội mũ, thiếu đức cung kính, uy nghi của một ông vua, nên Nhiễm Ung chê, và Khổng tử nhận Nhiễm Ung có lí. Bốn chữ “Cư kính hành giản” trong bài này tóm tắt tư cách ông vua và chính sách trị dân của đạo Khổng.

Vô: nguyên văn chữ Hán là 亡 (xem lại chú thích trong bài III.5). (Goldfish).

Tử Hoa, tức Công Tây Xích, coi bài V.7, học trò Khổng tử.

Nhiễm tử, tức Nhiễm Hữu, coi bài III.6. Nguyên Tư họ Nguyên, tên Hiến, tự là Tử Dư, người Lỗ, học trò Khổng tử. Trong truyện trên (Tử Hoa đi sứ Tề), có lẽ Nhiễm Hữu là gia thần quản lí việc nhà của Quý Thị, mà Quý Thị cầm quyền ở Lỗ; còn Khổng tử làm tư không, hay tư khấu, phái Tử Hoa đi sứ Tề. Trong truyện dưới, Nguyên Tư làm gia thần của Khổng tử, mà Khổng tử làm tư khấu, có quyền dùng gia thần quản lí việc nhà cho nên cứ theo lệ mà cấp cho Nguyên Tư. Nguyên Tư vốn nghèo mà thanh liêm, thấy bổng lộc nhiều quá, từ chối? Khổng tử khuyên có dư thì phát cho người nghèo. Hai truyện trên đó cho ta biết cách dùng tiền của Khổng tử; chu cấp thì cho người nghèo chứ không cho người giàu; phát lương thì theo lệ nhà nước.

Có sách chép là *ngũ* (năm).

Trọng Cung, tức Nhiễm Ung là người hiền, nhưng cha hèn hạ lại làm việc ác. Khổng tử ví Trọng Cung với con bò lang: Không nên vì lỗi lầm của cha mà không dùng con.

Lê ngư: có sách giảng là bò cày, thời đó người ta không dùng bò cày mà bỏ nuôi riêng để cúng quỷ thần.

Mẫn Tử Khiên, tên Tồn là học trò Khổng tử, chê họ Quý tiếm lễ, loạn chính, không chịu làm quan cho họ Quý. Phí là ấp của họ Quý. Vấn là con sông ranh giới giữa Tề và Lỗ.

Bá Ngư, họ Nhiễm, tên Canh, người Lỗ, một học trò có đức hạnh của Khổng tử. Các học giả thời xưa cho chữ “tật” là “ác tật” và bảo Bá Ngư bị bệnh cùi, nhưng không có chứng cứ gì cả. Khổng tử đứng ở ngoài cửa sổ mà không vô nhà, Chu Hi giảng như vậy: “Theo Lễ, người bệnh nằm ở cửa sổ phía Bắc, vua tới thăm thì rời sang cửa sổ phía Nam, để vua nhìn sang phía Nam mà hỏi thăm (vua thì “nam diện” – coi chú thích bài VI.1). Nhà Bá Ngư muốn dùng lễ ấy để tỏ lòng tôn kính Khổng tử. Khổng tử không nhận, nên không vô nhà, đó chỉ là một cách giảng (Coi cách Khổng tử (đau) nằm tiếp vua khi vua lại thăm, bài X.13). Có thể Khổng tử mới tới, chưa kịp vô, thấy Bá Ngư nằm đó, đã hỏi thăm liền.

Chữ [亡], nhiều sách đọc là *vong*, giảng là: “chết mất!”, không qua khỏi được. Chúng tôi theo

cách đọc là iang [ʔ] của Lưu Bảo Nam, do Triệu Thông dẫn trong “*Luận ngữ dịch chú*”.

Câu “*Tư nhân dã nhi hữu tư tật dã!*” (斯人也而有斯疾也!) nhiều bản chữ Hán trên mạng chép hai lần. (Goldfish).

Võ Thành: một ấp nhỏ của nước Lỗ. *Đam Đài Diệt Minh*: họ Đam Đài, tên Diệt Minh, tự Tử Võ, người ấp Võ Thành (theo). (Goldfish).

Mạnh Chi Phản, tên Trắc, tự Phản, một đại phu nước Lỗ. Trong một trận Tề đánh Lỗ, Lỗ thua. Công của Mạnh Chi Phản là ở lại phía sau, ngăn quân Tề truy kích quân Lỗ.

Chúc Đà là viên quan coi tôn miếu (chức) nước Vệ, tên Đà. Công tử Triều nước Tống lúc đó làm quan đại phu ở Vệ. Khổng tử than thối đời ư nịnh.

Nhân (人): Nhiều bản chép là “dân” (民), cũng có bản chép cả “dân” lẫn “nhân”: 民 (人) . (Goldfish).

Cô vốn là cái bình đựng rượu có cạnh góc, tới đời Khổng tử người ta biến đổi nó, bỏ góc cạnh đi, nhưng vẫn giữ tên cũ. Khổng tử chỉ trích thói đương thời hữu danh vô thực, nhất là chính trị.

Chữ *nhân* [仁] này nên sửa là chữ *nhân* [人] (là người). Câu cuối trong bài nghĩa cũng như câu: “*Quân tử khả thi dĩ kì phương, nạn võng dĩ phi kì đạo*” của Mạnh tử. Chữ *khi* [欺] là gạt một cách hợp lí, chữ *võng* [罔] là gạt một cách vô lí. Nhưng có người giảng *võng* [罔] là ngu muội và dịch là: người quân tử không thể ngu muội làm điều vô lí. Có thể Tề Ngã thấy Khổng tử gấp cứu đời quá mà hại đến thân, nên hỏi như vậy để Khổng tử nghĩ lại mà đề phòng. [Câu “Chữ *nhân* [仁] này nên sửa là chữ *nhân* [人] (là người)” là để giải thích chữ “nhân” trong câu “*Tĩnh hữu nhân yên*” (井有仁焉). (Goldfish)].

THIÊN VII

THUẬT NHỊ

VII.1

Tử viết: “*Thuật nhị bất tác, tín nhi hiếu cổ, thiết bi ư ngã Lão Bành*”.

Dịch. – *Khổng tử nói: “Ta truyền thuật (đạo của cổ nhân) mà không sáng tác, tin và thích (kinh điển của) cổ (nhân); ta trộm ví với ông Lão Bành của ta”*.

Chú thích. – Chu Hi bảo Lão Bành là một đại phu thời Thương. Có người bảo Lão Bành là Lão Đam (Lão tử). Người khác lại bảo Lão Bành là Bành Tổ, sống bảy trăm tuổi, bề tôi vua Nghiêu. Trịnh Huyền bảo Lão Bành là hai người: Lão Đam và Bành Tổ. Không thuyết nào tin được cả. Sự thực chưa biết là ai.

VII.2

Tử viết: “Mặc nhi chí chi, học nhi bất yếm, hồi nhân bất quyện, hà hữu ư ngã tai!”.

Dịch. – Không tử nói: “Trầm mặc suy nghĩ rồi ghi vào lòng, học không chán, dạy người không mỏi, ngoài ra ta có cái gì khác đâu?” (có người dịch là: ba đức có đủ nơi ta chăng?).

VII.3

Tử viết: “Đức chi bất tu, học chi bất giảng, văn nghĩa bất năng tỉ, bất thiện bất năng cải, thị ngô ưu dã”.

Dịch. – Không tử nói: “Đạo đức không sửa tiến, học vấn chẳng giảng tập, nghe được điều nghĩa mà không làm theo, có lỗi mà không sửa đổi, đó là những mối lo của ta”.

VII.4

Tử chi yển cư, thân thân như dã, thi thi như dã.

Dịch. – Không tử lúc nhàn cư thì đoan trang, thân thái hoà vui.

VII.5

Tử viết: “Thậm hĩ ngô suy dã! Cữu hĩ, ngô bất phục mộng kiến Chu Công”.

Dịch. – Không tử nói: “Ta đã suy lắm rồi! Từ lâu không còn mộng thấy ông Chu Công”.

VII.6

Tử viết: “Chí ư đạo, cứ ư đức, y ư nhân, du ư nghệ”.

Dịch. – Không tử nói: “Để tâm chí vào đạo, giữ gìn đức hạnh, nương theo điều nhân, vui vẻ lục nghệ (tức lễ, nhạc, xạ, ngự, thư – viết chữ, số - toán pháp).

VII.7

Tử viết: “Tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thường vô hồi yên”.

Dịch. – Không tử nói: “Ai đứng lễ để xin học thì từ một bó nem trở lên, ta chưa từng (ché là ít) mà không dạy”.

VII.8

Tử viết: “Bất phần bất khái, bất phi bất phát. Cừ nhất ngưng, bất dĩ tam ngưng phản, tắc bất phục dã”.

Dịch. – Không tử nói: “Kẻ nào không phát phần để tìm hiểu thì ta không mở (giảng cho); không

ráng tỏ ý kiến (muốn nói mà không được) thì ta không khai phát cho. Ta vén cho một góc rồi mà không tự suy nghĩ tìm ra ba góc kia, thì ta không dạy cho nữa”.

VII.9

Tử thực ư hữu tang giả chi trắc, vị thường bảo dã. Tử ư thị nhật khóc tắc bất ca”.

Dịch. – Khổng tử ăn với người tang thì (buồn mà) không ăn no. Ngày nào Khổng tử (đi điếu mà) khóc thì ngày đó không đờn ca.

VII.10

Tử vị Nhan Uyên viết: “Dụng chi tắc hành, xá chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù! Tử Lộ viết: “Tử hành tam quân, tắc thủy dữ”. Tử viết: “Bạo hồ bằng hà, tử nhi vô hối giả, ngô bất dữ dã. Tất dã lâm sự nhi cụ, hiếu mưu nhi thành giả dã”.

Dịch. – Khổng tử bảo Nhan Uyên: “Có ai dùng thì ta đem đạo ra thi hành, không dùng thì thu tàng (giữ) đạo lí (có người dịch là ở ẩn với đạo lí), chỉ thầy và anh được như vậy thôi! Tử Lộ hỏi: “Nếu thầy thống lĩnh tam quân thì thầy lựa ai giúp đỡ?” Khổng tử đáp: “Tay không mà bắt cộp, không mà lội qua sông, chết không tiếc thân, kẻ ấy ta không cho theo giúp ta. Nhất định là biết kẻ nào lâm sự mà biết lo sợ, thận trọng, khéo mưu tính rồi mới quyết định (hoặc thành công).

VII.11

Tử viết: “Phú nhi khả cầu dã, tuy chấp tiên chi sĩ, ngô diệc vi chi; như bất khả cầu, tòng ngô sở hiếu”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Phú quý mà có thể cầu được thì dù làm kẻ cầm roi đánh xe hầu người (công việc ti tiện), ta cũng làm, phú quý mà không thể cầu được, thì ta cứ theo sở thích của ta”.

VII.12

Tử chi sở thận: trai, chiến, tật.

Dịch. – Khổng tử thận trong những khi trai giới, chiến tranh và bệnh tật.

VII.13

Tử tại Tề văn thiều, tam nguyệt bất tri nhục vị, viết: “Bất đồ vi nhạc chi chí ư tư dã”.

Dịch. – Khổng tử khi ở Tề, nghe nhạc Thiều, ba tháng liền không biết mùi thịt, bảo: “Không ngờ nhạc đó tác động tới ta được như vậy”. (có người dịch: không ngờ vua Thuấn làm được khúc nhạc tận thiện, tận mỹ như vậy).

Chú thích. – Về nhạc Thiều, coi bài III.25.

VII.14

Nhiễm Hữu viết: “Phu tử vi Vệ quân hồ?” Tử Cống viết: “Nặc, ngô tương vấn chi”. Nhập viết: “Bá Di, Thúc Tề, hà nhân dã. Viết: “Cổ chi hiền nhân dã”. Viết: “Oán hồ?” Viết: “Cầu nhân nhi đắc nhân, hựu hà oán? Xuất viết: “Phu tử bất vi dã”.

Dịch. – Nhiễm Hữu hỏi: “Thầy ta có thiên vị với vua Tề không?” Tử Cống đáp: “Ừ, tôi cũng có ý hỏi thầy việc đó”. Rồi vô hỏi Khổng tử: “Thưa thầy, Bá Di và Thúc Tề là người như thế nào?” Đáp: “Là người hiền xưa”. Lại hỏi: “Hai ông ấy có oán hận gì không?”. Đáp: “Cầu nhân được nhân thì còn oán hận gì nữa?” Tử Cống trở ra bảo Nhiễm Hữu: “Thầy không thiên vị với vua Vệ đâu”.

*Chú thích. – Khổng tử lúc đó ở nước Vệ, mà vua Vệ là Vệ Xuất công bất hiếu, cướp ngôi cha trong khi cha tị loạn ra nước ngoài; rồi khi cha về, đem quân ta cự cha. Nhiễm Hữu và Tử Cống nghi Khổng tử có ý định bênh vực vua Vệ, cho nên Tử Cống đem việc Bá Di, Thúc Tề hỏi để dò ý Khổng tử. Bá Di, Thúc Tề (coi bài V.22) là hai anh em ruột, con vua Cô Trúc, cuối đời Thương, đầu đời Chu. Bá Di là anh cả, Thúc Tề là em út. Vua Cô Trúc yêu Thúc Tề, lập di mệnh cho Thúc Tề nối ngôi. Triều đình theo di mệnh, lập Thúc Tề, Thúc Tề không chịu, nhường lại cho Bá Di cho phải lẽ. Bá Di cũng không chịu, bảo cứ tuân theo lệnh cha. Không ai chịu nhận rồi trốn cả vào núi, triều đình phải lập người con giữa. Vậy hai người đó lấy nghĩa làm trọng, trái hẳn với vua Vệ. Khổng tử khen họ tức thị là chê vua Vệ rồi; cho nên Tử Cống bảo Nhiễm Hữu: “Thầy không thiên vị với vua Vệ đâu”. Coi lời nhận xét về ý nghĩa và nghệ thuật bài này trong *Cổ văn Trung Quốc* của tôi, tr.20-21 (Tao Đàn – 1966). Bá Di, Thúc Tề còn được coi là nhân vì lẽ dám can Võ vương (nhà Chu) đừng đánh nhà Ân (diệt vua Trụ).*

VII.15

Tử viết: “Phạn sơ tự, ẩm thủy, khúc quảng nhi chăm chi, nhạc diệc tại kì trung hĩ. Bất nghĩa nhi phú thả quý, ư ngã như phù vân”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ăn gạo xấu, uống nước lã, co cánh tay mà gối đầu, trong cánh đó cũng có cái vui. Làm điều bất nghĩa mà được giàu sang thì ta coi như mây nổi”.

VII.16

Tử viết: “Gia ngã sở niên, ngũ thập dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Cho ta sống thêm ít năm nữa, tới năm chục tuổi nghiên cứu Dịch (để biết lẽ tiến thoái) thì có thể không lầm lỗi lớn”.

Chú thích. – Khổng tử nói câu đó chắc vào khoảng ngoài 40 tuổi. Nhưng có người bảo hai chữ “ngũ thập” [五十] chính là chữ tốt [卒] chép lầm, chữ dịch [易] chính là chữ diệc [亦] (cũng), và chấm câu như sau: “Gia ngã sở niên tốt dĩ học, diệc khả dĩ vô đại quá hĩ”, dịch là: “Cho ta sống thêm ít năm nữa để học thì cũng có thể không lầm lỗi lớn”.

VII.17

Tử sở nhã ngôn, Thi, Thư, chấp lễ, giai nhã ngôn dã”.

Dịch. – Không tử cũng có lúc dùng ngôn ngữ tiêu chuẩn (của triều đình nhà Chu); khi đọc Thi, Thư và làm lễ, đều dùng ngôn ngữ tiêu chuẩn.

Chú thích. – Thời đó, ngôn ngữ dùng ở triều đình nhà Chu là ngôn ngữ tiêu chuẩn, phổ thông cho mọi nước (cũng như tiếng Bắc Kinh ngày nay dùng cho cả nước Trung Hoa, cho nên gọi là tiếng phổ thông). Không tử ngày thường dùng ngôn ngữ của Lỗ, nhưng khi đọc Thi, Thư và làm lễ thì dùng ngôn ngữ của Chu.

Có người hiểu khác hẳn: *nhã ngôn* là giảng luận và dịch là: Không tử hay giảng về Kinh Thi, Kinh Thư và giữ lễ...”.

VII.18

Diệp công vấn Không tử ư Tử Lộ, tử lộ bất đối. Tử viết: “Nhữ hề bất viết: kì vi nhân dã, phát phần vong thực, lạc dĩ vong ưu, bất tri lão chi tương chí vân nhĩ”.

Dịch. – Diệp công (đại phu nước Sở, họ Thâm, tên Chư Lương, hỏi đó làm quan lệnh ở huyện Diệp, tự xưng cần là “công”) hỏi Tử Lộ về Không tử, Tử Lộ không đáp. Không tử bảo: “Sao anh không bảo: ấy làm người phát phần đọc sách (tìm hiểu đạo lý) đến quên ăn, khi tìm được rồi thì vui sướng đến quên mọi lo buồn, không biết rằng cái già nó tới nơi rồi, như vậy đó”.

VII.19

Tử viết: “Ngã phi sinh nhi tri chi giả, hiếu cổ, mẫn dĩ cầu chi giả dã”.

Dịch. – Không tử nói: “Ta chẳng phải trời sanh ra đã biết đạo lý, ta ưa thích văn hoá cổ mà siêng năng tìm học”.

VII.20

Tử bất ngữ: quái, lực, loạn, thần.

Dịch. – Không tử không nói về (4 cái này): quái dị, dùng lực, phản loạn, quỷ thần.

VII.21

Tử viết: “Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên: trạch kì thiện giả nhi tòng chi, kì bất thiện giả nhi cải chi”.

Dịch. – Không tử nói: “Ba người cùng đi (ta với hai người nữa) tất có người làm thầy ta: lựa cái hay của người này mà học, xét cái quấy của người kia mà tự sửa mình”.

Chú thích. – Có người cho chữ tam (ba) ở đây trở một số không nhất định: vài ba hoặc hơn cũng được.

VII.22

Tử viết: “Thiên sinh đức ư dư, Hoàn Khôi kì như dư hà?”

Dịch. – Khổng tử nói: “Trời cho ta có phẩm đức, Hoàn Khôi làm gì được ta?”.

Chú thích. – Việc này, Tư Mã Thiên chép trong Sử kí: “Khổng tử qua nước Tống cùng với đệ tử tập về lễ ở dưới một gốc cây lớn. Quan tư mã nước Tống là Hoàn Khôi (không hiểu vì lẽ gì) muốn giết ông, cho đốt cây đó. Khổng tử (thùng thủng) đi. Đệ tử bảo: “Minh đi mau lên”, Khổng tử đáp: “Trời cho ta phẩm đức...”. Coi lời bàn trong cuốn Khổng tử.

VII.23

Tử viết: “Nhị tam tử dĩ ngã vi ản hồ? Ngô vô ản hồ nhĩ. Ngô vô hành nhi bất dữ nhị tam tử giả, thị Khâu dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Các trò ngờ rằng ta có điều gì giấu các trò chăng? Ta chẳng có điều gì giấu cả. Ta không làm điều gì mà chẳng cho các trò hay. Khâu này như vậy đó”.

VII.24

Tử dĩ tứ giáo: văn, hành, trung, tín.

Dịch. – Khổng tử dạy học trò về: văn (điển tịch, văn hiến), hành (hành vi, thực hành) lẫn trung (tận tâm), tín. Có thể đọc là hạnh (đức hạnh).

VII.25

Tử viết: Thánh nhân, ngô bất đắc nhi kiến chi hĩ, đắc kiến quân tử giả, tư khả hĩ”. Tử viết: “Thiện nhân, ngô bất đắc nhi kiến chi hĩ, đắc kiến hữu hăng giả, tư khả hĩ. Vô nhi vi hữu, hư nhi vi doanh, ước nhi vi thái, nan hồ hữu hăng hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Bậc thánh nhân, ta chưa được thấy, thấy được bậc quân tử cũng khá rồi”. Khổng tử nói: “Bậc thiện nhân, ta chưa được thấy, thấy người tiết tháo không thay đổi cũng khá rồi. Không có mà bảo là có, rộng mà bảo là đầy, thiếu mà bảo là dư (có người dịch là tấn tiện mà bảo là rộng rãi), như vậy khó bảo là tiết tháo không thay đổi được.

VII.26

Tử viết: “Tư điều nhi bất võng, đặc bất xạ túc”.

Dịch. – Khổng tử câu thì không dùng lưới, bắn thì không bắn chim đang ngủ.

VII.27

Tử viết: “Cái hữu bất tri nhi tác chi giả, ngã vô thị dã. Đa văn, trạch kì thiện giả nhi tòng chi, đa kiến nhi chí chi, tri chi thứ dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Có những kẻ không biết mà làm càn, ta không như vậy. Nghe nhiều, chọn điều phải làm theo, thấy nhiều mà ghi nhớ, như vậy mà biết được, biết như vậy chỉ là hạng thứ (kém hạng sinh ra đã biết).

*Chú thích. – Tri (chi thứ đã) có người đọc là trí. E lầm vì thiên XVI *Quý thị*, bài 9 có câu: “Sinh nhi tri chi, thượng dã; học nhi tri chi, thứ dã”; mà thiên VII, bài 19, Khổng tử cũng nói: “Ngã phi sinh nhi tri chi giả”; rõ ràng Khổng tử nhận là hạng “học nhi tri chi”, tức hạng “thứ chi”.*

VII.28

Hổ hương nan dữ ngôn. Đồng tử kiến, môn sinh hoặc. Tử viết: “Dữ kì tiến dã, bất dữ kì thoái dã, duy hà thậm? Nhân khiết kỉ dĩ tiến, dữ kì khiết dã, bất bảo kì vãng dã”.

Dịch. – Người làng Hồ (có tiếng là ác nghịch) khó giảng điều phải cho họ nghe được; một thanh niên làng đó lại yết kiến (để xin học); Khổng tử tiếp, đệ tử phân vân nghi hoặc. Khổng tử bảo: “Người ta tiến bộ thì mình tán thành, thoái bộ thì không tán thành, hà tất phải (nghiêm khắc) thái quá. Người ta tự tình khiết mà mong được tiến bộ, thì ta tán thành lòng tình khiết của họ (bây giờ) chứ không đồng ý về (hoặc kể tới) dĩ vãng của họ”. (Có người dịch là không bảo lãnh về dĩ vãng của họ. Lâm Ngữ Đường lại hiểu là... về hành động sau này của họ).

VII.29

Tử viết: “Nhân viễn hồ tai? Ngã dục nhân, tư nhân chí hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Điều nhân, đâu có xa gì? Ta muốn nó thì nó đến”.

VII. 30

Trần tư bại vấn: “Chiêu công tri lễ hồ?” Khổng tử viết: “Tri lễ”. Khổng tử thoái áp Vu Mã Kì nhi tiến chi, viết: “Ngô văn quân tử bất đảng, quân tử diệc đảng hồ? Quân thủ ư Ngô, vi đồng tính, vị chi Ngô Mạnh tử. Quân nhi tri lễ, thực bất tri lễ?” Vu Mã Kì dĩ cáo. Tử viết: “Khâu dã hạnh, câu hữu quá, nhân tất tri chi”.

Dịch. – Quan tư bại (coi bộ hình) nước Trần hỏi: “Vua Chiêu công (nước Lỗ) có biết lễ không?” Khổng tử đáp: “Biết lễ”. Khổng tử lui ra rồi, quan tư bại vái Vu Mã Kì (học trò Khổng tử) mời tiến lên, hỏi: “Tôi nghe nói người quân tử không thiên vị, té ra quân tử cũng thiên vị sao? Vua Lỗ cưới con gái nước Ngô, cùng họ với mình, gọi trại ra là Ngô Mạnh tử. Vua Chiêu công mà biết lễ thì ai mà không biết lễ?” Vu Mã Kì thuật lại với Khổng tử. Khổng tử nói: “Khâu này may mắn, có lỗi gì thì mọi người đều biết”.

VII. 31

Tử dữ nhân ca nhi thiện, tất sử phản chi, nhi hậu họa chi”.

Dịch. – Khổng tử hát với ai, thấy người ấy hát hay thì bảo người đó hát lại để mình cùng hát.

VII. 32

Tử viết: “Vấn, mặc ngô do nhân dã; cung hành quân tử, tắc ngô vị chi hữu đắc”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Học về học thuật, sách vở thì học chẳng ta cũng bằng người; còn làm người quân tử thì ta chưa được”.

VII. 33

Tử viết: “Nhược thánh dữ nhân, tắc ngô khởi thù? Ưc vi chi bất yếm, hoi nhân bất quyện, tắc khả vi vân nhĩ dĩ hĩ”. Công Tây Hoa viết: “Chính duy đệ tử bất năng học dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Làm được bậc thánh với nhân thì ta đâu dám. Bất quá ta học làm (thánh, nhân) mà không chán, dạy người mà không mệt, chỉ có thể gọi được như vậy mà thôi”. Công Tây Hoa thưa: “Đó chính là điều chúng con không học được”.

VII. 34

Tử tật bệnh, Tử Lộ thỉnh đảo. Tử viết: “Hữu chư?” Tử Lộ đối viết: “Hữu chi, Lụy viết: “Đảo nhĩ ư thượng hạ thần chi”. Tử viết: “Khâu chi đảo cửu hĩ”.

Dịch. – Khổng tử đau nặng, Tử Lộ xin phép cầu đảo. Khổng tử nói: “Có lẽ ấy chăng?” Tử Lộ đáp: “Thưa có, sách Lụy (sách chép các bài cầu đảo) có câu: “Vì ông mà cầu đảo với thần trên trời dưới đất”. Khổng tử nói: “Khâu này cầu đảo từ lâu rồi”. (Ý nói ăn ở phải đạo thì chẳng cần cầu đảo).

VII. 35

Tử viết: “Xa tắc bất tổn, kiệm tắc cố, dữ kì bất tổn dã, ninh cố”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Xa xỉ thì dễ hoá ra kiêu ngạo, kiệm phác thì dễ hoá ra quê mùa. Thà chịu tiếng quê mùa còn hơn là kiêu ngạo”.

VII. 36

Tử viết: “Quân tử thản đẵng đẵng, tiểu nhân trường thích thích”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử thì thản nhiên vui vẻ, kẻ tiểu nhân thì lo lắng u sầu”.

VII. 37

Tử ôn nhi lệ, uy nhi bất mãnh, cung nhi an.

Dịch. – Khổng tử ôn hoà mà nghiêm trang, oai vệ mà không dữ dằn, cung kính mà thư thái.

Thi thi: các bản trên mạng chép là: 夭夭. Chữ 夭, Thiều Chữ đọc là “yêu”. (Goldfish).

Chu Công tên là Đán, là con vua Chu Văn vương, em vua Chu Võ vương. Khi Võ vương chết, ông phụ tá Thành vương (con Võ vương), giúp nhà Chu thịnh trị, định lễ, nhạc. Không tử rất phục Chu Công, vẫn mong được địa vị của Chu Công để hành đạo như Chu Công, nên thường mộng thấy Chu Công.

Tử Lộ hiếu dũng, rất tận tụy với thầy (coi bài V.6) thầy khen Nhan Hôi, cũng muốn thầy nhắc tới mình, nên hỏi như trên. Không tử chê là hiếu dũng, nóng nảy, không biết thận trọng, hỏng việc.

Có lẽ là: “chân không mà lội qua sông” hoặc “không dùng thuyền mà lội qua sông”. (Goldfish).

Ý nói chữ 行 có thể đọc là “hành” hoặc “hạnh”. (Goldfish).

Theo lễ nhà Chu, người cùng họ không được cưới gã nhau. Ngô Mạnh tử nghĩa là tiểu thư lớn nước Ngô. Đáng lẽ phải gọi là Ngô Cơ, Ngô là tên nước, Cơ là tên họ. Người con gái đó cùng họ Cơ với vua Lỗ (?). Cách cư xử của Không tử đáng phục, không thể chê vua mình trước mặt viên quan nước ngoài và nhận lỗi về mình. Lời đáp Vu Nhã Kì nhã nhận làm sao.

Thủ: các bản trên mạng chép là: 敢. Chữ 敢, Thiều Chữ đọc là “cảm”. (Goldfish).

THIÊN VIII

THÁI BÁ

VIII.1

Tử viết: “Thái Bá, kì khả vị chí đức dã dĩ hĩ. Tam dĩ thiên hạ nhượng, dân vô đắc nhi xưng yên”.

Dịch. – Không tử nói: “Ông Thái Bá đáng gọi là người đức rất cao. Mấy lần nhường thiên hạ (một cách rất kín đáo) khiến dân không biết mà ca tụng”.

VIII.2

Tử viết: “Cung nhi vô lễ tắc lao, thận nhi vô lễ tắc tử, dũng nhi vô lễ tắc loạn, trực nhi vô lễ tắc giáo”.

Dịch. – Không tử nói: “Cung kính mà không biết lễ (nghĩa là không thích hợp, vừa phải) thì khó nhọc, cẩn thận mà không biết lễ thì nhứt nhát, dũng cảm mà không biết lễ thì loạn động, ngay thẳng mà không biết lễ thì gắt gao, mất lòng người”.

“Quân tử đốc ư thân tắc dân hưng ư nhân; cố cự bất di tắc dân bất du”.

Dịch. – “Người quân tử (cầm quyền) giữ trọn đạo với người thân thì dân phát khởi lòng nhân ái; không bỏ người cũ thì dân không bạc bẽo”.

VIII.3

Tăng tử hữu tật, triệu môn đệ tử viết: “Khải dư túc, Khải dư thủ. Thi vân: “Chiến chiến căng căng như lâm thâm uyên, như lí bạc băng”. Nhi kim nhi hậu, ngô tri miễn phù, tiểu tử”.

Dịch. – Tăng tử bị bệnh nặng (khó qua), cho gọi các đệ tử tới, bảo: “Dỡ chân ta ra xem, dỡ tay ta ra xem. Kinh Thi có câu: “Phải nom nớp chăm chăm, như đi xuống vực sâu, như đi trên lớp băng mỏng”. Từ nay về sau, ta mới biết thoát khỏi hình lục, đó các trò”.

Chú thích. – Thoát khỏi hình lục, không bị chặt chân, chặt tay, mà giữ được trọn thân thể cha mẹ sinh ra, không làm nhục cha mẹ, như vậy là có hiếu (coi lời bàn của tôi trong cuốn Khổng tử - chương IV).

VIII.4

Tăng Tử hữu tật, Mạnh Kính tử vấn chi. Tăng Tử ngôn viết: “Điều chi tương tử, kì minh dã ai; nhân chi tương tử, kì ngôn dã thiện. Quân tử sở quý hồ đạo giả tam: động dong mạo, tư viễn bạo mạn hĩ; chính nhan sắc, tư cận tín tiểu; xuất từ khí, tư viễn bị bội hĩ. Biên đậu chi sự, tắc hữu tư tồn”.

Dịch. – Tăng tử đau nặng, Mạnh Kính tử (đại phu nước Lỗ) đến thăm. Tăng tử bảo: “Con chim sắp chết, cất tiếng kêu bi ai, người ta sắp chết, thốt ra lời thiện. Người quân tử (cầm quyền) trong đạo giao thiệp, quý trọng ba điều: cử chỉ dung mạo đừng nên thô bạo, ngạo mạn; nét mặt nghiêm túc, thành tín; lời nói đừng nên thô bỉ, trái lẽ. Còn việc sắp đặt các đồ cúng tế thì có viên chức chăm nom”. (mình khỏi quan tâm tới).

VIII.5

Tăng Tử viết: “Dĩ năng vấn ư bất năng, dĩ đa vấn ư quả; hữu nhược vô, thực nhược hư; phạm nhi bất hiệu, tích giả ngô hữu thường tòng sự ư tư hĩ”.

Dịch. – Tăng tử nói: “Mình giỏi mà đi hỏi người dở, biết nhiều hỏi người biết ít, mình có tài đức mà tựa như không, đầy đủ mà tựa trống rỗng, bị xúc phạm mà chẳng xúc phạm lại, ngày xưa bạn ta thường theo được vậy”.

Chú thích. – Có thể Tăng tử khen bạn cũ là Nhan Uyên.

VIII.6

Tăng Tử viết: “Khả dĩ thác lục xích chi cô, khả dĩ kí bách lí chi mệnh, lâm đại tiết, nhi bất khả đoạt dã; quân tử nhân dư, quân tử nhân dã”.

Dịch. – Tăng tử nói: “Một đại thần có thể giao phó cho một hoàng tử mồ côi cao sáu thước

(khoảng sáu gang tay, mười tuổi), có thể giao vận mệnh một nước trăm dặm, trong khi nguy biến mà giữ tròn tiết tháo, người như vậy có phải là quân tử không? Hẳn là quân tử rồi”.

VIII.7

Tăng Tử viết: “Sĩ bất khả dĩ bất hoàng nghị, nhiệm trọng nhi đạo viễn. Nhân dĩ vi kỉ nhiệm, bất diệc trọng hồ? Tử nhi hậu dĩ, bất diệc viễn hồ?”.

Dịch. – Tăng tử nói: “Kẻ sĩ không thể không cương cường, quyết tâm, là vì nhiệm vụ nặng mà đường xa. Nhiệm vụ là làm điều nhân, như vậy chẳng nặng sao? Làm cho đến chết mới thôi, như vậy đường chẳng xa sao?”.

VIII.8

Tử viết: “Hưng ư Thi, lập ư Lễ, thành ư Nhạc”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Học Thi để phấn khởi, học Lễ để lập thân, hoàn thành sở học bằng Nhạc”.

Chú thích. – Nhạc có công dụng điều hoà tính tình và hoà mình với người.

VIII.9

Tử viết: “Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Dân chúng, có thể khiến họ theo (điều nào đó), chứ không thể giảng cho họ hiểu được”.

Chú thích. – Coi lời bàn của chúng tôi trong cuốn Khổng tử. Có người chấm câu: Dân khả, sử do chi; bất khả sử tri nghĩa là dân nào khá thì khiến cho noi theo; dân nào không khá thì khiến cho phải biết.

VIII.10

Tử viết: “Hiếu dưỡng, tật bản, loạn dã. Nhân nhi bất nhân, tật chi dĩ thậm, loạn dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Kẻ hiếu dưỡng mà lại ghét cảnh nghèo khổ thì sẽ làm loạn. Người bất nhân mà bị ghét bỏ thái quá thì sẽ nổi loạn”.

VIII.11

Tử viết: “Nhu hữu Chu công chi tài chi mỹ, sử kiêu thả lận, kì dư bất tức quan dã dĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Nhu có tài năng tốt đẹp như Chu công, mà có tính kiêu ngạo, biếng lận, thì những tài đức gì khác cũng không xét nữa”.

VIII.12

Tử viết: “Tam niên học, bất chí ư cốc, bất dị đắc dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Học ba năm mà không có ý cầu bổng lộc, dễ được mấy người?”.

VIII.13

Tử viết: “Độc tín hiếu học, thủ tử thiện đạo, nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư. Thiên hạ hữu đạo tắc hiện, vô đạo tắc ẩn. Bang hữu đạo, bản thả tiện yên, sĩ dã; bang vô đạo, phú thả quý yên, sĩ dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Vững tin đạo mà ham học, giữ đạo tới chết. Nước nguy đừng vào, nước loạn không ở. Thiên hạ chính trị tốt thì ra làm quan, chính trị hắc ám thì ở ẩn. Nước nhà có chính trị tốt mà mình nghèo hèn thì đáng xấu hổ, nước nhà chính trị hắc ám mà mình phú quý thì đáng xấu hổ”.

VIII.14

Tử viết: “Bất tại kì vị, bất mưu kì chính”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Không ở chức vị nào thì đừng mưu tính việc của chức vị đó”.

VIII.15

Tử viết: “Sur Chí chi thủy, Quan thư chi loạn, dương dương hồ doanh nhĩ tai!”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Quan thái sur Chí (nhạc trưởng) khi mới tấu nhạc (có sách dịch là khi mới nhậm chức), đoạn ông hợp tấu kết thúc Quan thư đẹp dễ và vui tai thay!”.

VIII.16

Tử viết: “Cuồng nhi bất trực, đồng nhi bất nguyện, không không nhi bất tín, ngô bất tri chi hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Kẻ cuồng vọng mà không ngay thẳng; ngây thơ mà không trung hậu, bất tài (hoặc đại dốt) mà không thủ tín, ta không biết hạng người đó ra sao!” (có ý chê là bỏ đi).

VIII.17

Tử viết: “Học như bất cập, do khủng thất chi”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Học thì (phải) gắng sức) như sợ không kịp, học được điều gì rồi thì sợ quên mất”.

VIII.18

Tử viết: “Nguy nguy hồ, Thuấn, Vũ chi hữu thiên hạ dã, nhi bất dự yên”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Vội vội thay, ông Thuần và ông Vũ được thiên hạ (làm vua) mà chẳng lấy làm vui” (chẳng hưởng vinh hoa phú quý).

Chú thích. – Có người hiểu là ... được thiên hạ mà không do mình cầu mong (ý nói hai ông đều được nhường ngôi). Lại có thuyết: “...được thiên hạ mà vô vi (chẳng làm gì cả)” vì được hiền thần giúp sức trị dân cho.

VIII.19

Tử viết: “Đại tai, Nghiêu, Thuần chi vi quân dã. Nguy nguy hồ, duy thiên vi đại, duy Nghiêu tắc chi. Đãng đẳng hồ, dân vô năng danh yên. Nguy nguy hồ, kì hữu thành công dã. Hoán hồ, kì hữu văn chương”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Lớn thay, sự nghiệp làm vua của ông Nghiêu, ông Thuần. Vội vội thay, chỉ có trời là vĩ đại, và chỉ có vua Nghiêu là theo được trời. Lông lộng thay, dân chúng không tìm được lời nào để khen cho đúng (đức nghiệp) của ông. Vội vội thay, sự thành công của ông. Rục rờ thay, lễ nhạc và chế độ của ông”.

VIII.20

“Thuần hữu thần ngũ nhân nhi thiên hạ trị. Vũ vương viết: “Dư hữu loạn thần thập nhân”. Khổng tử viết: “Tài nan, bất kì nhiên hồ? Đường, Ngu chi tế, ư tư vi thịnh. Hữu phụ nhân yên, cửu nhân nhi dĩ. - Tam phân thiên hạ hữu kì nhị, dĩ phục sự Ân. Chu chi đức, kì khả vị chí đức dã dĩ hĩ”.

Dịch. – Ông Thuần có năm hiền thần mà thiên hạ thịnh trị. Ông Võ vương (nhà Chu) nói: “Ta có mười đại thần trị thiên hạ”. Khổng tử nói: (Người ta thường bảo) khó kiếm được nhân tài. Lời đó chẳng đúng ư? So với đời Đường (vua Nghiêu), đời Ngu (vua Thuần) thì đời này (Văn vương, Võ vương nhà Chu) nhân tài nhiều hơn, nhưng trong số đó có một người đàn bà, thành thử chỉ còn chín người thôi. – Vua Văn vương (cha Võ vương) được hai phần ba thiên hạ theo mình mà vẫn thần phục nhà Ân. Đức của nhà Chu như vậy, có thể nói là cực cao”.

Chú thích. – Năm vị hiền thần của vua Thuần là: Vũ, Tắc, Tiết, Cao Dao, Bá Ích.- Mười vị hiền thần của Võ vương là: Chu công, Triệu công, Khương Thượng, Tất công, Vinh công, Thái Điên, Hoành Yêu, Tán Nghi Sanh, Nam Cung Quát và bà Ấp Khương, vợ Võ vương. Loạn thần ở đây có nghĩa là bề tôi giỏi trị loạn.

VIII.21

Tử viết: “Vũ, ngô vô gián nhiên hĩ. Phi ẩm thực nhi trí hiếu hồ quý thần, ác y phục nhi trí mỹ hồ phát miện, ti cung thất nhi tận lực hồ câu húc. Vũ, ngô vô gián nhiên hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ta chẳng chê vua Vũ (nhà Hạ) vào đâu được cả. Ông ăn uống đạm bạc mà cúng tế quỷ thần rất trọng hậu; ăn mặc xấu xí mà khi cúng tế, lễ phục rất đẹp; cung thất nhỏ hẹp mà tận lực sửa sang ngôi lạch (ám chỉ công việc của Vũ). Vua Vũ, ta chẳng chê vào đâu được cả”.

Chú thích. – Phát và miện là áo và mũ khi tế.

Chữ *tam* này, có người hiểu là quyết tâm. Không nên hiểu là ba. Thái Bá là con trưởng của Chu Thái vương. Thái vương muốn truyền ngôi cho con út là Quý Lịch vì Quý Lịch có một người con trai tên là Xương cái tài đức, như vậy Quý Lịch chết thì Xương sẽ làm vua. Thái Bá hiểu ý cha, rủ người em kế là Trọng Ung ra khỏi nước, về phương Nam. Trong khi ấy Thái vương truyền ngôi cho Quý Lịch rồi Quý Lịch truyền ngôi cho Xương, tức vua Văn vương, sau vua Văn vương truyền ngôi cho Võ vương, Võ vương diệt Trụ nhà Thương mà dựng thiên hạ nhà Chu.

Húc: các bản trên mạng chép là: 恤 (Thiền Chữ đọc là “tuất”). (Goldfish).

THIÊN IX

TỬ HÂN

IX.1

Tử hân ngôn lợi dữ mệnh dữ nhân.

Dịch. – Không tử ít nói tới lợi, với mệnh và đạo nhân.

Chú thích. – Chu Hi hiểu như Trình tử và dẫn lời của Trình: “Tính tới lợi thì hại nghĩa, lí của mệnh huyền vi, mà đạo nhân rộng lớn, nên Khổng tử ít nói đến”. Nhưng nhiều người thắc mắc điều này: Trong *Luận ngữ* Khổng tử nói về lợi đến sáu lần, về mệnh mười lần, về nhân cả trăm lần, sao bảo ít nói về nhân được?

1. Có người giảng: chữ “ngôn” (nói) ở đây không phải là lời Khổng tử nói trong khi dạy học (dạy thì ông nói rất nhiều về nhân – cả trăm chỗ); mà là “tự ngôn”, có nghĩa là lời ông nói trong đời sống hằng ngày, trong khi xử sự, hoặc lời ông nói về ông, ông ít xét tới lợi, vì ông chỉ theo nghĩa; ít nói tới thiên mệnh vì ông chủ trương sửa đổi xã hội là việc không thể làm được mà ông vẫn làm (tri kỉ bất khả vi nhi chi), chính Tử Cống cũng bảo không được nghe ông nói về đạo trời (bài V.12); còn ông ít nói tới nhân, nghĩa là ông không tự cho mình là nhân mà cũng ít khen ai là nhân.

2. Vũ Đồng trong *Trung Quốc triết học đại cương* (Thương vụ ấn quán) và Triệu Thông (sách đã dẫn) giảng khác: Không tử ít nói về nhân trong dạy học, nhưng vì môn đệ coi đức nhân là quan trọng, nên lần nào thầy nói tới cũng ghi đủ, vì vậy mà trong *Luận ngữ* chúng ta mới thấy nhiều. Hai thuyết trên có thể tạm chấp nhận được. Ngoài ra còn những thuyết này nữa:

3. Chữ *dữ* ở đây phải hiểu là *kèm với*. Không tử ít nói lợi kèm với mệnh, với nhân.

4. Chữ *dữ* có nghĩa là *rời đến*. Không tử ít nói tới lợi, rời đến mệnh (nói đến mệnh nhiều hơn lợi) sau cùng đến nhân (nói đến nhân nhiều hơn cả).

5. Chữ *dữ* có nghĩa là *hợp với*. Không tử ít nói rằng lợi hợp với mệnh, với nhân, mà cho rằng lợi

thường trái với mệnh, với nhân. Có người chắm câu sau chữ “lợi”, và dịch là: mà theo (dữ) mệnh trời theo điều nhân. Chữ “dữ” đó dùng như trong câu: “Ngô dữ Điền” (Ta muốn theo anh Điền, muốn như anh Điền) trong bài XI.25.

6. Lại có người bảo chữ *hãn* ở đây phải đọc là *hiên*, nghĩa là rõ ràng, Khổng tử nói minh bạch về lợi, mệnh và nhân. Sai. Khổng tử có nói gì minh bạch về lợi, về nhân đâu.

IX.2

Đạt hạng đang nhân viết: “Đại tai Khổng tử! Bác học nhi vô sở thành danh. Tử văn chi, vị môn đệ tử viết: Ngô hà chấp”. Chấp ngự hồ? Chấp xạ hồ? Ngô chấp ngự hĩ”.

Dịch. – Có người trong đảng Đạt Hạng (thời đó 500 nhà là một đảng – cũng như làng xóm) bảo: “Ông Khổng tử thật là vĩ đại! Học vấn quảng bác, nhưng chẳng chuyên về một môn gì cả”. Khổng tử nghe được, nói với các đệ tử: “Ta chuyên về môn nào đây? Môn đánh xe, hay môn bắn cung? Ta sẽ chuyên về môn đánh xe”.

Chú thích. – Đánh xe cũng là một trong lục nghệ, nhưng chuyên đánh xe cho người là nghề thấp hèn nhất. Khổng tử nói đùa với môn sinh như vậy vì trong bài XIII.4 ông chê Phàn Trì “nhỏ nhen” khi xin ông dạy cho nghề nông, (nghề này cao hơn nghề đánh xe).

IX.3

Tử viết: “Ma miện, lễ dã, kim dã thuận, kiệm, ngô tòng chúng. Bái Hạ, lễ dã, kim bái hồ thượng, thái dã; tuy vi chúng, ngô tòng hạ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Đội mũ gai là theo lễ xưa, nay dùng mũ tơ rẻ hơn (vì đỡ tốn công hơn), nên ta theo số đông. Bề tôi bái yết vua thì mới đầu đứng ở dưới thềm mà bái, (rồi lên trên thềm rồi lại bái nữa), đó là lễ xưa; ngày nay lên đến trên thềm rồi mới bái, như vậy là kiêu mạn; cho nên tuy trái với số đông, ta vẫn bái từ dưới thềm”.

IX.4

Tử tuyệt tứ, vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã.

Dịch. – Khổng tử bỏ hẳn bốn tật này: “vô ý” là xét việc gì thì không đem ý riêng (hoặc tư dục) của mình vào mà cứ theo lẽ phải; “vô tất”, tức không quyết rằng điều gì tất đúng, việc đó tất làm được; “vô cố”, tức không cố chấp; “vô ngã”, tức quên mình đi, không cho cái ta làm mờ ám (hoặc không ích kỷ mà phải chỉ công vô tư).

Chú thích. – Có nhà bàn thêm: vô ý là trí, vô tất là nghĩa, vô cố là lễ, vô ngã là nhân. Đúng.

IX.5

Tử úy ư Khuông, viết: “Văn vương kí một, văn bát tại tư hồ! Thiên chi tương táng tư văn dã, hậu tử giả bất đắc dữ ư tư văn dã. Thiên chi vị táng tư văn dã, Khuông nhân kì như dư hà?”

Dịch. – Khổng tử bị vây ở thành Khuông (nước Vệ), bảo: “Vua Văn vương mất rồi, lễ nhạc, chế độ của ông chẳng truyền lại cho ta sao! Trời mà muốn huỷ diệt văn hóa đó thì người sau đâu được thừa hưởng văn hóa đó; Trời mà chưa muốn huỷ diệt văn hóa đó thì người đất Khuông làm gì được ta?”.

Chú thích. – Chuyện này chép trong *Sử kí* của Tư Mã Thiên. Người đất Khuông ghét Dương Hồ (*Luận ngữ* gọi là Dương Hoá), gia thân họ Quý, thấy tướng mạo Khổng tử giống Dương Hồ nên muốn hãm hại; khi họ biết là lầm thì xin lỗi và thả ông ra.

IX.6

Thái tể vấn ư Tử Cống, viết: “Phu tử thánh giả dư? Hà kì đa năng dã?” Tử Cống viết: “Cổ thiên túng chi tương thánh, hựu đa năng dã”. Tử văn chi, viết: “Thái tể tri ngã hồ? Ngô thiếu dã tiện, cổ đa năng bỉ sự. Quân tử đa hồ tai? Bất đa dã”. Lao viết: “Tử văn: “Ngô bất thí, cổ nghệ”.

Dịch. – Một quan thái tể hỏi Khổng tử: “Phu tử (tức Khổng tử) phải là thánh chăng? Sao mà đa tài thế?” Tử Cống đáp: “Trời rộng rãi muốn cho người làm thánh nhân, lại cho người nhiều tài”. Khổng tử nghe được, bảo: “Quan thái tể biết ta chăng? Ta hồi nhỏ nghèo hèn nên học được nhiều nghề bỉ lậu. Người quân tử có cần biết nhiều nghề không? Không cần”. Lao bảo: “Thầy ta có lần nói: “Ta vì không được dùng (được làm quan) cho nên học được nhiều nghề”.

Chú thích. – Lao là học trò Khổng tử, không biết họ gì.

IX.7

Tử viết: “Ngô hữu tri hồ tai? Vô tri dã. Hữu bỉ phu vấn ư ngã, không không như dã, ngã khẩu kì lưỡng đoan nhi kiệt yên”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ta có biết rộng không? Không. Có người nhà quê nào lại hỏi ta, ta vốn không biết gì cả, nhưng ta hỏi đầu đuôi (hoặc mặt phải mặt trái) mối nghi ngờ của người đó, (do đó mà hiểu được) mà giảng giải hết cho”.

IX.8

Tử viết: “Phượng điều bất chí, hà bất xuất đồ, ngô dĩ hĩ phù!”

Dịch. – “Chim phượng chẳng đến, bức đồ chẳng hiện trên sông Hoàng Hà, ta hết hi vọng rồi!”.

Chú thích. – Người Trung Hoa tin phượng là một linh điều, vua Thuấn được người ta dâng một con, rồi tới đời Văn vương có chim phượng hót ở núi Kì. Bức đồ là bức có hình bát quái; thời Phục Hi, có con long mã đội nó trên lưng, hiện trên sông Hoàng Hà. Đó là những điềm thánh nhân xuất hiện. Khổng tử không thấy hai vật đó, cho rằng thánh vương không ra đời và đạo của ông không thể thi hành được.

IX.9

Tử kiến tư thôi giả, miện y thường giả dữ cổ giả, kiến chi, tuy thiếu, tất tác, quá chi tất xô.

Dịch. – Không tử thấy người bận đồ xô gai (đồ tang), người bận lễ phục với người mù, thì những người đồ dù nhỏ tuổi, ông cũng đứng dậy; đi qua mặt những người ấy thì ông rảo bước.

IX.10

Nhan Uyên vị nhiên thán viết: “Ngưỡng chi đi cao, toàn chi đi kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu. Phu tử tuần tuần nhiên thiện dụ nhân. Bác ngã dĩ văn, ước ngã dĩ lễ, dục bãi bất năng. Kí kiệt ngô tài, như hữu sở lập trác nhĩ, tuy dục tòng chi, mặt do dã dĩ”.

Dịch. – Nhan Uyên bùi ngùi khen: “Đạo (thầy ta) càng ngừng lên trông càng thấy cao, càng đục càng cứng, mới thấy ở trước mặt, bỗng hiện ở sau lưng. Thấy tuần tự mà khéo dẫn dụ người. Thấy dùng thư tịch mà mở rộng tri thức ta, dùng lễ tiết ước thúc hành vi ta, dù ta có muốn thôi cũng không được. Ta tận dụng năng lực mà cơ hồ vẫn thấy có cái gì cao lớn sừng sững ở phía trước, ta muốn theo lên tới cùng mà không sao theo cho nổi”.

IX.11

Tử tât bệnh. Tử Lộ sử môn nhân vi thân. Bệnh gián. Viết: “Cửu hĩ tai, Do chi hành trá dã. Vô thân nhi vi hữu thân. Ngô thùy khi? Khi thiên hồ? Thả dư dữ kì tử ư thân chi thủ dã, vô ninh tử ư nhị tam tử chi thủ hồ? Thả dư túng bất đắc đại táng, dư tử ư đạo lộ hồ?”.

Dịch. – Không tử đau nặng. Tử Lộ bảo anh em đồng môn làm gia thần (hộ tang nếu Không tử mất phần). Khi bệnh giảm, Không tử (mới hay truyện đó) bảo: “Lâu rồi, anh Do làm chuyện lừa dối đó! Nay ta không có gia thần mà làm như có gia thần. Như vậy là dối ai, dối Trời chăng? Và lại, ta chết trong tay gia thần, đâu bằng chết trong tay các trò?” Và lại, không được đại táng, chẳng hơn chết dọc đường dọc xá ư?”

IX.12

Tử Cống viết: “Hữu mỹ ngọc ư tư, uẩn độc nhi tàng chư? Cầu thiện cổ nhi cô chư? Tử viết: “Cổ chi tai, cổ chi tai, ngã đãi cổ giả dã”.

Dịch. – Tử Cống nói: “Có viên ngọc đẹp ở đây, nên bỏ vào hộp mà cất đi chăng? Hay cầu có thương nhân tốt mà bán đi?” Không tử đáp: “Bán đi chứ, bán đi chứ! Ta đợi có thương nhân đây”.

IX.13

Tử dục cư cửu di. Hoạc viết: “Lậu, như chi hà?” Tử viết: “Quân tử cư chi, hà lậu chi hữu?”

Dịch. – Không tử (chán ngán) muốn qua các dân tộc kém văn minh miền Đông. Có người bảo: “Các nơi đó bị lậu, làm sao ở được?” Ông đáp: “Người quân tử lại ở (giáo hoá họ) thì còn gì bị lậu nữa?”

IX.14

Tử viết: Ngô tự Vệ phản Lỗ, nhiên hậu nhạc chính Nhã, Tụng các đặc kỳ sở”.

Dịch. – Không tử nói: “Ta từ Vệ trở về Lỗ, rồi mới định chính lại nhạc, mà nhạc Nhã và Tụng được diễn tấu đúng âm luật”.

Chú thích. – Hồi này Không tử trên 69 tuổi. Nhã, Tụng là những loại thi trong *Kinh Thi*, mà cũng là những nhạc điệu. Có người hiểu là Không tử sắp đặt lại những thiên Nhã, Tụng trong *Kinh Thi*, hoặc định lại trong trường hợp nào nên tấu những nhạc Nhã, Tụng.

IX.15

Tử viết: “Xuất tặc sự công khanh, nhập tặc sự phụ huynh, tang sự bất cảm bất miễn, bất vi tửu khôn, hà hữu ư ngã tai?”

Dịch. – Không tử nói: “Ra làm quan thì thờ bậc công khanh (các đại thần chấp chính), ở nhà thì thờ cha mẹ, việc tang không dám không làm tròn lễ, không để cho rượu làm loạn tính, bốn điều đó ta làm được điều nào không?”

IX.16

Tử tại xuyên thượng viết: “Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ”.

Dịch. – Không tử đứng trên bờ sông, nói: “Nước chảy đi hoài, ngày đêm không ngừng”.

Chú thích. – Có thể hiểu là thời gian trôi đi hoài, đừng nên bỏ lỡ; hoặc: đạo trời, vạn vật biến hoá hoài.

IX.17

Tử viết: “Ngô vị kiến hiếu đức nhi hiếu sắc giả dã”.

Dịch. – Không tử nói: “Ta chưa thấy ai hiếu đức bằng hiếu sắc”.

IX.18

Tử viết: “Thí như vi sơn, vị thành nhất quĩ, chỉ, ngô chỉ dã. Thí như bình địa, tuy phác nhất quĩ, tiến, ngô tiến dã”.

Dịch. – Không tử nói: “Vi như đắp núi, chỉ còn thiếu một sọt nữa là ngừng, là tại ta muốn ngừng vậy. Vi như tại trên đất bằng, tuy mới đổ xuống một sọt, mà tiếp tục đổ nữa, lại tại ta muốn tiếp tục vậy”.

IX.19

Tử viết: “Ngũ chi nhi bất nọ giả, kì Hồi dã dư?”

Dịch. – Không tử nói: “Giảng dạy cho mà thi hành không trễ nhác, thì chỉ có anh Nhan Hôi chẳng?”

IX.20

Tử vị Nhan Uyên viết: “Tích hồ! Ngô kiến kì tiến dã, vị kiến kì chỉ dã”.

Dịch. – Không tử nói về Nhan Uyên: “Tiếc thay (vì Nhan Uyên yếu)! Ta chỉ thấy anh ấy tiến (trên đường đạo lý) mà chưa hề thấy ngừng”.

IX.21

Tử viết: “Miêu nhi bất tú giả, hữu hĩ phú! Tú nhi bất thực giả, hữu hĩ phú!”.

Dịch. – Không tử nói: “Lúa mọc lên mà chẳng trở bông, đã có như vậy rồi! Trở bông mà không thành hạt, cũng có như vậy rồi!”

IX.22

Tử viết: “Hậu sinh khả úy, yên tri lai giả chi bất như kim dã? Tứ thập, ngũ thập nhi vô văn yên, tư diệc bất túc úy dã dĩ”.

Dịch. – Không tử nói: “Đừng sợ bọn trẻ, biết đâu sau này họ chẳng hơn mình bây giờ? Nhưng khi họ bốn chục, năm chục tuổi mà không có chút danh vọng gì, thì chẳng đáng sợ nữa”.

IX.23

Tử viết: “Pháp ngữ chi ngôn, năng vô tòng hồ? Cải chi vi quý. Tồn dữ chi ngôn, năng vô duyệt hồ? Dịch chi vi quý. Duyệt nhi bất dịch, tòng nhi bất cải, ngô mạt như chi hà dã dĩ hĩ”.

Dịch. – Không tử nói: “Người ta lấy lời phải nghiêm chỉnh răn mình thì làm sao không nghe cho được? Nhưng nghe để tự sửa đổi mới là quý. Người ta lấy lời kính thuận tán thành mình, thì làm sao mà không vui lòng được? Nhưng nghe rồi mà suy xét người ta có hàm ý gì (nghĩa là lời khen có đúng không) thì mới là quý. Vui lòng mà không suy xét, nghe mà không sửa mình, hạng người đó ta chẳng biết dạy cách nào nữa”.

IX.24

Bài này trùng với bài I.8.

IX.25

Tử viết: “Tam quân khả đoạt soái dã, thất phu bất khả đoạt chí dã”.

Dịch. – Không tử nói: “Có thể (dùng sức mạnh) bắt được một vị nguyên soái, chứ chí hướng của một thường dân thì không (dùng sức mạnh mà) đoạt nổi”.

IX.26

Tử viết: “Y tề uẩn bào, dữ y hồ hạc giả lập, nhi bất sĩ giả, kì Do đã dư! Bất chí bất cầu, hà dụng bất tang?” Tử Lộ chung thân tụng chi. Tử viết: “Thị đạo đã, hà túc dĩ tang”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Bạn áo bằng vải cũ đứng chung với người bạn áo bào bằng da con chồn (hồ), con lạc mà không xấu hổ, đó là anh Do chăng?”. “Chẳng đổ kị, chẳng tham cầu, làm việc gì (trong hoàn cảnh nào) mà chẳng tốt?”. Tử Lộ ngâm hoài câu đó. Khổng tử bảo: “Cái đại đạo đó, đã đủ gì mà gọi là (hoàn toàn) tốt?”.

IX.27

Tử viết: “Tuế hàn, nhiên hậu tri tùng bách chi hậu điều dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Tới mùa đông lạnh lẽo, mới biết loài tùng, bách còn đủ cành lá”.

IX.28

Tử viết: “Trí giả bất hoặc, nhân giả bất ưu, dũng giả bất cụt”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người trí thì không mê hoặc, người nhân thì không lo, người dũng thì không sợ”.

IX.29

Tử viết: “Khả dữ cộng học, vị khả dữ thích đạo; khả dữ thích đạo, vị khả dữ lập; khả dữ lập, vị khả dữ quyền”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Có hạng người mình có thể cùng học với họ, mà vị tất đã có thể cùng đi vào chính đạo với họ; có thể cùng đi vào chính đạo với họ, mà vị tất đã có thể đứng vững trong chính đạo với họ; có thể đứng vững trong chính đạo với họ, mà vị tất đã có thể theo phép quyền biến với họ”.

IX.30

“Đường lệ chi hoa, thiên kì phiên nhi. Khởi bất nhĩ ti, thất thị viễn nhi”. Tử viết: “Vị chi tư dã, phù hà viễn chi hữu”.

Dịch. – “Những đoá hoa trên cây đường lệ, nghiêng ngả, lung lay. Tôi há chẳng nhớ em sao? Ngặt nỗi tôi ở xa quá (không tới được)”. Khổng tử đọc bốn câu đó và bảo: “Như vậy là chưa thật là tưởng nhớ, (nếu thật là tưởng nhớ) thì có ngại gì xa?”.

Vi: nguyên văn chữ Hán là 違. Có bản chép là 遠 (viễn). (Goldfish).

Phù: nguyên văn chữ Hán là 夫; có bản chép là 乎 (hồ). (Goldfish).

Không hiểu: cái gì lâu? Có sách giảng là: ta mê man lâu nhĩ. Có thể hiểu đó chỉ là lời trách Tử Lộ. Tử Lộ lớn tuổi hơn vả, vì quý thầy mà đề xướng vụ đó.

Theo lệ thời đó, hễ làm đại phu thì có gia thân, cai quản mọi việc trong nhà. Có hồi Khổng tử làm đại phu, có gia thân, nhưng hồi này không còn làm đại phu nữa. Tử Lộ muốn dùng lễ đại phu để chôn cất thầy nên bảo anh em đồng môn làm gia thân. Bài này cảm động, lời trách rất đúng, tuy nghiêm mà nhiều tình cảm, tư cách thanh cao.

Đoạn “*mà làm như có gia thân... chết dọc đường dọc xá ư?*” là do tôi tạm ghi thêm, ebook nguồn không có. (Goldfish).

Chữ cổ [賈] này có người đọc là *giá*: cầu được giá mà bán.

Tiến: nguyên văn chữ Hán là 進; có bản chép là 往 (vãng). (Goldfish).

Bốn chữ “thí như bình địa” có người dịch là: “Ví như lấp một vực sâu cho thành đất bằng...”. Hiểu cách nào thì đại ý bài này cũng là khuyên ta đừng bỏ lỡ công việc học tập mà công trước mất hết; thành hay bại chỉ tại ta mà thôi. Nhưng hiểu như chúng tôi dịch thì sự so sánh có ý mạnh hơn: cùng là *việc đắp núi*, gần thành công rồi bỏ, với việc mới bắt đầu mà vững chí tiếp tục, là do ta hết. Đưa ví dụ lấp vực sâu vào đây, ý hơi loãng đi.

Nguyên văn bài IX.24 này là: *Tử viết: “Chủ trung tín, vô hữu bất như kị giả, quá tắc vật cải”*; nguyên văn bài I.8, dài hơn: *Tử viết: “Quân tử bất trọng tắc bất uy, học tắc bất cố; chủ trung tín, vô hữu bất như kị giả, quá tắc vật đản cải”*. (Goldfish).

Con lạc là một loài giống con chồn. Áo làm bằng da con chồn và con lạc vừa nhẹ vừa ấm, nên rất quý.

Có nhiều bản chia bài này ra làm hai, tới đây là hết bài trên. Nhưng ý nghĩa là hai đoạn liên quan với nhau, nên gom làm một.

Câu này trong *Kinh Thi*, Vệ phong, thiên Hùng trĩ. Chữ 伎 (đồ kị) chúng tôi phiên âm là *chí*, có người đọc là *kĩ*. Có nhà cho rằng Khổng tử dẫn câu đó để khen Tử Lộ. Như vậy có vẻ Khổng tử mâu thuẫn: chính ông dẫn câu đó, sao dưới lại bảo: “Có gì (hoàn toàn) tốt?”. Cho nên chúng tôi đoán Tử Lộ nhớ *Kinh Thi*, tự phụ rằng mình đã đi theo đúng lời khuyên trong *Kinh Thi*, nên ngâm hoài. Khổng tử thấy vậy, nén lòng tự phụ đó xuống.

Trong *Kinh Thi* hiện nay lưu hành không có bốn câu thơ đó. Hai câu đầu thể hứng, (nhân thấy hoa đường lệ mà có hứng), nghĩa không liên quan gì tới hai câu sau. Khổng tử muốn khuyên người học đạo: nếu thực ham đạo thì không ngại khó.

THIÊN X

HƯƠNG ĐĂNG

X.1

Khổng tử ư hương đẳng, tuân tuân như đã, tự bất năng ngôn giả; kì tại tôn miếu, triều đình, biên biên ngôn, duy cần nhĩ.

Dịch. – Khổng tử ở làng xóm thì cung thuận, tựa như không biết ăn nói; ở tại tôn miếu, triều đình thì biện luận rành rẽ mà rất cẩn thận.

X.2

Triều, dữ hạ đại phu ngôn, khản khản như đã; dữ thượng đại phu ngôn, ngân ngân như đã. Quân tại, thúc tích như đã, dư dư như đã.

Dịch. – Khổng tử nói: Ở triều đình, nói với các quan hạ đại phu thì hoà nhã vui vẻ; nói với các quan thượng đại phu thì nghiêm túc, chính trực. Khi vua lâm triều thì ông cung kính, có vẻ như không an tâm, không mất vẻ uy nghi.

Chú thích. – Thiên này nhiều từ cổ: tuân tuân, biên biên, khản khản, ngân ngân, dư dư... mỗi sách giảng mỗi khác. Đại khái chúng tôi theo Chu Hi.

X.3

Quân triệu sử tần, sắc bột như đã, túc quắc (hoặc giác) như đã. Ấp sở dữ lập, tả hữu thủ, y tiên hậu xiêm như đã. Xô tiến, dực như đã. Tân thoái, tất phục mệnh viết: “Tân bất cố hĩ”.

Dịch. – Khi vua (Lỗ) triệu ông tiếp khách (nước ngoài) thì ông biến sắc, chân bước run run, khách cùng đứng với ông thì ông chấp tay vái người bên tả, người bên hữu; vật trước, vật sau của áo phiêu động khi ông cúi, ngừng, ông rảo bước tiến tới (có sách dịch là khi đưa khách vào, ông đi mau), hai cánh tay đưa ra thẳng như cánh chim. Khách lui rồi, ông tất vào tâu với vua: “Khách không quay đầu lại (đã đi rồi).”

X.4

Nhập công môn, cúc cung như đã, như bất dung. Lập bất trung môn, hành bất lí vực. Quá vị, sắc bột như đã, túc quắc như đã, kì ngôn tự bất túc giả. Nhiếp tư thẳng đường, cúc cung như đã, bình khí tự bất túc giả. Xuất giáng nhất đẳng, sinh nhan sắc, đi đi như đã. Một giai, xô tiến, xô dực như đã, phục kì vị, túc tích như đã.

Dịch. – Khi vô cửa lớn của triều đình, ông khom khom như cửa thấp quá. Ông không đứng ở giữa cửa, khi đi, không dẫn lên ngạch cửa. Đi ngang qua ngai vua (ngai trống), ông biến sắc, chân bước run run, nói chẳng ra lời. Khi ông vén áo bước lên thêm, ông khom khom, nín hơi như nín thở. Khi lui, bước xuống một bậc, sắc mặt ông lại hoà hoãn vui vẻ. Xuống đến bậc cuối, ông đi mau, hai cánh tay đưa thẳng ra như cánh chim. Trở về chỗ cũ thì ông lại cung kính, có vẻ như không yên tâm.

X.5

Chấp khuê, cúc cung như dã, như bắt thẳng, thượng như áp, hạ như thụ, bột như chiến sắc, túc súc súc như hữu tuần. Hưởng lễ, hữu dong sắc, tư địch (hoặc tịnh) du du như dã.

Dịch. – Khi đi sứ nước ngoài, cầm thẻ ngọc khuê thì ông khom khom như bưng chẳng nổi, đưa ngọc lên tới đầu như vãi chào, hạ xuống tới ngực như trao cho ai. Ông biến sắc như sợ sệt, chân ren rén bước từng bước như noi theo một vật gì. Khi dâng lễ vật, thì dáng mạo ôn hoà. (Lễ xong rồi) lấy tư cách tư nhân yết kiến vua quan nước ngoài thì vẻ mặt thoải mái, vui vẻ.

X.6

Quân tử bất dĩ cảm tru sức, hồng tử bất dĩ vi tiết phục. Đương thử, chấn hi khích, tất biểu nhi xuất chi. Truy y cao cừ, tổ y nghệ cừ, hoàng y hồ cừ. Tiết cừ trường, đoản hữu duệ. Tất hữu tâm y, trường nhất thân hữu bán. Hồ lạc chi hậu dĩ cư. Khử tang, vô sở bất bội. Phi duy thường, tất sái chi, cao cừ, huyền quan, bất dĩ điều. Cát nguyệt, tất triều phục nhi triều.

Dịch. – Người quân tử (trở Khổng tử) không dùng đồ trang sức (y phục) màu “cảm” và màu “tru” (cả hai màu đó đều xanh đậm pha màu hồng, màu tru tối hơn và đều giống màu huyền, màu của lễ phục, vì vậy nên tránh để dùng trang sức); y phục thường ngày không dùng màu hồng và màu tía (vì giống với màu đỏ (xích), không phải chính sắc). Mùa nực, bận áo đơn bằng vải mỏng ở ngoài áo lót. Mùa rét, mặc áo đen ở ngoài với áo lông nhê (hươu con, lông trắng) ở trong; hoặc áo dài vàng ở ngoài với áo lông chồn màu vàng ở trong. Áo lông tuy dài, nhưng tay áo bên phải ngắn hơn bên trái (để dễ làm việc). Phải có áo ngủ (mềm nhỏ) dài gấp rưỡi thân người. Có nệm ngồi bằng da con chồn, con lạc đà. Cởi bỏ tang phục rồi, thì những đồ lật vật dặt vào dây lưng. Không phải là lễ phục, thì quần cắt ngắn bớt đi. Đi điều tang, không bận áo lông dê đen, không đội mũ đen. Ngày nguyên đán (nguyên văn là cát nguyệt, có người dịch là ngày mừng một mỗi tháng), mặc trào phục để chào vua.

X.7

Trai, tất hữu minh y, bố, tất biến thực, cư tất thiên tọa.

Dịch. – Lúc trai giới, tất dùng áo tinh khiết, bằng vải, tất đổi thức ăn, đổi chỗ ở.

X.8

Tự bất yếm tinh, khoái bất yếm tể. Tự ế nhi ái, ngư nổi nhi nhục bại bất thực. Sắc ác bất thực, xú ác bất thực. Thất nhẫm bất thực, bất thời bất thực. Cát bất chính bất thực, bất đắc kì tương bất thực. Nhục tuy đa, bất sử thắng tự khí. Duy tửu vô lượng, bất cập loạn. Cô tửu, thị bồ, bất thực. Bất triết khương thực. Bất đa thực. Tể ư công, bất túc nhục. Tể nguyệt bất xuất tam nhật, xuất tam nhật, bất thực chi hĩ. Thực bất ngữ, tầm bất ngôn. Tuy sơ tự, thái canh, tất tể, tất trai như dã.

Dịch. – Com càng trắng tinh càng tốt, (càng thích), gói thái còn nhỏ càng tốt. Com hầm và thiu, cá ươn mà thịt đã nhão thì không ăn. (Thức ăn mà) sắc đã biến, hư rồi, không ăn; mùi hôi cũng không ăn. (Có sách dịch là những vật trái mùa). Cắt không ngay ngắn (hoặc không đúng cách), không ăn. Nước chấm không thích hợp, không ăn. Dù có thịt, (Khổng tử) cũng ăn ít thịt hơn com. Duy có rượu là không hạn chế, nhưng không uống tới say. Rượu bán ở cửa hàng, không uống,

thịt mua ở chợ, không ăn. Bữa nào cũng ăn gừng. Không ăn tới quá no. Tể ở công miếu rồi, được phần thịt thì ông phân phát ngay, không để cách đêm. (Vì thịt tể vào buổi sáng thì làm vào hôm trước, nếu để cách đêm nữa, qua ngày hôm sau là ba ngày, thịt ôi đi). Thịt cúng tổ tiên, không để quá ba ngày, quá ba ngày thì không ăn. Khi ăn, không đàm luận, khi ngủ không nói chuyện. Tuy là cơm thô, canh rau, mà trước khi ăn cũng cung kính cúng vái như lúc trai giới.

X.9

Tịch bất chính bất tọa.

Dịch. – Chiều trái không ngay, không ngồi.

X.10

Hương nhân ẩm tửu, trượng giả xuất, tư xuất hĩ. Hương nhân na, triều phục nhi lập ư tạc giai.

Dịch. – Dự tiệc với người làng, ông đợi các ông lão chống gậy bước ra rồi mới ra. Trong làng làm lễ “na” (lễ tống ôn dịch) ông bận triều phục đứng ở trên thêm phía đông mà dự lễ.

X.11

Vấn nhân ư tha bang, tái bách nhi tống chi. Khang tử quĩ dược, bách nhi thụ chi. Viết: “Khâu vị đạt, bất cảm thường”.

Dịch. – Nhắc ai hỏi thăm bạn ở nước ngoài thì khi tiễn hành, ông vai hai vái. (một: vái người ông nhắc, hai: vái bạn ở xa). (Quý) Khang tử tặng thuốc uống, ông vái, nhận, rồi nói với người đem thuốc: “Khâu tôi chưa hiểu tính chất của thuốc này, không dám uống”.

X.12

Khải phần. Tử thoái triều, viết: “Thương nhân hồ?”, bất vấn mã”.

Dịch. – Chuồng ngựa cháy. Không tử ở triều về, hỏi: “Có ai bị thương không?”, chứ không hỏi ngựa.

X.13

Quân tứ thực, tất chính tịch tiên thường chi. Quân tứ tinh, tất thực nhi tiến chi. Quân tứ sinh, tất súc chi. Thị thực ư quân, quân tể, tiên phạm. Tật, quân thị chi, đông thủ, gia triều phục, đả thân. Quân mệnh triệu, bất sĩ giá hành hĩ.

Dịch. – Vua ban cho thức ăn đã nấu chín là lên ngồi giữa chiếu mà nếm trước. Vua ban cho thịt tươi thì cho nấu chín, cúng tổ tiên rồi mới ăn. Vua ban cho động vật còn sống thì nuôi. Hầu cơm vua, khi vua rót rượu vái tổ tiên, ông nếm thử thức ăn trước, như mình có trách nhiệm săn sóc món ăn. Ông đau, vua đến thăm thì ông quay đầu về hướng đông, đắp triều phục, đặt chiếc đai (thắc lưng) lên mình. Vua có lệnh vời, ông không đợi thẳng xe mà đi bộ ngay.

Chú thích. - Thời đó, ở trong nhà thì lấy hướng tây làm trọng, ông quay mặt về hướng đông, tức để vua quay mặt về hướng tây mà hỏi thăm ông.

X.14

(Bài này trùng với bài III.15, nên không dịch lại).

X.15

Bằng hữu tử, vô sở qui, viết: “Ư ngã tần”. Bằng hữu chi quĩ, tuy xa mã, phi tế nhục, bất báỉ”

Dịch. - *Bạn bè mất mà không có người thân thích lo cho, thì ông bảo: “Đem về nhà tôi tắm liệm”. Bạn bè tặng vật gì nếu không phải là thịt tế, thì dù là vật quý như xe, ngựa, ông cũng không vái khi nhận.*

X.16

Tầm bắt thi, cư bắt dung. Kiến tư thôi giả, tuy hiệp, tất biến, kiến miện giả dữ cổ giả, tuy tiết tất dĩ mạo. Hưng phục giả, thức chi. Thức phụ bản giả. Hữu thịnh soạn, tất biến sắc nhi tác. Tán lồi, phong liệt, tất biến.

Dịch. - *Ngủ thì không nằm ngửa duỗi tay chân như người chết. Ở nhà, không có dung nghi (như ở triều), mà rất tự nhiên. Thấy người mặc đồ tang, dù quen biết, cũng đổi sắc diện (tỏ vẻ thương xót). Thấy người đội mũ lễ và người mù, tuy thường gặp, cũng tỏ ra lễ mạo. Ngồi xe, thấy người đi đưa ma, ông vịn vào cây ngang ở trước xe mà cúi đầu chào; thấy người mang bản đồ quốc gia và sổ hộ khẩu, ông cũng làm như vậy. Khi thấy (chủ nhân dọn) tiệc lớn (đãi mình) ông đổi sắc (tỏ vẻ cảm động) đứng dậy cảm tạ. Khi sấm to gió lớn, ông biến sắc.*

X.17

Thăng xa, tất chính lập, chấp tuy. Xa trung bất nội cổ, bất tạt ngôn, bất thân chỉ.

Dịch. - *Khi lên xe thì đứng ngay ngắn, rồi nắm lấy sợi dây để bước lên. Ngồi xe, không quay đầu lại, không nói nhanh và không chỉ trở.*

X.18

Sắc tư cử hĩ, tường nhi hậu tập. Viết: “Son lương thư trĩ, thời tai, thời tai! Tử Lộ cũng chi, tam khứ nhi tác.

Dịch. - *Con chim thấy người, kinh sợ bay đi (có người giảng là: thấy người có vẻ dữ tợn, nên bay đi); nó liệng mấy vòng (xem chừng) rồi mới xuống. (Khổng tử) nói: “Con trĩ mái đậu ở trên cầu Sơn cốc kia, biết thời cơ lắm, biết thời cơ lắm!” Tử lộ chấp tay hướng về nó, nó kêu ba tiếng bay đi.*

Tru: nguyên văn chữ Hán là 鯈 (Thiền Chử đọc là “tu”). (Goldfish).

Câu “*Tất hữu tâm y, trường nhất thân hữu bán*” là do tôi ghi thêm, nguyên văn chữ Hán: 必有寢衣, 長一身有半. (Goldfish).

Cát nguyệt: ebook nguồn chép là: “tốt”. (Goldfish).

Tất tế (必祭), có bản chép là “qua tế” (瓜祭). (Goldfish).

Ebook nguồn chép: “Vấn ư như tha bang”. (Goldfish).

Theo Nguyễn Thiên Thụ thì “đông thủ” (東首) có nghĩa là: “day đầu phía Đông, mặt ngó cửa sổ Bắc” (). Cách hiểu đó có vẻ hợp với lời giảng của Chu Hi: “Theo Lễ, người bệnh nằm ở cửa sổ phía Bắc, vua tới thăm thì rời sang cửa sổ phía Nam, để vua nhìn sang phía Nam mà hỏi thăm (theo chú thích trong bài VI.8), và lời giảng trên trang . (Goldfish).

Nguyên văn bài III.18: *Tử nhập thái miếu, mỗi sự vấn. Hoặc viết: “Thực vị Trâu nhân chi tử tri lễ hồ, nhập thái miếu, mỗi sự vấn”. Tử vấn chi, viết: “Thị lễ dã”. Bài X.14 này chỉ có câu: Nhập thái miếu, mỗi sự vấn.* (Goldfish).

Chữ *dung* [容] này, có nhà bảo là chữ *khách* [客], nghĩa là không khách khí, mà rất tự nhiên.

Cùng: Các trang chữ Hán trên mạng chép là 𢇛 (Thiền Chử đọc là *cộng*, hoặc *cung*), trong đó có vài trang bảo chữ 𢇛 có nghĩa là 拱 “cùng” (nghĩa là chấp tay). (Goldfish).

THIÊN XI

TIÊN TIẾN

XI.1

Tử viết: “Tiên tiến ư lễ nhạc, dã nhân dã; hậu tiến ư lễ nhạc, quân tử dã. Như dụng chi, tác ngô tông tiên tiến”.

Dịch. - Khổng tử nói: “Về lễ nhạc, người đời xưa bị người đời nay coi là quê mùa; về lễ nhạc, người đời xưa được người đời nay khen là quân tử (toàn thiện). Dùng lễ nhạc thì ta theo người xưa”.

Chú thích. – Chúng tôi theo cách hiểu của Trình tử và Chu tử mà dịch như trên. “Tiên tiến” trở người đầu đời Chu, thời đó theo Khổng tử nhạc có văn lẫn chất (tức như nội dung lẫn hình thức tốt). “Hậu tiến” trở người thời Chu đã suy, nhạc trọng văn hơn chất. Người thời Khổng tử thích văn hơn chất, nên cho lễ nhạc ngày xưa là quê mùa, mà khen lễ nhạc đời sau đẹp đẽ. Khổng tử ngược lại, thích văn hơn chất, nên theo lễ nhạc của người xưa. Có thuyết cho rằng “tiên tiến” trở người học lễ nhạc rồi mới làm quan, tức hạng bình dân, như đa số các môn sinh của Khổng. “Hậu tiến”, trở giới quý tộc do đặc quyền mà làm quan sớm, rồi sau mới học lễ nhạc. Khổng tử

có dùng nhân tài thì dùng hạng trên (bình dân) tức kẻ sĩ, chứ không dùng hạng dưới (quí tộc). Hai chữ *dụng chi* [用之] thuyết này hiểu là dùng người, chứ không phải dùng lễ nhạc như Trình, Chu giải thích. Thuyết này mới mẻ, cũng chấp nhận được.

XI.2

Tử viết: “Tòng ngã ư Trần, Thái giả, giai bắt cập môn dã”. Đức hạnh: Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung; ngôn ngữ: Tề Ngã, Tử Cống; chính sự: Nhiễm Hữu, Quý Lộ; văn học: Tử Du, Tử Hạ.

Dịch.- Khổng tử nói: “Những môn sinh theo ta (chịu khổ) ở nước Trần, nước Thái, nay không còn học ta nữa”. Đức Hạnh (đáng khen nhất) có Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung; giỏi ăn nói, từ lệnh có Tề Ngã, Tử Cống; giỏi về chính trị có Nhiễm Hữu, Quý Lộ; giỏi về văn học có Tử Du, Tử Hạ.

Chú thích. – Đoạn sau từ “Đức hạnh...” không phải là lời Khổng tử. Mười môn sinh kể trong đoạn đó chưa chắc đều đã theo Khổng tử qua Trần và Thái.

XI.3

Tử viết: “Hồi dã, phi trợ ngã giả dã, ư ngô ngôn vô sở bất duyệt”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Anh Hồi không giúp ta được điều gì, lời giảng nào của ta, anh ấy cũng thích”. (Ý nói Nhan Hồi không nghi hoặc, chất vấn gì cả, không gợi thêm ý gì cho Khổng tử cả).

XI.4

Tử viết: “Hiếu tai Mẫn Tử Khiên! Nhân bất gian ư kì phụ mẫu, côn đệ chi ngôn”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Anh Mẫn Tử Khiên thật là hiếu thuận! Cha mẹ, anh em trong nhà đều khen anh hiếu thuận mà người ngoài cũng nhận vậy là đúng”.

XI.5

Nam Dung tam phục Bạch Khuê. Khổng tử dĩ kì huynh chi tử thê chi”.

Dịch.- Nam Dung ưa đọc đi đọc lại thư Bạch Khuê. Khổng tử đem con gái anh mình gả cho.

Chú thích. – Thơ Bạch Khuê trong thiên Đại nhã, Kinh Thi, đại ý bảo: “Cái vết trong ngọc Khuê trắng, có thể mài bỏ đi, chứ điểm xấu trong lời nói, không thể chữa được”. Khổng tử khen Nam Dung biết giữ gìn lời nói. Coi thêm bài V.1.

XI.6

Quý Khang tử vấn: “Đệ tử thực vi hiếu học?” Khổng tử đối viết: “Hữu Nhan hồi giả hiếu học, bất

hạnh đoản mệnh tử hĩ, kim đã tắc vô”.

Chú thích. – Bài này như hết bài VI.2, chỉ khác bài VI.2 chép là Ai công hởi, và có thêm mấy chữ “bất nộ, bất nhị quá” ở sau: “Hữu Hời giả hiếu học”, và mấy chữ: “vị văn hiếu học đã” ở cuối bài. Vì vậy không cần phải dịch lại.

XI.7

Nhan Uyên tử, Nhan Lộ thỉnh tử chi xa dĩ vi chi quách. Tử viết: “Tài bất tài, diệc các ngôn kì tử đã. Lí đã tử hữu quan nhi vô quách. Ngô bất đồ hành dĩ vi chi quách. Dĩ ngô tòng đại phu chi hậu, bất khả đồ hành đã”.

Dịch. - Nhan Uyên chết, Nhan Lộ (cha Nhan Uyên, mà cũng là học trò Khổng tử) xin chiếc xe của Khổng tử để bán mà mua quách chôn con. Ông bảo: “Nó có tài hay bất tài thì cũng chỉ là con thôi. Con ruột của ta là Lí (tự là Bá Ngự) chết, cũng chỉ dùng quan (ở trong) mà không dùng quách cho nó (ở ngoài). Không lẽ ta đi bộ, bán xe đi mà mua quách cho nó (Nhan Uyên). Ta theo sau hàng đại phu, nên không lẽ đi bộ”.

Chú thích. – Khổng tử có hời làm đại phu nước Lỗ, lúc này không làm quan nữa, nhưng vẫn giữ hàm đại phu. Nói “theo sau hàng đại phu” là nói nhũn.

XI.8

Nhan Uyên tử, Tử viết: “Y thiên táng dư, thiên táng dư!”.

Dịch. - Nhan Uyên chết. Khổng tử than: “Ôi! Trời hại ta, trời hại ta!”.

XI.9

Nhan Uyên tử. Tử khóc chi động. Tòng giả viết: “Tử động hĩ”. Viết: “Hữu động hồ? Phi phù nhân chi vi động nhi thù vị?”.

Dịch. - Nhan Uyên chết. Khổng tử khóc thảm thiết. Người (đệ tử) theo sau, thưa: “Thầy bi ai thái quá!”. Khổng tử nói: “Bi ai thái quá ư? Ta chẳng vì con người đó bi ai thì vì ai?”.

XI.10

Nhan Uyên tử, môn nhân dục hậu táng chi. Tử viết: “Bất khả”. Môn nhân hậu táng chi. Tử viết: “Hồi đã thị dư do phụ đã, dư bất đắc thị do tử đã. Phi ngã đã, phu nhị tam tử đã”.

Dịch. - Nhan Uyên chết, môn nhân muốn mai táng trọng hậu. Khổng tử bảo: “Không nên”. Nhưng môn nhân vẫn mai táng trọng hậu. Khổng tử bảo: “Hồi coi ta như cha, mà ta không coi nó như con được. Đó không phải tại ta, mà tại các trò đây”.

Chú thích. – Các sách đều chú thích: theo lễ thì tùy gia đình nghèo giàu mà mai táng trọng hậu hay không. Nhan Hời nhà nghèo, mà chôn cất trọng hậu là trái lễ. Ông coi Nhan Hời như con,

chôn Nhan Hồi như chôn Bá Ngự (coi bài 7) nhưng không tiện can thiệp, để cho môn sinh nghe lời Nhan Lộ (cha Nhan Hồi) làm việc trái lẽ đó.

XI.11

Quý Lộ vấn sự qui thân. Tử viết: “Vị năng sự nhân, yên năng sự qui?”. Viết: “Cảm vấn tử”. Viết: “Vị tri sinh, yên tri tử”.

Dịch.- Quý Lộ hỏi đạo thờ qui thân. Khổng tử đáp: “Chưa biết đạo thờ người, sao biết được đạo thờ qui thân?” Lại hỏi: “Con xin mạo muội hỏi về sự chết”. Đáp: “Sự sống còn chưa biết, sao biết được sự chết?”.

XI.12

Mẫn Tử (Khiên) thị trắc, ngân ngân như dã; Tử Lộ hăng hăng như dã; Nhiễm Hữu, Tử Công khản khản như dã. Tử lạc: “Nhược Do dã, bất đắc kì tử nhiên”.

Dịch.- Mẫn Tử (Khiên) đứng hầu ở bên, vẻ mặt cung kính, chính trực; Tử Lộ có vẻ cương nghị; Nhiễm Hữu và Tử Công có vẻ ôn hoà. Khổng tử vui vẻ (vì môn sinh nào cũng có tư cách cả). (Nhưng ông nói): “Anh Do (Tử Lộ) e sẽ bất đắc kì tử”.

Chú thích. – Tử Lộ hay cậy sức mạnh của mình nên ông khuyên phải đề phòng. Sau Tử Lộ chết một cách vô nghĩa trong một vụ bạo loạn ở nước Vệ.

XI.13

Lỗ nhân vi Trường phủ. Mẫn Tử Khiên viết: “Nhưng cữu quán, như chi hà? Hà tất cải tác?” Tử viết: “Phù nhân bất ngôn, ngôn tất hữu trúng”.

Dịch.- Nước Lỗ định cất kho Trường phủ mới. Mẫn Tử Khiên bảo: “Dùng cái kho cũ mà tu bổ lại, không được sao? Hà tất phải cất cái mới (cho phí công, của). Khổng tử khen: “Còn người đó ít nói, nhưng hễ nói thì trúng”.

XI.14

Tử viết: “Do chi sát hề vi ư Khâu chi môn?”. Môn nhân bất kính Tử Lộ. Tử viết: “Do dã, thăng đường hi, vị nhập ư thất dã”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Tiếng đàn sát của anh Do sao lại nổi lên ở nhà Khâu này?” (Ý nói ông không ưa giọng đàn sát phạt của Tử Lộ). Vì vậy mà môn sinh coi thường Tử Lộ. Khổng tử giải rằng: “Học vấn của anh Do vào hạng lên đến thềm rồi, mà chưa vào nội thất đầy thôi” (nghĩa là khá lắm, chỉ chưa tinh vi thôi). Nhưng có người lại hiểu: “Anh Do chỉ mới gảy đàn ở ngoài thềm chứ không phải ở trong nhà (!), coi “nhập thất” ở bài 19.

XI.15

Tử Công vấn: “Sur dữ Thương dã thực hiện?”. Tử viết: “Sur dã quá, Thương dã bất cập”. Viết:

“Nhiên tắc Sur dư dư?”. Tử viết: “Quá do bất cập”.

Dịch.- Tử Cống hỏi: “Anh Sur (Tử Trương) và anh Thương (Tủ Hạ) ai hơn?”. Khổng tử đáp: “Sur thái quá mà Thương bất cập”. Lại hỏi: “Như vậy là anh Sur hơn?”. Đáp: “Thái quá cũng như bất cập”.

XI.16

Quý thị phú ư Chu công, nhi Cầu dã vi chi tỵ liễm nhi phụ ích chi. Tử viết: “Phi ngô đồ dã, tiểu tử minh cổ nhi công chi khả dã”.

Dịch.- Họ Quý giàu hơn ông Chu công, thế mà Cầu (Nhiễm Hữu làm gia thân họ Quý) còn thu thuế bóp chẹt dân, làm giàu thêm cho. Khổng tử nói: “Nó không phải là môn đồ của ta nữa, các con nên nổi tiếng (hoặc hòa nhau) mà công kích nó đi”.

XI.17

“Sài dã ngu, Sâm dã lỗ, Sur dã tịch, Do dã nại”.

Dịch.- (Cao) Sài (Tử Cao) ngu, Sâm (Tăng tử) trì độn, Sur (Tử Trương) thiên lệch, Do (Tử Lộ) thô lậu.

Chú thích. – Câu này cũng là lời của Khổng tử.

XI.18

Tử viết: “Hồi dã kì thứ hồ, lữ không. Tứ bất thụ mệnh, nhi hóa thực yên, ức tắc lữ trùng”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Anh Hồi gần đạt được đạo chăng, thường nghèo đói? Anh Tứ (Tử Cống) không an bản lạc đạo mà đi buôn bán, đoán điều chi thường trùng”.

Chú thích. – Ba chữ “bất thụ mệnh” các sách giảng là: Không xin phép nhà nước để buôn bán. (Thời đó buôn bán phải xin phép quan sở tại).

XI.19

Tử Trương vấn thiện nhân chi đạo. Tử viết: “Bất tiền tích, diệc bất nhập ư thất”.

Dịch.- Tử Trương hỏi như thế nào là người thiện. Khổng tử đáp: “Bẩm tính tốt chẳng phải học tập theo cổ nhân mà cũng tốt, nhưng không đạt được mức tinh vi của họ”.

Chú thích. – Có người giảng: Người thiện không hoà mình với kẻ ác, xấu xa (bất tiền tích) nhưng vì không học nên không thông đạt, không biết quyền biến.

XI.20

Tử viết: “Luận độc thị dữ, quân tử giả hồ? Sắc trang giả hồ?”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Đàm luận thì kính cẩn, người như vậy đã thực là quân tử chăng? Hay chỉ là bề ngoài trang trọng thôi?”.

XI.21

Tử Lộ vấn: “Văn tư hành chư?”. Tử viết: “Hữu phụ huynh tại, như chi hà kì văn tư hành chi?”. Nhiễm Hữu vấn: “Văn tư hành chư?”. Tử viết: “Văn tư hành chi”. Công Tây Hoa viết: “Do đã vấn: “Văn tư hành chư?”, Tử viết: “Hữu phụ huynh tại...”; Cầu đã vấn: “Văn tư hành chư?”, Tử viết: “Văn tư hành chi”. Xích đã hoặc, cảm vấn?”. Tử viết: “Cầu đã thoái, cố tiến chi; Do đã kiêm nhân, cố thoái chi”.

Dịch.- Tử Lộ hỏi: Nghe (điều phải) rồi thì thi hành liền sao?” Khổng tử đáp: “Còn cha, anh (phải hỏi ý kiến cha, anh) sao có thể nghe rồi làm liền được”. Nhiễm Hữu hỏi: “Nghe (điều phải) rồi thì hành liền sao?” Khổng tử đáp: “Nghe rồi thì làm liền đi”. Công Tây Hoa hỏi: “Anh Do hỏi: “Nghe rồi thì hành liền sao?”, Thầy đáp: “Còn cha, anh...”; anh Cầu hỏi: “Nghe rồi thì hành liền sao?”, Thầy đáp: “Nghe rồi thì làm liền đi”. Xích con chưa hiểu, xin thầy giảng cho”. Khổng tử đáp: “Bản tính anh Cầu không tiến thủ nên ta phải thúc cho tiến tới; còn anh Do, bản tính dững dằn muốn hơn người nên ta phải kéo lùi lại”.

XI.22

Tử úy ư Khuông, Nhan Uyên hậu. Tử viết: “Ngô dĩ nhữ vi tử hĩ”. Viết: “Tư tại, Hồi hà cảm tử”.

Dịch.- Khổng tử bị vây ở thành Khuông (coi bài IX.15), Nhan Uyên lạc phía sau. (Tới khi thầy trò gặp nhau), Khổng tử bảo: “Thầy ngờ anh chết rồi chứ!”. Nhan Uyên đáp: “Thầy còn sống, con đâu dám chết”.

XI.23

Quý tử Nhiên vấn: “Trọng Do, Nhiễm Cầu khả vị đại thần dư?”. Tử viết: “Ngô dĩ tử vi dị chi vấn, tăng Do dữ Cầu chi vấn. Sở vị đại thần giả, dĩ đạo sự quân, bất khả tác chi. Kim Do dữ Cầu dã, khả vị cụ thần hĩ”. Viết: “Nhiên tắc tông chi giả dư?”. Tử viết: “Thí phụ dữ quân, diệc bất tông dã”.

Dịch.- Quý tử Nhiên (một người trong họ Quý ở Lỗ) hỏi: “Trọng Do và Nhiễm Cầu có thể gọi là đại thần được không?” Khổng tử đáp: “Tôi tưởng ông hỏi về ai kia, không ngờ ông hỏi về anh Do và anh Cầu. Gọi là đại thần thì cứ theo đạo lí mà thờ vua, không thi hành đạo lí được thì từ chức. Nhưng anh Do và anh Cầu có thể gọi là bề tôi thường (cho đủ số để làm việc thôi)”. Lại hỏi: “Nhưng hai ông ấy cũng thuận tông vua chứ?” Khổng tử đáp: “Nếu là giết cha, giết vua thì họ không theo đâu”.

Chú thích. – Lúc đó Tử Lộ và Nhiễm Cầu làm gia thần cho họ Quý.

XI.24

Tử Lộ sử Tử Cao vi Phí tể. Tử viết: “Tặc phù nhân chi tử”. Tử Lộ viết: “Hữu dân nhân yên, hữu

xã tắc yên, hà tất độc thư nhiên hậu vi học?”. Tử viết: “Thị cố ố phù nịnh giả”.

Dịch.- Tử Lộ (làm gia thân họ Quý), tiến cử Tử Cao làm quan Tể đất Phi. Khổng tử trách: “Như vậy là làm hại con người” (vì Tử Cao chưa học được bao, chưa làm quan được). Tử Lộ bảo: “(Làm chức tể thì) có nhân dân để trị, có thần xã (đất đai), tắc (mùa màng) để thờ, (đó là học), hà tất phải đọc sách rồi mới gọi là học?”. Khổng tử nói: “Vì thế mà ta ghét những lời lợi khẩu (cường lý để tự biện hộ)”.

XI.25

Tử Lộ, Tăng Tịch, Nhiễm Hữu, Công Tây Hoa thị tọa. Tử viết: “Dĩ ngô nhất nhật trưởng hồ nhĩ, vô ngô dĩ dã. Cư tắc viết: “Bất ngô tri dã”. Như hoặc tri nhĩ, tắc hà dĩ tai?” Tử Lộ suất nhĩ nhi đối viết: “Thiên thặng chi quốc, nhiếp hồ đại quốc chi gian, gia chi dĩ sự lữ, nhân chi dĩ cơ cận, Do dã vi chi, bí (hoặc tí) cập tam niên, khả sử hữu dũng, thả tri phương dã”. Phu tử thần chi. “Cầu, nhĩ hà như?”. Đối viết: “Phương lục thất thập, như ngũ lục thập, Cầu dã vi chi, bí cập tam niên, khả sử túc dân. Như kì lễ nhạc, dĩ sĩ quân tử”. “Xích, nhĩ hà như?”. Đối viết: “Phi viết năng chi, nguyện học yên. Tôn miếu chi sự, như hội đồng, đoan chương phủ, nguyện vi tiểu tướng yên”. “Điểm, nhĩ hà như?”. Cổ sắt hi, khanh nhĩ, xả sắt nhi tác, đối viết: “Dị hồ tam tử giả chi soạn”. Tử viết: “Hà thương hồ? Xích các ngôn kì chí dã”. Viết: “Mộ xuân giả, xuân phục kí thành, quán giả ngũ lục nhân, đồng tử lục thất nhân, dục hồ Nghi, phong hồ Vũ Vu, vịnh nhi qui”. Phu tử vị nhiên thần viết: “Ngô dữ Điểm dã”. Tam tử giả xuất, Tăng Tịch hậu. Tăng Tịch viết: “Phù tam tử giả chi ngôn hà như?”. Tử viết: “Diệc các ngôn kì chí dã dĩ hĩ!”. Viết: “Phu tử hà thần Do dã?”. Viết: “Vi quốc dĩ lễ, kì ngôn bất nhượng, thị cố thần chi”. Viết: “Vi quốc dĩ lễ, kì ngôn bất phương, thị cố thần chi”- Duy Cầu tắc phi bang dã dư?” – “An kiến phương lục thất thập như ngũ lục thập, nhi phi bang dã giả!” - “Duy Xích tắc phi bang dã dư?” - “Tôn miếu hội đồng, phi chư hầu nhi hà? Xích dã vi chi tiểu, thực năng vi chi đại?”.

Dịch.- Tử Lộ, Tăng Tịch, Nhiễm Hữu và Công Tây Hoa ngồi hầu. Khổng tử bảo: “Các anh cho rằng ta có lớn hơn các anh một ngày mà ngại, nhưng đừng ngại gì cả. Ở nhà, các anh thường nói: “Chẳng ai biết ta”. Nếu có người biết thì các anh đem tài gì ra dùng”. Tử Lộ vội vàng đáp: “Vi như một nước có một ngàn cỗ xe, bị ép giữa hai nước lớn, lại có thêm nạn chiến tranh, nhân đó dân chúng đói khổ; Do tôi mà cầm quyền nước ấy thì vừa đầy ba năm có thể khiến cho dân chúng dừng cầm mà biết đạo lý nữa”. Khổng tử mỉm cười. Rồi hỏi: “Cầu, còn anh thế nào?” Đáp: “Như có một nước vương vức, sáu bảy chục dặm hoặc năm sáu chục dặm, Cầu tôi cầm quyền nước ấy thì vừa đầy ba năm có thể khiến cho dân chúng được no đủ. Còn về lễ nhạc thì xin đợi bậc quân tử”. – “Xích, còn anh thế nào?”. Đáp: “Về lễ nhạc tôi không phải giỏi, nhưng xin được học. Trong việc tế tự ở tôn miếu hoặc trong hội nghị các chư hầu, Xích tôi mặc áo lễ huyền đoan, đội mũ chương phủ mà xin làm một tiểu tướng”.- “Điểm, còn anh thế nào?”. Lúc đó Tăng Tịch gảy đàn sắt vừa ngớt, đặt đàn xuống – keng! – mà đứng dậy đáp: “Chỉ của tôi khác hẳn với ba anh đó”. Khổng tử bảo: “Hại gì? Cũng là ai nấy tỏ chí của mình ra mà thôi”. Thưa: “Như bây giờ là cuối tháng xuân, y phục mùa xuân đã may xong, năm sáu người vừa tuổi đôi mươi với sáu bảy đồng tử dắt nhau đi tắm ở sông Nghi rồi lên hóng mát ở nền Vũ Vu vừa đi vừa hát, kéo nhau về nhà”. Khổng tử trầm ngâm một chút rồi than: “Ta cũng muốn như Điểm vậy”. Ba môn sinh đi rồi, Tăng Tịch ở lại hỏi: “Thầy nghĩ sao về lời nói của ba anh kia?”. Đáp: “Cũng đều là cho biết chí mình vậy thôi”. Hỏi: “Nhưng tại sao nghe anh Do nói, thầy lại mỉm cười”. Đáp: “Người trị nước phải theo lễ, anh Do không biết nhún nhường, nên ta mỉm cười”. Lại hỏi: “Lời anh Cầu nói chẳng phải là việc nước sao?”. Đáp: “Một địa phương vương vức sáu

bảy chục dặm hay năm sáu chục dặm, chẳng phải là một quốc gia thì là gì?”. Lại hỏi: “Thế thì anh Xích chẳng phải là việc trị nước sao?”. “Việc tôn miếu và việc hội nghị chẳng phải là việc chư hầu là gì? Anh Xích khiêm tốn xin dự làm tiểu tướng, vậy chứ ai làm đại tướng?”.

Đoạn “thích văn hơn chất, nên theo lễ nhạc của người xưa. Có thuyết cho rằng “tiên tiến” trở” là do tôi tạm chép thêm. Xin nói thêm là, theo thuyết đó, hai chữ “dã nhân” (野人) trở giới bình dân, hai chữ “quân tử” (君子) trở giới quý tộc cảm quyền. (Tham khảo:). (Goldfish).

Chữ “môn nhân” và chữ “môn nhân” sau, ebook nguồn chép là “môn sinh”. (Goldfish).

“Hoặc” (惑): có bản chép là “cảm” (感). (Goldfish).

Đoạn Thầy đáp: “Còn cha, anh...”; anh Cầu hỏi: “Nghe rồi thi hành liền sao?” là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

Đoạn sau đây là do tôi chép thêm: Tăng Tích hậu. Tăng Tích viết: “Phù tam tử giả chi ngôn hà như?”. Tử viết: “Diệc các ngôn kì chí dã dĩ hĩ!”. Viết: “Phu tử hà thần Do dã?”. Viết: “Vi quốc dĩ lễ. (Goldfish).

Lời nói nhũn. Trong số môn đệ đó, Tăng Tích (cha Tăng Sâm) chắc không nhỏ tuổi hơn Khổng tử bao nhiêu.

Tức một nước chư hầu trung bình không vào hạng nhỏ.

Tức một chư hầu nhỏ.

Một chức quan nhỏ coi việc lễ.

Nguyên văn: Kí thành, có sách giảng là “đã mặc xong”.

Nguyên văn: quán giả, nghĩa là người đã làm lễ đội mũ (lễ gia quan): thanh niên tới 20 tuổi thì làm lễ đó.

Sông Nghi ở Lỗ - Vũ Vu là một cái đàn để tế, cao trống, mát mẻ.

Đoạn: Đáp: “Người trị nước phải theo lễ, anh Do không biết nhúng nhường, nên ta mỉm cười” là do tôi tạm ghi thêm. (Goldfish).

Tăng Tích có ý cho Nhiễm Cầu và Công Tây Hoa cũng không khiêm tốn vì muốn trị nước. Nhưng Khổng tử chê thái độ của Tử Lộ, chứ không chê chí hướng của ai cả, mặc dù ông thích chí hướng của Tăng Tích hơn. – Bài này là bài dài nhất mà cũng là một bài hay nhất trong *Luận ngữ*. Chúng tôi đã phê bình trong cuốn *Cổ văn Trung Quốc* trang 24-25. Tao Đàn xuất bản – 1966).

THIÊN XII

NHAN UYÊN

XII.1

Nhan Uyên vấn nhân. Tử viết: “Khắc kỉ phục lễ vi nhân. Nhất nhật khắc kỉ phục lễ, thiên hạ qui nhân yên. Vi nhân do kỉ, nhi do nhân hồ tai?” Nhan Uyên viết: “Thỉnh vấn kì mục”. Tử viết: “Phi lễ vật thị, phi lễ vật thỉnh, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động”. Nhan Uyên viết: “Hồi tuy bất mãn, thỉnh sự tư ngữ hĩ”.

Dịch. - Nhan Uyên hỏi về đức nhân. Khổng tử đáp: “Khắc kỉ (chế thắng tự dục) mà trở về lễ (đạo lí) thì là nhân. Một ngày khắc kỉ trở về lễ, thì khắp thiên hạ sẽ khen đức nhân của mình (có sách giảng là sẽ bị mình cảm hoá mà theo đức nhân). Làm điều nhân là do mình, chứ đâu có do người?” Nhan Uyên hỏi tiếp: “Xin thầy chỉ cho con những điều mục (để thực hành)”. Khổng tử bảo: “Cái gì không hợp lễ thì đừng nhìn, không hợp lễ thì đừng nghe, không hợp lễ thì đừng nói, không hợp lễ thì đừng làm”. Nhan Uyên thưa: “Hồi con tuy không minh mẫn cũng xin theo lời thầy dạy”.

Chú thích. – “Nhân là rất công tâm, hành động theo đạo lí, theo nghĩa, cho nên khắc kỉ phục lễ là nhân.

XII.2

Trọng Cung vấn nhân. Tử viết: “Xuất môn như kiến đại tân, sử dân như thừa đại tế. Kỉ sở bất dục, vật thị ư nhân. Tại bang vô oán, tại gia vô oán”. Trọng Cung viết: “Ung tuy bất mãn, thỉnh sự tư ngữ hĩ”.

Dịch. - Trọng Cung hỏi về đức nhân. Khổng tử đáp: “Ra khỏi cửa thì (phải nghiêm trang) như gặp khách quý; sai khiến dân thì phải thận trọng như trong một cuộc lễ lớn, cái gì mình không muốn thì đừng làm cho người. Trong nước không ai oán mình, trong “nhà” một đại phu không ai oán mình”. Trọng Cung thưa: “Ung con tuy không minh mẫn cũng xin theo lời thầy”.

XII.3

Tư Mã Ngưu vấn nhân. Tử viết: “Nhân giả, kì ngôn dã nhĩ”. Viết: “Kì ngôn dã nhĩ, tư vị chi nhân hĩ hồ?” Tử viết: “Vi chi nan, ngôn chi đắc vô nhĩ hồ?”.

Dịch. - Tư Mã Ngưu hỏi về đức nhân. Khổng tử đáp: “Người có đức nhân thì biết nhịn lời”. Lại hỏi: “Biết nhịn lời mà thành người có đức nhân ư?”. Đáp: “Làm thì khó, (nói thì dễ), vậy chẳng nên nhịn khi mình muốn nói sao?”.

Chú thích. – Tư Mã Ngưu, họ Tư Mã, tên Canh, tự Tử Ngưu, người nước Tống, học trò Khổng tử, có tính hay nói và nóng nảy, cho nên Khổng tử khuyên như vậy. Đó là cách “tùy bệnh mà ra toa”.

XII.4

Tư Mã Ngưu vấn quân tử. Tử viết: “Quân tử bất ưu bất cự”. Viết: “Bất ưu bất cự, tư vị chi quân tử hĩ hồ?”. Tử viết: “Nội tình bất cứu, phù hà ưu hà cự”.

Dịch.- Tư Mã Ngưu hỏi thế nào là quân tử. Khổng tử đáp: “Người quân tử thì không lo, không sợ”. Lại hỏi: “Không lo, không sợ mà thành người quân tử ư”. Đáp: “Tự xét mình không có điều gì đáng xấu hổ thì còn sợ nỗi gì?”

XII.5

Tư Mã Ngưu ưu viết: “Nhân giai hữu huynh đệ, ngã độc vô”. Tử Hạ viết: “Thương văn chi hĩ: “Tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên. Quân tử kính nhi vô thất, dữ nhân cung nhi hữu lễ. Tử hải chi nội giai huynh đệ dã”. Quân tử hà hoạn hồ vô huynh đệ dã”.

Dịch.- Tư Mã Ngưu rầu rĩ bảo: “Ai cũng có anh em, duy có tôi là không?”. Tử Hạ bảo: “Thương tôi nghe nói: “Sống chết có số, phú quý do trời. Người quân tử nghiêm túc mà không thất thất, giao thiệp với ai mà cung cần mà lễ độ. Như vậy thì người trong bốn bề đều là anh em của mình”. Người quân tử lo gì không có anh em”.

Chú thích. – Có sách bảo câu: “Tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên” là lời của Khổng tử nên dịch: Thương tôi nghe thầy nói... Thời xưa người Trung Hoa cho rằng nước họ bốn bên là biển bao vây, cho nên gọi Trung Hoa là hải nội, ngoại quốc là hải ngoại.

XII.6

Tử Trương vấn minh. Tử viết: “Tâm nhuận chi trầm, phu thụ chi tố, bất hành yên, khả vị minh dã dĩ hĩ. Tâm nhuận chi trầm, phu thụ chi tố, bất hành yên, khả vị viễn dã dĩ hĩ”.

Dịch.- Tử Trương hỏi thế nào là sáng suốt. Khổng tử đáp: “Những lời gièm pha thấm nhuần mỗi ngày một chút, những lời vu cáo như đâm vào da thịt, những lời đó nếu không tác động gì đến ta thì có thể gọi là sáng suốt. Những lời gièm pha thấm nhuần mỗi ngày một chút, những lời vu cáo như đâm vào da thịt, những lời đó nếu không tác động gì đến ta thì có thể gọi là biết nhìn xa”.

XII.7

Tử Công vấn chính. Tử viết: “Túc thực, túc binh, dân tín chi hĩ”. Tử Công viết: “Tất bất đắc dĩ nhi khứ, ư tư tam giả hà tiên?” Viết: “Khứ binh”. Tử Công viết: “Tất bất đắc dĩ nhi khứ, ư tư nhị giả hà tiên?” Viết: “Khứ thực, tự cổ giai hữu tử, dân vô tín bất lập”.

Dịch.- Tử Công hỏi về phép trị dân. Khổng tử đáp: “Lương thực cho đủ, binh bị cho đủ, dân tin chính quyền”. Tử Công hỏi: “Trong ba điều đó, nếu bất đắc dĩ phải bỏ một, thì bỏ điều nào trước?” Đáp: “Binh bị”. Tử Công lại hỏi: “Trong hai điều còn lại, nếu bất đắc dĩ phải bỏ một nữa, thì bỏ điều nào trước?” Đáp: “Bỏ lương thực. Từ xưa vẫn có người chết, nếu dân không tin chính quyền thì chính quyền phải đổ”.

XII.8

Cúc Tử Thành viết: “Quân tử chất nhi dĩ hĩ, hà dĩ văn vi?” Tử Cống viết: “Tích hồ! Phu tử chi thuyết quân tử dã. Tử bất cập thiết. Văn do chất dã, chất do văn dã. Hồ báo chi quách do khuyến dương chi quách”.

Dịch. - Cúc Tử Thành (một đại phu nước Vệ) bảo: “Người quân tử chỉ cái chất tốt là đủ, cần chi tới văn?”. Tử Cống nói: “Tiếc thay ngài luận về quân tử (lầm lẫn) như vậy. Một lời thốt ra, bốn ngựa đuổi không kịp. Văn cũng như chất, chất cũng như văn (quan trọng như nhau). Da cộp da beo mà cạo lớp lông đi thì cũng như da chó da cừu vậy thôi”. (Nghĩa là chất (da) mà không có văn (lông) thì kém giá trị).

Chú thích. – Sách *Thuyết văn* dịch nghĩa quách [𠂔] là da đã cạo lông rồi, vì vậy mà nhiều nhà hiểu như chúng tôi dịch. Nhưng có người bảo quách chỉ có nghĩa là da, dù còn lông hay cạo rồi, và hiểu lời Tử Cống như sau: văn và chất quan trọng như nhau, văn như da con cộp con beo, chất như da con chó con cừu, mấy thứ da đó đều hữu dụng cả. “Tử bất cập thiết” – Tử [駟] vốn có nghĩa là xe thắng bốn con ngựa.

XII.9

Ái công vấn ư Hữu Nhượng viết: “Niên cơ, dụng bất túc, như chi hà?” Hữu Nhượng đối viết: “Hạp triệt hồ?” Viết: “Nhị, ngô do bất túc, như chi hà kì triệt dã”. Đối viết: “Bá tính túc, quân thực dữ bất túc? Bá tính bất túc, quân thực dữ túc?”.

Dịch. - Vua (Lỗ) Ái công hỏi Hữu Nhượng: “Năm nay mất mùa, thuế không đủ tiêu làm sao bây giờ?” Hữu Nhượng đáp: “Sao không thu thuế theo pháp triệt (tức mười phần thu một)? Bảo: “Mười phần thu hai còn không đủ tiêu, huống hồ còn thu theo pháp triệt”. Đáp: “Trăm họ no đủ thì làm sao nhà vua thiếu được? Trăm họ thiếu thốn thì làm sao nhà vua đủ được?” (Có người dịch là: Dân no đủ thì vua thiếu thốn với ai?...).

XII.10

Tử Trương vấn sùng đức, biện hoặc. Tử viết: “Chủ trung tín, tị nghĩa, sùng đức dã. Ái chi, dục kì sinh, ố chi dục kì tử, kí dục kì sinh, hựu dục kì tử, thị hoặc dã”.

Dịch. - Tử Trương hỏi thế nào là tôn sùng đức hạnh và không mê hoặc. Khổng tử đáp: “Lấy trung tín thành thực làm chủ, điều gì không hợp nghĩa thì sửa đổi, như vậy là tôn sùng đức hạnh. Khi yêu thì muốn người ta sống, khi ghét thì muốn người ta chết, như vậy là mê hoặc”.

Chú thích. – Cuối bài này còn hai câu “Thành bất dĩ phú, diệc kì dĩ dĩ” ở trong *Kinh Thi*, *Tiểu Nhã*, thiên *Ngã hành kì dã* dẫn lầm vào đây, nên các sách đều bỏ.

XII.11

Tề Cảnh công vấn chính ư Khổng tử. Khổng tử đối viết: “Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử”. Công viết: “Thiện tai! Tín như quân bất quân, thần bất thần, phụ bất phụ, tử bất tử, tuy hữu túc, ngô đắc nhi thực chư”.

Dịch.- Tề Cảnh công hỏi về phép trị dân. Khổng tử đáp: “Vua làm hết đạo vua, bề tôi hết đạo bề tôi, cha hết đạo cha, con hết đạo con”. Cảnh công khen: “Hay thật! Nếu vua không ra vua, bề tôi không ra bề tôi, cha không ra cha, con không ra con, thì đâu có lúa, ta chắc gì đã ăn được?”.

XII.12

Tử viết: “Phiền ngôn khả dĩ chiết ngục giả, kì Do dã dư?. Tử Lộ vô túc nặc.

Dịch.- Khổng tử nói: “Chỉ nghe lời giảng của một bên mà có thể phán quyết được việc kiện tụng (hoặc việc quan), là anh Do chăng?” Tử Lộ hứa điều gì thì làm ngay.

Chú thích. – Muốn phán quyết việc kiện tụng thì ai cũng phải nghe lời trình bày của hai bên. Tại sao Tử Lộ chỉ nghe một bên mà phán quyết được? Người viết bài này, sau khi chép lời Khổng tử, giảng: Vì Tử Lộ giữ chữ tín, cảm hoá được mọi người, nên không ai nói dối với ông, khai với ông điều gì, tất phải đúng, vì vậy ông không phải nghe lời trình bày của phía bên kia nữa. Còn một cách hiểu khác nữa: “Phiền ngôn” không phải là Tử Lộ nghe lời trình bày của một bên, mà là Tử Lộ chỉ nói ra nửa lời, chưa hết câu, người ta đã tin phục rồi, việc giải quyết xong rồi.

XII.13

Tử viết: “Thính tụng, ngô do nhân dã; tất dã, sử vô tụng hồ?”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Xét kiện thì ta cũng như người khác thôi; phải làm sao (dạy dân phải biết nghĩa vụ nhường nhịn) cho dân không kiện nhau (thì mới làm chứ!)”.

XII.14

Tử Trương vấn chính. Tử viết: “Cư chi vô quyện, hành chi dĩ trung”.

Dịch.- Tử Trương hỏi về phép trị dân. Khổng tử đáp: “Giữ chức vụ thì không mệt, không chán, chấp hành chính lệnh thì trung thành”.

XII.15

Bài này trùng với bài VI.25.

XII.16

Tử viết: “Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác. Tiểu nhân phản thị”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Người quân tử giúp người làm việc thiện, không giúp người làm điều ác (giúp người thành người tốt, không giúp người thành xấu). Tiểu nhân trái lại”.

XII.17

Quý Khang tử vấn chính ư Khổng tử. Khổng tử đối viết: “Chính giả, chính dã. Tử suất dĩ chính,

thực cảm bất chính”.

Dịch.- Quý Khang tử hỏi Khổng tử về chính trị. Khổng tử đáp: “Chính trị là chính đĩnh (ngay thẳng). Ông lãnh đạo dân một chính sách chính đĩnh thì ai dám không chính đĩnh”.

XII.18

Quý Khang tử hoạn đạo, vấn ư Khổng tử. Khổng tử đối viết: “Cầu tử chi bất dục, tuy thưởng chi bất thiết”.

Dịch.- Quý Khang tử lo nạn trộm cướp, hỏi cách trị. Khổng tử đáp: “Nếu ông không có lòng tham, dù có thưởng họ, họ cũng không trộm cướp”.

XII.19

Quý Khang tử vấn chính ư Khổng tử, viết: “Nhu sát vô đạo dĩ tựu hữu đạo, hà như”. Khổng tử đối viết: “Tử vi chính yên dụng sát? Tử dục thiện nhi dân thiện hĩ. Quân tử chi đức phong, tiểu nhân chi đức thảo. Thảo thượng chi phong tất yển”.

Dịch.- Quý Khang tử hỏi Khổng tử về phép trị dân: “Giết kẻ vô đạo (độc ác) để cho kẻ khác thành hữu đạo (luong thiện) chẳng? Khổng tử đáp: “Ông trị dân cần gì phải dùng biện pháp giết người? Ông muốn thiện thì dân sẽ hóa thiện. Đức hạnh của người quân tử (người trị dân) như gió, mà đức hạnh của dân như cỏ. Gió thổi thì cỏ tất rạp xuống”.

XII.20

Tử Trương vấn: “Sĩ hà như tư khả vị chi đạt hĩ?” Tử viết: “Hà tai, nhĩ sở vị đạt giả”. Tử Trương đối viết: “Tại bang tất văn, tại gia tất văn”. Tử viết: “Thị văn dã, phi đạt dã. Phù đạt dã giả, chất trực nhi hiếu nghĩa, sát ngôn nhi quan sắc, lự dĩ há nhân, tại bang tất đạt, tại gia tất đạt. Phù văn dã giả, sắc thủ nhân nhi hành vi, cư chi bất nghi, tại bang tất văn, tại gia tất văn”.

Dịch.- Tử Trương hỏi: “Kẻ sĩ (kẻ làm quan) như thế nào thì có thể gọi là đạt?” Khổng tử hỏi lại: “Theo ý anh, đạt là thế nào?” Tử Trương đáp: “Làm quan một nước có tiếng tăm, làm gia thân cho một nước có tiếng tăm”. Khổng tử bảo: “Như vậy là tiếng tăm chứ không phải đạt. Người đạt thì chất phác chính trực mà thích làm điều nghĩa, biết xét lời nói, quan sát nét mặt của người khác (mà hiểu tâm ý họ), biết suy nghĩ khiêm nhường ở dưới người: như vậy làm quan một nước sẽ “đạt”, làm gia thân cho một đại phu sẽ “đạt”. Còn người có tiếng tăm thì bề ngoài làm bộ nhân đức mà hành vi trái nhân đức, thế mà vẫn tin chắc rằng mình nhân đức. Như vậy làm quan một nước sẽ có tiếng tăm, làm gia thân một đại phu sẽ có tiếng tăm”.

XII.21

Phàn Trì tòng du ư Vũ Vu chi hạ, viết: “Cảm vấn sùng đức, tu thắc, biện hoặc”. Tử viết: “Thiện tai văn! Tiên sự, hậu đắc, phi sùng đức dư? Nhất triêu chi phần, vong kì thân dĩ cập kì thân, phi hoặc dư?”

Dịch.- Phàn Trì tản bộ với Khổng tử ở chân đàn Vũ Vu, thưa: “Con xin hỏi thầy thế nào là tôn

sùng đức hạnh, trị cái xấu ở trong lòng, không mê hoặc?” Khổng tử đáp: “Câu hỏi đó hay! Làm điều lành trước rồi mới lượm kết quả, như vậy không phải là tôn sùng đức hạnh sao? Tự trách lỗi của mình, mà không trách lỗi của người, như vậy không phải là trị cái xấu trong lòng sao? Trong một lúc tức giận mà quên mất mình đi, để liên lụy cha mẹ, như vậy không phải là mê hoặc sao?”

XII.22

Phàn Trì vấn nhân. Tử viết: “Ái nhân”. Vấn trí. Tử viết: “Trì nhân”. Phàn Trì vị đạt. Tử viết: “Cử trực thố chư uổng, năng sử uổng giả trực”. Phàn Trì thoái kiến Tử Hạ, viết: “Hương đã, ngô kiến ọphu tử nhi vấn trí. Tử viết: “Cử trực thố chư uổng, năng sử uổng giả trực”, hà vị đã?” Tử Hạ viết: “Phú tai ngôn hồ! Thuần hữu thiên hạ, tuyền ư chúng, cử Cao Dao, bất nhân giả viễn hĩ. Thang hữu thiên hạ, tuyền ư chúng, cử Y Doãn, bất nhân giả viễn hĩ”.

Dịch.- Phàn Trì hỏi về đức nhân. Khổng tử đáp: “Yêu người”. Hỏi về đức trí, đáp: “Biết người”. Phàn Trì chưa hiểu rõ, Khổng tử giảng thêm: “Đề bạt người chính trực lên trên người cong queo thì có thể khiến cho người cong queo hoá ra chính trực”. Phàn Trì lui ra, kiến Tử Hạ hỏi: “Mới rồi, tôi vô ý kiến thấy, hỏi về trí. Thầy bảo: “Đề bạt người chính trực lên trên người cong queo thì có thể khiến cho người cong queo hoá ra chính trực”. Như vậy nghĩa là sao?”. Tử Hạ đáp: “Lời thầy hàm súc lắm. Ông Thuần khi có thiên hạ (lên ngôi thiên tử) tuyển chọn trong dân chúng mà đề bạt ông Cao Dao, mà những kẻ bất nhân đều xa lánh. Ông Thang khi có thiên hạ, tuyển chọn trong dân chúng mà đề bạt ông Y Doãn, mà những kẻ bất nhân đều xa lánh”.

Chú thích. – Cao Dao là hiền thần vua Thuần. Y Doãn là hiền thần vua Thang.

XII.23

Tử Công vấn hữu. Tử viết: “Trung cáo nhi thiện đáo chi, bất khả tác chi, vô tự nhục yên”.

Dịch.- Tử Công hỏi về cách cư xử với bạn bè. Khổng tử đáp: “(Bạn có lỗi) thì trung thành bảo bạn và khéo léo khuyên răn, bạn bè không nghe thì thôi đừng nói nữa mang nhục”.

XII.24

Tăng Tử viết: “Quân tử dĩ văn hội hữu, dĩ hữu phụ nhân”.

Dịch.- Tăng Tử nói: “Người quân tử dùng văn chương để họp bạn, dùng bạn để giúp nhau tiến lên đức nhân”.

Trọng Cung tức Nhiễm Ung đã được Khổng tử khen là có thể làm vua được.

Bài này cũng như bài XII.20 nói về chính trị. Chữ gia [家] này không phải là nhà của Trọng Cung mà là “nhà” của một đại phu. Các đại phu thời đó như ba họ Mạnh, Thúc, Quý ở Lỗ có ấp riêng, có thành trì, quân đội riêng, gần như có một triều đình riêng, quan lại của họ là gia thần của họ. Và ấp của họ gần như một nước nhỏ trong một nước lớn hơn là Lỗ. (Bài VI.1) Khổng tử giảng về nhân theo phương diện chính trị. Nhân ở đây là kính cẩn, thật trọng, nghĩ tới dân.

Cúc: nguyên văn chữ Hán là 棘. Chữ này trong *Trang Tử* và *Nam Hoa Kinh*, thiên *Tiêu Dao Du*, cụ Nguyễn Hiến Lê đọc là *Cách* (ông *Cách*) và chú giải: “chữ *cúc* là gai ở đây đọc là *cách*”; còn cụ Nguyễn Duy Cần thì đọc là “Cắc”. (Goldfish).

Tì (徙), có bản chép là “đồ” (徒). (Goldfish).

Câu này cũng như câu “tiên nan nhi hậu hoạch” trong bài VI.20. Nên so sánh bài này với bài XII.10.

THIÊN XIII

TỬ LỘ

XIII.1

Tử Lộ vấn chính. Tử viết: “Tiên chi, lao chi”. Thỉnh ích. Viết: “Vô quyện”.

Dịch. - *Tử Lộ hỏi về phép trị dân. Khổng tử đáp: “Phải làm trước những công việc của dân, phải khó nhọc vì dân”. Tử Lộ xin thầy giảng thêm. Ông nói: “Làm không biết mệt”.*

Chú thích. – Có người hiểu là: “Phải làm trước công việc thiện để làm gương cho dân”. Có người bảo chữ [勞] đọc là *lao*, và dịch: “phải vất vả về an ủi” dân.

XIII.2

Trọng Cung vi Quý thị tể, vấn chính. Tử viết: “Tiên hữu ti, xá tiểu quá, cử hiền tài”. Viết: “Yên tri hiền tài nhi cử chi?”. Viết: “Cử nhĩ sở tri. Nhĩ sở bất tri, nhân kì xá chư?”.

Dịch. - *Trọng Cung làm quan tể cho họ Quý, hỏi về phép trị dân. Khổng tử đáp: “Đích thân thống suất các viên hữu ti (các viên chức dưới quyền quan tể), tha những lỗi nhỏ của họ, đề bạt những người hiền tài”. Trọng Cung lại hỏi: “Làm sao biết được người hiền tài mà đề bạt?”. Đáp: “Cứ đề bạt những người anh biết, còn những người anh không biết thì người khác lẽ nào bỏ họ (mà không giới thiệu)?”.*

XIII.3

Tử Lộ viết: “Vệ quân đãi tử nhi vi chính, tử tương hề tiên? Tử viết: “Tất đã chính danh hồ?”. Tử Lộ viết: “Hữu thị tai, tử chi vu dã, hề kì chính”. Tử viết: “Dã tai, Do dã! Quân tử ư kì sở bất tri, cái khuyết như dã. Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành, sự bất thành tắc lễ nhạc bất hưng, lễ nhạc bất hưng tắc hình phạt bất trủng, hình phạt bất trủng, tắc dân vô sở thố thủ túc. Cố quân tử danh chi tất khả ngôn dã; ngôn chi tất khả hành dã. Quân tử ư kì ngôn, vô sở cầu nhi dĩ hĩ”.

Dịch. - *Tử Lộ hỏi: “Nếu vua Vệ mà giữ thầy lại mà nhờ thầy coi chính sự thì thầy làm việc gì trước?” Khổng tử đáp: “Tất phải chính danh trước hết chăng?”.*

Tử Lộ nói: “Vậy ư? Lời thầy vu khoát rồi. Sao lại phải chính danh?”. Khổng tử nói: “Do, anh thật thô thiển. Người quân tử có điều gì không biết thì không nói bậy. Nếu danh (hiệu) không chính (xác) thì lời nói không thuận lý (vì danh hiệu không hợp thực tế); lời nói không thuận thì sự việc không thành; sự việc không thành thì lễ nhạc, chế độ không kiến lập được; lễ nhạc, chế độ không kiến lập được thì hình phạt không trúng; hình phạt không trúng thì dân đâu biết đặt tay chân vào đâu (không biết làm thế nào cho phải). Cho nên người quân tử đã dùng cái danh gì thì tất nói ra được (nói phải thuận lý); đã nói điều gì thì tất phải làm được. Đối với lời nói, người quân tử không thể cầu thả được”.

Chú thích. – Thời đó vua Vệ là Xuất Công Triếp, chống cự với cha. (cha Triếp là Khoái Quý chống Nam Tử - mẹ Khoái Quý – vì dâm loạn; mà Triếp lại được Nam Tử đưa lên làm vua để cự Khoái Quý). Như vậy là cha không ra cha, con không ra con, vua không ra vua, tôi không ra tôi, danh không chính. Khổng tử muốn nói rằng, việc đầu tiên phải xin thiên tử nhà Chu lập một công tử khác làm vua Vệ, cho danh chính ngôn thuận đã rồi nước mới yên.

XIII.4

Phàn Trì thỉnh học giá. Tử viết: “Ngô bất như lão nông”. Thỉnh học vi phổ. Viết: “Ngô bất như lão phổ”.

Phàn Trì xuất. Tử viết: “Tiểu nhân tai, Phàn Tu dã! Thượng hiếu lễ, tắc dân mạc cảm bất kính; thượng hiếu nghĩa, tắc dân mạc cảm bất phục; thượng hiếu tín, tắc dân mạc cảm bất dụng tình. Phù như thị, tắc tứ phương chi dân cường phụ kì tử nhi chí hĩ, yên dụng giá?”.

Dịch. - Phàn Trì xin học làm ruộng. Khổng tử bảo: “Ta không bằng một nông dân già”. Lại xin học làm vườn. Khổng tử bảo: “Ta không bằng một người làm vườn già”.

Phàn Trì ra rồi, Khổng tử nói: “Phàn Tu (tức Phàn Trì) bỉ lậu thay! Người trên ham điều lễ thì dân không dám không kính; người trên ham làm điều nghĩa thì dân không dám không phục tòng; người trên ham đức thành tín thì dân không dám không trung trực. Được như vậy thì dân bốn phương sẽ chịu, công con mà tới, hà tất phải học làm ruộng”.

XIII.5

Tử viết: “Tụng thi tam bách, thụ chi dĩ chính, bất đạt; sử ư tứ phương, bất năng chuyên đối. Tuy đa, diệc hề dĩ vi?”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Đọc ba trăm thiên Kinh Thi, giao cho việc chính trị mà làm không nên; sai đi sứ bốn phương mà không biết ứng đối, như vậy đọc nhiều để làm gì?”.

XIII.6

Tử viết: “Kì thân chính, bất lệnh nhi hành; kì thân bất chính, tuy lệnh bất tòng”.

Dịch. - Khổng tử nói: “Mình mà chính đáng (ngay thẳng, đàng hoàng), dù không ra lệnh, dân cũng theo; mình không chính đáng, tuy ra lệnh, dân cũng chẳng theo”.

XIII.7

Tử viết: “Lỗ Vệ chi chính, huynh đệ dã”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Chính trị của nước Lỗ và nước Vệ giống nhau như anh em”.

Chú thích. – Vua Lỗ là hậu duệ của Chu Công, vua Vệ là hậu duệ của Khang Thúc, mà Chu Công và Khang Thúc là anh em ruột, Nhưng chúng ta không biết Khổng tử muốn chê hai nước Lỗ, Vệ thời ông là suy loạn như nhau (nước Vệ thời đó quá suy); hay muốn khen hai nước ấy còn giữ được truyền thống cũ, về văn hóa, có hi vọng cải thiện được, vì vậy mà ông trước sau năm lần tới Vệ, muốn giúp Vệ? Cứ theo bài VI.22 ông khen Lỗ, thì bài này cũng có thể ông khen nữa.

XIII.8

Tử vị Vệ công tử Kinh thiện cư thất. Thủy hữu, viết: “Cầu hợp hĩ”. Thiệu hữu, viết: “Cầu hoàn hĩ”. Phú hữu, viết: “Cầu mỹ hĩ”.

Dịch.- Khổng tử khen công tử Kinh nước Vệ là khéo tính việc nhà (kiệm tiền thi túc). Khi mới có của cải, công tử Kinh bảo: “Tạm cho là có của rồi”; khi tăng lên một chút, bảo: “Tạm đủ rồi”; khi giàu có, bảo: “Kể như tốt đẹp quá rồi”.

XIII.9

Tử thích Vệ, Nhiễm Hữu bộc. Tử viết: “Thứ hĩ tai!”. Nhiễm Hữu viết: “Kí thứ hĩ, hựu hà gia yên?”. Viết: “Phú chi”. Viết: “Kí phú hĩ, hựu hà gia yên?”. Viết: “Giáo chi”.

Dịch.- Khổng tử tới nước Vệ, Nhiễm Hữu đánh xe. Khổng tử nói: “Dân đông nhĩ?”. Nhiễm Hữu hỏi: “Đông dân rồi thì (nhà cầm quyền) phải làm gì thêm nữa?”. Đáp: “Làm cho dân giàu”. Hỏi: “Dân đã giàu rồi, phải làm gì thêm nữa?”. Đáp: “Giáo hoá dân”.

XIII.10

Tử viết: “Cầu hữu dụng ngã giả, cơ nguyệt nhi dĩ khả dã, tam niên hữu thành”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Có ai dùng ta (cầm quốc chính) thì một năm cương kỉ đã khá, ba năm sẽ thành công”.

XIII.11

Tử viết: “Thiện nhân vi bang bách niên, diệc khả dĩ thăng tàn khứ sát hĩ”. Thành tai thị ngôn dã”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Cổ nhân có câu: “Nếu có người thiện liên tục trị nước trong suốt một trăm năm thì có thể khiến kẻ tàn bạo thuận phục mà bỏ hình phạt chém giết”. Lời ấy rất đúng”.

XIII.12

Tử viết : “Như hữu vương giả, tất thể nhi hậu nhân”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Như có bậc thánh nhân làm thiên tử thì phải mất một đời (30 năm) thì mọi người mới có nhân đạo được”.

XIII.13

Tử viết: “Cầu chính kì thân hĩ, ư tòng chính hồ hà hữu? Bất năng chính kì thân, như chính nhân hà?”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Nếu giữ thân mình cho đoan chính thì tòng sự chính trị có gì khó? Không giữ thân mình cho đoan chính thì làm sao sửa cho người khác đoan chính được?”.

Chú thích. – Bài này ý nghĩa như bài XIII.

XIII.14

Nhiệm Tử thoái triều, Tử viết: “Hà án dã?” Đối viết: “Hữu chính”. Tử viết: “Kì sự dã. Như hữu chính, tuy bất ngô dĩ, ngô kì dữ văn chi”.

Dịch.- Nhiệm tử ở triều đình (triều đình riêng của họ Quý) về. Khổng tử hỏi: “Sao về trễ vậy?”. “Có việc quyết chính”. Khổng tử nói: “Ta ngờ chỉ là gia sự (của họ Quý). Nếu việc quốc chính thì tuy ta không tại chức, tất cũng được dự nghe”.

XIII.15

Định công vân: “Nhất ngôn nhi khả dĩ hưng bang, hữu chư?”. Khổng tử đối viết: “Ngôn bất khả dĩ nhược thị kì cơ dã. Nhân chi ngôn viết: “Vi quân nan, vi thần bất dị”. Như tri vi quân chi nan dã, bất cơ hồ nhất ngôn nhi hưng bang hồ”. Viết: “Nhất ngôn nhi táng bang, hữu chư?”. Khổng tử đối viết: “Ngôn bất khả dĩ nhược thị kì cơ dã. Nhân chi ngôn viết: “Dự vô lạc hồ vi quân, duy kì ngôn, nhi mạc dự vi dã”. Như kì thiện, nhi mạc chi vi dã, bất diệc thiện hồ? Như bất thiện nhi mạc chi vi dã, bất cơ hồ nhất ngôn nhi táng bang hồ?”.

Dịch.- Vua Định công nước Lỗ hỏi: “Một lời nói có thể làm cho nước nhà hưng thịnh, có vậy sao?” Khổng tử đáp: “Lời nói không hẳn có tác động được như vậy, có thể gần được vậy. (Ví dụ) người đời nói: “Làm vua khó, làm bề tôi không dễ”. Nếu biết làm vua khó (mà phải hết sức cẩn thận) thì một lời nói cơ hồ chẳng làm cho nước nhà hưng thịnh được đấy ư?”. Vua Định công lại nói: “Một lời nói có thể làm cho mất nước, có vậy không?”. Khổng tử đáp: “Lời nói không hẳn có tác động được như vậy, có thể gần được vậy. (Ví dụ) người đời nói: “Ta làm vua chẳng có gì vui cả, ngoài cái vui này, ta nói ra không ai dám trái lời ta”. Vua nói lời phải mà không ai dám trái lời thì chẳng hay lắm sao? Nhưng nếu vua nói điều quấy mà không ai dám trái lời thì cơ hồ một lời nói chẳng làm cho mất nước đấy ư?”.

XIII.16

Diệp công vân chính. Tử viết: “Cận giả duyệt, viễn giả lai”.

Dịch.- Quan lệnh doãn huyện Diệp (nước Sở) hỏi về phép trị dân. Khổng tử đáp: “Phải làm sao cho người ở gần vui lòng, người ở xa qui phục”.

XIII.17

Tử Hạ vi Cử Phủ tể, vấn chính. Tử viết: “Vô dục tốc, vô kiến tiểu lợi. Dục tốc tắc bất đạt. Kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành”.

Dịch.- Tử Hạ làm quan tể ắp Cử Phủ, hỏi về phép trị dân. Khổng tử đáp: “Đừng muốn mau thành, đừng chỉ nhìn cái lợi nhỏ. Muốn mau thành thì không đạt mục đích, chỉ nhìn cái lợi nhỏ thì việc lớn không thành”.

XIII.18

Diệp công ngư Khổng tử viết: “Ngô đảng hữu Trục Cung giả, kì phụ nhưong đương nhi tử chứng chi”. Khổng tử viết: “Ngô đảng chi trục giả dị ư thị. Phụ vị tử ần, tử vị phụ ần, trục tại kì trung hĩ”.

Dịch.- Quan lệnh doãn huyện Diệp nói với Khổng tử: “Làng tôi có một người ngay thẳng tên là Trục Cung, cha bắt trộm cừu, con đi tố cáo”. Khổng tử nói: “Người ngay thẳng ở làng tôi khác vậy. Cha giấu tội cho con, con giấu tội cho cha, sự ngay thẳng ở chỗ đó”.

XIII.19

Phàn Trì vấn nhân. Tử viết: “Cư xử cung, chấp sự kính, dữ nhân trung. Tuy chi di địch, bất khả khí dã”.

Dịch.- Phàn Trì hỏi về đức nhân. Khổng tử đáp: “Khi nhân cư phải nghiêm cung, khi làm việc phải nghiêm trang, cẩn thận, giao thiệp với ai phải trung thực. Dù tới nước di địch chưa khai hoá, cũng không thể bỏ ba điều ấy”.

XIII.20

Tử Công vấn viết: “Hà như tư khả vị chi sĩ hĩ?”. Tử viết: “Hành kì hữu sĩ, sử ư tứ phương, bất phục quân mệnh, khả vị sĩ hĩ”. Viết: “Cảm vấn kì thứ”. Viết: “Tôn tộc xưng hiếu yên, hương đảng xưng đức yên”. Viết: “Cảm vấn kì thứ”. Viết: “Ngôn tất tín, hành tất quả, khanh khanh nhiên tiểu nhân tai! Ưc diệc khả dĩ vi thứ hĩ”. Viết: “Kim chi tòng chính giả hà như?”. Tử viết: “Y! Đầu sao chi nhân, hà túc toán dã”.

Dịch.- Tử Công hỏi: “Thế nào đáng gọi là kẻ sĩ (kẻ đã ra làm quan)”. Khổng tử đáp: “Hành vi của mình thì biết hổ thẹn (không làm điều xấu); đi bốn phương thì không làm nhục mệnh vua; như vậy có thể gọi là kẻ sĩ”. Lại hỏi: “Xin thầy cho hạng thấp hơn nữa”. Khổng tử nói: “Họ hàng khen là hiếu, làng xóm khen là đức”. Lại hỏi: “Xin thầy cho hạng thấp hơn nữa”. Khổng tử nói: “Lời nói nhất định phải tín thực, hành vi nhất định phải quả quyết (không xét xem là có nên không), như vậy tuy sắc cạnh, cố chấp, hẹp hòi, nhưng cũng đáng là kẻ sĩ bậc thấp”. Lại hỏi: “Những người tòng chính hiện nay ra sao?”. Khổng tử nói: “Ôi! Hạng người khí độ nhỏ nhen như cái đầu, cái sao (một phần năm hay một nửa cái đầu) ấy, đáng kể gì!”.

XIII.21

Tử viết: “Bất đắc trung hạng nhi dữ chi, tất dã cuồng quyền hồ! Cuồng giả tiến thủ, quyền giả hữu sở bất vi dã”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Không được hạng người trung chính (theo trung đạo) để truyền đạo (hoặc để giao thiệp) thì tìm hạng người cuồng phóng hoặc can hậu giữ tiết tháo vậy. Người cuồng phóng có tinh thần tiến thủ, người can hậu giữ tiết tháo thì không chịu làm điều xấu”.

XIII.22

Tử viết: “Nam nhân hữu ngôn viết: “Nhân nhi vô hằng, bất khả dĩ tác vu y”. Thiện phù! “Bất hằng kì đức, hoặc thừa chi tu”. Tử viết: “Bất chiêm nhi dĩ hĩ”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Người phương Nam có câu: “Người nào không có hằng tâm (tâm tính hay thay đổi) thì không thể làm thầy cúng, thầy thuốc được”. Lời đó phải lắm! Quẻ Hằng (trong Kinh Dịch, hào 3), có câu: “Không giữ được đức hằng (mà hay thay đổi tâm ý, tháo thủ) thì thường bị hổ thẹn”. Khổng tử nói: “(Câu đó có ý khuyên người nào không có đức hằng tâm thì đừng nên coi quẻ là hơn”.

XIII.23

Tử viết: “Quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Người quân tử hoà hợp nhưng không a dua, kẻ tiểu nhân a dua mà không hoà hợp”.

Chú thích. – Chữ “Hoà” [和] (hoà hợp) có nghĩa là đưa ý kiến của mình ra, góp với ý kiến của người để bàn bạc với nhau rồi tiến tới sự thống nhất. “Đồng” [同] là: phụ hoạ với người, người nói sao mình cũng nói theo, chứ không dám đưa ý kiến của mình ra để cùng nhau bàn bạc. Có người hiểu khác: “Người quân tử giao tiếp với người thì giữ niềm hoà lạc nhưng chẳng đồng tình trong việc quấy, kẻ tiểu nhân giao tiếp với người thì đồng tình trong việc quấy nhưng chẳng giữ niềm hoà lạc”. Hiểu như vậy cũng có lí, nhưng nghĩa không sâu sắc như trên. Chúng ta lại nên chú ý: ngày nay từ ngữ “hoà nhi bất đồng” thường dùng một nghĩa hơi khác: chủ trương (chẳng hạn về chính trị, tôn giáo...) của mình với người khác nhau thì mình cũng không đả kích người, vẫn tìm cách hợp tác với người được, vẫn “hoà” với người (vì hai bên cùng theo đuổi một mục đích cả) mà vẫn không thay đổi chủ trương của mình (bất đồng).

XIII.24

Tử Cống vấn viết: “Hương nhân giai hiếu chi, hà như?”. Tử viết: “Vị khả dã”. - “Hương nhân giai ố chi, hà như?” Tử viết: “Vị khả dã, bất như hương nhân chi thiện giả hiếu chi, kì bất thiện giả ố chi”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Mọi người trong làng đều ưa, người đó ra sao?”. Khổng tử đáp: “Chưa hẳn là người tốt”. (Lại hỏi): “Mọi người trong làng đều ghét, người đó ra sao?”. Khổng tử đáp:

“Chưa hẳn là người xấu. Không bằng người mà tốt trong làng đều ưa, những người xấu trong làng đều ghét”.

Chú thích. – Có người hiểu: “Mọi người trong làng, ta đều ưa, hoặc mọi mình trong làng ta đều ghét, không bằng lựa những người tốt trong làng mà ưa, những người xấu trong làng mà ghét”. Cách hiểu này vô lí: ghét mọi người trong làng thì ở với ai? Không thể có trường hợp đó được.

XIII.25

Tử viết: “Quân tử dĩ sự nhi nan duyệt dã. Duyệt chi bất dĩ đạo, bất duyệt dã; cập kì sử nhân dã, khí chi. Tiểu nhân nan sự nhi dĩ duyệt dã. Duyệt chi tuy bất dĩ đạo duyệt dã; cập kì sử nhân dã, cầu bị yên”.

Dịch. - Khổng tử nói: “Người quân tử dễ phụng sự mà khó làm cho vui lòng. Không dùng chính đạo để lấy lòng họ thì họ không vui lòng; đến khi sai khiến người thì họ tùy theo tài năng mỗi người mà giao việc. Kẻ tiểu nhân khó phụng sự mà dễ làm vui lòng. Không dùng chính đạo để lấy lòng họ, họ cũng vui lòng; đến khi sai khiến người thì họ trách bị cầu toàn”.

XIII.26

Tử viết: “Quân tử thái nhi bất kiêu, tiểu nhân kiêu nhi bất thái”.

Dịch. - Khổng tử nói: “Người quân tử thư thái mà không kiêu căng, kẻ tiểu nhân kiêu căng mà không thư thái”.

XIII.27

Tử viết: “cương nghị, mộc nột, cận nhân”.

Dịch. - Khổng tử nói: “Cương cường, quả cảm, chất phác, ăn nói chậm chạp thì gần với đức nhân”.

XIII.28

Tử Lộ vấn viết: “Hà như tư khả vị chi sĩ hĩ”. Tử viết: “Thiết thiết, tư tư, di di như dã, khả vị sĩ hĩ. Bằng hữu thiết thiết, tư tư, huynh đệ di di”.

Dịch. - Tử Lộ hỏi: “Thế nào thì có thể gọi là kẻ sĩ?”. Khổng tử đáp: “Thiết tha khuyên nhủ, và hoà vui, thì có thể gọi là kẻ sĩ. Bạn bè thì thiết tha khuyên nhủ nhau, anh em thì hoà vui với nhau”.

Chú thích. – Kẻ sĩ trong bài XIII.20 là kẻ sĩ ra làm quan. Kẻ sĩ trong bài này có thể chưa ra làm quan.

XIII.29

Tử viết: “Thiện nhân giáo dân thất niên, diệc khả dĩ tức nhung hĩ”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Bậc thiện nhân (người cảm quyền tốt) dạy dân bảy năm thì có thể dùng dân vào việc chiến đấu được”.

XIII.30

Tử viết: “Dĩ bất giáo dân chiến, thị vị khí chi”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Đưa dân không được dạy dỗ ra đánh giặc, tức là bỏ dân”.

Chú thích. – Trong hai bài cuối này, chữ “giáo” [教] có nghĩa là dạy dân về chiến thuật, canh nông, nhất là đạo làm người, làm dân nữa, cho nên mới lâu tới bảy năm. Dân có biết yêu người thân, hi sinh cho người trên thì mới hăng hái chiến đấu; có biết làm ruộng khi không phải giao chiến thì mới tự túc được, không thiếu thốn (thời đó dùng chính sách *ngụ binh ư nông*). Một nhà văn Ý, Alberto Moravia, trong cuốn *La Révolution culturelle de Mao* (Flammarion – 1968) hiểu khác hẳn: Phải dạy dân bảy năm để cho dân bầm sinh hiểu hoà thành hiểu chiến, vốn hiền lành thành tàn bạo, rồi mới cho dân ra chiến đấu được. Thật là bời nhọ Khổng tử.

Thăng (勝): có bản chép là “dăng” (滕). (Goldfish).

Bài này chắc là của môn sinh Nhiễm Hữu chép, nên gọi là Nhiễm tử chứ không gọi là Nhiễm. Nhiễm Hữu lúc đó làm quan tể cho họ Quý, mà họ Quý chuyên quyền, không đem việc quốc chính (việc quan trọng trong nước) bàn ở triều đình Lỗ, mà đem bàn riêng với gia thần của mình. Có sách giảng: “chính” là việc quan trọng, còn “sự” là việc chấp hành hằng ngày.

Lúc này Khổng tử không cầm quyền ở nước Lỗ nhưng đã làm chức đại phu thì có quyền dự nghe việc quan trọng trong nước.

Áp Cử Phủ thuộc nước Lỗ. (Goldfish).

Trực Cung, là anh Cung ngay thăng (Cung là tên). Có sách cho *trực cung* chỉ có nghĩa là người ngay thẳng.

Chữ “chứng” [證] hồi xưa chỉ có nghĩa tố cáo (theo Thuyết văn); ngày nay mới có nghĩa là làm chứng. Khổng tử khuyên cha phải nhân từ, con phải hiếu; con tố cáo cha là bất hiếu, cho nên ông cho là không ngay thẳng, không hợp đạo.

Đoạn từ “Ngôn tất tín...” đến cuối bài, tôi lần lượt ghi thêm mấy chữ “nhiên tiểu nhân”, “chi tông” và “nhân, hà” vào các chỗ mà ebook nguồn chép ba dấu chấm: “*Ngôn tất tín, hành tất quả, khanh khanh... tại! Ưc diệc khả dĩ vi thứ hĩ*”. *Viết: “Kim... chính giả hà như?”*. *Tử viết: “Y! Đẩu sao chi... tức toán dã*”. (Goldfish).

Hạng: nguyên văn chữ Hán là 行 ; ebook nguồn chép là “hành”. (Goldfish).

Câu: “Bất hằng kì đức, hoặc thừa chi tu” trong *Kinh Dịch*, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch như sau: “Không thường giữ được cái đức của mình, có khi bị xấu hổ”. (Goldfish).

Chúng tôi thấy câu này khó hiểu, tạm dịch theo Triệu Thông và đoán vì tâm ý hay thay đổi thì coi quẻ rồi cũng không tin, mà rồi sẽ gặp việc hổ thẹn. Có người dịch là: Khổng tử nói: “Tại người ta không chiêm nghiệm đến lời nói ấy thôi”. Có người lại hiểu là: “Người quân tử đối với *Kinh Dịch* nếu nghiền ngẫm lời chiêm nghiệm thì biết được rằng thiếu đức hằng, tất sẽ phải hổ thẹn. Vậy sở dĩ không có đức hằng, làm việc mà không có đức hằng, chỉ vì không xem lời chiêm nghiệm mà thôi.

THIÊN XIV

HIẾN VẤN

XIV.1

Hiến vấn sĩ. Tử viết: “Bang hữu đạo, cốc; bang vô đạo, cốc, sĩ dĩ”.- “Khắc, phạt, oán, dục, bất hành yên, khả dĩ vi nhân hĩ”. Tử viết: “Khả dĩ vi nan hĩ, nhân tắc ngô bất tri dĩ”.

Dịch.- Hiến hỏi thế nào là điều xấu hổ. Khổng tử đáp: “Nước có đạo (chính trị tốt) thì có thể làm quan được; nước vô đạo (chính trị xấu) mà làm quan thì xấu hổ”. (Hiến lại hỏi): “Hiếu thắng, khoe khoang, oán hận, tham dục, những việc đó không làm, thì có thể gọi là nhân được chứ?” Khổng tử đáp: “Như vậy là làm được những việc khó, còn nhân hay không thì ta chưa biết”.

XIV.2

Tử viết: “Sĩ nhi hoà cư, bất tức dĩ vi sĩ hĩ”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Kẻ sĩ nào mà nghĩ đến việc ở cho được an dật, thì chưa phải là kẻ sĩ”.

XIV.3

Tử viết: “Bang hữu đạo, nguy ngôn nguy hành; bang vô đạo, nguy hành ngôn tồn”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Nước có đạo (chính trị tốt), ngôn ngữ chính trực, hành vi chính trực; nước vô đạo thì hành vi chính trực, ngôn ngữ khiếm tồn”.

Chú thích. – Chữ [行], có người đọc là *hạnh*, nghĩa cũng đại khái như vậy.

XIV.4

Tử viết: “Hữu đức giả tất hữu ngôn, hữu ngôn giả bất tất hữu đức. Nhân giả tất hữu dũng, dũng giả bất tất hữu nhân”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Người có đức thì tất có lời nói hay, người có lời nói hay chưa hẳn đã có đức. Người nhân tất dũng cảm, người dũng cảm chưa hẳn đã có đức nhân”.

XIV.5

Nam Cung Quát vẫn ư Khổng tử viết: “Nghệ thiện xạ, Ngao (hay Nghiêu) đăng chu, câu bắt đắc kì tử nhiên. Vũ, Tắc cung giả nhi hữu thiên hạ”. Phu tử bắt đáp. Nam Cung Quát xuất. Tử viết: “Quân tử tai nhược nhân! Thượng đức tai nhược nhân!”

Dịch.- Nam Cung Quát hỏi Khổng tử: “Nghệ bắn giỏi, Ngao dùng thuyền mà xung sát (thủy chiến), rồi đều bắt đắc kì tử. Ông Vũ, ông Tắc đều cấy lúa mà sau có thiên hạ”. Khổng tử không đáp. Nam Cung Quát ra rồi, ông bảo: “Người ấy thật quân tử, người ấy thật biết trọng đạo đức!”.

Chú thích. – Nghệ là vua nước Hữu Cù, bắn cung giỏi, diệt vua Hạ Hầu Tướng mà cướp ngôi; sau bị bề tôi là Hàn Trác giết để cướp. Ngao là con của Hàn Trác giỏi thủy chiến (có sách giảng “đăng chu” là đẩy được thuyền trên cạn – Chúng tôi theo chú thích của Triệu Thông), sau bị vua Thiệu Khang nhà Hạ giết. Ông Vũ có công dẹp nạn nước lụt, được vua Thuấn nhường ngôi cho. Ông Tắc tự gieo lúa giống, dạy dân cấy cấy, là thủy tổ của nhà Chu cho nên cũng gọi là có thiên hạ. Nam Cung Quát có ý chê các vua đương thời không trọng đức mà chỉ trọng võ lực, nên Khổng tử không tiện trả lời.

XIV.6

Tử viết: “Quân tử nhi bất nhân giả hữu hĩ phù! Vị hữu tiểu nhân nhi nhân giả dã”.

XIV.7

Tử viết: “Ái chi, năng vật lao hồ? Trung yên, năng vật hối hồ?”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Yêu ai mà không dạy người đó chịu khó nhọc ư? Trung với ai mà không khuyên người đó theo điều chính ư?”.

XIV.8

Tử viết: “Vi mệnh, Tì Thâm thảo sang chi, Thê Thúc thảo luận chi, hành nhân Tử Vũ tu sức chi, Đông Lý Tử Sản nhuận sắc chi”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Khi (nước Trịnh) làm từ lệnh ngoại giao thì giao Tì Thâm khởi thảo, Thê Thúc thảo luận thêm, quan coi việc đi sứ là Tử Vũ sửa chữa, Tử Sản ở Đông Lý nhuận sắc lại”.

XIV.9

Hoặc vẫn Tử Sản. Tử viết: “Huệ nhân dã”. Vẫn Tử Tây. Viết: “Bỉ tai! Bỉ tai!”. Vẫn Quán Trọng. Viết: “Nhân dã. Đoạt Bá Thị Biền áp tam bách phạm sơ tự, một xỉ, vô oán ngôn”.

Dịch.- Có người hỏi về Tử. Khổng tử đáp: “Một người nhân từ, yêu dân”. Hỏi về Tử Tây. Đáp: “Con người ấy! con người ấy!” (có ý chê). Hỏi về Quán Trọng. Đáp: “Một người đặc biệt (các sách giảng là một người có công lớn với nước Tề). Vua (Hoàn Công) nước Tề lấy ấp Biền gồm ba trăm hộ của Bá Thị thưởng cho ông ấy, Bá Thị (hoá nghèo) phải ăn uống đạm bạc, vậy mà tới

chết không hề oán hận.

Chú thích. – Các sách xưa chú thích Tử Tây là một lệnh doãn của nước Sở; nhưng các nhà gần đây cho là một đại phu nước Trịnh nổi chức Tử Sản, khi Tử Sản chết. Thuyết sau có phần đúng. Vì người hỏi chắc có ý muốn so sánh ba vị tướng quốc: Quản Trọng tướng quốc nước Tề, hai người kia là tướng quốc nước Trịnh.

XIV.10

Tử viết: “Bần nhi vô oán, nan; phú nhi vô kiêu, dị”.

Dịch. - Khổng tử nói: “Nghèo mà không oán hận, điều đó khó; giàu mà không kiêu căng, dễ hơn”.

XIV.11

Tử viết: “Mạnh Công Xước vi Triệu, Ngụy lão tắc ưu, bất khả dĩ vi Đằng, Tiết đại phu”.

Dịch. - Khổng tử nói: “Mạnh Công Xước làm gia thần cho họ Triệu, họ Ngụy thì rất tốt, làm đại phu nước Đằng, nước Tiết thì không được”.

Chú thích. – Triệu và Ngụy là hai đại phu nước Tấn. Tiết, Đằng là hai nước nhỏ thời đó. Khổng tử cho Mạnh Công Xước là có đức mà thiếu tài.

XIV.12

Tử Lộ vấn thành nhân. Tử viết: “Nhược Tang Võ Trọng chi trí, Công Xước chi bất dục, Biện Trang tử chi dũng, Nhiễm Cầu chi nghệ, văn chi dĩ lễ nhạc, diệc khả dĩ vi thành nhân hĩ”. Viết: “Kim chi thành nhân giả, hà tất nhiên? Kiến lợi tư nghĩa, kiến nguy thụ mệnh, cửu yếu bất vong bình sinh chi ngôn, diệc khả dĩ vi thành nhân hĩ?”.

Dịch. - Khổng tử nói: “Tử Lộ hỏi thế nào là người hoàn toàn. Khổng tử đáp: “Thông minh sáng suốt như Tang Võ Trọng, không tham lam mà liêm khiết như (Mạnh) Công Xước, dũng cảm như Trang tử ấp Biện, tài nghệ như Nhiễm Cầu, lại học thêm lễ nghĩa, thấy nguy thì không tiếc tánh mệnh, ước hẹn với ai từ lâu mà vẫn không quên, như thế cũng có thể thành người hoàn toàn được”.

Chú thích. – Tang Võ Trọng là con của Tang Văn Trọng trong bài V.17. Trang tử là dũng sĩ nước Lỗ.

XIV.13

Tử vấn Công Thúc Văn Tử ư Công Minh Giả viết: “Tín hồ? Phu tử bất ngôn, bất tiểu, bất thủ hồ?”. Công Minh Cổ đối viết: “Dĩ cáo giả quá dã. Phu tử thời nhiên hậu ngôn, nhân bất yếm kì ngôn, lạc nhiên hậu tiểu, nhân bất yếm kì tiểu, nghĩa nhiên hậu thủ, nhân bất yếm kì thủ. Tử viết: “Kì nhiên? Khởi kì nhiên hồ?”.

Dịch.- Khổng tử hỏi Công Minh Giả (người Vệ) về Công Thúc Văn Tử (một đại phu nước Vệ): “Có thực là Công Thúc Văn Tử không nói, không cười, không nhận vật tặng, phải không?” Công Minh Giả đáp: “Người nào nói vậy là quá đáng. Ông Công Thúc Văn Tử khi đáng nói mới nói nên người ta nghe mà không chán; có vui mới cười nên người ta thấy cười mà không chán; đáng nhận vật gì thì mới nhận nên người ta thấy ông nhận mà không chê”. Khổng tử nói: “Thật vậy ư? Có thể thật như vậy được ư?”.

XIV.14

Tử viết: “Tang Võ Trọng dĩ Phòng cầu vi hậu ư Lỗ, tuy viết bất yêu quân, ngô bất tín dã”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Tang Võ Trọng lấy ấp Phòng để xin vua Lỗ cho con cháu mình làm chủ ấp đó, tuy là nói là không yêu sách vua, ta cũng không tin”.

XIV.15

Tử viết: “Tân Văn Công quyết nhi bất chính, Hoàn công chính nhi bất quyết”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Tân Văn Công xảo quyết mà không chính đại; Tề Hoàn Công chính đại mà không xảo quyết”.

Chú thích. – Tân Văn Công và Tề Hoàn Công đều là những “Bá” đời Xuân Thu.

XIV.16

Tử Lộ viết: “Hoàn Công sát công tử Củ, Triệu Hốt tử chi, Quản Trọng bất tử”. Viết: Vị nhân hồ?”. Tử viết: “Hoàn Công cửu hợp chư hầu, bắt dĩ binh xa, Quản Trọng chi lực dã. Như kì nhân, như kì nhân?”.

Dịch.- Tử Lộ bảo: “(Tề) Hoàn Công giết công tử Củ, Thiệu Hốt chết theo công tử Củ, Quản Trọng thì không”. Rồi lại nói: “Như vậy Quản Trọng chưa đáng gọi là nhân chăng?” Khổng tử nói: “Hoàn Công chín lần hợp chư hầu mà không phải dùng võ lực uy hiếp họ, đó là tài sức của Quản Trọng. Nhân đức của ông ấy ở đó, nhân đức của ông ấy ở đó”.

Chú thích. – Thiệu Hốt và Quản Trọng đều thờ công tử Củ, em Tề Hoà Công. Công tử Củ bị Hoàn Công giết vì tranh quyền với mình. Thiệu Hốt chết theo chúa. Quản Trọng đã không chết theo chúa, lại còn làm tướng quốc giúp cho Hoàn Công nữa. Vì vậy Tử Lộ chê là bất nhân. Khổng tử cho việc chết theo chúa đó là cái tiết tháo nhỏ, mà khen Quản Trọng không dùng võ lực mà dân được yên ổn, nhân đức của của Quản Trọng ở đó. Quan niệm trung quân của ông rộng rãi chứ không hẹp hòi như đời sau. Giúp dân giúp nước, điều đó quan trọng hơn giữ tiết với vua. “Cửu hợp chư hầu”: chín lần hợp chư hầu; thực ra là mười một lần, có lẽ chữ *cửu* [九] (chín) nên sửa là chữ *cử* [糾] (kết hợp) thì phải hơn. Câu cuối có người dịch là: “Ai mà nhân đức được bằng ông ấy”.

XIV.17

Tử Công viết: “Quản Trọng phi nhân giả dư? Hoàn Công sát công tử Củ, bất năng tử, hựu tướng

chi?”. Tử viết: “Quản Trọng tướng Hoàn Công, bá chư hầu, nhất khuông thiên hạ, dân đảo vu kim thụ kì tử. Vì Quản Trọng, ngô kì bí phát, tả nhẫm hĩ. Khởi nhược thất phu, thất phụ chi vi lượng dã, tự kinh ư câu độc nhi mặc chi tri dã?”.

Dịch.- Tử Cống bảo: “Quản Trọng không phải là người nhân chăng? Hoàn Công giết công tử Củ, Quản Trọng không chết theo mà còn làm tướng quốc cho Hoàn Công”. Khổng tử nói: “Quản Trọng giúp Hoàn Công, khiến Hoàn Công làm bá (lãnh tụ) các chư hầu, thiên hạ qui về một mối, nhân dân đến nay còn mang ơn ông. Nếu không có ông thì chúng ta ngày nay phải gióc tóc, mặc áo có vạt bên trái (như Di, Địch) rồi. Ông há phải như bọn thất phu, thất phụ tầm thường, tự treo cổ nơi ngòi, rãnh mà chẳng ai biết tới ư?”.

XIV.18

Công Thúc Văn Tử chi thần đại phu Soạn, dữ Văn tử đồng thăng chư công. Tử văn chi, viết: “Khả dĩ vi văn hĩ”.

Dịch.- Đại phu Soạn là gia thân của Công Thúc Văn tử, nhờ Văn tử tiến cử mà cùng Văn tử được thăng làm đại phu ở triều đình. Khổng tử hay tin đó, bảo: “(Công Thúc Văn tử) đáng được đặt tên thụy là Văn”.

XIV.19

Tử ngôn Vệ Linh Công chi vô đạo dã. Khang Tử viết: “Phù như thị, hề nhi bất táng?”. Khổng tử viết: “Trọng Thúc Ngữ tri tân khách, Chúc Đà tri tôn miếu, Vương Tôn Giả tri quân lữ. Phù như thị, hề kì táng?”.

Dịch.- Khổng tử nói về chuyện vua Vệ Linh Công là người vô đạo. Khang tử hỏi: “Như vậy sao không mất ngôi vua?”. Khổng tử đáp: “Có Trọng Thúc Ngữ coi việc ngoại giao, Chúc Đà coi việc tế tự, Vương Tôn Giả coi việc quân. Dùng người như vậy, sao mất ngôi được?”.

Chú thích. – Khang tử là Quý Khang tử, đại phu nước Lỗ.

XIV.20

Tử viết: “Kì ngôn chi bất tạc tắc vi chi dã nan”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Nói khoác lác mà không thẹn thì khó làm được như lời mình nói”.

XIV.21

Trần Thành tử thí Giản Công. Khổng tử mộc dục nhi triều, cáo ư Ai Công viết: “Trần Hằng thí kì quân, thỉnh thảo chi?”. Công viết: “Cáo phù tam tử!”. Khổng Tử viết: “Dĩ ngô tông đại phu chi hậu, bất cảm bất cáo dã. Quân viết: “Cáo phu tam tử giả!”. Chi tam tử cáo bất khả. Khổng tử viết: “Dĩ ngô tông đại phu chi hậu, bất cảm bất cáo dã”.

Dịch.- Trần Thành tử (tên Hằng, đại phu nước Tề) giết Giản Công (vua Tề). Khổng tử (đã về trí sĩ ở Lỗ) tắm gội rồi vào triều tâu với Lỗ Ai Công: “Trần Hằng giết vua, xin xuất binh hỏi tội”.

hắn”. Ai Công nói: “Ông nên nói với ba nhà (tức ba quyền thần Mạnh Tôn, Thúc Tôn, Quí Tôn)”. Khổng tử ra đi, nói: “Vì tôi đi sau hàng đại phu nên không dám tâu việc ấy với vua. Vua bảo nên nói với ba nhà”. Đi nói với ba nhà, không ai chịu. Khổng tử đi về nói: “Vì tôi theo sau hàng đại phu, nên không dám không báo cáo việc ấy”.

XIV.22

Tử Lộ vấn sự quân. Tử viết: “Vật khi dã, nhi phạm chi”.

Dịch.- Tử Lộ hỏi về việc thờ vua. Khổng tử đáp: “Không nên lừa gạt vua, nhưng không ngại xúc phạm vua (mà phải giám can gián)”.

XIV.23

Tử viết: “Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Người quân tử hướng lên cao (đạo đức) mà mong đạt tới; kẻ tiểu nhân hướng xuống thấp (tài lợi) mà mong đạt được”.

XIV.24

Tử viết: “Cổ chi học giả vị kỉ, kim chi học giả vị nhân”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Người xưa học vì mình, người đời nay học vì người (nghĩa là cho người ta biết tới mình)”.

XIV.25

Cừ Bá Ngọc sử nhân ư Khổng tử. Khổng tử dữ chi tọa nhi vấn yên, viết: “Phu tử hà vi?”. Đối viết: “Phu tử dục quả kì quả nhi vị năng dã”. Sứ giả xuất, Tử viết: “Sứ hồ! sứ hồ!”.

Dịch.- Cừ Bá Ngọc (đại phu nước Vệ, tuổi cao, đức lớn, khi Khổng tử tới Vệ, thường ở nhà ông ấy) sai người lại thăm Khổng tử. Khổng tử mời người đó ngồi, rồi hỏi: “Cừ phu tử lúc này làm gì?”. Người đó đáp: “Phu tử muốn bớt làm lỗi đi mà chưa được”. Khi người đó ra về, Khổng tử khen: “Người đi sứ đó giỏi! người đi sứ đó giỏi!”.

XIV.26

Tử viết: “Bất tại kì vị, bất mưu kì chính”. (Đoạn này trùng với bài VIII.14, không dịch lại). Tăng tử viết: “Quân tử tư bất xuất kì vị”.

Dịch.- Tăng tử nói: “Người quân tử nghĩ ngợi trong chức vụ của mình”.

Chú thích. – Câu này có ý nghĩa như câu trên nên sắp chung một bài.

XIV.27

Tử viết: “Quân tử sĩ kì ngôn nhi quá kì hành”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Người quân tử thẹn rằng nói nhiều mà làm ít”.

Chú thích. – Có người hiểu rằng: “Người quân tử hổ thẹn, rụt rè về lời nói mà cố gắng gỏi, cố sức về việc làm”.

XIV.28

Tử viết: “Quân tử đạo giả tam, ngã vô năng yên: nhân giả bất ưu, trí giả bất hoặc, dũng giả bất cụ”. Tử Cống viết: “Phu tử tự đạo dã”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Đạo người quân tử gồm có ba mà ta chưa làm được: người nhân không lo buồn, người trí không nghi hoặc, người dũng không sợ hãi”. Tử Cống nói: “Thầy tự nói khiêm như vậy đấy. (Thầy nói về thầy đấy)”.

XIV.29

Tử Cống phương nhân. Tử viết: “Tứ dã, hiền hồ tai? Phù ngã tắc bất hạ”.

Dịch.- Tử Cống hay so sánh người này với người khác. Khổng tử nói: “Anh Tứ giỏi thế ư? Ta thì không rảnh để so sánh người”.

XIV.30

Tử viết: “Bất hoạn nhân chi bất kĩ tri, hoạn kì bất năng dã”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Đừng lo không ai biết mình, chỉ lo mình không có tài đức để người ta biết đến”.

Hiển, tức Nguyên Hiển, tự Tử Tử, học trò của Khổng tử. (Goldfish).

Câu này trong ebook nguồn không có lời dịch. (Goldfish).

Chữ 糾 này tôi chép theo bài đăng trên trang (bài này còn nêu một thuyết nữa là chữ “cửu” có nghĩa là con số cực lớn: “cửu giả số chi cực” 九者數之極); còn Từ điển Thiều Chửu thì chép là: 糾 (Từ điển này giảng chữ “cửu” như sau: “(...) Một âm là “cửu” 九 hợp, như “Hoàn Công cửu hợp chư hầu” 桓公九合諸侯 vua Hoàn Công tụ họp các chư hầu, cùng nghĩa với chữ “cử” 糾). (Goldfish).

Ý nói Quản Trọng có công chống Di, Địch. Coi tiểu sử Quản Trọng trong “*Giương danh nhân*” của chúng tôi xuất bản năm 1959.

Xem lại bài V.14. (Goldfish).

XIV.31

Tử viết: “Bất nghịch trá, bất ức bất tín, ức diệt tiên giác giả, thị hiền hồ!”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Không tiên liệu rằng người ta gạt mình, đừng ức đoán người ta không tin mình, nhưng khi gặp những người như vậy, mình biết được ngay, như vậy là hiền đấy!”.

XIV.32

Vì Sinh Mẫu vì Khổng tử viết: “Khâu hà vi thị thê thê giả dư? Vô nãi vi nịnh hồ? Khổng tử viết: “Phi cảm vi nịnh dã, tật cố dã”.

Dịch.- Vì Sinh Mẫu nói với Khổng tử: “Này Khâu, sao ông không ở yên mà cứ lằng xằng đi du thuyết như vậy? Ông muốn tỏ cái khẩu tài của mình chăng?”. Khổng tử đáp: “Tôi không dám tỏ khẩu tài, chỉ ghét hạng người ngoan cố thôi”.

XIV.33

Tử viết: “Kí bất xung kì lực, xung kì đức dã”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Người ta khen con ngựa kĩ không phải vì nó có sức mà vì nó thuần lương”.

XIV.34

Hoặc viết: “Dĩ đức báo oán, hà như?”. Tử viết: “Hà dĩ báo đức? Dĩ trực báo oán, dĩ đức báo đức”.

Dịch.- Có người nói: “Lấy đức mà báo oán, nên không?”. Khổng tử đáp: “Thế thì lấy gì báo đức? Cứ chính trực mà báo oán, và lấy đức mà báo đức (lấy ân huệ để đáp ân huệ)”.

XIV.35

Tử viết: “Mạc ngã tri dã phù!”. Tử Cống viết: “Hà vi kì mạc tri tử dã?”. Tử viết: “Bất oán thiên, bất vuơ nhân, hạ học nhi thượng đạt, tri ngã giả kì thiên hồ!”.

Dịch.- Khổng tử than: “Không có ai hiểu ta cả!”. Tử Cống hỏi: “Sao thầy lại than không ai hiểu thầy?”. Khổng tử đáp: “Ta không oán trời, không trách người, học từ việc thấp là nhân sự mà đạt lên tới thiên lí. Hiểu ta chỉ có trời chăng?”.

Chú thích. – Theo Sử kí của Tư Mã Thiên thì Khổng tử than như vậy sau khi xảy ra việc bắt được con lân, ông biết rằng đạo ông không dùng được.

XIV.36

Công Bá Liêu tố Tử Lộ ư Quý Tôn. Tử Phục Cảnh Bá dĩ cáo viết: “Phu tử cố hữu hoặc chí ư Công Bá Liêu, ngô lực do năng tứ chư thị triều”. Tử viết: Đạo chi tương hành dã dư, mệnh dã;

đạo chi tương phé đã dư, mệnh đã. Công Bá Liêu kì như mệnh hà!”.

Dịch.- Công Bá Liêu (một đại phu nước Lỗ) gièm pha Tử Lộ với Quý Tôn (quyền thần của Lỗ). Tử Phục Cảnh Bá nói với Khổng tử: “Phu tử (tức Quý Tôn) nghi ngờ Tử Lộ vì lời gièm pha của Công Bá Liêu. Tôi có đủ sức (biện oan cho Tử Lộ) làm cho Công Bá Liêu bị giết chết, bị bêu thây ở chợ hoặc triều đình”. Khổng tử nói: “Đạo (tôi) mà thi hành được là do mệnh trời, hay bị bỏ phé cũng do mệnh trời. Công Bá Liêu làm sao đổi được mệnh trời?”.

Chú thích. – Tử Lộ giúp Quý Tôn để thi hành đạo của Khổng.

XIV.37

Tử viết: “Hiền giả tị thế, kì thứ tị địa, kì thứ tị sắc, kì thứ tị ngôn”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Bậc hiền nhân tránh đời mà ở ẩn, hạ thấp hơn tránh nước loạn mà qua nước khác, hạ thấp hơn nữa tránh những kẻ không có lễ độ, hạ cuối tránh những lời nói không hợp ý mình”.

Chú thích. – Khổng tử tuy nói theo thứ tự trước sau, nhưng không có ý phân biệt cao thấp, chỉ là tùy cảnh ngộ mà thôi. Như câu “bang vô đạo tắc ẩn” là trường hợp thứ nhất; câu “loạn bang bất cư” là trường hợp thứ nhì; câu “lễ mao suy bất khứ chi” trong Mạnh tử - Cáo tử hạ - là trường hợp thứ ba; trường hợp cuối cùng như khi Tề Cảnh Công báo với Khổng tử rằng mình già rồi, không thi hành được chính sách của Khổng tử và Khổng tử bỏ đi – bài XVIII.3 ở sau.

XIV.38

Tử viết: “Tác giả thất nhân hĩ”.

Dịch.- Khổng tử nói: “(Nước Lỗ đã có) bảy người hành động như vậy rồi (tức đi ở ẩn)”.

Chú thích. – Bài này nối tiếp với bài ở trên. Có người giảng “tác” [作] là đứng dậy (bỏ đi ở ẩn) – Không rõ bảy người đó là ai, mỗi thuyết một khác.

XIV.39

Tử Lộ tức ư Thạch Môn. Thần môn viết: “Hề tự?” Tử Lộ viết: “Tự Khổng thị”. Viết: “Thị tri kì bất khả nhi vi chi giả dữ?”.

Dịch.- Tử Lộ nghỉ đêm ở Thạch môn (ở ngoại thành nước Lỗ). Người mở cửa thành buổi sáng hỏi: “Ông ở đâu đến đây?”. Tử Lộ đáp: “Từ nhà họ Khổng đến”. Người đó nói: “Có phải cái ông biết không thể làm được mà vẫn cứ làm không?”.

XIV.40

Tử kích khánh ư Vệ, hữu hà quĩ nhi quá khổng thị chi môn giả, viết: “Hữu tâm tai, kích khánh hồ”. Kỉ nhi viết: “Bỉ tai! Khanh khanh hồ! Mạc kỉ tri dã, tư dĩ nhi dĩ hĩ”. Thâm tắc lệ, thiển tắc khô. Tử viết: “Quả tai! Mạc chi nạn hĩ”.

Dịch. - Không tử đang đánh cái cái khánh (bằng đá) ở nước Vệ, có người vác sọt cỏ đi qua cửa, bảo: “Có hảo ý thay, người đánh khánh đó!”. Rồi người ấy lại nói: “Bỉ lậu thay! Tiếng khánh lạnh lạnh ấy! Người ta đã không biết mình thì thôi, đi cho xong. (Kinh Thi, Bội phong có câu): “Lội nước sâu thì để cả áo, lội nước cạn thì vén áo lên”. Không tử nghe được bảo: “Ý người ta kiên quyết thật! Ta cũng chẳng cãi người đó làm gì”.

Chú thích. – Nhiều sách cho chữ [難] đọc là nan và giảng câu cuối như sau: “Quả thật là người quên đời (hoặc: Quả thật như vậy ư?). Muốn như thế thì không khó gì”; hoặc: “Người ấy quả quyết, gắt gỏng thay! Đã chẳng nghĩ đến nhân tâm thế đạo thì đời sống có khó gì?”.

XIV.41

Tử Trương viết: “Thư vân: “Cao tôn lượng âm, tam niên bất ngôn. Hà vị dã?”. Tử viết: Hà tất Cao Tôn? Cổ chi nhân giai nhiên. Quân hoăng, bách quan tổng kỉ, dĩ thính ư trung tể, tam niên”.

Dịch. - Tử Trương hỏi: “Kinh Thư có câu: “Ông Cao Tôn để tang, ở cái nhà tang, ba năm không nói đến việc nước”. Thế nghĩa là sao?”. Không tử đáp: “Nào riêng gì vua Cao Tôn, người xưa đều như vậy cả. Vua cũ mất, trăm quan đều lo chức vụ của mình dưới lệnh của tể tướng, như vậy ba năm (trong khi vua mới cư tang)”.

Chú thích. – Cõi việc Đổng Văn Công để tang cho cha theo đạo Nho, trong *Mạnh tử* - Đổng Văn Công thượng, bài 2).

XIV.42

Tử viết: “Thượng hiếu lễ tắc dân dị sử dã”.

Dịch. - Không tử nói: “Người trên ham lễ nghĩa thì dân dễ sai khiến”.

XIV.43

Tử Lộ vấn quân tử, Tử viết: “Tu kĩ dĩ kính” - Viết: “Nhu tư nhi dĩ hồ?”. Viết: “Tu kĩ dĩ an nhân”. Viết: “Nhu tư nhi dĩ hồ?”. Viết: “Tu kĩ dĩ an bách tính. Tu kĩ dĩ an bách tính, Nghiêu Thuấn kì do bệnh chư?”.

Dịch. - Tử Lộ hỏi thế nào là quân tử. Không tử đáp: “Sửa mình thành kính cẩn”. Tử Lộ lại hỏi: “Chỉ có vậy thôi ư?”. Không tử đáp: “Sửa mình cho người khác được yên trị”. Lại hỏi: “Chỉ có vậy thôi ư?”. Đáp: “Sửa mình để cho trăm họ yên trị. Sửa mình mà trăm họ yên trị, dẫu Nghiêu, Thuấn e cũng khó làm được thay”.

XIV.44

Nguyên nhượng di sĩ. Tử viết: “Áu nhi bất tồn đề, trưởng nhi vô thuật yên, lão nhi bất tử, thị vi tặc”. Dĩ trượng khẩu kì hĩnh”.

Dịch. - Nguyên Nhượng (một bạn già của Không tử) ngồi xoạc chân ra đợi Không tử. Không tử

nói: “Hồi nhỏ anh không biết kính thuận người lớn; lớn lên không làm được gì đáng khen; già rồi mà không chết. Như vậy chỉ báo hại người ta thôi”. Nói rồi lấy gậy gõ vào ống chân của Nguyễn Nhưông”.

Chú thích. – Nguyễn Nhưông là con người phóng túng, bỏ cả lễ phép.

XIV.45

Khuyết đảng đồng, tử tương mệnh. Hoặc vấn chi viết: “Ích giả dư?”. Tử viết: “Ngô kiến kì cư ư vị dã, kiến kì dư tiên sinh tịnh hành dã. Phi cầu ích giả dã, dục tốc thành giả dã”.

Dịch. - Một đứa trẻ làng Khuyết được Khổng tử sai trong việc truyền đạt lời ông, mỗi khi có khách khứa. Có người hỏi: “Thằng bé đó học đã tán ích ư?”. Khổng tử đáp: “Tôi thấy nó ngồi cùng chỗ với người lớn. Như vậy là nó không tiến bộ lần lần, mà muốn mau thành người lớn, nên tôi sai nó vậy cho nó biết lễ phép”.

Vi Sinh Mẫu: một ẩn sĩ ở nước Lỗ. (Goldfish).

Tị: nguyên văn chữ Hán của bốn chữ “tị” này 辟 (Thiệu Chửu đọc là “tịch”). Theo trang thi chữ 辟 “đồng” với chữ 避 (đọc là “tị”). (Goldfish).

Khê: nguyên văn chữ Hán là 揭, chữ này Thiệu Chửu đọc là “yết”. (Goldfish).

THIÊN XV

VỆ LINH CÔNG

XV.1

Vệ Linh Công vấn trần ư Khổng tử. Khổng tử đối viết: “Trở đậu chi sự, tắc thường văn chi hĩ, quân lữ chi sự, vị chi học dã”. Minh nhật toại hành. Tại Trần tuyệt lương, tòng giả bệnh, mạc năng hưng. Tử Lộ uẩn hiện, viết: “Quân tử diệc hữu cùng hồ?”. Tử viết: “Quân tử cố cùng, tiểu nhân cùng tư lam hĩ”.

Dịch. – Vua Vệ Linh Công hỏi Khổng tử về chiến trận. Khổng tử đáp: “Về việc tế tự, lễ khí thì tôi đã từng nghe được, còn về quân lữ thì tôi chưa học”. Sáng hôm sau, ông rời nước Vệ. Ở nước Trần ông bị hết lương, các môn sinh theo hầu bị bệnh, không ngồi dậy được. Tử Lộ uẩn hiện, hỏi ông: “Người quân tử cũng có khi cùng khốn ư?”. Khổng tử đáp: “Người quân tử có khi cùng khốn cũng là lẽ cố nhiên (hoặc: người quân tử có khi khốn cùng thì cố giữ tư cách của mình); kẻ tiểu nhân khốn cùng thì phóng túng, làm càn”.

Chú thích. – Không hiểu tại sao hai việc trên các sách đều sắp chung vào một bài. So sánh bài này với bài IV.15 [?].

XV.2

Tử viết: “Tứ đã, nhữ dĩ dư vi đa học nhi chí chi giả dư?”. Đối viết: “Nhiên. Phi dư?”. Viết: “Phi đã, dư nhất dĩ quán chi”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Anh Tử, anh cho ta học nhiều mà nhớ hết chăng?”. Tử Cống đáp: “Vâng. Không phải vậy sao?”. Khổng tử nói: “Không phải vậy, ta tìm một điều căn bản mà khái quát, thông suốt cả”.

Chú thích. – Có người bảo chữ “quán” [貫] ở đây có nghĩa là làm, tập. Nhất dĩ quán chi là ghi nhớ điều tai nghe rồi lấy “thực tiễn” (tức quán) làm căn bản. Thuyết này khó tin được.

XV.3

Tử viết: “Do, tri đức giả tiên hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Anh Do (Tử Lộ) người biết đạo đức (nghĩa lí) ít lắm”.

XV.4

Tử viết: “Vô vi nhi trị giả, kì Thuần đã dư! Phù hà vi tai? Cung kí chính Nam diện nhi dĩ hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Không làm gì mà thiên hạ bình trị, là vua Thuần đấy chăng? Chỉ kính cần, đoan chính quay mặt về phương Nam (ngồi trên ngai) thế thôi”. (Nhờ khéo giáo hoá và có bề tôi hiền).

XV.5

Tử Trương vấn hành. Tử viết: “Ngôn trung tín, hành đốc kính, tuy Man, Mạch chi bang, hành hĩ. Ngôn bất trung tín, hành bất đốc kính, tuy châu lí, hành hồ tai? Lập, tắc kiến kì tham ư tiền dã, tại dư tắc kiến kì ỷ ư hành dã, phù nhiên hậu hành”. Tử trương thư chư thân.

Dịch. – Tử Trương hỏi làm cách nào đi đâu cũng trót lọt. Khổng tử đáp: Lời nói trung thực, đáng tin, hành vi phải thân thiết, kính cẩn, như vậy dù đến nước Man, nước Mạch (các nước lạc hậu ở phương Nam, phương Bắc) cũng trót lọt. Lời nói không trung thực, đáng tin, hành vi không thân thiết, kính cẩn, thì dù ở trong làng, trong châu (một châu gồm 2500 nhà) của mình cũng làm sao trót lọt được? Khi đứng, thấy cái ta mới nói đó như trước mặt; khi ngồi xe, thấy nó dựa trên cái ách. Phải như vậy rồi mới trót lọt”. Tử Trương chép ngay vào dây đai.

XV.6

Tử viết: “Trục tai, Sử Ngư! Bang hữu đạo như thi, bang vô đạo như thi. Quân tử tai, Cù Bá Ngọc! Bang hữu đạo tắc sĩ, bang vô đạo tắc khả quyền nhi hoài chi”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ngay thẳng như ông Sử Ngư, nước có đạo, ông thẳng như mũi tên, nước vô đạo ông cũng thẳng như mũi tên. Quân tử thay ông Cù Bá Ngọc! Nước có đạo thì làm quan, nước vô đạo thì lui về ở ẩn (dịch từng chữ là thu cái tài của mình mà cất đi)”.

Chú thích. – Sử Ngự là một đại phu của nước Vệ. – Cừ Bá Ngọc cũng là một đại phu của nước Vệ, coi bài XIV.25.

XV.7

Tử viết: “Khả dữ ngôn, nhi bất dữ chi ngôn, thất nhân; bất khả dữ ngôn nhi dữ chi ngôn, thất ngôn. Trí giả bất thất nhân, diệc bất thất ngôn”.

Dịch. – *Khổng tử nói: “Đáng nói chuyện với ai mà không nói, là mất một người (tốt). Không đáng nói chuyện với ai mà nói, là phí lời. Người sáng suốt không bỏ mất người, cũng không phí lời”.*

XV.8

Tử viết: “Chí sĩ, nhân nhân, vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân”.

Dịch. – *Khổng tử nói: “Người sĩ có chí và người có đức nhân không cầu sống mà làm hại điều nhân, mà có khi hi sinh tính mạng để thành điều nhân”.*

XV.9

Tử Công vấn vi nhân. Tử viết: “Công dục thiện kì sự, tất tiên lợi kì khí. Cư thị bang dã, sự kì đại phu chi hiền giả, hữu kì sĩ chi nhân giả”.

Dịch. – *Tử Công hỏi về sự tu dưỡng đức nhân. Khổng tử đáp: “Người thợ muốn làm việc cho khéo thì trước hết phải có đồ dùng tốt. (Cũng vậy, muốn tu dưỡng đức nhân, cần có thầy, bạn). Ở nước nào thì tìm ông đại phu nào hiền mà thờ, tìm người nhân mà làm bạn”.*

XV.10

Nhan Uyên vấn vi bang. Tử viết: “Hành Hạ chi thời, thừa Ân chi lộ, phục Chu chi miện, nhạc tấu Thiệu Vũ. Phóng Trịnh thanh, viễn nịnh nhân. Trịnh thanh dâm, nịnh nhân đãi”.

Dịch. – *Nhan Uyên hỏi về phép trị nước. Khổng tử đáp: “Theo lịch nhà Hạ, ngồi xe nhà Ân, đội mũ miện nhà Chu, nhạc thì theo nhạc Thiệu và Vũ. Cầm giọng hát nước Trịnh, xa kẻ nịnh. Giọng hát nước Trịnh dâm, kẻ nịnh nguy hiểm”.*

XV.11

Tử viết: “Nhân vô viễn lự tất hữu cận ưu”.

Dịch. – *Khổng tử nói: “Không lo xa thì tất có cái buồn gần”.*

XV.12

Tử viết: “Dĩ hĩ hồ, ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã”.

(Bài này trùng với bài IX.17, chỉ thêm ba chữ: *Dĩ hĩ hồ* nghĩa là: Thôi đi hết mong rồi)

XV.13

Tử viết: “Tang Văn Trọng, kì thiết vị giả chi? Tri Liễu Hạ Huệ chi hiền nhi bất dữ vị dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Tang Văn Trọng đã trộm chức vị đó chăng? (Không xứng, không làm tròn chức vị). Biết ông Liễu Hạ Huệ là người hiền mà không tiến cử ông ấy đứng ở triều đình với mình”.

Chú thích. – Liễu Hạ Huệ, người Lỗ, họ Triền, tên Hoạch, ở xứ Liễu Hạ, có nhân đức.

XV.14

Tử viết: “Cung tự hậu nhi bạc trách ư nhân, tắc viễn oán hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Trách mình thì nghiêm, trách người thì nhẹ, như vậy tránh được oán. (Người không oán mình mà mình cũng không oán người)”.

XV.15

Tử viết: “Bất viết: “Nhu chi hà, nhu chi hà” giả, ngô mật như chi hà dã dĩ hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người nào không tự hỏi: “Làm sao đây, làm sao đây?” thì ta chẳng biết phải đối xử với người đó làm sao (chẳng có cách nào chỉ bảo cho người đó được). ”

XV.16

Tử viết: “Quần cư chung nhật, ngôn bất cập nghĩa, hiếu hành tiểu tuệ, nan hĩ tai!”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Túm tụ với nhau suốt ngày, không bàn về đạo lí mà thích làm những điều khôn vặt, thật là khó xử được (hoặc là khó tiến được)”.

XV.17

Tử viết: “Quân tử nghĩa dĩ vi chất, lễ dĩ hành chi, tốn dĩ xuất chi, tín dĩ thành chi, quân tử tai!”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử lấy nghĩa làm gốc, theo lễ mà làm, nói năng khiêm tốn, nhờ thành tín mà nên việc, như vậy thật là người quân tử”.

XV.18

Tử viết: “Quân tử bệnh vô năng yên, bất bệnh nhân chi bất kỉ tri dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử buồn vì mình không có tài năng chứ không buồn vì người ta không biết mình”.

XV.19

Tử viết: “Quân tử tậ một thể nhi danh bất xưng yên”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử hận rằng tới chết mà không ai biết tiếng mình”. (Không làm gì để người ta khen mình).

XV.20

Tử viết: “Quân tử cầu chư kị, tiểu nhân cầu chư nhân”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử cầu ở mình, kẻ tiểu nhân cầu ở người”.

XV.21

Tử viết: “Quân tử cắng nhi bất tranh, quần nhi bất đảng”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử nghiêm trang giữ lập trường mà không tranh với ai, hoà hợp (cộng tác) với mọi người mà không bè đảng”.

XV.22

Tử viết: “Quân tử bất dĩ ngôn cử nhân, bất dĩ nhân phế ngôn”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử không vì lời nói phải của một người mà đề cử người đó (vì còn xét đức hạnh của người đó nữa), không vì phẩm hạnh của người mà không nghe lời nói phải của người đó”.

XV.23

Tử Cống vẫn viết: “Hữu nhất ngôn, nhi khả dĩ chung thân hành chi giả hồ?”. Tử viết: “Kì thứ hồ! Kì sở bất dục, vật thi ư nhân”.

Dịch. – Tử Cống hỏi: “Có một chữ nào suốt đời làm theo được không?”. Khổng tử đáp: “Có lẽ là chữ “thứ” chăng? Cái gì mình không muốn thì đừng làm cho người”.

XV.24

Tử viết: “Ngô chi ư nhân dã, thùy hũy, thùy dự? (Có người đọc là dư). Như hữu sở dự giả, kì hữu sở thí hĩ. Tư dân dã, tam đại chi sở dĩ trực đạo nhi hành dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ta đối với người có chê ai, khen ai (quá đáng) đâu? Khen ai thì ta nghiệm trước đã (xem người đó có tốt không), còn chê người đời nay thì ta cứ theo đạo thẳng của ba đời (Hạ, Thương, Chu)”.

XV.25

Tử viết: “Ngô do cấp sử chi khuyết văn dã, hữu mã giả, tá nhân thừa chi. Kim vô hĩ phù”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ta còn được thấy (đời xưa) trong sách sử bỏ trống chữ để tôn nghi, và người có ngựa cho người khác mượn cưỡi (để huấn luyện giùm cho), ngày nay không còn thấy những việc ấy nữa”.

XV.26

Tử viết: “Xảo ngôn loạn đức. Tiểu bất nhẫn tắc loạn đại mưu”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Lời nói khéo thì làm bại hoại đạo đức. Việc nhỏ không nhịn được thì làm hỏng mưu lớn”.

XV.27

Tử viết: “Chúng ô chi, tất sát yên; chúng hiếu chi, tất sát yên”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Một người bị mọi người ghét thì ta phải xét xem có thật đáng ghét không; được mọi người ưa, ta cũng phải xét xem có đáng ưa không?”.

XV.28

Tử viết: “Nhân năng hoàng đạo, phi đạo hoàng nhân”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người ta có thể làm cho đạo rộng lớn lên, đạo không làm cho con người rộng lớn được”.

Chú thích. – Ý muốn nói: con người chủ động, làm cho đạo sáng thêm, rộng thêm được; nếu con người bị động, cứ cố chấp, giữ đúng đạo thì đạo chỉ làm cho con người hoá hẹp hòi thôi. Trách nhiệm ở người chứ không phải đạo.

XV.29

Tử viết: “Quá nhi bất cải, thị vị quá hĩ!”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Có lỗi mà không sửa, như vậy mới thật là có lỗi!”.

XV.30

Tử viết: “Ngô thường chung nhật bất thực, chung dạ bất tẩm, dĩ tư, vô ích, bất như học dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ta có lần suốt ngày không ăn, trọn đêm không ngủ, để suy nghĩ nhưng vô ích, không bằng học”.

XV.31

Tử viết: “Quân tử mưu đạo bất mưu thực. Canh dã, nổi tại kì trung hĩ. Học dã, lộc tại kì trung hĩ. Quân tử ưu đạo bất ưu bản”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử mưu cầu đạt đạo, chứ không mưu cầu chuyện ăn. Cày ruộng (vốn để mưu cầu việc ăn) mà có khi gặp năm mất mùa, không có ăn; còn học đạo (vốn không phải mưu cầu việc ăn) nhưng có lúc được bổng lộc. Người quân tử lo không đạt đạo chứ không lo nghèo”.

XV.32

Tử viết: “Trí cập chi, nhân bất năng thủ chi, tuy đắc chi, tất thất chi. Trí cập chi, nhân năng thủ chi, bất trang dĩ lệ chi, tắc dân bất kính. Trí cập chi, nhân năng thủ chi, trang dĩ lệ chi, động chi bất dĩ lễ, vị thiện dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Tài trí đủ để trị dân (có người hiểu là đủ để biết mọi lẽ) mà không biết dùng đức nhân để giữ dân, thì mất dân. Tài trí đủ để trị dân, biết dùng nhân nghĩa giữ dân, mà đối đãi với dân không trang nghiêm thì dân không kính. Tài trí đủ để trị dân, biết dùng nhân đức giữ dân, biết trang nghiêm đối đãi với dân, mà không biết dùng lễ cổ vũ dân theo thì chưa hoàn toàn tốt”.

Chú thích. – Bài này nói về cách trị dân: phải có tài trí, có đức nhân, thái độ trang nghiêm, giáo hoá bằng lễ.

XV.33

Tử viết: “Quân tử bất khả tiểu tri, nhi khả đại thụ dã. Tiểu nhân bất khả đại thụ nhi khả tiểu tri dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử có thể không biết việc nhỏ nhặt, nhưng có thể đảm đương được việc lớn; kẻ tiểu nhân không thể đảm đương được việc lớn, nhưng có thể biết được việc nhỏ nhặt”.

Chú thích. – Có người hiểu là: “Lấy việc nhỏ nhặt mà xét thì không biết được tài cán của người quân tử, nhưng người quân tử có thể đảm đương được việc lớn; kẻ tiểu nhân không đảm đương được việc lớn, nhưng lấy việc nhỏ nhặt mà xét thì biết được tài cán của họ”.

XV.34

Tử viết: “Dân chi ư nhân dã, thậm ư thủy hỏa. Thủy hỏa ngô kiến đạo nhi tử giả hĩ, vị kiến đạo nhân nhi tử giả dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Nhân dân đối với đạo nhân, coi đạo nhân cần thiết hơn nước lửa. Mà (nước lửa còn có khi nguy hiểm) đã có người sa xuống nước, đắm vào lửa mà chết, (chứ đạo nhân tuyệt nhiên không nguy hiểm), chưa thấy ai theo đạo nhân mà chết”.

XV.35

Tử viết: “Đương nhân, bất nhượng ư sư”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Làm điều nhân thì dầu thành mình, mình cũng không nhường”.

Chú thích. – Nhân là điều ai cũng nên làm, hết sức mà làm, không có sự tranh chấp, mà cũng không có sự nhường nhau.

XV.36

Tử viết: “Quân tử trinh, nhi bất lượng”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Người quân tử giữ vững chính nghĩa, không cố chấp điều tin nhỏ nhặt”.

XV.37

Tử viết: “Sự quân, kính kì sự nhi hậu kì thực”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Thờ vua thì phải cẩn trọng trong công việc rồi sau mới nghĩ đến bổng lộc”.

XV.38

Tử viết: “Hữu giáo vô loại”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Bất luận hạng người nào (giàu nghèo, sang hèn, thông minh, đần độn...) ta cũng dạy”.

Chú thích. – Có người dịch: Kẻ thiện hay ác, ta cũng dạy – Hiểu như vậy nghĩa quá hẹp.

XV.39

Tử viết: “Đạo bất đồng, bất tương vi mưu”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Đạo (hay chí thú) không giống nhau, thì không mưu tính với nhau được”.

XV.40

Tử viết: “Tù đạt nhi dĩ hĩ”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Lời cốt diễn đạt đủ ý thì thôi”.

XV.41

Sư Miện hiện. Cập giai, Tử viết: “Giai dã”. Cập tịch, Tử viết: “Tịch dã”. Giai tọa, Tử cáo chi viết: “Mỗ tại tư, mỗ tại tư”. Sư Miện xuất. Tử Trương vẫn viết: Dữ sư ngôn chi đạo dư?”. Tử

viết: “Nhiên. Cổ tướng sư chi đạo dã”.

Dịch. – Nhạc sư (mù) tên Miện đến thăm. Bước gần đến thềm, Khổng tử nói: “Đây là thềm”. Bước gần tới chiếu, Khổng tử nói: “Đây là chiếu”. Mọi người đều ngồi rồi, Khổng tử nói với nhạc sư: “Ông chỗ ngồi kia, ông chỗ ngồi kia”. Nhạc sư ra về rồi, Tử Trương hỏi: “Phép nói với nhạc sư như vậy phải không?”. Khổng tử đáp: “Phải. Đó là phép giúp, dắt dẫn nhạc sư (mù loà)”.

Chữ vũ [舞] ở đây là điệu múa. Có sách cho là chữ Thuấn [舜] in nhầm và giảng là nhạc Thiệu của vua Thuấn. Có sách lại bảo chữ vũ đó dùng như chữ võ [武], và giảng là nhạc võ (của Võ vương nhà Chu). Lịch nhà Hạ lấy tháng dần làm tháng giêng như ngày nay; lịch nhà Ân lấy tháng sừ (tức tháng chạp âm lịch ngày nay); nhà Chu lấy tháng tí (tức tháng 11 ngày nay) làm tháng giêng. Theo lịch nhà Hạ thì tiện cho nhà nông hơn. Xe nhà Ân kiên cố, không hoa mỹ như xe nhà Chu. Mũ miện nhà Chu đẹp hơn.

Có lẽ ebook nguồn chép thiếu thiếu chữ “Người” (Người không lo xa...). (Goldfish).

Chi: các bản trên mạng chép là “dur” (與). (Goldfish).

Vị: nguyên văn chữ Hán là 位; nhiều bản chép là “lập” (立). Theo trang thì hai chữ “vị” và “lập” đó là “đồng tự”. (Goldfish).

Chữ “đạo” này và chữ “đạo” sau, trong ebook nguồn đều chép là “đạo đức”. Tôi theo cuốn *Khổng tử* mà bỏ hai chữ “đức” đó đi. (Goldfish).

Ebook nguồn không có hai chữ “đĩ tư”. (Goldfish).

“Chí hướng” chép lầm thành “chí thú” chẳng? (Goldfish).

THIÊN XVI

QUÍ THỊ

XVI.1

Quý thị tương phạt Chuyên Du. Nhiễm Hữu, Quý Lộ kiến ư Khổng tử viết: “Quý thị tương hữu sự ọ Chuyên Du”. Khổng tử viết: “Cầu, vô nãi nhĩ thị quá dư? Phù Chuyên Du, tích giả tiên vương dĩ vi Đông Mông chủ, thả tại bang vực chi trung hĩ, thị xã tắc chi thần dã. Hà dĩ phạt vi? Nhiễm Hữu viết: “Phu tử dục chi, ngô nhĩ thân giả giai bất dục dã”. Khổng tử viết: “Cầu, Chu Nhâm hữu ngôn viết: “Trần lực tự liệt, bất năng giả chi”. Ngụy nhi bất trị, điền nhi bất phù, tắc tương yên dụng bị tướng hĩ. Thả nhĩ ngôn quá hĩ, hồ tị xuất ư hạp, qui ngọc hủy ư độc trung, thị thù chi quá dư?”. Nhiễm Hữu viết: “Kim phù Chuyên Du, cố nhĩ cận ư Phí, kim bất thủ, hậu thế tất vi tử tôn ư”. Khổng tử viết: “Cầu, quân tử tạt phù xã viết dục chi nhi tất vi chi từ. Khâu dã, văn hữu quốc hữu gia giả, bất hoạn quả, nhi hoạn bất quân, bất hoạn bản, nhi hoạn bất an. Cái quân

vô bản, hòa vô quả, an vô khuynh. Phù như thị, cố viễn nhân bất phục, tắc tu văn đức dĩ lai chi. Lí lai chi, tắc an chi. Kim Do dữ Cầu dã, tướng phu tử, viễn nhân bất phục nhi bất năng lai dã bang phân băng lí tích nhi bất năng thủ dã, nhi mưu động can qua ư bang nội. Ngô khủng Quý Tôn chi ư, bất tại Chuyên Du, nhi tại tiêu tường chi nội dã”.

Dịch.- Họ Quý sắp đánh Chuyên Du (một nước phụ dung của nước Lỗ, tức một nước nhỏ phụ thuộc vào Lỗ). Nhiễm Hữu và Quý Lộ (tức Tử Lộ) vào yết kiến Khổng tử, thưa: “Họ Quý sắp đánh Chuyên Du”. Khổng tử nói: “Cầu (Nhiễm Hữu), đó là cái lỗi của anh chăng? Nước Chuyên Du, tiên vương (nhà Chu) đã làm chủ tế ở núi Đông Môn, mà lại ở trong khu vực nước nhà, vậy là bề tôi của xả tắc, sao lại đem quân đánh người ta”. Nhiễm Hữu thưa: “Thầy Quý (Tôn) muốn vậy, chứ hai chúng con là gia thần không muốn”. Khổng tử mắng: “Sử thần Chu Nhâm hồi xưa bảo: “Tận lực làm chức vụ mình, nếu không được thì nên từ chức đi”. Nước nguy biến mà không biết bảo vệ, nước nghiêng ngả mà không biết chống đỡ, thì ai dùng mình giúp đỡ làm gì? Và lại, anh nói bậy rồi, (thử hỏi) con hổ, con trâu rừng (hoặc con tê ngưu) xô củi, mai rùa và ngọc quý bể nát trong rương thì thuộc về ai”. Nhiễm Hữu thưa: “Nước Chuyên Du đó thành quách kiên cố mà lại gần ấp Phí (của họ Quý). Nay họ Quý không chiếm lấy thì sẽ thành mối lo cho con cháu đời sau”. Khổng tử nói: “Này Cầu, người quân tử rất ghét kẻ viển vông này khác để biện hộ cho lòng tham của mình. Khâu này, nghe nói người có nước có nhà (tức ấp phong của đại phu) không lo nghèo thiếu mà lo sự phân phối không quân bình, không lo ít dân mà lo xả tắc không yên. Phân phối quân bình thì dân không nghèo; hoà thuận thì dân sẽ không ít, xả tắc yên ổn thì chính quyền không nghiêng đổ. Như vậy mà người ở xa không phục thì sửa văn đức để người ta đến với mình, họ đến với mình rồi làm sao cho họ được yên ổn. Nay anh Do (Tử Lộ) và anh Cầu giúp phu tử họ Quý, người ở xa không phục mà không biết làm cho người ta đến với mình, nước chia rẽ lìa tan mà không biết bảo vệ, lại tính gây chiến ở trong nước, ta e rằng mối lo con cháu họ Quý không phải ở nước Chuyên Du đâu mà ở ngay sau bức bình phong (tức ngay trong nhà) đấy”.

Chú thích. – Bài này chúng tôi dịch trong cuốn Nhà giáo họ Khổng (Cảo Thơm, 1972), nay dịch lại. Coi lời phê bình văn tắt của chúng tôi trong Nhà giáo họ Khổng, tr.63.

XVI.2

Khổng Tử viết: “Thiên hạ hữu đạo, tắc lễ nhạc, chinh phạt tự thiên tử xuất; thiên hạ vô đạo, tắc lễ nhạc, chinh phạt tự chư hầu xuất. Tự chư hầu xuất, cái thập thế hi bất thất hĩ. Tự đại phu xuất, ngũ thế hi bất thất hĩ; bồi thần chấp quốc mệnh, tam thế hi bất thất hĩ. Thiên hạ hữu đạo, tắc chính bất tại đại phu! Thiên hạ hữu đạo, tắc thứ nhân bất nghị”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Thiên hạ có đạo (chính trị tốt) thì thiên tử định lễ nhạc, ra lệnh chinh phạt; thiên hạ vô đạo (chính trị xấu) thì vua chư hầu định lễ nhạc, ra lệnh chinh phạt. Chư hầu quyết định, ra lệnh thì được khoảng mười đời, ít khi không mất nước. Đại phu quyết định, ra lệnh thì được khoảng năm đời, ít khi không mất nước; gia thần nắm quốc chính thì được khoảng ba đời, ít khi không mất nước. Thiên hạ có đạo thì chính quyền không ở trong tay đại phu. Thiên hạ có đạo thì dân thường không bàn riêng việc nước.

XVI.3

Tử viết: “Lộc chi khứ công thất ngũ thế hĩ, chính đãi ư đại phu tứ thế hĩ, cố phu Tam Hoàn chi tử

tôn vi hĩ”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Quyền ban tước lộc không thuộc về công thất (nhà vua nước Lỗ) đã năm đời rồi, quốc chính ở trong tay đại phu đã bốn đời rồi, nên con cháu Tam Hoàn đã suy vi rồi”.

Chú thích. – Tam Hoàn trở Quý thị, Mạnh thị, Thúc thị: ba họ đều là hậu duệ của Lỗ Hoàn Công, cho nên gọi là Tam Hoàn.

XVI.4

Khổng tử viết: “Ích giả tam hữu, tổn giả tam hữu. Hữu trực, hữu lượng, hữu đa văn, ích hĩ. Hữu biện tịch, hữu thiện nhu, hữu biện nịnh, tổn hĩ”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Có ba hạng bạn có ích, ba hạng bạn có hại. Bạn chính trực, bạn thành tín, bạn biết nhiều là có ích. Bạn đốn ý mình, bạn khéo nịnh mình, bạn không có thực học là bạn có hại”.

XVI.5

Khổng tử viết: “Ích giả tam nhạo, tổn giả tam nhạo. Nhạo tiết, lễ, nhạc, nhạo đạo nhân chi thiện, nhạo đa hiền hữu, ích hĩ. Nhạo kiêu lạc, nhạo dật du, nhạo yển lạc, tổn hĩ”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Có ba sự ưa thích có ích, có ba sự ưa thích có hại. Thích dùng lễ nhạc để điều tiết đời sống, thích khen chỗ hay của người, thích có nhiều bạn hiền, ba cái đó có ích. Thích kiêu sa, dâm lạc, thích đăng phóng tử, thích yển tiệc vui chơi, ba cái đó có hại”.

XVI.6

Khổng tử viết: “Thị ư quân tử hữu tam khiên; ngôn vị cập chi nhi ngôn, vị chi táo; ngôn cập chi nhi bất ngôn, vị chi ần; vị kiến nhan sắc nhi ngôn, vị chi cổ”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Hầu chuyện người quân tử dễ mắc ba lỗi này: chưa đến lúc mình nói đã nói, gọi là nóng nảy; đến lúc mình nói mà không nói, gọi là giấu giếm; chưa nhìn thấy sắc mặt mà nói, gọi là mù quáng”.

XVI.7

Tử viết: “Quân tử hữu tam giới: thiếu chi thời, huyết khí vị định, giới chi tại sắc; cập kì tráng dã, huyết khí phương cương, giới chi tại đấu; cập kì lão dã, huyết khí kí suy, giới chi tại đắc”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Người quân tử có ba điều răn: Khi còn trẻ khí huyết chưa định (thân thể chưa phát triển đủ), nên răn về sắc dục; tuổi tráng niên, khí huyết cương cường, nên răn về tranh đấu; về già, khí huyết đã suy, nên răn về tính tham”.

XVI.8

Tử viết: “Quân tử hữu tam úy: úy thiên mệnh, úy đại nhân, úy thánh nhân chi ngôn. Tiểu nhân

bất tri thiên mệnh nhi bất úy dã, hiệp đại nhân, vũ thánh nhân chi ngôn”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Người quân tử có ba điều sợ: sợ mệnh trời, sợ bậc đại nhân, sợ lời nói của thánh nhân. Kẻ tiểu nhân không biết mệnh trời nên không sợ, khinh nhờn đại nhân, giấu cợt lời nói của thánh nhân”.

XVI.9

Tử viết: “Sinh nhi tri chi giả, thượng dã; học nhi tri chi giả, thứ dã; khốn nhi học chi, hựu kì thứ dã. Khốn nhi bất học, dân tư vi hạ hĩ”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Sinh ra mà đã biết là bậc trên; học rồi mới biết, là bậc thứ; gặp cảnh khốn nạn rồi mới chịu học, lại còn thấp hơn nữa. Thấp nhất là gặp cảnh khốn nạn rồi mà vẫn không chịu học”.

Chú thích. - Chữ khốn [困], có người dịch là đốt; chúng tôi nghĩ nên hiểu là gặp cảnh khốn nạn, chẳng hạn khi thất bại rồi, mà vẫn không chịu học để tránh thất bại sau thì mới là ngu nhất.

XVI.10

Tử viết: “Quân tử hữu cửu tư: thị tư minh, thính tư thông, sắc tư ôn, mao tư cung, ngôn tư trung, sự tư kính, nghị tư vấn, phần tư nan, kiến đắc tư nghĩa”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Người quân tử có chín điều xét nét: Khi trông thì chú ý để thấy cho mình bạch, khi nghe thì lắng tai nghe để nghe cho rõ, sắc mặt thì giữ cho ôn hoà, diện mạo thì giữ cho đoan trang, lời nói thì giữ cho trung thực, làm thì giữ cho kính cẩn, có điều nghi hoặc thì hỏi han, khi giận thì nghĩ tới hậu quả tai hại sẽ xảy ra, thấy mỗi lợi thì nghĩ đến điều nghĩa”.

XVI.11

Tử viết: “Kiến thiện như bất cập, kiến bất thiện nhi thám thang; ngô kiến kì nhân hĩ, ngô văn kì ngữ hĩ. Ân cư dĩ cầu kì chí, hành nghĩa dĩ đạt kì đạo; ngô văn kì ngữ hĩ, vị kiến kì nhân dã”.

Dịch.- Khổng tử nói: “Thấy việc thiện thì vội vàng như đuổi theo không kịp, thấy việc bất thiện thì như nhúng tay vào nước sôi (sợ mà lánh); ta đã thấy người như vậy, đã nghe thấy lời nói như vậy. Ở ẩn để mong giữ được chí của mình, làm việc nghĩa để đạt được đạo của mình; ta đã nghe thấy lời nói như vậy, mà chưa thấy ai như vậy”.

XVI.12

Cảnh công hữu mã thiên tứ, tử chi nhật, dân vô đức nhi xung yên. Bá Di, Thúc Tề ngạ vu Thú Dương chi hạ, dân đáo vu kim xung chi. [Kì tư chi vị dư?] .

Dịch.- Tề Cảnh Công có bốn ngàn con ngựa, khi chết không có đức gì cho người dân khen. Bá Di, Thúc Tề chết đói ở núi Thú Dương, dân đến nay còn khen. [Là muốn nói như vậy ư?]

Chú thích. – Câu cuối đặt trong dấu [...] đứng chờ vợ, ngờ rằng: hoặc ở bài khác, đặt lầm vô đây, hoặc thiếu một vài câu gì ở trên đó.

XVI.13

Trần Cang vắn ư Bá Ngự viết: “Tử diệc hữu dị văn hồ?”. Đối viết: “Vị dã. Thường độc lập. Lí xu nhi quá đình. Viết: “Học Thi hồ?”. Đối viết: “Vị dã”. – “Bất học Thi vô dĩ ngôn”. Lí thoái nhi học Thi. Tha nhật, hựu độc lập, Lí xu nhi quá đình. Viết: “Học lễ hồ?”. Đối viết: “Vị dã”. - “Bất học lễ, vô dĩ lập”. Lí thoái nhi học Lễ. Văn tứ nhị giả”. Trần Cang thoái nhi hỉ viết: “Văn nhất đắc tam: văn Thi, văn Lễ, hựu văn quân tử viễn kì tử dã”.

Dịch. - Trần Cang hỏi Bá Ngự: “Anh có nghe thầy dạy điều gì lạ không?”. Bá Ngự đáp: “Chưa. Có lần cha tôi đứng một mình, Lí tôi đi nhanh qua sân. Cha tôi hỏi: “Học kinh Thi chưa?”. Tôi đáp chưa. Cha tôi bảo: “Không học kinh Thi thì không biết nói năng ra sao”. Lí tôi lui về học kinh Thi. Hôm khác, cha tôi đứng một mình, Lí tôi đi nhanh qua sân. Cha tôi hỏi: “Học kinh Lễ chưa?”. Tôi thưa chưa, cha tôi bảo: “Không học kinh Lễ thì không biết cách đi đứng ở đời (có người dịch là: không biết dịch thân)”. Lí tôi lui về học kinh Lễ. Tôi chỉ nghe được hai điều đó. Trần Cang lui ra, mừng rằng: “Hỏi một điều mà biết được ba: phải học kinh Thi, phải học kinh Lễ, lại biết rằng người quân tử không hay gần con (có người dịch là: đối với con cũng như đối với học trò, không khác gì nhau)”.

Chú thích. – Trần Cang, tự là Tử Cầm, (coi bài I.10).

XVI.14

Bang quân tử chi thê, quân xưng chi viết phu nhân, phu nhân tự xưng viết tiểu đồng; bang nhân xưng chi viết quân phu nhân, xưng chư dị bang viết quả tiểu quân; dị bang nhân xưng chi diệc viết quân phu nhân.

Dịch. - Vợ vua chư hầu, vua chư hầu gọi là phu nhân; phu nhân tự xưng là tiểu đồng; người trong nước gọi bà là phu nhân của vua; nói với người nước khác thì gọi là “quả tiểu nhân” (quả là tiếng khiêm tốn, tiểu quân là vua nhỏ, tức vợ vua); người nước khác cũng gọi là phu nhân của vua.

Chú thích. – Bài này như bài 12 ở trên, có phần chắc là lời Khổng tử, không hiểu vì sao mất mấy chữ “viết”, ở đầu bài.

Ti: nguyên văn chữ Hán là 兕. Chữ này Thiệu Chử đọc là “huỷ”. (Goldfish).

Có người bảo nên sửa chữ *quả* thành chữ *bản*.

Chữ *bản* này nên sửa làm chữ *quả* như vậy mới hợp với “quân vô bản” ở sau. Rất có lí. Chúng tôi sẽ dịch theo như vậy.

Thời đó nước Lỗ chia làm bốn phần, họ Quý chiếm hai phần; họ Mạnh và Thúc, mỗi họ chiếm

một phần, nay họ Quý muốn chiếm cả nước Chuyên Du về phần mình.

Chúng tôi theo hai chú thích ở trên, mặc dầu nguyên văn vẫn để như cũ.

Chữ “biên” này và chữ “biện” ở sau, nguyên văn chữ Hán là 便 (chữ này Thiệu Chử đọc là “tiện”). (Goldfish).

Cần xem lại ba chữ “đăng phóng tứ”. (Goldfish).

Hai câu này, ebook nguồn chép là: “Lui về học kinh Lễ. Tôi chỉ nghe được điều đó”. Tôi tạm sửa lại như trên. (Goldfish).

THIÊN XVII

DƯƠNG HOÁ

XVII.1

Dương Hóa dục kiến Khổng tử, Khổng tử bất kiến; qui Khổng tử đồn. Khổng tử thời kì vô dã nhi vãng bá chi. Ngô chư đồ. Vị Khổng tử viết: “Lai, dự dữ nhĩ ngôn”. Viết: “Hoài kì bảo nhi mê kì bang, khả vị nhân hồ?”. Viết: “Bất khả. Hiếu tông sự nhi cực thất thì, khả vị trí hồ?”. Viết: “Bất khả. Nhật nguyệt thế hĩ, tuế bất ngã dự”. Khổng tử viết: “Nặc. Ngô tướng sĩ hĩ”.

Dịch. – Dương Hoá muốn gặp Khổng tử, nhưng Khổng tử không đến thăm y, nên y biếu Khổng tử một con heo sữa (lộc chín). Khổng tử rình lúc Dương Hoá đi vắng, lại nhà y tạ ơn. Không ngờ trên đường về gặp y. Y gọi Khổng tử: “Lại đây, tôi muốn nói chuyện với ông”. Rồi nói: “Giấu tài đức quý báu mà không cứu nước đang mê loạn, có thể gọi là người nhân được không?” (Khổng tử làm thinh). Dương Hoá nói tiếp: “Không gọi là nhân được. Muốn ra làm quan mà nhiều lần bỏ lỡ cơ hội, có thể gọi là trí được không?” (Khổng tử lại làm thinh). Dương Hoá lại nói tiếp: “Không gọi là trí được. Ngày tháng trôi qua, tuổi chẳng đợi ta”. Khổng tử nói: “Vâng. Tôi sẽ ra làm quan”.

XVII.2

Tử viết: “Tính tương cận dã, tập tương viễn dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Bản tính con người gần giống nhau, do tập nhiễm mới khác xa nhau”.

XVII.3

Tử viết: “Duy thượng trí dữ hạ ngu bất di”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Chỉ có bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là không thay đổi”.

Chú thích. – Bài này tiếp bài trên. Bậc thượng trí tức bậc “sinh nhi tri chi”, còn kẻ hạ ngu tức hạng “khốn nhi bất học” trong bài XVI.9.

XVII.4

Tử chi Võ thành, văn huyền ca chi thanh. Phu tử hoàn nhĩ nhi tiểu viết: “Cát kê yên dụng ngư dao?”. Tử Du đối viết: “Tích giả, Yên đã văn chư phu tử viết: “Quân tử học đạo tắc ái nhân, tiểu nhân học đạo tắc dị sử dã”. Tử viết: “Nhị tam tử, Yên chi ngôn thị dã. Tiền ngôn hí chi nhĩ”.

Dịch. – Không tử tới Võ Thành (nơi Tử Du làm quan tể), nghe tiếng hát đàn. Ông mỉm cười bảo: “Mổ gà cần chi đến dao mổ bò?”. Tử Du thưa: “Ngày trước, Yên con nghe thầy dạy: “Người quân tử học đạo (lễ nhạc) thì yêu người, kẻ tiểu nhân học đạo thì dễ sai khiến”. Không tử nói: “Này các trò, lời anh Yên đúng, lời ta mới nói chỉ là đùa thôi”.

Chú thích. – Tử Du theo lời thầy dạy, dùng lễ nhạc để giáo hoá và trị dân. Không tử tiếc rằng Võ Thành nhỏ quá, Tử Du có thể trị một cõi lớn hơn nhiều.

XVII.5

Công Sơn Phát Nhiễm dĩ Phí bạn, triệu, tử dục vãng. Tử Lộ bất duyệt, viết: “Mạt chi dã dĩ, hà tất Công Sơn dân chi chi dã?”. Tử viết: “Phù triệu ngã giả, nhi khởi đồ tai? Như hữu dụng ngã giả, ngô kì vi Đông Chu hồ?”.

Dịch. – Công Sơn Phát Nhiễm (gia thân họ Quý, làm tể tướng đất Phí) chiếm cứ đất Phí làm phản (họ Quý), cho người mời Không tử, ông muốn tới. Tử Lộ không vui lòng, bảo: “Không có nơi nào hành đạo thì thôi, hà tất phải đến với họ Công Sơn?”. Không tử nói: “Người ta vờ ta, hẳn có ý dùng ta. Nếu dùng ta thì ta sẽ phục hưng đạo nhà Chu ở phương Đông”.

*Chú thích. – Họ Quý lấn vua Lỗ. Công Sơn Phát Nhiễm phản họ Quý. Không tử mong có thể thuyết Phát Nhiễm lập lại uy quyền của vua Lỗ, khiến cho theo đạo nhà Chu. Nhưng sau ông nghe lời Tử Lộ, không đi. Việc này chép trong *Sử kí* của Tư Mã Thiên, nhưng không chép trong *Tả Truyện* cho nên Lương Khải Siêu cho là không đáng tin. Theo *Sử kí* thì hồi này Không tử 50 tuổi.*

XVII.6

Tử Trương vấn nhân ư Không tử. Không tử viết: “Năng hành ngũ giả ư thiên hạ, vi nhân hĩ” – “Thỉnh vấn chi”. Viết: “Cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Cung tắc bất vũ, khoan tắc đắc chúng, tín tắc nhân nhiệm yên, mẫn tắc hữu công, huệ tắc túc dĩ sử nhân”.

Dịch. – Tử Trương hỏi Không tử về đạo người. Không tử đáp: “Làm được năm đức trong thiên hạ thì gọi là nhân”. Tử Trương nói: “Xin thầy cho con biết năm đức ấy”. Không tử đáp: “Cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Cung kính thì không bị khinh nhờn, khoan hậu thì được lòng mọi người, thành tín thì được người tín nhiệm, cần mẫn thì thành công, từ huệ thì sử dụng được người”.

XVII.7

Bật Hật triệu, tử dục vãng. Tử lộ viết: “Tích giả Do đã văn chư phu tử viết: “Thân ư kì thân vi bất thiện giả, quân tử bất nhập dã. Bật Hật dĩ Trung Mâu bạn, tử chi vãng dã, như chi hà?”. Tử viết: “Nhiên, hữu thị ngôn dã. Bật viết kiên hồ, ma nhi bất lân? Bật viết bạch hồ niết nhi bất

truy? Ngô khởi bào qua đã tai? Yên năng hệ nhi bất thực?”.

Dịch. – Bật Hật mời, Khổng tử muốn qua. “Trước kia Do con nghe thầy dạy: “Người quân tử không vào đảng với kẻ nào gây điều bất thiện”. Bật Hật chiếm đất Trung Mâu làm phản mà thầy muốn qua với y thì sao phải lẽ?”. Khổng tử nói: “Đúng, ta có nói vậy. Nhưng ta chẳng từng nói rằng cái gì cứng rắn thì mài cũng không mòn sao? Ta chẳng từng nói rằng cái gì thực trắng thì nhuộm cũng không đen sao? Ta đâu phải trái bầu khô người ta treo mà không ăn được ư?”.

Chú thích. – Bật Hật (có người đọc là Phật Hật), là gia thần của Phạm Trọng Hành, một đại phu nước Tấn, và làm chức tể ở Trung Mâu. Người cầm quyền nước Tấn là Triệu Giản tử đánh Phạm Trọng Hành; Bật Hật chiếm Trung Mâu làm phản. Tử Lộ sợ Khổng tử qua giúp Bật Hật thì sẽ ô danh, nên Khổng tử trả lời như vậy. Nhưng rồi ông cũng không đi. Bài này cũng như bài 5 ở trên, Lương Khải Siêu cho là không đáng tin.

XVII.8

Tử viết: “Do đã, nhữ văn lục ngôn lục tế hĩ hồ?”. Đối viết: “Vị đã” – “Cư, ngô ngữ nhữ. Hiếu nhân bất hiếu học, kì tế dã ngu. Hiếu trí bất hiếu học, kì tế dã đãng. Hiếu tín bất hiếu học, kì tế dã tặc. Hiếu trực bất hiếu học, kì tế dã giáo. Hiếu dũng bất hiếu học, kì tế dã loạn. Hiếu cương bất hiếu học, kì tế dã cuồng”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Này Do (Tử Lộ), anh có nghe nói đến sáu đức và sáu điều che lấp không?” Tử Lộ đáp: “Thưa chưa” – “Ngồi đó, ta nói cho nghe. Ham đức nhân mà không ham học thì bị sự che lấp là ngu muội; ham đức trí mà không ham học thì bị sự che lấp là sự phóng đãng; ham đức tín mà không ham học thì bị sự che lấp là bị tổn hại; ham ngay thẳng mà không ham học thì bị sự che lấp là gắt gao, mất lòng người; ham cương cường mà không ham học thì bị sự che lấp là sự cuồng bạo”.

XVII.9

Tử viết: “Tiểu tử, hà mạt học, phù Thi? Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quân, khả dĩ oán. Nhĩ chi sự phụ, viễn chi sự quân, đa thức ư điều thú thảo mộc chi danh”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Các trò sao không học Kinh Thi? Kinh Thi có thể khiến người ta phản chân, có thể khiến người ta quan sát phong tục, có thể khiến người ta hợp quần, có thể khiến người ta phụng thích chính trị đương thời. Gần thì biết đạo thờ cha, xa thì biết đạo thờ vua, lại biết được nhiều tên chim muông cỏ cây”.

XVII.10

Tử vị Bá Ngự viết: “Nhữ vi Chu Nam, Chiêu Nam hĩ hồ? Nhân nhi bất vi Chu Nam, Chiêu Nam, kì do chính tường diện nhi lập đã dư”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Khổng tử bảo Bá Ngự: “Con đã học Chu Nam, Chiêu Nam chưa? Người nào không học Chu Nam, Chiêu Nam thì không khác đứng quay mặt sát vào tường”.

Chú thích. – Chu Nam, Chiêu Nam là hai thiên đầu trong Kinh Thi chỉ cách tu thân, tề gia.

XVII.11

Tử viết: “Lễ vân, lễ vân, ngọc bạch vân hồ tai? Nhạc vân, nhạc vân, chung cổ vân hồ tai?”.

Dịch. – Không tử nói: “Nói về lễ, về lễ, đâu chỉ có ngọc và lụa? Nói về nhạc, về nhạc, đâu phải chỉ có chuông và trống”.

Chú thích. – Không tử chê nhà cầm quyền đương thời chỉ chú trọng tới hình thức của lễ, nhạc.

XVII.12

Tử viết: “Sắc lệ nhi nội nhẫm, thí chư tiểu nhân, kì do xuyên du chi đạo dã dữ?”.

Dịch. – Không tử nói: “Sắc mặt uy nghiêm mà trong lòng nhu nhược (kẻ giả dối) thì ví như kẻ tiểu nhân mà lại còn (tệ hơn nữa) như kẻ khoét vách trèo tường nữa”.

XVII.13

Tử viết: “Hương nguyện, đức chi tặc dã”.

Dịch. – Không tử nói: “Kẻ hương nguyện (giả đạo đức, làm bộ cao thượng, chiều đời để được mọi người trong làng khen) là kẻ làm hại đạo đức”.

XVII.14

Tử viết: “Đạo thánh nhi đồ thuyết, đức chi khí dã”.

Dịch. – Không tử nói: “Nghe người ta đồn ở ngoài đường rồi đi đâu cũng loan truyền là bỏ mất đức hạnh của mình”.

Chú thích. – Tức như hạng người ta gọi là ngồi lê đôi mép.

XVII.15

Tử viết: “Bỉ phu khả dữ sự quân dã dữ tai? Kì vị đắc chi dã, hoạn đắc chi. Kí đắc chi, hoạn thất chi. Cầu hoạn thất chi, vô sở bất chí hĩ”.

Dịch. – Không tử nói: “Kẻ bỉ lậu có thể thờ vua được không? Khi chưa được chức vị bổng lộc thì lo cho được. Được rồi lại lo mất. Đã lo mất thì không có việc gì xấu mà không làm”.

XVII.16

Tử viết: “Cổ giả dân hữu tam tật, kim dã hoặc thị chi vô dã. Cổ chi cuồng dã tứ, kim chi cuồng dã đăng. Cổ chi căng dã liên, kim chi căng dã phần lệ. Cổ chi ngu dã trực, kim chi ngu dã trá nhi dĩ hĩ”.

Dịch. – Không tử nói: “Đời xưa, người ta thường có ba tật, nay hoặc giả không có nữa. Đời xưa

người cuồng thì không câu nệ tiểu tiết, nay cuồng thì phóng dăng. Đời xưa người giữ mình rất nghiêm thì liêm chính, nay người giữ mình rất nghiêm thì dễ giận. Đời xưa người ngu thì ngay thẳng, nay ngu thì chỉ dôi trá thối”.

XVII.17

Bài này trùng với bài I.3

XVII.18

Tử viết: “Ồ tử chi đoạt chu dã, ố Trịnh thanh chi loạn nhã nhạc dã, ố lợi khẩu chi phúc bang gia giả”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ghét màu tía cướp mất sắc đỏ, ghét nhạc nước Trịnh làm loạn chính nhạc, ghét kẻ bẻm mép làm nghiêng đổ nước nhà”.

XVII.19

Tử viết: “Dư dục vô ngôn”. Tử Cống viết: “Tử như bất ngôn, tắc tiểu tử hà thuật yên?”. Tử viết: “Thiên hà ngôn tai? Tử thời hành yên, vạn vật sinh yên, thiên hà ngôn tai?”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Ta không muốn nói gì cả”. Tử Cống hỏi: “Thầy không nói thì bọn chúng con có gì để truyền thuật lại cho đời sau?”. (Có sách dịch là: chúng con sao được truyền thuật? Hoặc: chúng con noi theo vào đâu?) Khổng Tử nói: “Trời có nói gì đâu? Bốn mùa qua lại, vạn vật sinh trưởng, Trời có nói gì đâu?”.

XVII.20

Nhụ Bì dục kiến Khổng tử. Khổng tử từ dĩ tật. Tương mệnh giả xuất hộ, thủ sắc nhi ca, sử chi văn chi.

Dịch. – Nhụ Bì (người nước Lỗ, trước có học Khổng Tử) muốn yết kiến Khổng Tử. Ông từ chối, lấy cớ là đau. Người ông sai ra đáp, mới ra tới cửa, ông cầm ngay cây đàn sắt gảy và hát, (có ý) cho Nhụ Bì nghe thấy.

Chú thích. – Không hiểu vì lẽ gì ông không muốn tiếp Nhụ Bì.

XVII.21

Tể Ngã vấn tam niên chi tang: “Kì dĩ cửu hĩ! Quân tử tam niên bất vi lễ, lễ tất hoại, tam niên bất vi nhạc, nhạc tất băng. Cựu cốc kí một, tân cốc kí thăng, toản toại cải hòa, kì khả dĩ hĩ”. Tử viết: “Thực phù đạo, y phù cầm ư nhĩ an hồ?”. Viết: “An!” – “Nhữ an tắc vi chi! Phù quân tử chi cư tang, thực chi bất cam, văn nhạc bất lạc, cư xử bất an, cố bất vi dã. Kim nhữ an, tắc vi chi”. Tể Ngã xuất. Tử viết: “Dư chi bất nhân dã. Tử sinh tam niên, nhiên hậu miễn ư phụ mẫu chi hoài. Phù tam niên chi tang, thiên hạ chi thông tang dã. Dư dã hữu tam niên chi ái ư kì phụ mẫu hồ?”.

Dịch. – Tể Ngã hỏi về phép để tang cha mẹ ba năm, bảo: “Một năm cũng đã lâu rồi. Người quân

tử (để tang) ba năm không học tập lễ, lễ nghi tất phải đổ nát, ba năm không tấu nhạc, âm nhạc tất thất truyền. (Đủ một năm) lúa cũ đã ăn hết, lúa mới đã chín, cây dùi cây đe lấy lửa đã dùi hết một hết một vòng (Mỗi mùa dùi một loại cây để lấy lửa, hết bốn mùa là hết một vòng), để tang một năm là được rồi”. Khổng Tử nói: (Chưa hết ba năm) mà ăn cơm gạo thom, mặc áo gấm thì trò có yên lòng không?”. Tể Ngã đáp: “Yên”. Khổng Tử nói: “Yên lòng thì cứ làm! Người quân tử cư tang, ăn đồ ngon không biết mùi, nghe nhạc không thấy vui, ở nhà của mình không thấy yên ổn (thời đó cất một nhà xấu ở gần mộ để cư tang), cho nên không làm như vậy (không ăn gạo ngon, mặc áo tốt...). Nếu trò thấy yên lòng, thì cứ làm!”. Tể Ngã ra rồi, Khổng Tử nói: “Đur là đứa bất nhân? Đứa trẻ sinh ra, sau ba năm cha mẹ mới thôi bông bế, (cho nên) để tang ba năm là lệ phổ biến trong thiên hạ. Đur nó được cha mẹ bông bế ba năm hay không?” (Có sách dịch là: Đur nó có yêu thương cha mẹ được ba năm hay không?).

XVII.22

Tử viết: “Bão thực chung nhật vô sở dụng tâm, nan hĩ tai! Bất hữu bác dịch giả hồ? Vi chi, do hiên hồ dĩ”.

Dịch. – Khổng Tử nói: “Ăn nó suốt ngày mà chẳng dụng tâm vào việc gì thì khó nên người lắm. Sao không đánh cờ đi? Đánh cờ còn hơn ở không”.

Chú thích. – Bác dịch [博弈] có người dịch là đánh bạc, đánh cờ. Thực ra bác [博] thời đó cũng chỉ là một trò chơi như vây cờ.

XVII.23

Tử Lộ viết: “Quân tử thượng dũng hồ?”. Tử viết: “Quân tử nghĩa dĩ vi thượng, quân tử hữu dũng nhi vô nghĩa vi loạn, tiểu nhân hữu dũng nhi vô nghĩa vi đạo”.

Dịch. – Tử Lộ hỏi: “Người quân tử có trọng dũng không?”. Khổng Tử đáp: “Người quân tử trọng nghĩa lí hơn hết. Người quân tử chỉ dũng cảm mà không hợp nghĩa lí thì làm loạn; kẻ tiểu nhân chỉ dũng cảm mà không hợp nghĩa lí thì làm trộm cướp”.

XVII.24

Tử Công viết: “Quân tử diệc hữu ố hồ?”. Tử viết: “Hữu ố. ố xưng nhân chi ác giả, ố cư hạ lưu nhi sán thượng giả, ố dũng nhi vô lễ giả, ố quả cảm nhi trất giả”. Viết: “Tứ đã diệc hữu ố hồ?”. “Ố kiêu dĩ vi trí giả, ố bất tốn dĩ vi dũng giả, ố kiết dĩ vi trực giả”.

Dịch. – Tử Công hỏi: “Người quân tử có ghét ai không?”. Khổng Tử đáp: “Có. Ghét người nói điều xấu của kẻ khác, ghét kẻ dưới mà huỷ báng người trên, ghét kẻ dũng mà vô lễ, ghét người quả cảm mà cố chấp”. Khổng Tử hỏi lại Tử Công: “Tứ, anh có ghét ai không?”. (Tứ Công thưa): “Con ghét kẻ ăn cắp sáng kiến của người khác mà tự cho là mình tìm ra (hoặc tự cho là khôn), ghét kẻ không khiêm tốn mà tự cho là dũng, ghét kẻ bới móc việc riêng của người mà tự cho là ngay thẳng”.

XVII.25

Tử viết: “Duy nữ tử dữ tiểu nhân vi nan dưỡng dã. Cận chi tắc bất tôn, viễn chi tắc oán”.

Dịch. – Khổng Tử nói: “Chỉ hạng tì thiếp và tôi tớ là khó cư xử với họ. Thân cận với họ thì họ nhờn, xa cách họ thì họ oán”.

XVII.26

Tử viết: “Niên tứ thập nhi kiến ố yên, kì chung dã dĩ”.

Dịch. – Khổng Tử nói: “Bốn chục tuổi mà (hành vi xấu xa) ai cũng ghét thì hết hi vọng rồi”.

Dương Hoá, có sách gọi là Dương Hồ, vì Hoá và Hồ phát thanh hơi giống nhau, là gia thần của họ Quý, có lần bắt giam Quý Hoàn tử để chuyên quyền nước Lỗ. Y cho đem heo sữa biếu Khổng tử là có ý bắt Khổng tử đến nhà y tạ ơn. Bốn chữ “dục kiến Khổng tử” có thể dịch là: “Muốn Khổng tử đến yết kiến mình”.

Chỗ này có sách chấm câu khác, cho “bất khả” (không gọi là nhân được) là lời đáp của Khổng tử. Rồi từ “Hiếu tông sự” (muốn ta làm quan...) mới là lời của Dương Hoá. Câu dưới cũng vậy. Tôi chấm câu như trên, cho là lời Dương Hoá tự đáp để làm nổi bật tính hách dịch, nóng nảy của Dương Hoá và thái độ bình tĩnh, tự tin, cương quyết của Khổng tử.

Ebook nguồn không có câu: “*huệ tắc tức dĩ sử nhân*”. (Goldfish).

Đoạn sau đây tôi theo cuốn *Khổng tử* mà ghi thêm, ebook nguồn không có: “*thì mài cũng không mòn sao? Ta chẳng từng nói rằng*”. (Goldfish).

Nghĩa cũng như câu “trực nhi vô lễ tắc giáo”, bài VIII.2.

Có người cho chữ “tiểu tử” ở đây trở cháu nội Khổng tử, tức Khổng Cấp, (Tử Tư), nhưng theo truyền thuyết Khổng Cấp là học trò của Tăng Tử.

Chiêu Nam: các bản chữ Hán trên mạng chép là 召南, Wikipedia tiếng Việt phiên âm là “Thiệu Nam” (). Chữ 召, trong XVII.5 ở trên được đọc là “triệu”, Từ điển Thiệu Chử cũng đọc là “triệu”. (Goldfish).

Nguyên văn bài I.3 và XVII.7 đều là: *Tử viết: “Xảo ngôn, lệnh sắc, tiến hĩ nhân*”. Có bản *Luận ngữ* bỏ bài XVII.7 (lấy bài XVIII.8 làm bài XVII.7) mà không cho biết lí do. (Goldfish).

Vạn vật (萬物), có bản chép là “bách vật” (百物). (Goldfish).

Sắc: (nguyên văn chữ Hán là 瑟), ebook nguồn chép là “cầm”. (Goldfish).

THIÊN XVIII

VI TỬ

XVIII.1

Vi tử khứ chi, Cơ tử vi chi nô, Tỉ Can gián nhi tử. Khổng tử viết: “Ân hữu tam nhân yên”.

Dịch. – Vi tử bỏ đi. Cơ tử phải làm nô lệ, Tỉ Can chết vì can vua (Trụ). Khổng Tử nói: “Nhà Ân có ba ông ấy là người nhân”.

Chú thích. – Vua Trụ tàn ác và hoang dâm. Vi tử là anh vua Trụ, thấy vậy bỏ nước mà đi để bảo tồn dòng họ. Cơ tử và Tỉ Can đều là chú vua Trụ, đều can Trụ, Trụ bỏ tù Cơ tử và bắt làm nô lệ. Cơ tử giả điên mà sống khổ nhục; còn Tỉ Can thì bị Trụ giết, moi tim. Hành vi của ba người đó khác nhau, nhưng đều nhằm một mục đích là làm cho nước yên, cho dân khỏi khổ, cho nên Khổng tử khen là nhân.

XVIII.2

Liễu Hạ Huệ vi sĩ sự, tam truất. Nhân viết: “Tử vị khả dĩ khứ hồ?”. Viết: “Trực đạo nhi sự nhân, yên vãng nhi bất truất? Ủng đạo nhi sự nhân, hà tất khứ phụ mẫu chi bang?”.

Dịch. – Liễu Hạ Huệ làm pháp quan, ba lần bị biếm. Có người bảo: “Sao ông chưa đi qua nước khác?”. Liễu Hạ Huệ đáp: “Dùng đạo chính trực mà thờ người thì đi nước nào cũng bị biếm? Dùng đạo cong queo mà thờ người thì hà tất phải bỏ tổ quốc?”.

XVIII.3

Tề Cảnh Công đãi Khổng Tử, viết: “Nhược Quý thị tắc ngô bất năng. Dĩ Quý, Mạnh chi gian đãi chi”. Viết: “Ngô lão hĩ, bất năng dụng dã”. Khổng tử hành.

Dịch. – Tề Cảnh Công nói về cách đối đãi với Khổng Tử: “Ta không thể đãi Khổng Tử như vua Lỗ đãi họ Quý (đãi là thượng khanh), có thể đãi ông ấy vào bậc giữa họ Quý và họ Mạnh (họ Mạnh là hạ khanh). (Mới định vậy, bị triều thần phản đối, nên Cảnh Công ít lâu sau lại nói): “Ta già rồi, không thể dùng Khổng Tử được”. Khổng Tử bèn đi.

Chú thích. – Theo Sử kí của Tư Mã Thiên thì lúc đó Khổng tử ngoài ba mươi lăm tuổi, nhân Lỗ có nội loạn, Khổng tử bỏ Lỗ qua Tề, Tề Cảnh Công muốn dùng nhưng bị triều thần phản đối, lại thôi. Và Khổng tử trở về Lỗ.

XVIII.4

Tề nhân quỹ nữ nhạc, Quý Hoàn tử thụ chi, tam nhật bất triều, Khổng tử hành.

Dịch. – Người nước Tề tặng nữ nhạc (ca nữ, vũ nữ). Quý Hoàn tử (đại phu nước Lỗ) nhận, ba ngày không ra triều. Khổng Tử bỏ đi.

Chú thích. – Theo Sử kí, lúc này Khổng tử 56 tuổi, làm tư khấu, kiêm tể tướng nước Lỗ. Sau ông qua Vệ. Bài 2, Liễu Hạ Huệ cứ ở lại tổ quốc; bài này Khổng tử không hành đạo được thì bỏ đi.

XVIII.5

Sở Cuồng Tiếp Dur ca nhi quá Khổng tử viết: “Phượng hề, phượng hề, hà đức chi suy? Vãng giả bất khả gián, lai giả do khả truy. Dĩ nhi, dĩ nhi! Kim chi tòng chính giả đãi nhi!”. Khổng tử hạ, dục dữ chi ngôn. Xu nhi tị chi, bất đắc dữ chi ngôn”.

Dịch. – Tiếp Dur, người cuồng nước Sở đi ngang chiếc xe của Khổng Tử, hát: “Phượng hoàng ơi, phượng hoàng ơi, đức sao mà suy đồi! Việc đã qua, không thể vãn hồi, việc chưa tới, còn kịp sửa đổi. Thôi đi, thôi đi, làm quan thời này chỉ nguy hiểm thôi!”. Khổng Tử xuống xe, muốn nói chuyện. Nhưng Tiếp Dur rào bước tránh mặt, Khổng Tử không nói chuyện được.

Chú thích. – Tiếp Dur không phải là tên. Vì người cuồng nước Sở đó đi ngang qua xe của Khổng tử nên Luận ngữ gọi như vậy. Cũng như người giữ cửa gọi là Thần môn (bài XIV.39), những người cày ruộng trong bài sau, gọi là Trường Thư, Kiệt Nịch (Thư là chỗ đất thấp có nước, Nịch là chân nhúng ở dưới nước).

XVIII.6

Trường Thư, Kiệt Nịch ngẫu nhi canh. Khổng tử quá chi, sử Tử Lộ vấn tân yên. Trường Thư viết: “Phù chấp dư giả vi thủy?”. Tử Lộ viết: “Vi Khổng Khâu”. Viết: “Thị Lỗ Khổng Khâu dư?”. Viết: “Thị dã”. Viết: “Trần tri tân hĩ”. Vấn ư Kiệt Nịch. Kiệt Nịch viết: “Tư vi thủy?”. Viết: “Vi Trọng Do”. Viết: “Thị Lỗ Khổng Khâu chi đồ dư?”. Đối viết: “Nhiên”. Viết: “Thao thao giả thiên hạ giai thị dã, nhi thủy dĩ dịch chi? Thả nhi dữ kì tòng tị nhân chi sĩ dã, khởi nhược tòng tị thế chi sĩ tai?”. Ưu nhi bất quyết. Tử Lộ hành, dĩ cáo. Phu tử vũ nhiên viết: Điều thú bất khả dữ đồng quần, ngô phi tư nhân chi đồ dữ, nhi thủy dữ? Thiên hạ hữu đạo, Khâu bất dữ dịch dã”.

Dịch. – Trường Thư và Kiệt Nịch cùng cày ruộng. Khổng Tử đi ngang qua, sai Tử Lộ lại họ bên đồ ở đâu. Trường Thư hỏi: “Người cầm cương trên xe đó là ai?”. Tử Lộ đáp: “Là thầy Khổng Khâu”. Hỏi: “Phải Khổng Khâu nước Lỗ không?”. Đáp: “Phải”. Trường Thư nói: “Vậy thì ông ấy tự biết bên đồ rồi mà”. Tử Lộ lại hỏi Kiệt Nịch. Kiệt Nịch hỏi lại: “Thầy là ai?”. Tử Lộ đáp: “Là Trọng Do”. Lại hỏi: “Phải học trò ông Khổng Khâu nước Lỗ không?”. Đáp: “Phải”. Kiệt Nịch nói: “Khắp thiên hạ đâu đâu cũng là dòng nước (dịch) cuộn cuộn, ông Khổng Khâu sẽ cùng với ai mà sửa thiên hạ? Còn thầy, đi theo kẻ sĩ tránh người vô đạo (theo Khổng Tử) sao bằng theo (ta là) kẻ sĩ tránh đời ô trọc?”. Nói rồi tiếp tục bừa phủ lên cho đất bằng. Tử Lộ về xe kể lại với Khổng Tử. Khổng Tử bùi ngùi hỏi: “Người ta không thể sống chung với cầm thú; ta không sống chung với người trong xã hội thì sống chung với ai? Nếu thiên hạ thịnh trị thì Khâu này cần gì phải sửa đổi nữa?”.

XVIII.7

Tử Lộ tòng nhi hậu, ngô trượng nhân, dĩ trượng hà điều. Tử Lộ vấn viết: “Tư kiến phu tử hồ”. Trượng nhân viết: “Tư thể bất cần, ngũ cốc bất phân, thực vi phu tử?”. Thực kì trượng nhi vân, hiện kì nhi tử yên. Tử Lộ cũng nhi lập, chỉ Tử Lộ túc, sát kê vi thử nhi thực chi, kiến kì nhi tử yên. Minh nhật, Tử Lộ hành dĩ cáo. Tử viết: “Ẩn giả dã”. Sử Tử Lộ phản kiến chi. Chí tắc hành hĩ. Tử Lộ viết: “Bất sĩ vô nghĩa. Trường ấu chi tiết, bất khả phế dã; quân thần chi nghĩa, như chi hà kì phế chi? Dục khiết kì thân, nhi loạn đại luân! Quân tử chi sĩ dã, hành kì nghĩa dã. Đạo chi

bất hành, dĩ tri chi hĩ”.

Dịch. – Tử Lộ đi (theo Khổng Tử mà) lạc lại phía sau, gặp ông già quảy gánh cào cỏ ở đầu một cây gậy. Tử Lộ hỏi: “Ông có thấy thầy tôi không?”. Ông già đáp: “Tay chân chẳng làm việc gì cả, không phân biệt được năm giống lúa. Ai là thầy chú?”. Nói xong ông già chống gậy xuống đất cào cỏ. Tử Lộ chấp tay đứng (đợi). (Công việc cào cỏ xong) ông già đưa Tử Lộ về nhà nghỉ đêm, giết gà làm cơm đãi, lại cho hai đứa con ra chào. Hôm sau Tử Lộ đi, gặp được Khổng Tử, kể lại chuyện đó. Khổng Tử nói: “Ông già ấy là một ẩn sĩ”, rồi sai Tử Lộ trở lại kiếm. Tới nơi thì ông già đi khỏi. Tử Lộ nói (với hai người con của ông già): “Không ra làm quan (mà ở ẩn) là không hợp đạo nghĩa. Cái thứ tự giữa người lớn và kẻ nhỏ đã không bỏ được (ám chỉ ông lão đã cho con ra chào Tử Lộ), thì sao lại bỏ nghĩa vua tôi đi? Muốn cho thân mình trong sạch mà (hoá ra) làm loạn cái luân thường lớn nhất. Người quân tử ra làm quan là làm nghĩa vụ của mình. Còn đạo mà không thi hành được, thì đã biết vậy rồi”.

XVIII.8

Dật dân: Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Chu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiệu Liên. Tử viết: “Bất giáng kì chí, bất nhục kì thân, Bá Di, Thúc Tề dư?”. Vị Liễu Hạ Huệ, Thiệu Liên: “Giáng chí, nhục thân hĩ, ngôn trúng luân, hành trúng lự, kì tư nhi dĩ hĩ”. Vị Ngu Trọng, Di Dật: “Ẩn cư, phóng ngôn, thân trúng thanh, phế trúng quyền. Ngã tắc dị ư thị. Vô khả, vô bất khả”.

Dịch. – Bàn về người ẩn dật: Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Chu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiệu Liên, Khổng Tử nói: “Không khuất chí mình, không để nhục thân mình, là Bá Di, Thúc Tề chẳng?”. Bảo Liễu Hạ Huệ, Thiệu Liên: “Chịu khuất chí mình, nhục thân mình, nhưng lời nói hợp nghĩa lí, hành vi dẫn đạo (có người dịch là hợp ý dân), chỉ được vậy thôi”. Bảo Ngu Trọng, Di Dật: “Ở ẩn, không nói gì cả (chúng tôi theo Triệu Thông, có người dịch là ăn nói phóng túng), giữ thân được trong sạch, không làm quan là hợp quyền nghi”. Rồi Khổng Tử lại nói: “Ta thì khác các ông ấy: Chẳng có gì nhất định phải làm, chẳng có gì nhất định không nên làm”.

Chú thích. – Chúng ta để ý Khổng tử không nhận xét gì về Chu Trương. – Bá Di, Thúc Tề, Liễu Hạ Huệ chúng ta biết rồi. Còn Ngu Trọng, Di Dật, ít ai nhắc tới, không cần biết.

XVIII.9

Thái sư Chí thích Tề, á phạn Can thích Sở, tam phạn Liêu thích Thái, tứ phạn Khuyết thích Tần, cổ Phương Thúc nhập ư Hà, bá đào Võ nhập ư Hán, thiếu sư Dương, kích khánh Tương nhập ư Hải.

Dịch. – Quan thái sư Chí qua Tề, quan á phạn Can qua Sở, quan tam phạn Liêu qua Thái, quan tứ phạn Khuyết qua Tần, người đánh trống tên là Phương Thúc vào ở bờ sông Hoàng Hà, người vỗ trống nhỏ tên Võ vô ở bờ sông Hán, thiếu sư Dương và người đánh khánh tên là Tương vô ở bờ Đông Hải.

Chú thích. – Bài này chép tên và chức (thái sư, thiếu sư, tam phạn, tứ phạn...) của tám nhạc sư ở Lễ đã tứ tán hết; á phạn, tam phạn, tứ phạn là những chức quan coi về nhạc mời vua dùng cơm bữa thứ hai, thứ ba, thứ tư.

XVIII.10

Chu công vị Lỗ công viết: “Quân tử bất thi kì thân, bất sử đại thần oán hồ bất dĩ. Cổ cự vô đại cố, tắc bất khí dã. Vô cầu bì ư nhất nhân”.

Dịch. – Chu Công khuyên con là Lỗ Công (tức Bá Cầm, được phong ở đất Lỗ): “Người quân tử không bỏ người thân thích, không để cho đại thần oán vì không trọng dụng. Người cổ cự nếu không có lỗi lớn thì không nên bỏ. Không cầu toàn trách bị một người nào”.

XVIII.11

Chu hữu bát sĩ: Bá Đạt, Bá Quát, Trọng Đột, Trọng Hốt, Thúc Dạ, Thúc Hạ, Quý Tùy, Quý Oa.

Dịch. – Nhà Chu có tám kẻ sĩ: Bá Đạt, Bá Quát, Trọng Đột, Trọng Hốt, Thúc Dạ, Thúc Hạ, Quý Tùy, Quý Oa.

Chú thích. – Không rõ tám kẻ sĩ đó là ai. Nên để ý: tám người chia làm bốn cặp: Bá, Trọng, Thúc, Quý, và mỗi cặp có tên vần với nhau: Đạt, Quát, Đột, Hốt v.v... Do đó có người ngờ là những cặp sinh đôi của một gia đình. [Và cũng do đó thân sinh văn hào Cao Bá Quát của nước ta đặt cho hai người con đầu lòng sinh đôi là: Bá Đạt, Bá Quát; và Bá Quát lấy tên tự là Chu Thần (bề tôi nhà Chu) cũng vì vậy].

Quĩ: các bản chữ Hán chép là 歸, chữ này Thiệu Chửu đọc là “qui”. (Goldfish).

Bốn chữ “Phượng hề, phượng hề” (鳳兮, 鳳兮), trong bộ *Trang tử - Nam Hoa kinh*, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch là: “Con phượng kia, con phượng kia”. (Goldfish).

Trần: các bản trên mạng chép là “Thị” (是). (Goldfish).

Tị: chữ “tị” này (tị nhân) và chữ “tị” sau (tị thế), các bản trên mạng chép là 辟 (tịch). Có bản giảng chữ 辟 (tịch) “đồng” với chữ 避 (tị). (Goldfish).

Đoạn “Tử Lộ cũng nhi lập... kiến kì nhị tử yên” là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

Có một bản *Luận ngữ* đầu đời Tống in hai chữ “phản”. Tử ở đây, nghĩa là: (Tử Lộ) trở về. Khổng tử nói. Như vậy cả đoạn dưới là lời của Khổng tử nói với Tử Lộ.

Hai chữ “tên Vô” do tôi ghi thêm. (Goldfish).

Hai chữ “á phạn” này do tôi chép thêm. Á phạn là vị nhạc sư coi về việc tấu nhạc trong bữa ăn thứ hai. (Goldfish).

THIÊN XIX

TỬ TRƯỞNG

XIX.1

Tử Trương viết: “Sĩ kiến nguy trí mệnh, kiến đắc tư nghĩa, tế tư kính, tang tư ai, kì khả dĩ hĩ.

Dịch. – Tử Trương nói: “Kẻ sĩ mà thấy nguy thì không tiếc sinh mạng, thấy được giàu sang thì nghĩ đến nghĩa lí, khi tế tự, nghĩ đến thành kính, gặp việc tang, nghĩ đến sót thương, như vậy là khá rồi”.

XIX.2

Tử Trương viết: “Chấp đức bất hoảng, tín đạo bất đốc, yên năng vi hữu? Yên năng vi vô?”.

Dịch. – Tử Trương nói: “Người giữ đức mà không kiên cường, tin nghĩa lí (đạo) mà không đốc lòng, thì đời có họ hay không có họ cũng vậy thôi”.

XIX.3

Tử Hạ chỉ môn nhân vấn giao ư Tử Trương. Tử Trương viết: “Tử Hạ vân hà?”. Đối viết: “Tử Hạ viết: “Khả giả dữ chi, kì bất khả giả, cự chi”. Tử Trương viết: “Dị hồ ngô sở văn: Quân tử tôn hiền nhi dung chúng, gia thiện nhi căng bất năng. Ngã chi đại hiền dư, ư nhân hà sở bất dung? Ngã chi bất hiền dư, nhân tương cự ngã, như chi hà, kì sự nhân dã”.

Dịch. – Học trò Tử Hạ hỏi Tử Trương về việc kết bạn. Tử Trương hỏi: “Thầy Tử Hạ dạy như thế nào?”. Đáp: “Thầy Tử Hạ bảo: “Nếu là người khá thì mình kết bạn. Không khá thì nên cự tuyệt”. Tử Trương nói: “Tôi nghe khác vậy: Người quân tử tôn trọng người hiền mà dung nạp mọi người, khen người lương thiện mà thương kẻ bất tài. Ta là bậc đại hiền ư thì ai mà không dung nạp được? Còn như ta mà bất hiền thì người ta cự tuyệt ta, chứ đâu cự tuyệt được người?”.

XIX.4

Tử Hạ viết: “Tuy tiểu đạo, tất hữu khả quan giả yên. Trí viễn khủng nệ, thị dĩ quân tử bất vi dã”.

Dịch. – Tử Hạ nói: “Tuy làm nghề nhỏ, cũng đáng xem xét. Nhưng nếu đi sâu vào nghề đó thì e hoá ra câu nệ, cho nên người quân tử không làm”.

XIX.5

Tử Hạ viết: “Nhật tri kì sở vô, nguyệt vô vong kì sở năng, khả vị hiếu học dã dĩ hĩ”.

Dịch. – Tử Hạ nói: “Mỗi ngày biết thêm được điều chưa biết, mỗi tháng không quên những điều mình đã biết, như vậy có thể gọi là ham học”.

XIX.6

Tử Hạ viết: “Bác học nhi đốc chí, thiết vấn nhi cận tư, nhân tại kì trung hĩ”.

Dịch. – Tử Hạ nói: “Học rộng mà vẫn giữ chí hướng, hỏi điều thiết thực mà nghĩ đến việc gần (việc thực hành những điều đó), đạo nhân ở trong đó”.

XIX.7

Tử Hạ viết: “Bách công cư tứ dĩ thành kì sự, quân tử học dĩ trí kỳ đạo”.

Dịch. – Tử Hạ nói: “Thợ trăm nghề phải ở tại chợ (chỗ có xưởng thợ) mới làm được đồ vật. (Cũng vậy) người quân tử phải học tập rồi mới thấy được đạo”.

XIX.8

Tử Hạ viết: “Tiểu nhân chi quá dã tất văn”.

Dịch. – Tử Hạ nói: “Kẻ tiểu nhân tất dùng văn sức bề ngoài để che lỗi của mình”.

XIX.9

Tử Hạ viết: “Quân tử hữu tam biến: Vọng chi nghiêm nhiên, tức chi dã ôn, thính kì ngôn dã lệ”.

Dịch. – Tử Hạ nói: “Người quân tử có ba vẻ biến hoá: Ở xa thì có vẻ trang trọng, đến gần thì có vẻ ôn hoà, nghe lời nói thấy nghiêm”.

XIX.10

Tử Hạ viết: “Quân tử tín nhi hậu lao kì dân, vị tín tắc dĩ vi lệ kỉ dã. Tín nhi hậu gián, vị tín, tắc dĩ vi báng kỉ dã”.

Dịch. – Tử Hạ nói: “Người quân tử phải được dân tin rồi sau mới bắt dân làm việc khó nhọc được, nếu chưa được dân tin thì họ cho là làm khổ họ. Phải được người trên tin rồi mới can ngăn, nếu chưa được người trên tin thì họ cho là huỷ báng họ”.

XIX.11

Tử Hạ viết: “Đại đức bất du nhân, tiểu đức xuất nhập khả dã”.

Dịch. – Tử Hạ nói: “Không được vượt qua đại tiết, còn tiểu tiết thì tùy tiện, ở trong phạm vi hay ra ngoài cũng được” (vì không phạm đến đại tiết).

XIX.12

Tử Du viết: “Tử Hạ chi môn nhân tiểu tử đương sái táo, ứng đối, tiến thoái, tắc khả hĩ, ức mạt dã, bổn chi tắc vô, như chi hà?”. Tử Hạ văn chi, viết: “Y! Ngôn du quá hĩ. Quân tử chi đạo, thực tiên truyền yên? Thực hậu quyện yên? Thĩ chư thảo mộc, khu dĩ biệt hĩ. Quân tử chi đạo, yên khả vu dã? Hữu thủy hữu tốt giả, kì duy thánh nhân hồ?”.

Dịch. – Tử Du nói: “Học trò thầy Tử Hạ, làm việc vấy nước, quét tước, ứng đối, tới lui thì được, nhưng đó chỉ là cái ngọn, còn gốc không có, thì sao học nên được?”. Tử Hạ nghe vậy, bảo: “Ngôn Du (Tử Du) nói sai rồi. Đạo của người quân tử, cái gì nên dạy trước? Cái gì để sau mà không dạy? Ví như cây cỏ, có nhiều loại khác nhau. Đạo của người quân tử đâu có thể vu hoặc được?”. (giấu điều chánh mà dạy điều phụ). Biết theo thứ tự, điều nào dạy trước, điều nào dạy sau, chứ nếu cùng dạy một lúc cả ngọn lẫn gốc thì chỉ thánh nhân mới theo được”.

XIX.13

Tử Hạ viết: Sĩ nhi ưu tắc học, học nhi ưu tắc sĩ”.

Dịch. – Tử Hạ nói: “Làm quan mà thừa thì giờ, sức khoẻ thì nên học, học mà thừa thì giờ, sức khoẻ thì nên làm quan”.

XIX.14

Tử Du viết: “Tang trí hồ ai nhi chi”.

Dịch. – Tử Du nói: “Tang lễ mà (biểu lộ) hết lòng thương xót là đủ rồi”.

Chú thích. – Có thể hiểu là không nên bày vẽ loè loẹt, hoặc không nên thương xót đến mức huỷ hoại thân thể.

XIX.15

Tử Du viết: “Ngô hữu Trương dã, vi nan năng dã, nhiên nhi vị nhân”.

Dịch. – Tử Du nói: “Bạn tôi là Tử Trương (đức đã cao) khó mà giữ được như anh ấy, nhưng chưa phải là bậc nhân”. (Có lẽ vì tính phóng khoáng, thiên lệch, thái quá – Coi cuốn Khổng tử - chương IV).

XIX.16

Tăng Tử viết: “Đường đường hồ Trương dã. Nan dữ tịnh vi nhân hĩ”.

Dịch. – Tăng tử nói: “Tử Trương thật có vẻ đàng hoàng, nhưng khó làm chung việc nhân với anh ấy được”.

XIX.17

Tăng Tử viết: “Ngô văn chư phu tử: Nhân vị hữu tự trí giả dã, tất dã thân tang hồ?”.

Dịch. – Tăng tử nói: “Ta nghe thầy ta nói: Người ta trong các việc khác chưa biểu lộ được hết tình cảm tự nhiên, chỉ trong việc tang cha mẹ là biểu lộ được hết thôi”.

XIX.18

Tăng Tử viết: “Ngô văn chư phu tử: Mạnh Trang tử chi hiếu dã, kì tha khả năng dã; kì bất cải phụ chi thần dữ phụ chi chính, thị nan năng dã”.

Dịch. – Tăng tử nói: “Ta nghe thầy ta nói: Ông Mạnh Trang tử (một đại phu nước Lỗ) có những điều hiếu khác mà người ta làm được, chỉ có điều này là không thay bề tôi và chính trị của cha là khó mà làm được”.

XIX.19

Mạnh thị sử Dương Phu vi sĩ sư, vấn ư Tăng tử. Tăng tử viết: “Thượng thất kì đạo, dân tán cửu hĩ. Như đắc kì tình, tắc ai cặng nhi vật hĩ”.

Dịch. – Họ Mạnh dùng Dương Phu (một môn sinh của Tăng tử) làm pháp quan. Dương Phu đến hỏi Tăng tử. Tăng tử bảo: “Người trên bỏ chính đạo, dân chúng đã phóng túng, không giữ phép từ lâu rồi. Nếu xét được thực tình của người phạm tội thì nên thương xót họ chứ đừng nên mừng” (về tài mình quyết của mình).

XIX.20

Tử Cống viết: “Trụ chi bất thiện, bất như thị chi thậm dã. Thị dĩ quân tử ố cư hạ lưu, thiên hạ chi ác giai qui yên”.

Dịch. – Tử Cống nói: “Những tội ác của vua Trụ không đến nỗi quá lắm như người ta truyền. Sở dĩ người quân tử không muốn ở chung với đám hạ lưu (mà mang tiếng) vì bao nhiêu tội ác trong thiên hạ đều dồn về đó”.

XIX.21

Tử Cống viết: “Quân tử chi quá dã, như nhật nguyệt chi thực yên: Quá dã, nhân giai kiến chi; canh dã nhân giai ngưỡng chi”.

Dịch. – Tử Cống nói: “Người quân tử có lỗi thì như nhật thực, nguyệt thực: có lỗi thì ai cũng thấy, mà khi sửa lỗi thì ai cũng ngưỡng vọng”.

XIX.22

Vệ Công tôn Triều vấn ư Tử Cống, viết: “Trọng Ni yên học?”. Tử Cống viết: “Văn Võ chi đạo, vị truy ư địa, tại nhân. Hiền giả chí kì đại giả, bất hiền giả, chí kì tiểu giả, mạc bất hữu Văn Vũ chi đạo yên. Phu tử yên bất học? Nhi diệc hà thường sư chi hữu?”.

Dịch. – Công tôn Triều (đại phu nước Vệ) hỏi Tử Cống: “Ông Trọng Ni học với ai?”. Tử Cống đáp: “Đạo của vua Văn vua Võ (nhà Chu) chưa mất, còn có người bảo tồn được. Người hiền ghi được những điều trọng đại, người bất hiền nhớ được những điều nhỏ nhặt, không đâu không có đạo của vua Văn vua Võ. Thấy tôi gặp đâu mà không học, hà tất phải học riêng một thầy nào?”.

XIX.23

Thúc tôn Võ Thúc ngự đại phu ư triều viết: “Tử Cống hiền ư Trọng Ni”. Tử Phục Cảnh Bá dĩ cáo Tử Cống. Tử Cống viết: “Thí chi cung tường. Tứ chi tường đã cập kiên khuy kiến thất gia chi hảo. Phu tử chi tường sở nhận, bất đắc kì môn nhi nhập, bất kiến tôn miếu chi mỹ, bách quan chi phú. Đắc kì môn giả hoặc quả hĩ. Phu tử chi vân, bất diệc nghi hồ?”.

Dịch. – Thúc tôn Võ Thúc (một đại phu nước Lỗ) nói với các quan đại phu ở triều: “Ông Tử Cống tài giỏi hơn ông Trọng Ni”. Tử Phục Cảnh Bá thuật lại lời đó với Tử Cống. Tử Cống nói: “Lấy bức tường cung thất làm thí dụ. Bức tường của Tử tôi cao tới vai, nên người ở ngoài thấy được những cái đẹp trong nhà. Bức tường của thầy tôi cao mấy nhận (mỗi nhận thời đó bảy tám thước, mỗi thước một gang tay), nếu không qua cửa mà vào thì không thấy được những cái đẹp trong tôn miếu, sự kiến trúc các điện phong phú ra sao. Hoặc giả ít người qua được cửa. Vậy lời của ông Thúc tôn Võ Thúc không hợp rồi (sai rồi)”.

XIX.24

Thúc tôn Võ Thúc hủy Trọng Ni. Tử Cống viết: “Vô dĩ vi dã. Trọng Ni bất khả hủy dã. Tha nhân chi hiền giả, khâu lãng dã, do khả du dã. Trọng Ni nhật nguyệt dã, vô đắc nhi du yên. Nhân tuy dục tự tuyệt, kì hà thương ư nhật nguyệt hồ? Đa. Kiến kì bất tri lượng dã”.

Dịch. – Thúc tôn Võ Thúc chê Trọng Ni. Tử Cống nói: “Đừng nên làm vậy. Thầy Trọng Ni không thể hủy báng được. Tài đức của người khác cao như cái gò, cái đồng, còn có thể qua được. Người ta dù muốn tự cách tuyệt (mà hủy báng) thì có hại gì cho mặt trời, mặt trăng đâu! Chỉ tỏ rằng mình không biết lượng cao thấp mà thôi”.

XIX.25

Trần Tử Cầm vị Tử Cống viết: “Tử vi cung dã? Trọng Ni khởi hiền ư tử hồ?”. Tử Cống viết: “Quân tử nhất ngôn dĩ vi trí, nhất ngôn dĩ vi bất trí, ngôn bất khả bất thận dã. Phu tử chi bất khả cập dã, do thiên chi bất khả giai nhi thăng dã. Phu tử chi đắc bang gia giả, sở vị lập chi tư lập, đạo chi kì hành, tuy chi tư lai, động chi tư hòa. Kì sinh dã vinh, kì tử dã ai, như chi hà kì khả cập dã?”.

Dịch. – Trần Tử Cầm (Trần Cang) nói với Tử Cống: “Anh khiêm cung đấy thôi. Thầy Trọng Ni làm sao tài đức hơn anh được?”. Tử Cống bảo: “Người quân tử nói ra một lời mà người ta cho mình là khôn, hay không khôn, cho nên không thể không thận trọng lời nói. Thầy chúng ta không ai bì kịp được, cũng như trời không thể bắt thang mà lên được. Nếu thầy chúng ta được cầm quyền một nước hay một nhà (ấp của đại phu), thì như người xưa nói, gây dựng cho dân, dân sẽ tự lập, dắt dẫn dân, dân sẽ biết đường mà đi, vỗ yên dân, dân sẽ qui phụ, cổ võ dân, dân sẽ hiệp lực với nhau. Khi sống được mọi người tôn kính. Khi chết được mọi người thương xót. Ai có thể bì kịp với thầy chúng ta được?”.

Chữ hoǎng [弘] một số học giả gần đây cho là nghĩa như chữ cường [強] ngày nay.

Theo trong thì “đức” (德) có nghĩa là “tiết” (節): đại đức là đại tiết, tiểu đức là tiểu tiết; “nhân” (閑) có nghĩa là “hạn” (限). (Goldfish).

Chữ *quyện* [倦] ở đây tức chữ *quyện* trong “Hối nhân bất quyện”. Có người dịch khác: để đến sau mà dạy cho đến mệt mỏi.

Ngọn tức như vẩy nước, quét tước... gốc tức như chính tâm thành ý... Ý muốn nói: Dạy đạo lý ngay cho trẻ hoặc cho những kẻ kém thông minh thì họ không theo được. Đại ý của Tử Hạ là dạy học phải có tuần tự, tùy theo trình độ của mỗi người. Có người hiểu là: “Giảng ngọn mà biết đến gốc, chỉ bậc thánh nhân mới được như thế”. Lại có người hiểu là: “Đạo thánh nhân có chỗ nên dạy trước, có chỗ nên dạy sau, ta chẳng nên tuần tự mà dạy sao?”. Bài này ý nghĩa không có gì cao xa mà lời không minh bạch, mỗi người hiểu mỗi khác.

THIÊN XX

NGHIÊU VIẾT

XX.1

Nghiêu viết: “Tu! Nhĩ Thuần, thiên chi lịch số tại nhĩ cung, doãn chấp kì trung. Tứ hải khôn cùng, thiên lộc vĩnh chung”. Thuần diệp dĩ mệnh Vũ.

Viết: “Dư tiểu tử Lí, cảm dụng huyền mầu, cảm chiêu cáo vu hoàng hoàng hậu Đế: Hữu tội bất cảm xá. Đế thần bất tế, gián tại Đế tâm. Trẫm cung hữu tội, vô dĩ vạn phương; vạn phương hữu tội, tội tại trẫm cung”.

*

Chu hữu đại lại, thiện nhân thị phú. Tuy hữu chu thân, bất như nhân nhân. Bách tính hữu quá, tại dư nhất nhân”.

Cẩn quyền lượng, thâm pháp độ, tu phước quan, tứ phương chi chính hành yên. Hưng diệt quốc, tu phước quan, kế tuyệt thế, cử dật dân, thiên hạ chi dân qui tâm yên. Sở trọng: Dân, thực, tang, tế. Khoan tắc đắc chúng, tín tắc dân nhiệm yên, mẫn tắc hữu công, công tắc duyệt”.

Dịch. – (Khi nhường ngôi cho ông Thuần) vua Nghiêu bảo: “Hỡi ông Thuần, mệnh trời tuần hoàn, nay ngôi vua về ông; ông nên thành thực giữ đạo trung chính. Nếu dân trong bốn bể khôn cùng, thì lộc trời (ban cho ông) sẽ mất hẳn đấy. (Về sau) vua Thuần lại truyền những lời đó cho vua Vũ.

Chú thích. – Vua Nghiêu, nhà Đào Đường: 2356-2255; vua Thuần, nhà Hữu Ngư: 2255-2205; vua Vũ: 2205-2197, sáng lập nhà Hạ, (cho nên cũng gọi ông là Hạ Vũ). Sau, nhà Hạ suy, bị chư hầu ông Lí đánh đuổi, lên ngôi, hiệu là Thành Thang (1766-1753), lập nhà Thương (cũng gọi là nhà Ân: 1766-1122). Chúng ta nhận thấy câu đầu có vắn: cung, trung, cùng, chung; chắc viết khá trễ vào giữ thời Chiến Quốc.

*

(Khi lên ngôi – có sách giảng là nhân một lần đảo vũ) vua Thành Thang cáo với Trời: “Đứa tiểu tử (con nhỏ) này tên là Li, mạo muội dùng con bò đực đen để tế, mạo muội cáo bạch với Thượng Đế chỉ tôn chỉ cao rằng: “Kẻ có tội (có sách bảo đây ám chỉ vua Kiệt), tiểu tử không dám tha. Nhưng kẻ bề tôi của Thượng Đế ai thiện, ai ác, tiểu tử không dám giấu, vì lòng Thượng Đế rõ rồi. Bản thân trầm

*

(Sau khi Võ vương diệt Trụ) nhà Chu được trời thưởng lớn, nên có nhiều người thiện. (Và những người này được Võ vương phong làm vua chư hầu). Khi phong Tề Thái công) Võ vương bảo: “Tuy có người thân thích rất gần, cũng không bằng có người nhân đức. Trăm họ có lỗi, đều tại một mình ta (không biết giáo hoá).

(Võ vương) định lại cẩn thận cái cân và đồ đo lường, chế định pháp độ, không phục lại những quan chức đã bị (vua Trụ) bãi bỏ, chính lệnh trong thiên hạ được thi hành. Ông phục hưng những nước chư hầu đã bị diệt, cho người nối tiếp những dòng họ đã bị tuyệt, để bạt những người ẩn dật có tài đức nên nhân dân khắp nơi qui phục. Ông coi trọng những việc này nhất: Thương dân, lương thực, tang lễ, tế tự. Ông khoan hậu nên được lòng người, thành thực nên được trăm họ tín nhiệm, cần mẫn nên thành công, công bình nên mọi người vui vẻ.

Chú thích. – Bài này có thể là ý của Khổng tử, người sau chép lại, thiếu liên lạc mà đoạn cuối có mấy câu: “Khoan tắc đắc chúng, tín tắc dân nhiệm, mẫn tắc hữu công” trùng với bài XVII.6.

XX.2

Tử Trương vấn ư Khổng Tử viết: “Hà như, tư khả dĩ tòng chính hĩ”. Tử viết: “Tôn ngũ mỹ, bính tứ ác, tư khả dĩ tòng chính hĩ”. Tử trương viết: “Hà vị ngũ mỹ?”. Tử viết: “Quân tử huệ nhi bất phí, lao nhi bất oán, dục nhi bất tham, thái nhi bất kiêu, uy nhi bất mãnh”. Tử Trương viết: “Hà vị huệ nhi bất phí?”. Tử viết: “Nhân dân chi sở lợi nhi lợi chi, tư bất diệc huệ nhi bất phí hồ? Trạch khả lao nhi lao chi, hựu thù oán? Dục nhân nhi đắc nhân, hựu yên tham? Quân tử vô chúng quá, vô tiểu đại, vô cảm mạn, tư bất diệc thái nhi bất kiêu hồ? Quân tử chính kỳ y quan, tôn kỳ chiêm thi, nghiêm nhiên nhân vọng nhi uy chi, tư bất diệc uy nhi bất mãnh hồ?”. Tử Trương viết: “Hà vị tứ ác?”. Tử viết: “Bất giáo nhi sát, vị chi ngược; bất giới thị thành, vị chi bạo; mạn lệnh trí kỳ, vị chi tặc; do chi dữ nhân dã, xuất nạp chi lận, vị chi hữu ti”.

Dịch. – Tử Trương hỏi Khổng tử: “Thế nào thì có thể tòng chính (gánh việc được) được?”. Khổng tử đáp: “Phải trọng năm điều tốt, trừ bốn điều xấu thì có thể tòng chính được”. Tử Trương hỏi: “Thế nào là năm điều tốt?”. Khổng tử đáp: “Người quân tử ban ân huệ cho dân mà không hao tổn, khiến dân làm việc khó nhọc mà dân không oán, có lòng muốn mà dân không tham, thư thái mà không kiêu căng, uy nghiêm mà không dữ tợn”. Tử Trương hỏi: “Thế nào mà ban ân huệ cho dân mà không hao tổn?...”. Khổng tử đáp: “Nhân cái lợi của dân mà làm lợi cho dân (chẳng hạn dân ở miền núi, miền biển... cái lợi của núi, của biển, khuyến trượng những lợi đó cho dân) thì chẳng phải là ban ân huệ cho dân mà không hao tổn ư? Chọn việc phải làm và lúc nào đáng làm mà khiến cho dân làm, như vậy thì ai oán? Muốn có điều nhân mà được điều nhân thì còn gì mà tham? Người quân tử đối với dân, chẳng kể là đám đông hay ít, người lớn

hay người nhỏ (có người dịch là chẳng kể việc lớn hay việc nhỏ), không dám khinh thường, trề biếng, như vậy chẳng phải là thư thái mà không kiêu căng ư? Người quân tử mũ áo chỉnh tề, nhìn ngó đoan chính, dáng mạo trang trọng, ai trông thấy cũng kính sợ, như vậy chẳng phải uy nghiêm mà không dữ tợn ư?”. Tử Trương hỏi: “Thế nào là bốn điều xấu?”. Khổng tử đáp: “Không giáo hoá dân, để dân phạm tội rồi giết, như vậy là tàn ngược; không cất đặt, răn bảo trước mà muốn có thành tích, như vậy là hung bạo; khi ra lệnh thì không báo là cấp bách rồi đột nhiên bắt dân phải làm xong trong một kì hạn gấp, như vậy là hại dân; khi cho dân cái gì mà so đo bòn xén với dân, như vậy là có thói nhỏ nhen của một viên chức thấp (hữu ti)”

XX.3

Tử viết: “Bất tri mệnh, vô dĩ vi quân tử dã; bất tri lễ, vô dĩ lập dã; bất tri ngôn, vô dĩ tri nhân dã”.

Dịch. – Khổng tử nói: “Không biết mệnh trời thì không phải là người quân tử; không biết lễ thì không biết cách đi đứng ở đời (hoặc không biết lập thân trong chính đạo); không biết phân biệt lời nói của người thì không hiểu người”.

Thời xưa, dang hèn gì cũng xưng là trẫm; từ thời Tần Thủy Hoàng, chỉ vua mới được tự xưng là trẫm. – Rồi nhà Thương suy, vua Trụ bạo ngược, bị chư hầu là Phát diệt mà lên ngôi, lập nhà Chu, (1122-256 hoặc 221), hiệu Võ vương.

[Đoạn có nguyên văn là: “Trẫm cung hữu tội, vô dĩ vạn phương; vạn phương hữu tội, tội tại trẫm cung”, lời dịch trong ebook nguồn chỉ có ba chữ: “Bản thân trẫm”. Xin tạm bổ sung: “(...) có tội, không phải của dân; muôn dân mà có tội, tội đó là tại trẫm (vùng trị dân)”. (Goldfish).

Câu đầu này có người hiểu là: Võ vương đem của công phát cho dân, những người thiện được thưởng nhiều, nên hoá ra giàu có. Hiểu như vậy cũng có lí, nhưng không liên tiếp với mấy câu sau bằng hiểu như chúng tôi đã dịch.

Tề Thái công, tức Khương Tử Nha. (Goldfish).

Có sách chấm câu: “Sở trọng dân, thực, tang, tế” và dịch là: chú trọng đến việc của dân như lương thực, tang lễ, tế tự.

PHỤ LỤC

Gồm các bảng phân loại, hai bảng nhân danh, địa danh và một bảng những câu thường dẫn.

KHÔNG TỬ

ĐỜI SỐNG

II.4. (Lập chí học). – 19. Bàn về chính trị với Ai công.

III.21. Nói về việc lập đàn xã. – 23. Bàn về nhạc với nhạc trưởng nước Lỗ.

V.21 Muốn về Lỗ hướng dẫn thanh niên.

VI.26. Vô yết kiến Nam tử ở Vệ.

VII.13. Học nhạc Thiều. – 14. Không vị vua Vệ. - 16. Học Dịch. – 17. Dùng ngôn ngữ tiêu chuẩn của Chu. – 18. Diệp công hỏi Tử Lộ về Khổng tử. - 22. Ở Tống, Hoàn Khôi muốn hại.

IX.5. Bị vây ở đất Khuông (có mệnh trời).

IX.6. Hồi trẻ làm nhiều nghề. – 8. Chán vì chim phượng không hiện. – Thờ trời. – 13. Chán, muốn đi Cửu Di. - 14. Về Lễ đính chính nhạc. – 17. Phàn nàn người ta trọng sắc hơn đức.

XI. 2. Ở Trần, Thái. – 7, 8, 9, 10. (Nhan Hôi chết). – 12. Đoán Tử Lộ bắt đắc kì tử. - 22. Gặp Nhan Hôi ở Khuông.

XII.11. Tề Cảnh công vấn chính. - 17, 18, 19. Bàn về chính trị với Quý Khang tử.

XIII.3. Ở Vệ, nói về chính danh. - Ở Vệ, nói về thứ, phú, giáo. – 16. Diệp công vấn chính. – 18. Diệp công hỏi về con tố cáo cha.

XIV.5 Không chê vua nước mình ở. – 19. Bàn về chính trị với Quý Khang tử. - 21. Đề nghị đánh loạn thân Trần Thành tử ở Tề. - Ở Thạch Môn. – 40. Đánh khánh ở Vệ.

XV.1. Vệ Linh công hỏi về chiến – Tuyệt Lương ở Trần. – 41. Đối với nhạc sư mù.

XVI.13. Dạy Bá Ngự.

XVI.1. Dương Hoá dụ không được. – 5. Muốn tới với Phát Nhiêu. – 7. Muốn tới với Bất Hật. – 10. Dạy Bá Ngự. – 20. Không tiếp Nhụ Bì.

XVIII.3. Tề Cảnh công không dùng. – 4. Bỏ Lễ qua Vệ vì đoàn nữ nhạc. – 5. Gặp Sở Cuồng. – 6. Gặp Trường Thư, Kiệt Nịch. – 7. Gặp trượng nhân.

LỜI SỐNG

Cả thiên X. Bài 1-5 sinh hoạt ở triều đình. – Bài 6 - 9, 13 sinh hoạt ở nhà. – 8 ăn, 6 mặc, 16 ở. – Bài 10 sinh hoạt ở làng xóm. – Bài 11, 15 bạn bè. – Bài 17 khi ngồi xe. – Bài 12 chuồng ngựa cháy.

NHÂN CÁCH, TÍNH TÌNH (coi cả hai mục trên Đời sống, Lời sống và mục dưới Dạy học).

I.10. Ôn, lương, cung, kiệm.

III.13. Tề như tại. – 14. Không nịnh. – 15. Hồi lễ ở thái miếu. – 18. Tận lễ với vua. – 25. Không ưa võ lực, cách mạng.

V.25. Chí hướng – (lão giả an chi). – 27. Trung tín, ham học.

VI.8. Đối với học trò (Bá Nguru). – 24. Nhân và trí. – 26. Gặp Nam tử.

VII.2, 3. Dạy không mỗi, dạy không chán. – 4. – Khi nhàn cư, vui vẻ. – 9. Với người có tang. – 10. Không bạo hổ bằng hà. – 11, 25. Không ham phú quý. – 12. Thận trọng: trai, chiến, tật. – 13. Thích nhạc Thiều. – 18. Học quên già. – 20. Không nói về quái, lực, loạn, thần. – 21. Tam nhân hành. – 22. Bình tĩnh, tin mệnh. – 23. Không giấu học trò. – 26. Khi câu, bắn. – 28. Khoan dung, quên dĩ vãng xấu của người. – 31. Hát. 32. Nhũn. – 34. Không cầu đảo. – 37. Ôn, uy, cung.

IX.2. Nói đùa: chuyên nghề đánh xe. – 3. Trọng lễ, tùy thời. – 4. Tuyệt tứ. – 5. Tin mệnh. – 6. Nhũn. – 9. Đối với người có tang, người mù. – Trách Tử Lộ muốn táng mình như đại phu.

DẠY HỌC

VII.7. Dạy mọi hạng người. – 28. Không xét dĩ vãng xấu. – 2, 33. Hối nhân bất quyện.

XV.38. Hữu giáo vô loại.

CÁCH DẠY

II.11. Ôn cố tri tân.

VI.10. Thúc học trò tiến. – 11. Chú trọng đạo đức. – 12. Theo dõi hành vi học trò. – 19. Tùy hạng người cao thấp.

VII.8. Bất suy nghĩ (cử nhất ngưng). – 20. Không giảng quái, lực, loạn, thần. – 23. Không giấu giếm gì cả.

IX.1. Ít nói lợi, mệnh, nhân. – Tuần tự dẫn dụ. 23. Sửa tật, suy xét.

XIV.45. Dạy trẻ lễ phép (làng Khuyết).

XV.15. Bất suy nghĩ (như chi hà).

XVII.19. Dư dục vô ngôn (coi thêm lời Tử Hạ XIV.12). *Đối chứng hạ được* như giảng về hiếu (IV), về nhân (XII), nhất là bài XI.21 (văn tự hành chư).

KHÔNG TỰ TỰ XÉT MÌNH

II.4. Mỗi tuổi 15, 30, 40, 50, 60, 70.

V.27. Ham học.

VII.1. Thuật nhi bất tác, hiếu cô. – 2.. Học bất yếm, hối nhân bất quyện. – 3. Lo học, hành, tu thân. – 5. Than thở vì sức suy, không mộng thấy Chu công. – 18. Học quên già. – Phi sinh nhi tri chi. – 22. Trời cho có đức.

IX.6. Ngô thiếu tiện.

XIII.10. Cầu hữu dụng ngã.

XIV.28. Chưa được đạo quân tử. – 32. Ghét người ngoan cố. – 35. Bất oán thiên, bất vu nhân, chỉ trời biết mình.

XVIII.8. Vô khả vô bất khả.

KHÔNG TỬ XÉT NGƯỜI XƯA VÀ NGƯỜI ĐƯƠNG THỜI

III.22. Quản Trọng. V.14. Khổng Văn tử (bất si hạ vấn). – 15. Tử Sản. – 16. Án Bình Trọng. – 17. Tang Văn Trọng nuôi rùa bói. – Tử Văn, Trần Văn tử. – 19. Quý Văn tử. – 20. Ninh Vũ tử. – 22. Bá Di, Thúc Tề. – 23. Vi Sinh Cao. – 24. Tả Khâu Minh.

VI.4 (người đương thời ưa nịnh), 15. (không theo chính đạo) – 13. Mạnh Chi Phản. – 22. Xét Tề, Lỗ. – 23. Cô bất cô.

VIII.1. Thái Bá. – 12. (người ta học vì bổng lộc). – 18. Thuấn, Vũ. – 19. Thuấn, Nghiêu. 20. Thuấn, Văn vương, Võ vương. – 21. Vũ (Hạ).

IX.17 (Người ta hiếu sắc hơn hiếu đức).

XIII.7. Xét Vệ, Lỗ.

XIX.9. Quản Trọng, Tử Sản, Tử Tây. – 11, 12. Mạnh Công Xước. – 12, 14. Tang Vũ Trọng, Trang tử. – 13. Công Thúc Văn tử. – 15. Tấn Văn công, Tề Hoàn công. 16, 17. Quản Trọng. – 19. Vệ Linh công vô đạo mà biết dùng người nên không mất nước. – 21. Trần Thành tử. 26. Khen một sứ giả. – 44. Nguyên Nhưông.

XV.3. Ít người biết đạo đức. – 13. Tang Văn Trọng, Liễu Hạ Huệ. – 25. Người nay kém xưa.

XVI.11. Than thời thế.

XVI.12. Chê Tề Cảnh công.

XVII.2. Tính tương cận. – 3. Thượng trí, hạ ngu. – 16. Cổ giả dân hữu tam tất. – 25. Tiểu nhân và đàn bà.

XVIII.1. Vi tử, Cơ tử, Tỉ Can. – 8. Các ân sĩ, Bá Di, Thúc Tề...

NGƯỜI ĐƯƠNG THỜI XÉT KHÔNG TỬ (Không kể lời môn sinh xét – sẽ ghi trong mục sau).

III.24. (Nghị Phong nhân: cho Khổng tử là một đặc)

IX.2. (Đặt Hạng đẳng: chê Khổng tử là bác học mà vô thành danh).

IX.6. (Một viên thái tể: khen là thánh, đa năng).

XIV.32. (chê Khổng tử muốn tỏ khẩu tài). – 39. (Người giữ cửa chê là biết không làm được mà vẫn làm). – 40. (Người vác sọt ở Vệ chê là không thức thời, khi Khổng tử đánh khánh ở Vệ).

XVIII.5. (Sở Cuồng: không thức thời). – 6. (Trường Thư, Kiệt Nịch: không thức thời). – 7. (Trượng nhân chê là chẳng làm gì cả, không biết năm giống lúa).

XIV.23, 24 (Thúc tôn Võ Thúc chê Khổng tử kém Tử Cống. Tử Cống đáp). 25. Trần Tử Cầm cho Khổng tử không hơn Tử Cống.

MÔN SINH KHÔNG TỬ

Lời nói Khổng tử xét môn sinh, gạch dưới - Lời môn sinh xét Khổng tử, đặt trong dấu ngoặc. Châm ngôn của môn sinh đặt riêng ở cuối và có dấu * ở trước. Còn những bài khác có nhắc tới môn sinh thì in như thường. Tên họ môn sinh sắp theo thứ tự a, b, c – Những tên tự thường dùng, in chữ hoa cho dễ kiểm.

Bá Ngưu (coi Nhiễm Canh).

Bốc Thương - TỬ HẠ – II.8; III.8; VI.11; XI.12, 15 – XII.22, XIII.17.

* (châm ngôn). I.7; XII.5 – XIX. 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13.

Cao Sài – TỬ CAO - XI.17, 24.

Công Dã Tràng – TỬ TRÀNG - V.1 (con rể).

Công Tây Xích – TỬ HOA – V.7; VI.3; XI.21, 25.

Chuyên Tôn Sư – TỬ TRƯỞNG – II.18, 23; XI.15, 17, 19; XII.6, 10, 20; XIV.5 – XX.2.

* XIX.1, 2, 3.

Doan Mộc Tử - TỬ CỐNG – (I.10), I.15; V.3, 8, 11, 14; VI.6, 28; VII.14; IX.12, (6); XI.2, 12, 15, 18. buôn bán. XII.6, 7, 8, 23; XIII.20, 24; XIV.17, (28), 29, 35; XV.2, 9, 23; XVII.19, 24; (XIX.22, 23, 24, 25).

* XIV.20, 21.

Hữu Nhược, HỮU TỬ - XII.9 (đáp Ai công về thu thuế).

* I.1, 12, 13.

Khổng Lí – BÁ NGƯ (con Khổng tử) XI.17; XVI.13; XVI.10.

Lao (không biết họ) IX.6.

Mẫn Tôn – Mẫn TỬ KHIÊN – VI.7; XI.2, 4, 12, 13.

Mật Bất Tề – TỬ TIỆN - V.2.

Nam Dung – Nam Cung Quát – cháu rể - TỬ DUNG – V.1; XI.5; XIV.5.

Nguyên Hiên – Nguyên Tư – TỬ TU – VI.3; XIV.1.

Ngôn Yển – TỬ DU – II.7; VI.12; XVII.4 dùng dao mổ bò mà mổ gà.

* IV.26, XIX.12, 14, 15.

Nhan Hôi – NHAN UYÊN, TỬ UYÊN – II.9; V.8, 25; VI.2, 5, 9 một bầu nước VII.10; IX.19, 20; XI.2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 18, 22; (IX.10); XV.10.

Nhan Lộ - XI.7.

Nhiễm Canh – BÁ NGƯU (cùi) VI.8; XI.2.

Nhiễm Cầu – NHIỄM HỮU, NHIỄM TỬ - III.6; V.7; VI.3, 6, 10; VII.14; XI.2, 12, 16, đuổi Nhiễm Hữu 21, 23, 35; XIII.9, 14; XIV.12; XVI.1.

Nhiễm Ung – TRỌNG CUNG – V.4 bất ninh; VI.1, 4, khả nam diện XI.2; XII.2; XIII.2.

Nhụ Bĩ - XVII.20.

Phàn Tu – Phàn Trì – TỬ TRÌ – II.5 vẫn hiếu. XII.21, 22. sùng đức XIII.4, 10. đi Di Địch.

Tăng Tích – ĐIỂM - XI.25.

Tăng Sâm – TỬ DU, TĂNG TỬ - IV.15; XI.17; XIX.18.

* I.4, 9; VIII.3, 4, 5, 6, 7; XII.24; XIV.26 – XIX.16, 17, 19.

Tất Điều Khai V.5.

Tể Du – TỂ NGÃ – III.21; V.9 ngủ ngày. VI.24; XI.2 ăn nói giỏi XVII.21 đề tang.

Tư Mã Canh – TỬ NGƯU – XII.3, 4, 5.

Trần Cang – TỬ CÀM – I.10; XVI.13 (XIX.25).

Trọng Do – TỬ LỘ - QUÍ LỘ - II.17; V.6, 7, 13, 25; VI. 6, 26; VII.10; IX.11, 26, bận áo xấu. X.18; XI.2, 11, 12, 14, 17, 21, 23, 34, 25; XII.12; XIII.1, 3; XIV.12, 16, 36, 39, 43; VI.1; XV.5, 7, 23; XVIII.6, 7.

HỌC VÀ TU DƯỠNG

Nên coi thêm lời của một số môn sinh : Tử Hạ, Tử Trương, Tăng tử, Tử Cống v.v... ở trên.

Mục đích – Thái độ XVII.2 tính tương cận, tập tương viễn.

Học vì mình I.1, 16; IV.14; XIV.30 bất hoạn mạc kỉ tri.

Không cầu lộ VII.12; XIV.24; XV.31.

Học đạo VII.3 tu đức – XII.10, 21 sùng đức, bất hoặc, IV.9, VIII.13 chí ư đạo, giữ đạo. XIV.8 lục tế - học cần cho mọi đức, nhưng nên nhớ: XV.28 nhân năng hoằng đạo.

Học để sửa mình I.8, I.4 xét mình – (lời Tăng Sâm), IX.23, XV.29, V.26 tự trách mình. XIV.10 quân tử hữu cửu tư.

Vui học – I.1 – học nhi thời cập chi, bất diệc duyệt hồ. I.14 hiếu học IV.8 triêu văn học. I.8 – vui đạo còn hơn thích đạo.

Cách học

Nhất quán: IV.15, XV.2 – tổng hợp lấy một mối.

Suy nghĩ: II.15 học nhi bất tư... VII.8 cử nhất ngưng. XV.15 như chi hà, 30 suy nghĩ không bằng học. IX.4 tuyệt tứ - IX.7 tìm hiểu vấn đề. II.17 tri chi vi tri chi. II.11 ôn cố tri tân. I.15 cáo vãng tri lai.

Gắng sức: VIII.17 học như bất cập. IX.18, 30 kiên tâm như đắp núi.

Học mọi người: IV.17 học người hiền. VII.21 tam nhân hành. V.14 bất sĩ hạ vấn. IV.25 đức bất cô. (coi thêm lời Tử Hạ XIX. 4, 5).

Học gì?

Học đạo, văn, nghệ I.6, VII.6, VII.24, VI.25 bác ư văn – VI.16 văn ngang chất – XII.8 (lời Tử Cống) – III.16 học bắn – XIII.4 không dạy nông.

Văn thì có:

Thi II.2 tư vô tà – VIII.8 hưng ư thi. XIII.5 tụng thi tam bách. XVI.13 bất học thi vô dĩ ngôn – XVII.9 khả dĩ hưng, 10.

(Những bài dẫn Thi: I.14 như thiết như tha. III.3 thơ Ung, III.8 xảo tiểu thiên hề, III.20 Quan thư, VIII.1 chiến chiến căng căng như lâm thâm uyên. IX.26 bất chí bất cầu... IX. 30 đường lệ chi hoa. X.15 thơ Bạch Khuê – XIV.40 thâm tắc lệ, thiên tắc khô, I.12 lễ để hoà (Hữu Nhược), II.5 hiếu với lễ.

Lễ, nhạc: III.24 nhạc lí. III.25 nhạc Thiệu, nhạc Võ. VI.25 ước chi dĩ lễ. VIII.12 lễ với cung, dũng, trực. IX.3 thủy thời. VIII.8 lập ư lễ, thành ư nhạc. IX.14 nhã, tụng. XVI.13 bất học lễ vô dĩ lập. III.4, XVII.11 không trọng hình thức. XVII. 18 ghét Trịnh thanh.

Tang, tế: I.9 thận chung truy viễn – (Tăng tử) II.24 phi kì quỷ nhi tế chi. III.10, 11, 12 tế như tại. III.1 Vũ Bát dật. III.6 tế Lữ. III.10, 11, 12 tế Đế. II.21 đàn Xã. VI.2 lễ phải tùy thời. XI.7, 10 táng. XI.11 yên năng sự quỷ. XIV.41 vua cư tang. XIV.42 lễ - XVII.21 tang ba năm. XIX.14, 17 tang, táng (Tăng tử).

Thư: XIV.41 (dẫn kinh Thư).

Dịch: VII.16 gia ngã sở niên... XIII.22 (dẫn quẻ Hằng).

Không giảng về quái, lục, loạn, thần VII.20, tính, thiên mạng V.12, quỷ, sinh tử XI.11.

CÁC ĐỨC

Nhân III.3 gốc của lễ nhạc – IV.6 người yêu nhân. VI.20 tiên nan hậu hoạch – VI.21 kỉ dục lập; IV.6, VII.29 muốn nhân thì được nhân – IX.28 nhân giả bất ưu – XII.22 ái nhân. IV.5 không lúc nào quên nhân. I.2 hiếu để là gốc của nhân (lời Hữu Nhược). XII.2, XV.23 kỉ sở bất dục – XII.3, XIII.19 cung, kính, trung. XIII.27 gần được đức nhân. IX.28 nhân, trí, dũng. XII.1 nhân với lễ. XIV.1 không chắc là nhân – XIV.4 nhân với dũng – XV.8 sát thân dĩ thành nhân – XV.9, 34, 35 – XVII.6 năm đức để thành nhân – XIX.6 (lời Tử Hạ). VI.24 nhân giả nhạo sơn – VI.24 nhân giả khả thi, bất khả vọng dã.

Nghĩa, lợi IV.10, 16. VII.15 phú quý như phù vân – IV.12 lợi sinh oán. IX.1 tử hân ngôn lợi. XIII.17 tiểu lợi. XVII.23 nghĩa, dũng.

Trí IV.2 người nhân, người trí – V.17 bất trí. V.20 bang hữu đạo... VI.20 trí là nhân; Kính nhi viễn chi – VI.21 trí giả nhạo thủy. IX.28 nhân trí dũng. XII.22 tri nhân.

Dũng II.24 vô dũng. IX.25 giữ vững chí – IX.27 giữ tư cách: tuế hàn, tùng bách hậu điều – IX.28 nhân trí dũng – XIV.4 dũng với nhân – XVII.23 dũng, nghĩa.

Trung tín, thành I.4 (lời Tăng tử). I.8 quân tử chủ trung tín. I.1 (lời Hữu Nhược). II.22 tín. V.24 không thành thực. VII.24. VIII.16 người bất tín. VII.12 (Tử Lộ tín). XV.36 tiểu tín. XVII.12, 13 (hương nguyện). XIX.10.

Ngôn hành I.3, V.24 xảo ngôn – I.24 thận ngôn – II.13, 18. IV.22, 24 thận ngôn, miễn hành. V.19 tam tư nhi hậu hành? XI.20. XIII.3 danh chính, ngôn thuận. XIII.15 nhất ngôn khả dĩ hưng bang. XIV.3 kính. XIV.4 ngôn và đức. XIV.27 ngôn hành. XV.5, XV.7 thất ngôn, thất nhân, XV.26,

XV.40 từ đạt nhi dĩ. XVI.6 nói với vua. XVII.14.

Hiếu để I.2 gốc của nhân (lời Hữu Nhược). I.11. II.5 hiếu với lễ. II.6 con đau cha mẹ lo. II.7 hiếu = kính. II.8 hiếu = hoà. IV.18 can cha mẹ. IV.20 khi cha mẹ còn, mất. IV.19 con đi xa. IV.21 biết tuổi cha mẹ. VIII.4 giữ trọn thân thể (lời Tăng Sâm). XIII.18 hiếu với trực. XIX.18 Mạnh Trang tử có hiếu.

Trung thứ IV.15 nhất quán. Ba lần nói tới thứ: V.11, XII.2 và XV.23 đều: kỉ sở bất dục...

Trung dung, trung chính II.16 công hồ dị đoan. VI.1 thế nào là quá giản? VI.27 trung dung. IX.3, 29 tùy thời – XI.15 quá do bất cập. XIII.21 không trung chính: cuồng, quỵến.

Các đức khác I.4 thực vô cầu báo. IV.23 tự tiết chế - V.10 cương cường – VI.17 trực – VII.25 hằng, thành thực. VII.35 kiệm phát. IX.29 quyền biến – XIII.32 hằng tâm. XIII.23 hoà nhi bất đồng. XIII.26 thư thái, nhũn. XIV.1 không khắc, phạt, oán, dục. XVI.4 ba hạng bạn tốt, - 5 ba điều thích, 6 ba lỗi về nói, 7 ba điều răn, 8 ba điều sợ. (coi thêm mục Quân tử).

Ngờ sai. (Goldfish).

Ngờ sai. (Goldfish),

Ngờ sai. (Goldfish).

Các bài ở dưới, trong ebook nguồn không có bài nào được “gạch dưới”. (Goldfish).

Thiết nghĩ hai bài I.12 và II.5 nên sắp chung với các bài nói về lễ và nhạc ở dưới thì phải hơn. (Goldfish).

Nên kể thêm bài XV.10: Không tử chủ trương cấm Trịnh thanh vì Trịnh thanh dâm. (Goldfish).

Bài II.21 cũng có dẫn kinh Thư (nói về đạo hiếu). (Goldfish).

XỬ THẾ

Đối với trời, quỷ thần, mệnh trời. (coi thêm Lễ).

V.12 (ít nói thiên đạo). VI.20 (kính nhi viễn chi).

VII.22, IX.5 (tin mệnh trời). IX.11 (bất khi thiên) – XI.11 (năng sự nhân). XII.5 (từ sinh hữu mệnh) – XIV.36 (mệnh). XVII.19 (thiên hà ngôn tai).

Đối với cha mẹ, anh em (coi hiếu để).

Coi thêm lời Tử Hạ I.7 đối với vua (lời Tử Hạ).

Đối với vua I.7 (lời Tử Hạ) – III.18 (tận lễ). III.19 (trung), IV.26 (can gián), XIV.22 (vật khi đã, nhi phạm chi) – XV.37 (thờ vua).

Lựa bạn và đối với bạn I.7 (lời Tử Hạ). IV.26 (can gián) – V.16 (cửu nhi kính chi). IX.29 (bạn học đạo). XII.23 (can răn). XII.24 (dĩ văn hội hữu). XIII.28 (bạn bè thiết tha khuyên nhau). XV.39 (đạo bất đồng). XV.4 (ba hạng bạn tốt). XIX.3 (lựa bạn). XIX.20 (lời Tử Cống: không ở chung với đám hạ lưu).

Đối với mọi người IV.6 (yêu người nhân). VI.3 (chu cấp, trả lương). VI.4 (dùng người). VIII.10 (đừng ghét người quá). XII.5 (tử hải giai huynh đệ). XIII.25 (đối với quân tử, tiểu nhân). XIV.7 (yêu, trung). XIV.31 (không đoán trước người ta xấu). XIV.34 (dĩ trực báo oán) – XV.24 (trách nhiệm). XV.27 (mọi người yêu, ghét). XV.41 (nhạc sư mù) – XVII.18 (ghét kẻ bề, mếp). XVII.24 (quân tử ghét những hạng người nào). XVII.25 (đối với đàn bà và tiểu nhân). XIII.19 (đối với Di, Dịch).

Có xét người I.3 (xảo ngôn lệnh sắc, ít nhân). II.10 (xét việc làm). III.26 (người xấu: không khoan hồng, nghiêm túc, có tang không buồn). IV.7 (xét người bằng lỗi). V.9 (nghe lời nói rồi xét việc). VIII.10 (kẻ loạn). VIII.11 (kiêu, lận). VIII.16 (những người bỏ đi). IX.22 (hậu sinh khả ử). IX.29 (bạn học tập). XI.20 (coi chừng bề ngoài). XIII.24 (mọi người trong làng đều ưa...). XV.16, 24 (khen chê ai).

Xuất xử IV.1 (lựa chỗ ở cá nhân). V.1, 2, 20, VIII.13, XIV.1, 3 (bang hữu đạo...). VIII.14 (bắt tại kỳ vị). XIV.37 (ở ẩn). XVIII.3 (bỏ vua mà đi).

Đối với phú quý I.15 (nghèo nên vui, giàu nên có lễ). IV.5 (phải hợp với nhau). XIV.16 (nghèo không oán, giàu không kiêu), XV.3 (bất ưu bần). VII.15 (không ham phú quý – phú quý như phù vân).

CÁC HẠNG NGƯỜI

Thánh

VI.28 (Nghieu, Thuần). VII.25 (Thánh, quân tử, thiện nhân, hữu hăng). VIII.18 (Thuần, Vũ). IX.6 (Không tử không nhận là thánh) – XVI.9 (sinh nhi tri chi).

Nhân

VI.21 (nhân giả nhạo sơn). VI.28 (kỉ dục lập). XVI.9, 16, 17 (Quản Trọng). VI.5 (Nhan Hôi gần được nhân).

Người hoàn toàn (thành nhân) XIV.12.

Thiện (bẩm sinh tốt) XI.19 – XIII.11, 29.

Hiền VI.9 (Nhan Hôi).

Sĩ IV.9 (chí ư đạo). VIII.7 (lời Tăng tử - nhiệm vụ kẻ sĩ). XII.20 (thế nào là đạt sĩ?) – XIII.20 (ba hạng sĩ) – XIII.28, XIX.1.

Quân tử (hoặc kèm với tiểu nhân)

I.1 (không buồn vì người ta không biết mình) – I.2 (vụ gốc). I.8 (trung tín, sửa lỗi) – I.14 (thực vô cầu báo). II.12 (bất khí). II.13 (ngôn hành) – II.14 (chu nhi bất tị). III.7 (vô sở tranh, tất dã xạ hồ). IV.5 (quân tử với nhân). IV.10 (vô thích, vô mặc, chỉ theo nghĩa) – IV.24 (ngôn hành). V.5 (Tử Tiễn) – V.14 (Tử Sản) – VI.11 (nho quân tử). VI.16 (văn ngang chất) – VI.24 (khả thi, bất khả vãng). VI.25 (văn, lễ). VII.36 (thần đẳng đẳng). XI.20 (đốc kính khi bàn luận, chưa đủ là quân tử). XII.4 (cung, kính, lễ). XII.8 (văn và chất). XII.16 (thành nhân chi mỹ). XII.19 (quân tử chỉ đức phong). XIII.3 (không biết thì bỏ trống) – XIII.23 (hoà nhi bất đồng). XIII.25 (dị sự nhi nan duyệt). XIII.26 (thái nhi bất kiêu). XIV.23 (thượng đạt). XIV.27 (sĩ kì ngôn nhi quá kì hành). XIV.28 (bất ưu, bất hoặc, bất cụ). XIV.43 (tu kĩ). XV.1 (cố cùng) – XV.17 (nghĩa dĩ vi chất). XV.18 (bệnh vô năng yên) – XV.21 (căng nhi bất tranh). XV.22 (bất dĩ ngôn cử nhân) – XV.31 (bất ưu bản). XV.33 (khả đại thụ). XV.36 (trinh nhi bất lượng). XVI.7, 8 (hữu tam uý). XVI.10 (hữu cửu tư). XX.2 (huệ nhi bất phí). XX.3 (tri mệnh, tri lễ, tri ngôn).

Hương nguyên – XVII.13.

Tiểu nhân – XVII.15 (vô sở bất chí). XVII.22 (ăn no suốt ngày mà không dụng tâm).

Tiểu nhân và đàn bà XVII.25 (nan dưỡng). XVII.26 (40 tuổi mà ai cũng ghét).

Coi thêm các bài XIX.7, 8, 9, 19, 21 Tử Hạ và Tử Cống bàn về quân tử, tiểu nhân.

CHÍNH TRỊ

Tư tưởng chính trị rải rác trong khắp các thiên, lược ra hết thì rườm rà, nên ở đây chúng tôi chỉ lựa những bài chính. Nên coi những lời Khổng tử đáp các nhà cầm quyền, các môn sinh, coi đời sống của ông và cả những lời giáo huấn của ông nữa.

Chính sách – Cải cách. III.14 Ngô tông Chu. XVII.5 Phục hưng Chu nhưng IX.3 tùy thời. XV.10 lịch Hạ, xe Ân, mũ Chu. II.23 bách thể khả tri. III.25 không thích cách mạng, trọng nhạc Thiệu hơn nhạc Võ. VII.20 ghét sức mạnh. - Lo cho dân sống yên vui, ở xa qui phụ XIII.16. Phú, thứ, giáo XIII.9. Thực, binh, tín XII.7. Chiến đấu XIII.29, 30. Dạy dân XV.1. - Ít can thiệp vào đời sống của dân: VI.1 hành giản. I.5 sử dân dĩ thời. XV.4 vô vi nhi trị. – Kính vua nhưng không trung quân hẹp hòi XIV.22 – XIV.16, 17 khen Quản Trọng cơ hồ như không tôn Chu. Các ông thánh (Nghịêu, Thuấn, Vũ, Võ) VIII.18, 19, 20, 21, XX.1. - Các tể tướng giỏi: Quản Trọng, Tử Sản...

Đức trị - II.1 sao Bắc Đẩu. II.21 hiếu đễ. XV.34 nhân. Chính danh - VI.23 cô bất cô. XII.11 quân quân. XIII.19 quân tử chỉ đức phong. Trọng lễ hơn trọng hình pháp – II.3, 23, III.19. IV.13, XV.19, XII.13 tất dã sử vô tụng hồ. IV.42, XV.10 nhạc Thiệu. XVI.12 lễ nhạc, XVII.4 Tử Du dùng nhạc.

Dùng người - VI.4 Trọng Cung. XI.1 tiên tiến ư lễ nhạc. II.19 trực – XI.23, 24 đại thần. XII.22 đề bạt người tốt. XIII.2, XIV.19 bề tôi tốt. XVIII.10 Chu Công khuyến Bá Cầm.

Tư cách người trị dân – (coi thêm mục Quân tử). Phải học mới trị dân được XI.24. Làm gương, dạy dân XII.17, 18, 19. XIII.6, 13. VIII.2 (hiếu thảo). XIII.1 tiên chi lao chi. VI.1 cư kính hành giản – III.19 lễ với bề tôi. V.15 kính, huệ, nghĩa. XII.2 nhân, XII.11 quân nhân – XII.18 không tham. I.5 kính, tín, dụng. II.18 ngôn hành. XII.14 vô quyện. XIII.4 lễ, nghĩa, tín. XX.2 ngũ mỹ, tứ ác. XV.32 trí, nhân, lễ. VIII.14 bất tại kì vị. XV.37 thờ vua. XVI.2 không lấn vua. Trị nước phải bao lâu? XIII.10 (3 năm), XIII.12 (30 năm, XIII.111 (100 năm).

Ngờ sai. (Goldfish).

Ngờ sai. (Goldfish).

TÊN NGƯỜI – TÊN ĐẤT – TÊN TRIỀU ĐẠI

Để dễ kiểm, chúng tôi gom tất cả các tên đất và cho in ngã ở cuối mục A, B, C... chúng tôi bỏ bớt một số tên không quan trọng, chẳng hạn tên tám kẻ sĩ đời Chu trong bài XVIII.11 – Tên các triều đại có dấu * ở trước. Tên các môn sinh của Khổng tử đã lập một bản riêng ở trên, ở đây không chép lại.

A.

Ai công (Lỗ) II.9 chính trị, III.21, VI.2, XII.9, XIV.21.

Án Bình Trọng V.16.

* Ân II.23. III.9, 21, VIII.20, XV.10.

B.

Bá Cầm XVIII.10

Bá Di, Thúc Tề V.22, VII.14, XVI.12, XVIII.8.

(Bát sĩ: tám kẻ sĩ đời Chu: XVIII.11).

(Bát nhạc sư nước Lỗ: XVIII.9).

Bật Hật XVII.7

Biện XIV.12

C.

Cao Dao XII.22.

Cảnh công (Tề) XII.11 vẫn chính, XVI.12 không đáng khen, XVIII.3.

Công Bá Liễu XVI.36.

Công Minh Giả XIV.13.

Công thúc Văn tử XIV.13, 18 (khen).

Công Sơn Phát Nhiều (coi Phát Nhiều).

Công tôn Triều (Vệ) XIX.22.

Cơ tử XVIII.1.

Củ (công tử) XIV.16, 17.

Cừ Bá Ngọc XIV.25.

Cúc Tử Thành XII.8.

Cử Phủ XIII.17.

CH.

Chí (nhạc sư) VIII.15, XVIII.9.

Chu công VII.5 (mộng), VIII.11, XI.16, XVIII.10.

Chu Nhâm (sử thần) XVI.1.

Chu Trương XVIII.8

Chúc Đà VI.14, XIV.19.

Chuyên Du XVI.1.

* Chu II.23, III.14, 21, VIII.20, XV.10.

D.

Di Dật XVIII.8.

Diệp công XIII.16, 18.

Dương Hoá XVII.1.

Di, Dịch III.5, IX.13.

Đ.

Đam Đài Diệt Minh VI.12.

Định công (Lỗ) III.19, XIII.15.

Dằng XIV.11.

* Đường VIII.20.

G.

Giản công (Tề) XIV.21.

H.

Hoàn công (Tề) XIV.15, 16, 17.

Hoàn Khôi VII.22.

Hoa Hạ III.5.

Hỗ (làng) VII.28.

Hà đồ IX.8.

* *Hạ* (nhà *Hạ*) II.23, III.9, 21, XV.10.

K.

Kiệt Nịch XVIII.6.

Khổng Văn tử V.14.

Kỉ III.9.

Khuông IX.5 người *Khuông* làm gì được ta. XI.22.

Khuyết (làng) XIV.45.

L.

Lâm Phỏng III.4, 6.

Liều Hạ Huệ XV.13, XVIII.2, 8.

Linh công (Vệ) XV.1.

Lỗ công (con Chu công) tức Bá Cầm XVIII.10.

Lỗ V.2, VI.22, IX.14, XIII.7.

M.

Mạnh Công Xước XIV.11.

Mạnh Chi Phản VI.13.

Mạnh Kính tử VIII.5

Mạnh Trang tử XIX.18.

Mạnh Võ Bá II.6, V.7.

Mạnh Ý tử II.5.

Miền (nhạc sư) mù XV.41.

N.

Nam tử VI.26.

Ninh Võ tử V.20.

NG.

Ngạo XIV.5.

Nghệ XIV.5.

Nghi Phong nhân III.24.

Nghiêu VI.28, VIII.19, XX.1.

Ngu Trọng XVIII.8.

Nguy XIV.11.

Nguyên Nhưõng XIV.44.

Nghi (áp) III.24.

* Ngu XIII.20

PH.

Phát Nhiều XVII.5.

Q.

Quân Trọng III.22, XIV.9, 16, 17.

Quý Khang tử II.20, VI.6, XI.6, 16, XII.17, 18, 19 vắn chính, XIV.19.

Quý thị (Quý Tôn) III.1, 2, 6, VI.7, XVI.1, XVIII.3.

Quý tử Nhiên XI.23.

Quý Văn tử V.19 tam tư nhi hậu hành.

Quý Hoàn tử XVIII.4.

S.

Soạn XIV.18.

Sở cuồng XVIII.5.

Sử Ngự XV.6.

T.

Tam gia hay Tam Hoàn (ba họ Mạnh, Quý, Thúc của Lỗ) III.2, XVI.3.

Tả Khâu Minh V.24.

Tang Võ Trọng XIV.12, 14.

Tắc XIV.5.

Tì Thầm XIV.8.

Tỉ Can XVIII.1.

Tổng Triều (công tử) VI.14.

Tử Phục Cảnh Bá XIV.36, XIX.23.

Tử Sản V.15 huệ, XIV.8, 9 ngoại giao, huệ.

Tử Tang Bá tử VI.1.

Tử Tây XIV.9.

Tử Văn V.18.

Tử Vũ XIV.8.

Tề VI.22, VII.13, XVIII.3, 4.

Tiết XIV.11.

Tống III.9.

TH.

Thang XII.22, XX.11.

Thế, Thúc XIV.8.

Thiếu Liên XVIII.8.

Thiệu Hốt XIV.16.

Thôi tử V.18.

Thuần VI.28, VIII.18, 19, 20, XII.22, XV.4, XX.1.

Thúc tôn Võ Thúc XIX.23, 24.

Thúc Tề (coi Bá Di).

Thúc Thị III.2.

Thạch môn XIV.39.

Thái Sơn III.6.

TR.

Trang tử (ở ấp Biện) XIV.12.

Trần Thành tử (tên Hằng) XIV.21.

Trần Văn tử V.18.

Triệu (họ) XIV.11.

Trọng Thúc Ngư XIV.19.

Trực Cung XIII.18.

Trường Thư XVIII.6.

Trần V.21, XI.2, XV.1.

Trâu (ấp) III.15.

Trịnh XIV.8 ngoại giao.

Trung Mâu XVII.7.

V.

Văn công (Tấn) XIV.15.

Văn vương VIII.20, IX.15.

Vi Sinh Cao V.23.

Vi Sinh Mẫu XIV.32.

Vi tử XVIII.1.

Võ vương (Chu) VIII.20, XX.1.

Vũ (Hạ) VIII.18, 21, XIV.5, XX.1.

Vương tôn Giả III.13, XIV.19.

Vệ VII.14, IX.14, XIII.3, 7, 9, XIV.19, 40, XV.1.

Võ Thành VI.12.

Vũ Vu XI.25, XII.21.

Y.

Y Doãn XII.22.

Ebook nguồn không “in ngã”, tôi tạm sửa lại. (Goldfish).

Số 15 này do tôi ghi thêm. (Goldfish).

Ebook nguồn chép là: XX.22, 23. (Goldfish).

NHỮNG CÂU THƯỜNG DẪN

I.

1. Hữu bằng tự viễn phương lai...

3. xảo ngôn lệnh sắc.

4. nhất nhật tam tĩnh ngô thân.

14. thực vô cầu bão...

16. bất hoạn nhân chi bất kỉ tri.

II.

1. vi chính dĩ đức, thí như Bắc thần...

2. tư vô tà

3. thập ngũ chí ư học...

11. ôn cổ tri tân

12. quân tử bất khí

15. học nhi bất tư tắc vãng...

17. Tri chi vi tri chi...

24. kiến nghĩa bất vi, vô dũng dã.

III.

1. thị khả nhẫn, thực bất khả nhẫn (bát dật)

4. lễ dữ kì xa ninh kiệm.

7. quân tử vô sở tranh, tất dã xạ hồ.

12. tế như tại.

13. hoạch tội ư thiên, vô sở cầu đảo.

14. Ngô tông Chu.

21. Kí vãng bất cữu.

IV.

8. triều văn đạo, tịch tử khả hĩ.

14. bất hoạn mạc tri kỉ.

15. ngô đạo nhất dĩ quán chi.

16. quân tử dụ ư nghĩa.

19. phụ mẫu tại, bất viễn du.

25. đức bất cô, tất hữu lân.

V.

9. hủ mộc bất khả điêu dã.

14. bất sỉ hạ vấn.

19. tam tư nhi hậu hành? Tái tư khả hĩ.

25. lão giả an chi.

VI.

19. trung nhân dĩ hĩ thượng khả hĩ ngữ thượng.

20. kính nhi viễn chi.

21. trí giả nhạo thủy...

23. cô bất cô...

28. kỉ dục lập nhi lập nhân năng cận thủ thí.

VII.

1. thuật nhi bất tác.

8. cử nhất ngưng bất dĩ tam ngưng phản.

11. tông ngô sở hiếu.

15. phú quý như phù vân.

16. gia ngã sở niên...

18. bất tri lão chi tương chí.

19. sinh nhi tri chi.

21. tam nhân hành tất hữu ngã sư.

34. Khâu chi đảo dã cửu dĩ hĩ.

36. quân tử thân đẳng đẳng.

VIII.

4. nhân chi tương tử, kì ngôn dã thiện.

9. dân khả sử do chi.

13. nguy bang bất nhập – bang vô đạo phú thả quý yên sĩ dã.

14. bất tại kì vị bất mưu kì chính.

IX.

4. Tử tuyệt tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã.

12. câu thiện giá nhi cô chư.

13. hà lậu chi hữu.

16. thế giả như tư phù.

17. vị kiến hiếu đức như hiếu sắc.

22. hậu sinh khả uly.

25. thất phu bất khả đoạt chí.

27. tri tùng bách chi hậu điều.

XI.

11. vị năng sự nhân yên năng sự qui.

14. thăng đường, vị nhập thất...

15. quá do bất cập.

XII.

2. kỉ sở bất dục, vật thi ư nhân.

5. tử sinh hữu mệnh – tứ hải chi nội giai huynh đệ.

7. dân vô tín bất lập.

8. tứ bất cập thiệt (như: nhất ngôn kí xuất tứ mã nan truy).

9. bách tín bất túc, quân thực dữ túc?

13. tất dã sử vô tụng hồ.

24. dĩ văn hữu hội, dĩ hữu phụ nhân.

XIII.

3. danh chính ngôn thuận.

15. nhất ngôn khả dĩ hưng bang.

17. dục tốc bất đạt, kiến tiều lợi...

23. hoà nhi bất đồng.

XIV.

33. kí bất xưng kì lực, xưng kì đức dã.

39. tri kì bất khả vi nhi vi chi.

XV.

1. quân tử cố cùng.
2. vô vi nhi trị.
7. thất nhân thất ngôn.
8. sát thân dĩ thành nhân.
11. vô viễn lự tất hữu cận ưu.
19. tạt một thể nhi danh bất xung.
23. kỉ sở bất dục.
26. tiểu bất nhẫn tất loạn đại mưu.
28. nhân năng hoảng đạo...
38. hữu giáo vô loại.
39. đạo bất đồng bất tương vi mưu.
40. từ đạt nhi dĩ hĩ.

XVI.

1. bất hoạn quả nhi hoạn bất quân – dục chi nhi tất vi chi từ.
7. lão giới chi tại đắc.
9. sinh nhi tri chi.
13. bất học Thi vô dĩ ngôn.

XVII.

1. nhật nguyệt thế hĩ, tuế bất ngã dư.
2. tính tương cận, tập tương viễn.
3. thượng trí, hạ ngu bất di.
4. cát kê, yên dụng ngưi đao.

14. vô sở bất chí.

19. thiên hà ngôn tai.

25. nữ tử nan dưỡng.

XVIII.

7. đạo chi bất hành dĩ tri chi hĩ.

8. vô khả vô bất khả.

10. vô cầu bị.

XIX.

20. quân tử ố cư hạ lưu.

25. quân tử nhất ngôn dĩ vi trí.

XX.

1. doãn chấp kì trung; vạn phương hữu tội, tội tại trẫm cung.

2. huệ nhi bất phí, lao nhi bất oán. Bất giáo nhi sát, vị chi ngược.

Đôi lời: Câu “(...) *Bất giáo nhi sát, vị chi ngược*” ở trên, theo ebook nguồn, là câu cuối cuốn *Luận ngữ* của cụ Nguyễn Hiến Lê.

Trong phần giới thiệu, cụ Nguyễn Hiến Lê bảo:

*“Trong cuốn **Cổ văn Trung Quốc** (Tao Đàn -1966), chúng tôi đã giới thiệu ba bài:*

I.1 Học nhi thời tập chi...

VII.14 Phu tử vị Vệ quân hồ?

XI.25 Khổng tử hỏi về chí hướng của một số môn sinh”.

Để tiện tham khảo, dưới tôi xin chép trọn tiết *Luận ngữ* trong cuốn *Cổ văn Trung Quốc* (các bạn có thể xem bài Tựa của cuốn này trong tập **8 bài tựa đặc ý** - tải tại trang).

Goldfish

LUẬN NGỮ

(Trích Cổ Văn Trung Quốc)

Văn học Trung Hoa tới thời Xuân Thu và Chiến Quốc đã phát triển rực rỡ, mà về số lượng và sự phong phú thì tản văn lần hẳn thơ.

Mới đầu tản văn chia làm hai phần: luận thuyết và sử truyện. Phần luận thuyết cũng gọi là phần “tản văn của chư tử”, gồm toàn những tác phẩm triết học, có giá trị rất lớn về tư tưởng, đôi khi cả về nghệ thuật nữa.

Tác phẩm đầu tiên là bộ *Luận ngữ*, do môn đệ của Khổng tử ghi chép những lời dạy bảo của thầy mà soạn thành. Nó mở đường cho thể “ngữ lục” đời sau.

Chúng tôi không chép lại tiểu sử của Khổng tử (551-479 trước TL) vì độc giả đều biết cả rồi, chỉ xin giới thiệu ít điểm đặc sắc trong bộ *Luận ngữ*.

Có lẽ môn đệ của Khổng tử mỗi lần nghe được một lời nào của thầy, thấy quan trọng thì ghi lại liền, rồi khi ngài mất mới gom góp lại chứ không sắp đặt theo đề mục, cho nên ta không thấy có một thứ tự nào cả về hệ thống tư tưởng; nhưng sự ghi chép đó rất đích xác, và các độc giả đời sau đều cho rằng chỉ có bộ đó là phát biểu được đúng học thuyết của ngài. Tuy nhiên hình như cũng có vài chỗ do người đời sau viết thêm, chẳng hạn như thiên *Hương Đảng*.

Nội dung của *Luận ngữ* rất là phong phú; bao quát cả triết học, chính trị, văn học, giáo dục..., tuy là văn kí sự mà có tính cách nghị luận; ý tưởng thì ôn hoà, thâm thúy mà hàm súc; giọng thì nghiêm trang mà vẫn thân mật, tự nhiên, đúng là lời trò chuyện giữa thầy trò.

Văn rất cô: một phần vì thời đó phải khắc vào thẻ tre, rất bất tiện, nên lời ghi chép cần thật gọn, nhiều chỗ ta phải suy nghĩ mới tìm thấy mạch lạc tư tưởng. Chẳng hạn đoạn ở đầu sách:

“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ? Nhân bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân tử hồ?”

Muốn cho rõ và đủ nghĩa thì chúng ta phải dịch ra như vậy:

“Học mà mỗi buổi mỗi tập, cũng chẳng thoả thích ư? Khi học đã tấn tới rồi, có những bạn cùng chí hướng với mình, ở xa nghe tiếng mình mà tìm lại để bàn bạc với nhau về đạo lý, khuyến khích lẫn nhau, sửa đổi lẫn nhau, chẳng cũng vui vẻ ư? Nhưng nếu không ai biết tới mình, thì mình cũng không hờn giận, (vì mình học để cầu đạo chứ không phải để cầu danh), như vậy mới là quân tử”.

Ta thấy ý nghĩa của ba câu liên lạc chặt chẽ với nhau và sắp theo thứ tự tự nhiên, câu đầu vạch bước đầu của người học đạo; câu thứ nhì xét về những người đã tiến khá khá trên đường đạo; câu cuối xét về những người đã đạt một trình độ rất cao trong sự tu dưỡng.

Đại loại văn trong *Luận ngữ* thâm trầm như vậy, càng suy càng thấy hứng thú. Ngoài ra lại có những đoạn có giọng phóng thích như đoạn Quý Lộ hỏi về quỷ thần (chương *Tiên Tiên*); những câu nhiều thú vị như: *“Tuế hàn nhiên hậu tri tòng bách chi hậu điều dã”*, những câu cảm xúc

triền miên như: “*Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ!*”.

Tóm lại, về hai phương diện tư tưởng và nghệ thuật, *Luận ngữ* được mọi thời công nhận là một tác phẩm bất hủ làm vẻ vang cho dân tộc Trung Quốc.

Dưới đây chúng tôi sẽ giới thiệu hai đoạn, một đoạn cực kỳ hàm súc; một đoạn tả tính tình, chỉ hướng các nhân vật một cách rất linh động, đời sau khó có ai viết hơn được.

冉有曰：“夫子為衛君乎？”子貢曰：“諾，吾將問之。”入曰：“伯夷，齊何人也？”曰：“古之賢人也。”曰：“怨乎？”曰：“求仁而得仁，何怨。”出曰：“夫子不為也。”

Nhiễm Hữu viết: “Phu tử vị Vệ quân hồ?” Tử Cống viết: “Nặc, ngô tương vấn chi”. Nhập viết: “Bá Di, Thúc Tề, hà nhân dã. Viết: “Cổ chi hiền nhân dã”. Viết: “Oán hồ?” Viết: “Cầu nhân nhi đắc nhân, hựu hà oán? Xuất viết: “Phu tử bất vị dã”.

Khổng tử lúc đó đương ở nước Vệ mà vua nước Vệ bất hiếu, cướp ngôi của cha trong khi cha tị loạn ra nước ngoài; rồi khi cha về, đem quân ra cự cha. Nhiễm Hữu và Tử Cống, hai môn đệ của Khổng tử, nghi thầy có ý bênh vực vua Vệ chăng, cho nên Nhiễm Hữu hỏi Tử Cống: “Thầy có vị vua Vệ không?” và Tử Cống đáp: “Ừ, chính tôi cũng định hỏi thầy về việc ấy”.

Rồi Tử Cống vào hỏi. Nhưng không hỏi thẳng về việc vua Vệ, như vậy Khổng tử sẽ khó trả lời; theo đạo lý thì không thể nào bênh vực vua Vệ được, mà theo phép xử thế, đương làm khách ở Vệ thì không thể bài xích vua Vệ; cho nên Tử Cống đem việc Bá Di, Thúc Tề ra hỏi.

Bá Di, Thúc Tề là hai anh em ruột, con vua nước Cô Trúc ở cuối đời Thương, đầu đời Chu. Bá Di là anh cả, Thúc Tề là em út. Vua Cô Trúc yêu Thúc Tề, lập di ngôn cho Thúc Tề nối ngôi. Quốc dân theo di mệnh, lập Thúc Tề, Thúc Tề không chịu, nhường lại Bá Di cho phải lẽ. Bá Di cũng không chịu, nhường lại cho Thúc Tề để tuân lệnh cha. Không ai chịu nhận rồi trốn cả vào núi, quốc dân phải lập người con giữa.

Vậy hai người đó lấy nghĩa làm trọng, trái hẳn với vua Vệ. Nếu Khổng tử khen Bá Di, Thúc Tề, tức thị là chê vua Vệ rồi. Tử Cống nghĩ vậy rồi vô hỏi:

- Thưa thầy, Bá Di, Thúc Tề là người ra sao?

Đáp:

- Là người hiền đời xưa.

Tử Cống chưa hiểu rõ, hỏi thêm:

- Hai ông ấy sau khi nhường ngôi, trốn vào núi, có ân hận gì không?

Đáp:

- Hai ông ấy cầu được vẹn chữ nhân và quả nhiên làm được điều nhân thì còn ân hận gì nữa?

Thầy thầy khen Bá Di, Thúc Tề, biết rằng tất cả vua Vệ, Tử Cống trở ra đáp Nhiễm Hữu:

- Không, thầy chẳng vị vua Vệ đâu.

Quả nhiên, sau thầy trò Không tử bỏ nước Vệ mà đi.

Dịch sát ra thì như vậy:

Nhiễm Hữu hỏi: “Thầy chúng ta có vị vua Vệ không?”. Tử Cống đáp: “Ừ, tôi cũng có ý hỏi thầy về việc đó”. Rồi vô hỏi Không tử: “Thưa thầy, Bá Di, Thúc Tề là người ra sao?”. Đáp: “Là người hiền đời xưa”. Lại hỏi: “Hai ông ấy có ân hận gì không?”. Đáp: “Cầu nhân mà được nhân thì còn ân hận gì nữa?”. Tử Cống trở ra bảo Nhiễm Hữu: “Thầy không vị vua Vệ đâu”.

Phê bình đoạn ấy, Phan Bội Châu viết:

“Bài này chẳng những đạo lý hay mà bút pháp nhà chép sách lại cực kỳ tinh diệu. Câu đứng đầu là: “Phu tử vị Vệ quân hồ?”, câu dưới là: “Phu tử bất vị dã” mà chính khoảng giữa không một chữ nào dây dướng gì đến Vệ quân cả. Một bên hỏi, một bên trả lời, rất là ý tứ ở ngoài tiếng nói”.

(Không học đặng – Anh Minh xuất bản)

Đoạn dưới đây dài hơn mà cũng là đoạn chúng tôi thích nhất trong *Luận ngữ*, về phương diện văn học.

子路、曾皙、冉有、公西華侍坐。子^①： “以吾一日長乎爾，毋吾以也。居^②
^③曰： „不吾知也！’如或知爾，則何^④哉？”子路率爾而對曰： “千乘之國^⑤
^⑥攝乎大國之間，加之以師旅，因之以飢饉，由也為之，比及三年，可使有^⑦
，且知方也。”夫子哂之。“求，爾^⑧如？”對曰： “方六七十，如五六十，求也
為之，比及三年，可使足民。^⑨其禮樂，以俟君子。”“赤，爾何如^⑩”對曰： “
非曰能之，願學焉。宗廟之事，如會同，端章甫，願為小相焉
^⑪”“點，爾何如？”鼓瑟希，鏗爾，^⑫瑟而作，對曰： “異乎三子者之撰
。”子曰： “何傷乎？亦各言其志也。^⑬曰： “莫春者，春服既成，冠者五六^⑭
^⑮，童子六七人，浴乎沂，風乎舞雩，詠而歸。”夫子喟然嘆曰： “吾與點^⑯
^⑰！”

Tử Lộ, Tăng Tích, Nhiễm Hữu, Công Tây Hoa thị tọa. Tử viết: “Dĩ ngô nhất nhật trưởng hồ nhĩ, vô ngô dĩ dã. Cự tắc viết: “Bất ngô tri dã”. Như hoặc tri nhĩ, tắc hà dĩ tai?”.

Tử Lộ suất nhĩ nhi đối viết: “Thiên thặng chi quốc, nhiếp hồ đại quốc chi gian, gia chi dĩ sư lữ, nhân chi dĩ cơ cận, Do dã vi chi, bí cập tam niên, khả sử hữu đồng, thả tri phương dã”.

Phu tử sấn chi. “Cầu, nhĩ hà như?”.

Đôi viết: “Phương lục thất thập, như ngũ lục thập, Cầu đã vi chi, bí cập tam niên, khả sử túc dân. Như kỳ lễ nhạc dĩ sĩ quân tử”.

- “Xích, nhĩ hà như?”.

Đôi viết: “Phi viết năng chi, nguyện học yên. Tôn miếu chi sự, như hội đồng, đoan, chương phủ, nguyện vi tiểu tướng yên”.

- “Điểm, nhĩ hà như?”.

Cổ sắt hy, khanh nhĩ, xá sắt nhi tác, đôi viết: “Dị hồ tam tử giả chi soạn”.

Tử viết: “Hà thương hồ? Diệc các ngôn kỳ chí dã”.

Viết: “Mộ xuân giả, xuân phục ký thành, quán giả ngũ lục nhân, đồng tử lục thất nhân, dục hồ Nghi, phong hồ Vũ Vu, vịnh nhi quy”.

Phu tử vị nhiên thán viết: “Ngô dữ Điểm dã”.

DỊCH NGHĨA

Tử Lộ, Tăng Tích, Nhiễm Hữu và Công Tây Hoa ngồi hầu ngài. Ngài bảo: “Các anh cho rằng ta có lớn hơn các anh một ngày mà ngại, nhưng đừng ngại gì cả. Ở nhà, các anh thường nói: “Chẳng ai biết ta”. Nếu có người biết thì các anh đem tài năng gì ra dùng?”.

Tử Lộ vội vàng đáp: “Vị như một nước có một ngàn cỗ xe, bị ép giữa hai nước, lại thêm có nạn chiến tranh, nhân đó dân chúng đói khổ; Do tôi mà cầm quyền chính trị nước ấy thì vừa đầy ba năm, có thể khiến cho dân chúng đừng cảm mà lại biết đạo lý nữa”.

Ngài mỉm cười. Rồi hỏi: “Cầu, còn anh thì thế nào?”

Đáp: “Như có một nước vương vực sáu, bảy chục dặm hoặc năm sáu chục dặm, Cầu tôi cầm quyền chính trị nước ấy thì vừa đầy ba năm có thể khiến cho dân chúng được no đủ. Còn về lễ nhạc thì xin đợi bậc quân tử”.

- “Xích, còn anh thì thế nào?”.

Đáp: “Về lễ nhạc, tôi không phải giỏi song xin được học. Trong việc tế tự ở tôn miếu, hay trong hội nghị của các chư hầu, Xích tôi mặc áo lễ huyền đoan, đội mũ chương phủ mà xin làm một tiểu tướng”.

- “Điểm, còn anh thì thế nào?”.

Lúc đó Tăng Tích gẩy đàn sắt vừa ngót, đặt đàn xuống, nghe reng một tiếng, mà đứng dậy, đáp:

“Chỉ của tôi khác hẳn với ba anh đó”.

Ngài bảo: *“Hại gì? Cũng là ai nấy tỏ chí của mình ra mà thôi”.*

Thưa rằng: “Như bây giờ là tháng cuối xuân, y phục mùa xuân đã may xong, năm sáu người vừa tuổi đôi mươi, với sáu bảy đồng tử dắt nhau đi tắm ở sông Nghi rồi lên hứng mát ở nền Vũ Vu, vừa đi vừa hát, kéo nhau về nhà”.

Khổng tử ngẫm một chút rồi than: “Ta cũng muốn như Diễm vậy”.

- Chỉ có một trang giấy mà tả rõ tính tình, chí hướng cùng sự tu dưỡng của năm nhân vật, lại vén cho thấy một cảnh trời xuân, có suối trong gió mát, tiếng đàn tiếng hát.

Tính tình Khổng tử hoà nhã mà thân mật: chỉ mỉm cười chứ không trách Tử Lộ. Đọc bộ *Luận ngữ* ta có cảm tưởng như lúc nào ngài cũng đau đầu lo việc nhân quần, tới đoạn này ta mới thấy ngài cũng có lúc ưa cảnh thanh nhàn, và như vậy ta càng mến ngài; ngài rất gần chúng ta, không cực đoan như Mặc Tử hay Trang Tử, đã đạt tới cái mức quân bình trong tâm hồn, đạt được cái đạo trung dung trong phép xử thế.

Tử Lộ có chí làm một vị tướng, tính tình nóng nảy là phải (hai chữ “suất nhĩ” rất có ý nghĩa), lời lẽ tự phụ, nên Khổng tử nghe xong mỉm cười.

Nhiễm Cầu muốn làm một nhà kinh tế, còn Công Tây Hoa muốn làm một nhà lễ nhạc, đều nhũn hơn Tử Lộ.

Tác giả chú trọng nhất vào đoạn tả Tăng Tích: ung dung mà lễ độ. Từ đầu câu chuyện, Tăng Tích vẫn khoan thai bấm nhẹ cây đàn, nghe thầy hỏi mới đặt cây đàn xuống, (hai chữ “khanh nhĩ” thật linh động), rồi đứng dậy đáp, nhưng không đáp ngay câu hỏi, còn rào đón trước đã: “Chỉ của con khác ba anh đó”. Lời lẽ của Tăng lại văn hoa: cảnh dắt nhau đi tắm và hứng mát, như một bức hoạ vui tươi mà sáng sủa. Cái vui đó, duy bậc đạt quan mới biết hưởng, nên chính Khổng tử cũng biểu đồng tình, rồi liên tưởng đến đời bốn ba của mình mà hơi buồn.

Phan Bội Châu, trong *Khổng học đăng*, đã phân tích ý nghĩa triết học của đoạn đó; chúng tôi không đồng ý hẳn với Cụ, nhưng cũng xin chép lại dưới đây vì lối giảng của cụ có chỗ mới mẻ. Cụ viết:

“Học giả đọc chương (...) này, ngẫm nghĩ cho sâu, thiết có thú vị. Chỉ thầy Tử Lộ làm một nhà tri binh; chỉ thầy Nhiễm Cầu làm một nhà lý tài; chỉ thầy Công Tây Hoa làm một nhà lễ nhạc, thầy là chăm về đường thực dụng, đức Khổng tử há không phải lấy làm hay đâu! Nhưng vì sao ngài biểu đồng tình với thầy Tăng Tích? Mà chỉ thầy Tăng Diễm có gì lạ đâu! Vì sao đức Thánh lại nói rằng: “Ngô dũ Diễm dã?”.

“Cắt nghĩa bài này in như bài học triết lý. Nói rằng “một xuân giả” là theo về lý tự nhiên của trời; “Quán giả ngũ lục nhân, đồng tử lục thất nhân” là theo về lối tự nhiên của người; “dục hồ Nghi, phong hồ Vũ Vu” là theo lối tự nhiên của đất. Dục rồi phong, phong rồi vịnh, vịnh rồi quy, chỉ là thuận theo cái lý tự nhiên mà phát triển tinh thần khoái lạc của mình. Chỉ nghe trên lời nói,

thật là bình thường, mà dò tìm cho đến ý tứ tinh thần, thời bảo rằng tâm lý in như trời đất, cũng không phải quá đáng, nên đức Khổng tử chỉ biểu đồng tình với thầy Tăng Điểm”.

Cụ Phan suốt đời hy sinh chiến đấu cho tự do và bình đẳng trong đời cách mạng cũng như trong việc trứ tác, thật đáng cho ta khâm phục.

Tăng Tích là cha của Tăng Sâm (Tăng tử), cả hai đều là người hiền, nổi tiếng nhất là Tăng Sâm.

Lời nói nhũn. Trong số môn đệ đó, Tăng Tích chắc không nhỏ tuổi hơn Khổng tử bao nhiêu.

Ý nói: có tài mà không được dùng.

Các chư hầu thời đó chỉ được phép có ngàn cỗ chiến xa; Thiên Tử mới được có vạn cỗ.

Tức Nhiễm Hữu.

Tức là một nước rất nhỏ.

Nghĩa là bực tài giỏi hơn mình.

Tức Công Tây Hoa.

Áo Huyền đoan là lễ phục rộng, dài, màu huyền; chương phủ là mũ lễ của sĩ và đại phu. (Phan Bội Châu cho đoan là mũ miện của vua chư hầu và dịch là: có người đội mũ miện, đội mũ chương phủ thì Xích tôi xin làm một tiểu tướng).

Tướng là chức quan nhỏ coi việc lễ. Tiểu tướng là một vị tướng nhỏ.

Tức Tăng Tích.

Nguyên văn: quán giả, nghĩa là người tới tuổi làm lễ đội mũ (lễ gia quan): thanh niên tới 20 tuổi thì làm lễ đó.

Đồng tử là đứa trẻ con.

Nghi là tên một con sông ở Lỗ - Vũ Vu là một cái đàn để tế, nơi đó cao, trông nên mát mẻ.

Các post ở trên còn khá nhiều lỗi. Tôi đang đọc lại và sửa chữa thêm trước khi làm ebook dạng .prc. Trong khi chờ đợi, xin mời các bạn đọc đoạn sau đây trong cuốn “Nhà giáo họ Khổng” (tôi chép lại từ trang).

*Để tìm kiếm một bài trong cuốn **Luận ngữ** tương ứng với bài đó trong cuốn **Nhà giáo họ Khổng** (ví dụ bài Thuật nhi – 30), chúng ta nên đổi tên chương thành số thứ tự của chương đó (tức, theo ví dụ trên, thành: VII.30) vì trong ebook **Luận ngữ**, trước tên mỗi bài tôi đã ghi thêm số thứ tự của chương theo bảng kê sau đây:*

I. Học nhi, II. Vi chính, III. Bát dật, IV. Lí nhân, V. Công dã Tràng, VI. Ung dã, VII. Thuật nhi, VIII. Thái Bá, IX. Tử hân, X. Hương đăng, XI. Tiên tiến, XII. Nhan Uyên, XIII. Tử Lộ, XIV. Hiến văn, XV. Vệ Linh Công, XVI. Quý thị, XVII. Dương Hoá, XVIII. Vi tử, XIX. Tử Trương, XX. Nghiêu viết.

*Còn số thứ tự của bài có thể lớn hơn hay nhỏ hơn một chút vì trong cuốn **Luận ngữ**, có thiên cụ Nguyễn Hiến Lê đã “chia bài” lại. (Goldfish).*

NHÀ GIÁO HỌ KHÔNG

Tác giả: Nguyễn Hiến Lê

(...)

Ông khiêm tốn lại tể nhị. Vua Chiêu Công nước Lỗ cưới một thiếu nữ nước Ngô cùng họ, như vậy là trái lễ. Quan tư bại (cũng như thượng thư bộ hình) có ý chê Chiêu Công, hỏi Không tử:

- Vua Chiêu Công biết lễ không?

Ông đáp:

- Biết.

Rồi lui vào nhà trong.

Quan tư bại lại gần Vu Mã Kì, một môn đệ của Không tử, bảo:

- Tôi nghe nói người quân tử không thiên vị; thì ra người quân tử [trò Không tử] cũng thiên vị ư?

Vu Mã Kì đem lời ấy kể lại với thầy, Không tử chỉ đáp:

- Khâu này thật may mắn; nếu có lỗi điều gì thì mọi người đều biết (Thuật nhi – 30).

Ông cũng biết rằng vua Chiêu Công làm một việc trái lễ, nhưng không nở chê vua của mình trước mặt người khác; sẵn lòng nhận lời trách của quan tư bại, chứ không cãi, mà còn tỏ ý mang ơn quan tư bại đã vạch lỗi của mình nữa. Phải là bậc đại hiền mới có thái độ như vậy được.

Tư cách của ông thật cao hơn chúng ta nhiều quá, mà ông lại gần gũi với chúng ta, rất tự nhiên, giản dị, ghét bọn “xảo ngôn lệnh sắc”, nói thì cốt người ta hiểu mình là đủ, (*từ đạt nhi dĩ hĩ*), không màu mè tô chuốt. Trong một đoạn sau, chúng ta sẽ thấy lối sống giản dị, thân mật của ông với các môn sinh.

Ông lạc quan, vui tính. Một hôm Diệp Công hỏi Tử Lộ về ông. Tử Lộ không biết đáp sao, về thưa lại với ông. Ông bảo : “Tại sao anh không đáp như vậy: Thầy tôi là một người ham tìm hiểu điều gì thì quên ăn, vui đạo mà quên các nỗi buồn, không thấy tuổi già nó tới? (Thuật nhi – 18).

Ông có tình thương của con người nên rất gần chúng ta. Khi một người họ Diệp bảo ông: “Bọn tôi – hoặc xóm tôi – có những người ngay thẳng rất mực: hễ cha ăn cắp cừu thì con khai thật”, ông đáp: “Bọn tôi – hoặc xóm tôi – người ngay thẳng cư xử khác vậy: cha che lỗi cho con, con che lỗi cho cha, như vậy là ngay thẳng”. (Tử Lộ - 18).

Một lần khác ông mắng Nguyên Nhược, một người quen từ lâu: “Hồi trẻ không biết kính người trên, lớn lên chẳng làm được điều gì đáng khen; già mà chẳng chết đi cho rồi, như vậy sống chỉ phá hoại thôi”, rồi ông cầm gậy gõ vào ống chân của Nguyên Nhược. (Hiển vấn – 46). Rõ là cử chỉ, ngôn ngữ của những ông già ta thường thấy chung quanh ta; ông đâu có vẻ trịnh trọng như các cụ đồ nho tưởng.

Hai truyện dưới đây cho ta thấy, nếu cần, ông cũng biết dùng “thủ đoạn”.

Nhữ Bi có một lỗi gì nặng, muốn yết kiến ông, ông từ chối, sai người ra bảo rằng ông đau không tiếp được. Người này vừa mới bước ra, ông cầm cây đàn sắt lên, vừa đàn vừa ca, chủ ý cho Nhữ Bi biết. (Dương Hoá – 19).

Lần khác, Dương Hoá, một kẻ gian thần mà ông vốn ghét, muốn ông đến thăm hắn, nhưng ông không đến. Hắn bèn sai gia nhân đem tặng một con heo luộc. Theo lễ, ông phải đến cảm ơn, nhưng ông rình lúc Dương Hoá không có ở nhà mới tới. (Dương Hoá – 1).

Ông có tâm hồn nghệ sĩ, hồi ở nước Tề, ham mê học nhạc Thiệu tới nỗi luôn ba tháng không biết mùi thịt, và bảo: “Thật không ngờ nhạc của vua Thuấn lại tận thiện tận mỹ đến thế!”. (Thuật nhi – 13).

Như mọi nghệ sĩ, ông rất đa cảm: ở nhà người có tang thì buồn rầu, ăn không bao giờ no; ngày nào đi điều ai thì hôm đó không đàn ca. (Thuật nhi – 9) – Khi Nhan Hối (môn đệ được ông yêu nhất) chết, ông khóc nức nở, tới nỗi các người chung quanh phải ngạc nhiên.

Dễ thương nhất là bậc “vạn thế sư biểu” ta tưởng rất mực đạo mạo, lại có tinh thần hài hước hơn hết thầy các triết gia khác đời Xuân Thu và Chiến Quốc.

Trong đời ông bốn ba khắp các nước chư hầu, có lần môn đệ thất vọng quá, ông bảo: “Thầy trò mình chẳng phải trâu, cạp mà lang thang trong đồng hoang như vậy. Đạo của thầy sai chăng? Sao mà mình phải gặp cảnh đó?”

Lần khác, thầy trò lạc nhau. Tử Cống đi tìm ông. Một người dân thấy ông, bảo Tử Cống: “Tôi mới thấy một người đứng ở cửa Đông, trán như vua Nghiêu, cổ như cổ ông Cao Dao, thấp người như vua Vũ (?), coi có vẻ thảm hại như con chó hoang vậy”. Khi thầy trò gặp nhau rồi, Tử Cống kể lại lời đó, Không tử mỉm cười bảo: “Người đó tả hình dáng của ta không biết có đúng không, nhưng cái vẻ thảm hại như con chó hoang thì đúng lắm”.

Thầy trò ông vẫn thường thân mật nói đùa với nhau như vậy. Một hôm ông bảo Nhan Hối (?): “Nếu anh giàu có thì thầy muốn làm quan gia cho anh”.

Lần khác ông bảo: “Nếu muốn làm giàu mà được thì làm tên cầm roi đánh xe hầu người ta, ta cũng làm”. (Thuật nhi – 11).

Đọc *Luận ngữ*, thỉnh thoảng gặp những bài ông tự mỉa hoặc nói đùa với môn đệ như vậy, chúng ta mỉm cười, tưởng ông như đồng thời với chúng ta, ở trong đám người chung quanh ta, không có chút gì cách biệt với ta cả.

Tóm lại ông vừa là một học giả, một triết nhân, vừa là một nghệ sĩ giản dị, tự nhiên.

Nhũ Bi: chữ Hán là 孺悲, trong cuốn *Luận ngữ*, bài XVII.20, cụ Nguyễn Hiến Lê phiên âm là Nhụ Bỉ. (Goldfish).

Coi chú thích sau. [Trong cuốn *Khổng tử* có đoạn: “Theo Tư Mã Thiên (...) Khổng tử kêu Tử Lộ lại bảo: *Kinh Thi* có câu: “Chẳng phải con tê ngư, chẳng phải con hồ mà lang thang ở đồng vắng” (Ông nghĩ tới cảnh của thầy trò lúc đó). Đạo của ta sai chẳng, mà sao ta phải gặp cảnh này?”. (Goldfish).

Xin so sánh với đoạn sau đây trong cuốn *Khổng tử*: “Trong khi ông đứng một mình ở cửa Đông, có người trong thấy, đi báo cho Tử Cống: “Ở cửa Đông, có một người trán giống vua Nghiêu, cổ giống Cao Dao, vai giống Tử Sản, nhưng từ lưng trở xuống thì kém vua Vũ ba tấc, có vẻ bần khổ lo lắng như con chó nhà có tang”. Tử Cống lại cửa Đông kiểm thầy, kể lại chuyện đó. Khổng tử bảo: “Hình dáng ta người nào đó tả không biết có đúng không, nhưng bảo ta giống con chó nhà có tang thì đúng quá”. (Truyện này không thấy chép trong *Luận Ngữ*). (Goldfish).

Ba truyện này tôi nhớ chừng.